English Section Page 45

NĂM THỨ SÁU • # 57 • JANUARY 1994

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

LÊ MẠNH HÙNG

TRUNG QUỐC: ĐÔNG PHƯƠNG KHÔNG CÒN HỒNG NỮA

TRẦN CÔNG SUNG

TRÍ THỨC, ÔNG Ở ĐÂU

THANH NGUYỄN

Ở ĐỊA NGỤC MÀU TRỜI VẪN XANH

Nhà xuất bản và phát hành

THẾ KỶ

hân hạnh giới thiệu

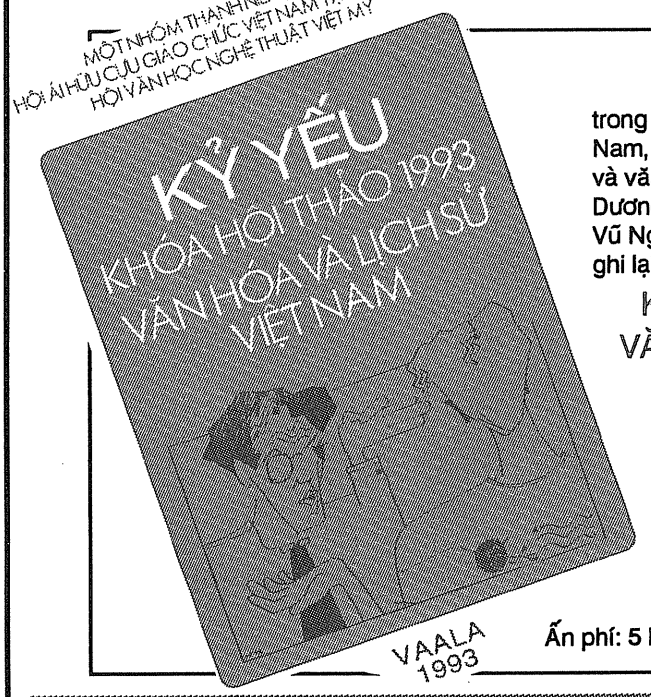

Những gì đã được thuyết trình và thảo luận trong Khóa Hội Thảo về Văn Hóa và Lịch Sử Việt Nam, với các thuyết trình viên gồm các giáo sư và văn nghệ sĩ: Lưu Trung Khảo, Phạm Cao Dương, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, Vũ Ngọc Mai, Nguyễn Văn Châu, v.v... đã được ghi lại đầy đủ trong cuốn

KỶ YẾU KHÓA HỘI THẢO 1993
VĂN HÓA VÀ LỊCH SỬ VIỆT NAM

- Các bạn đã tham dự khóa Hội Thảo
- Các bạn có tham dự nhưng không theo đầy đủ các buổi thuyết giảng
- Tất cả quý vị muốn có một tài liệu gọn gàng về Lịch Sử và Văn Hóa Việt Nam

CẦN PHẢI CÓ CUỐN KỶ YẾU NÀY

Ấn phí: 5 Mỹ kim.

Lối Cũ
Chẳng Sao Quên

Ký của BÍCH HUYỀN

LE'S MEDIA xuất bản
Giá $12.00

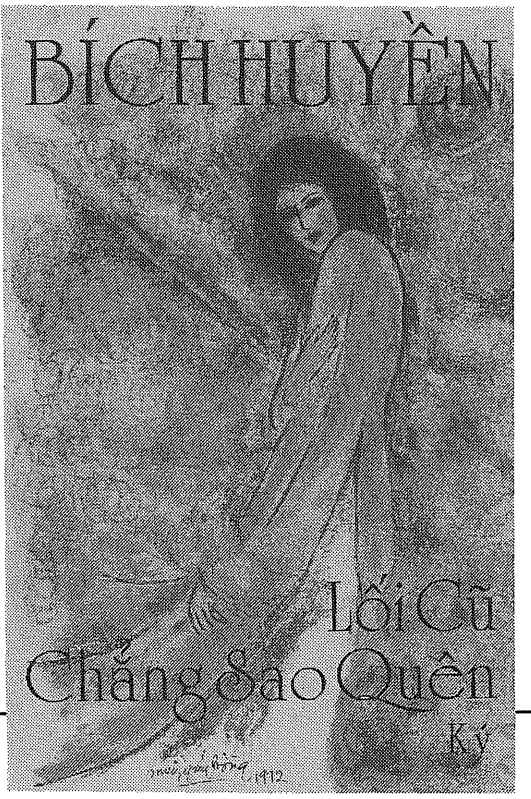

Liên lạc:
THẾ KỶ
P.O. Box 2054 H39
Westminster, CA 92684

Trung Tâm Hải Âu xin hân hạnh giới thiệu những băng nhạc, CD mới nhất của mùa Xuân mới:

Tiếng hát Randy 2

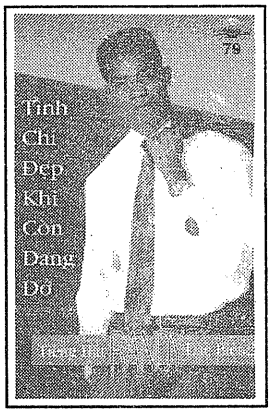

Hợp Khúc Tình Yêu 3
Mỹ Huyền - Chung Tử Lưu - Khả Tú

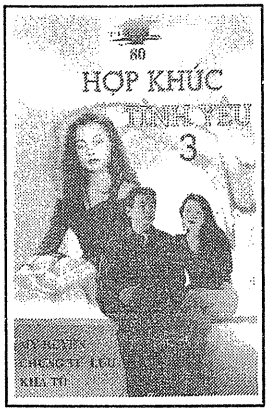

Đặc biệt giới thiệu giọng ca vừa đoạt giải Hải Âu Star Search 93 Ngô Khả Tú

Mỹ Huyền Đặc Biệt 5
Tình khúc Trúng Vương, Gia Long, Đồng Khánh

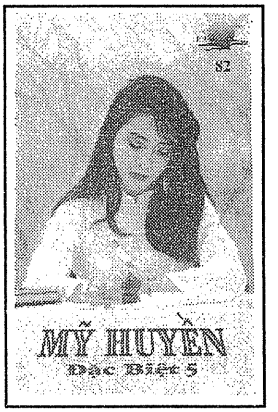

Hát Cho Tình Yêu 2
Tiếng hát Jonno & Katie

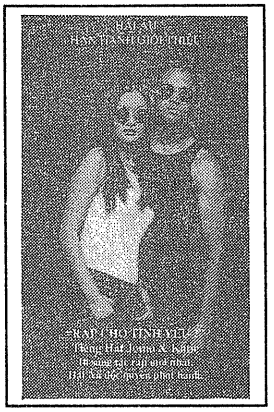

Hát Cho Tình Yêu
Randy Quốc Việt Jenny Trang

Cô Đông 7
Kenny In Hong Kong 2

DẤU CHÂN NGƯỜI TÌNH
Tiếng hát Don Ho Giáng Ngọc

Nhạc Tình Guitar 1
Tình Yêu Trả Lại Trăng Sao

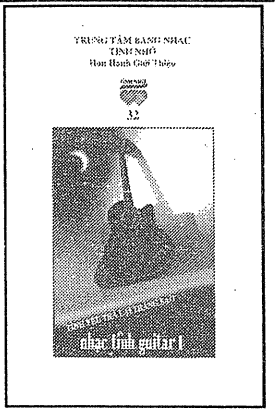

Nhạc Khiêu Vũ
Rumba, Chachs, Tango, New Wave

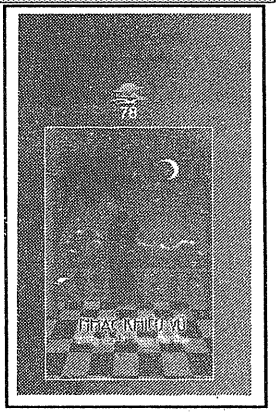

Đã phát hành:
Laser Disc Hải Âu từ số 1 đến số 12
Laser Disce Tình Nhớ từ số 1 đến số 6

HẢI ÂU MUSIC PRODUCTION
(714) 531-8119
9842 Bolsa # 103,
Westminster CA 92683

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St.,
Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

Tranh bìa: *Nguyễn Thị Hợp*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Đinh Cường*
Hí họa: *Vẹt, Babui, Hiếu, Thái*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

SỐ 57 • THÁNG GIÊNG 1994

THỜI SỰ

* Chủ nợ gặp con nợ tại Paris (*Bửu Sao*) 7
* Trung Quốc: Đông Phương không còn hồng nữa (*Lê Mạnh Hùng*) 13
* Từ NAFTA đến GATT (*Vũ Ánh*) 90
* Thư Paris (*Trần Công Sung*) 23

KHOA HỌC

* Nguyên lý bất định trong vũ trụ (*Sơn Điền NVK*) 27
* Thị trường dầu khí Việt Nam (*Phan Như Huyên*) 30
* Luận bàn chuyện nước (*Trịnh Hảo Tâm*) 72

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

* Những bước chuyển biến trong giới hội họa trẻ tại Việt Nam (*Nhất Uyên*) 32
* Đại Hội Văn Bút Quốc Tế kỳ 60 (*Tường Lam*) 20
* Chuyện trò với Phan Nhật Nam (*Hoàng Khởi Phong*) 35
* Kẻ sĩ Bắc Hà thời nay (*Nguyên Vũ*) 57
* Bàn tròn văn học: Tại sao bạn viết văn? (*TK21*) 59
* Giã từ quá khứ (*Chu Việt*) 61
* Đọc sách: Tìm thơ trong tiếng nói (*Nguyễn Nguyên Thanh*) 64
* Truyện: Húy Nhật (*Hồ Đình Nghiêm*) 66
* Truyện: Ở địa ngục trời vẫn xanh (*Thanh Nguyễn*) 71
* Vòng chân trời văn học nghệ thuật (*Lê Tam Ca*) 90
* Sách báo trong tháng (*Lê Tam Ca*) 92

THƠ:

* Em đi để gió vô thường bay qua (*Huỳnh Liễu Ngạn*) 68
* Tiếng hát loài chim lạ (*Duy Lam*) 70
* Hoàng hôn bên ghềnh biển vắng (*Nhất Uyên*) 81
* Kể, qua PVC (*Lưu Hy Lạc*) 84
* Trên mây, bụi và rác (*Hoàng Xuân Sơn*) 84

MỤC THƯỜNG XUYÊN

* Bạn đọc viết 3
* Tòa soạn và bạn đọc 4

ANH NGỮ/ENGLISH SECTION

* The Challenge of translating Vietnamese (*Bruce Weigl*) 45
* From Madam Butterfly... (*Wendy Duong*) 47

Bị chọc, ra văn

Ngôn ngữ có sức truyền đạt đa dạng, đặc biệt trong lời nói. Cùng một nội dung mà người nghe sẽ vui thích, hài lòng hay giận dữ tùy theo cách nói, cách diễn tả, cách nhấn giọng và thái độ của người nói. Trái lại, trong văn viết rất dễ gây hiểu lầm vì người đọc đôi khi hiểu sai ý của người viết.

Hồi còn nhỏ tôi ưa xí xọn, bày đặt thơ... thẩn nên bị các chú và các anh chị tôi chọc quê hoài thành ra bị ám ảnh. Tôi nhớ có lần ông anh tôi tình cờ tìm thấy mấy bài luận và mấy bài thơ con cóc của tôi để trên bàn, mặt mày ông ấy hớn hở, hí hửng như khi Kha Luân Bố tìm ra Châu Mỹ. Rồi ông ấy vừa sang sảng đọc, vừa bình pha giọng tếu, khiến cả nhà tôi ôm bụng cười lăn lộn. Tôi vừa tức, vừa xấu hổ (...).

Nguyệt Trì
(San Jose, CA)

Khen cũng có thể kích thích, chê có thể giúp mình mài giũa, nhưng... chọc quê thì nhất định phải viết tới nơi tới chốn, cho đỡ tức!

Đọc kỹ, thấy hay

Thân gởi Anh An,

Tôi đã nhận được hai kỳ báo *Thế Kỷ*.

Kỳ đầu, nhận được báo, tôi không rõ tại sao lại có. Đọc kỹ kỳ báo sau, tôi mới được biết là báo do anh đã mua tặng cho tôi. Xin cảm ơn anh rất nhiều.

Trước đây, tôi biết có tờ *Thế Kỷ*, nhưng chưa đọc. Nay có dịp đọc kỹ, tôi mới nhận thấy báo trình bày đẹp, trang nhã, nhiều bài viết rất hay, và cũng rất thực tế. Có dịp, anh chuyển lời khen của tôi đến anh em chủ trương tờ *Thế Kỷ*.

Phạm Cao Củng
(Plymouth FL)

Tòa soạn cám ơn thân hữu Nguyễn Đức An đã đem đến cho Thế Kỷ 21 *một độc giả đặc biệt, là nhà văn Phạm Cao Củng. Và xin cám ơn cụ Phạm — những lời khen của cụ là những khích lệ quý giá.*

Nhân chứng hay nạn nhân

Trong tư thế người cầm bút ở hải ngoại hiện nay, liệu chúng ta có nên đặt lại hay tìm lại vị trí của mình: là những *nhân chứng* của một giai đoạn lịch sử... hay chỉ là những *nạn nhân* của những trào lưu chính trị giai đoạn?

Khi đặt vấn đề này, có người trả lời ngay: Tôi không ưa chữ "nhân chứng," chúng ta là "nạn nhân." Chúng ta là "nạn nhân" chứ... như trường hợp nhà văn Nguyễn Thiếu Nhẫn, tác giả cuốn "Người đàn bà mang thai trên Biển Đông."

Có người — nhà văn Đào Khanh, tác giả cuốn "Cá Lớn," mới vừa xuất bản năm 1992, — thì dè dặt hơn cho rằng, điều này cũng cần phải suy nghĩ lại.

Nếu người viết là nhân chứng của một giai đoạn lịch sử gần nửa thế kỷ nay, thì thái độ viết của chúng ta cần phải có là như thế nào?

Trên thị trường sách báo Việt Nam hải ngoại liệu đã có những phản đề hay hợp đề minh chứng cho những cái sai, cái đúng của một giai đoạn lịch sử đầy bất trắc đối với một dân tộc mang tiếng là hiền hòa? Có bao nhiêu thế hệ đã phải hy sinh hay "đóng góp" cho những cái sai hay cái đúng đó? Họ đã lựa chọn hay chỉ vì nhầm lẫn?

Nếu là những nạn nhân thì cần có những tác phẩm nói lên được sự lạm dụng của các thế lực chính trị hay những lợi dụng của những bè nhóm, cho những âm mưu quốc tế hay những mưu lợi cá nhân...

Nhà văn hải ngoại có trọng trách vừa phải viết cho độc giả ở ngoài nước đọc vừa để cho độc giả ở trong nước cùng đọc. Viết để khơi dậy cái tình tự Dân tộc, đẩy tới những suy nghĩ cao và xa hơn dẫn đến một thái độ "dung hợp" để cho mọi thành phần (chứ không phải giai cấp) người Việt, cả trong lẫn ngoài nước có thể "chấp nhận lẫn nhau."

Người viết, khi đặt bút viết, không bao giờ... viết trên sự thù hận. Bởi khi viết, có sự "phối hợp" giữa lý trí và trái tim. Do đó, những điều viết ra còn có tính cách "ẩn dụ" vừa đầy nhân tính, đề cao cái tốt, cái hay, cái đẹp hoặc chỉ trích phê bình cái xấu, cái dở, cái sa đọa trong sự khiêm tốn của và bao dung, kể cả trong loại văn chương — thơ ca — châm biếm.

Những người viết ở hải ngoại có cái lợi thế, tự do tư tưởng đồng thời cũng được tự do diễn đạt những suy nghĩ, những ghi nhận của mình và cũng tự do phơi bày những suy nghĩ những ghi nhận đó mà không bị ràng buộc bởi một thế lực nào.

Những người viết ở trong nước đang bị một chế độ — đã được khẳng định là rất hà khắc đối với những người làm văn nghệ — cho nên họ không được tự do nói lên những suy nghĩ của họ.

Thành phần các văn nghệ sĩ có tên trong Hội nhà văn Hà Nội từ trước, và một số mới được đào tạo sau năm 1975, họ là những *nạn nhân* đã đành. Một thành phần các văn nghệ sĩ khác đã từng sinh hoạt tại miền Nam trước năm 1975 — phải chịu sự kiểm soát của chế độ — họ chính là những nạn nhân... thứ hai.

Trong khi đó, một số trí thức hay nhà văn nhà báo từng hợp tác chặt chẽ với chế độ Hà Nội, nay nhận ra những sai lầm của chế độ, muốn trở thành *nhân chứng* của một giai đoạn lịch sử... như các ông Nguyễn Kiến Giang, Phan Đình Diệu, Trần Quốc Vượng và ngay cả ông Bùi Tín nữa.

Nguyễn Quang
(San Jose, CA)

Độc giả Chùa cũng góp ý

Khổng Tử viết: độc giả, dù là độc giả Chùa, nhất là độc giả Chùa, đều có bổn phận góp ý để cải tiến tờ báo. Vậy đây là một vài ý mọn:

— Nên in một ấn bản riêng cho những độc giả

ngoài nước Mỹ. Trong ấn bản đặc biệt này có thể bỏ những trang quảng cáo và những bài tiếng Anh. Độc giả ở Lyon hay Amsterdam thì liên hệ gì đến những tiệm uốn tóc, những tiệm bán cháo lòng và bánh cuốn Thanh Trì ở Quận Cam? Bài tiếng Anh thì không mấy con nít ở Pháp hay ở Bỉ biết đọc. Bỏ đi, có thể thay vào nhiều bài vở khác, hay ít ra cũng đỡ tốn tiền bưu điện.

— Những bài tóm tắt thời sự trong tháng có lẽ nên viết dưới một hình thức khác hơn là thông tin. Với kỹ thuật thông tấn ngày nay, tin tức chỉ vài giây sau cả thế giới đều hay (hãy coi CNN), tin tức đăng ở một tờ nguyệt san không còn là thời sự nữa, mà đã trở thành lịch sử. Có lẽ nên viết dưới hình thức phân tích, phê bình hay dẫn giải, nghĩa là làm công việc mà báo hàng ngày không làm. Nhất là trình bày những biến chuyển trong tháng dưới con mắt người Việt Nam. Như vậy, độc giả không có cảm tưởng đọc những tin tức mà họ đã biết rồi.

— Mấy bà độc giả hỏi sao trông hình ông NXH thấy còn trẻ mà báo cứ gọi là cụ. Tôi nói gọi thế cho nó có vẻ nghiêm túc, chứ bên ngoài ông ấy còn bảnh trai, phây phây hơn cả trên ảnh. Có người hỏi tại sao cả tòa soạn không có một phụ nữ. Toàn là đực rựa cả. Không lẽ ở California không có mợ nào biết làm báo?

Trần Công Tử
(Paris)

Cám ơn công tử góp ý thơm mùi nhang (ý nói Chùa đấy). Vũ Ánh tiếp thu ngay ý của công tử, và mỗi tháng sẽ "ngôn" về một hai chuyện thời sự quan trọng thôi. Vụ làm ấn bản Âu Châu, tính lâu rồi mà chưa làm được. Trần Công Tử tiếp một tay được chăng? Nhân thể, giới thiệu cho một (vài)... mợ, với điều kiện coi TK21 cũng như một cái Chùa, đến làm công quả thôi!

"Văn mình vợ người"?

Đọc Thư Tòa Soạn vừa rồi về việc "Nếu đăng, không được sửa," tôi muốn viết tặng *Thế Kỷ 21* về vấn đề này. Trọng tâm của bài là các tay viết sách báo của Mỹ dù nổi tiếng cách mấy cũng bị sửa chữa, khác với quan niệm "Văn mình, vợ người" của Việt Nam. Nếu anh đồng ý, xin cho biết. Tôi sẽ khai triển thêm về việc sửa bài trong hai ngành báo chí Việt và Mỹ. *Thế Kỷ 21* mỗi ngày thêm phong phú về nội dung. Điều khác biệt là tờ báo không ồn ào, quá khích như nhiều tờ khác, và có đăng cả những ý kiến khác biệt về lập trường chính trị.

Vũ Thụy Hoàng
(Virginia)

Cám ơn anh nhiều. Xin viết dùm đề tài đó đi.

Giá báo ở đâu?

Trong số này tôi không thấy đề giá mua báo dài hạn, hay tôi tìm không ra? Theo thiển ý, phiếu và giá mua báo dài hạn lúc nào cũng in vào một chỗ nhất định để mọi người đỡ mất công tìm kiếm. Có lẽ nó quan trọng hơn là... tên tuổi của ban chủ biên nữa! Và nếu để đại diện ở nước ngoài cũng nên cho độc giả biết địa chỉ và số điện thoại của đại diện thì hơn. Khi gửi phiếu báo tin độc giả ngoài nước Mỹ, đã hết hạn mua báo, cũng nên nhắc lại là có thể quy tiền Mỹ Kim ra tiền bản xứ, rồi trả thẳng cho người đại diện nếu họ muốn. Không nhắc, thường thường độc giả hay quên.

Lê Luyện
(Paris)

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Nhân dịp Giáng Sinh 1993 và Tết Dương Lịch 1994, tòa soạn nhận được thiệp chúc mừng của nhiều văn hữu và độc giả. Xin cám ơn quý vị và các bạn, và xin mượn trang báo này gửi tới quý vị và các bạn những lời chúc thân tình cho một mùa Giáng Sinh vui tươi và một năm mới hạnh phúc.

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Phạm Trung (Holland OH, PAD giới thiệu), Trần Hoàng Yến (Eden Prairie MN), Nghiêm Phương Lan (Stockton CA, PAD giới thiệu), Nguyễn Đức Vinh (Richmond VA), Vũ Văn Dũng & CT Phương Anh (Mustang OK), Lê Văn Tư (Garden Grove CA), Vincent Lê Phú Hải (Strasbourg, Pháp), Phạm Tự Lập (Baton Rouge LA), Nguyễn Hữu Dõng (Koln, Đức), Hoàng Ngọc Tin (Karbenklopenheim, Đức), Lại Ánh Mai (Oberursel, Đức), Trần Văn Phước (Stuttgart, Đức), Nguyễn Đức Kính (Đức), Võ Văn Quan (Orlando FL), Nguyễn Văn Thông (Garden Grove CA), Đường Như Hảo (Newport Beach CA), Lê Thị Hạnh (Canada), Nguyễn Tấn Hồng (Canada), Trần Quang Đại (Úc), Đặng Đông Mỹ (Canada), Nguyễn Gia Ân (Canada), Nguyễn Hào (Diamond Bar CA), Nguyễn Thành Hội (Manhattan Beach CA), Nguyễn Thị Dung (Canada), Phạm Hữu Vĩnh (Canada), Nguyễn Tân (San Diego CA), Andrew Văn Quang Trần (Redondo Beach CA), Đặng Quốc Anh (San Jose CA), Phạm Trọng Kim (Oslo NAUY), Nguyễn Ngọc Hạnh (Fairfax VA), Lê Hữu Phụng (Allston MA), Cấn Văn Liêm (Santa Ana CA), Hoàng Thanh Tâm (Đức), Võ Văn Đình (Hatfield PA), Rev Joseph Nguyễn Đức Minh (Camarillo CA), Lâm Lê Thanh (Santa Ana CA), Nguyễn Thắng (El Monte CA), Trần Thị Trinh (Brookline MA), Bruggemeyer Memorial Library (Monterey Park CA), Bùi Vân Anh (Portland OR, NTMD tặng), Bùi Ngọc Thúy (Gretna LA), Duong Thiệu Chí (Silverspring MD), TP (Fresno CA).

● Thư bị trả lại (xin quý vị gửi cho địa chỉ mới để chúng tôi tiếp tục gửi báo): Nguyễn Chấn (Mon-

tebello CA), Hằng Nga (El Monte CA), Nguyễn Văn Sâm (Texas), Trần M. Quy (Denver Co).

● Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở của báo bạn thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, như quý đồng nghiệp đã biết, luân lý chức nghiệp của người làm báo buộc chúng ta phải tuân thủ một số nguyên tắc tối thiểu như:

1.gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2.khi đăng (với sự đồng ý của tòa báo có bài) phải in hàng chữ, hoặc LTS, cho biết xuất xứ;

3.nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, phải góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Rất mong quý đồng nghiệp cùng chúng tôi bảo tồn và phát huy đạo đức báo chí để làng báo Việt ngữ hải ngoại thực sự là một "ngôi làng" trong đó mọi người sống hòa thuận và tiến bộ.

● Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn kém thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm không có, hoặc có ít, lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, vì các loại máy (*hardware*) và các nhu liệu (*software*) có nhiều dị biệt, đôi khi không tương hợp (*compatible*), cho đến khi chúng tôi có đủ sức (tiền để mua nhiều máy, và kỹ năng sử dụng), chúng tôi xin quý vị thông cảm, chỉ gửi về những đĩa: 1. đánh bằng IBM/PC; 2. dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3. để nguyên bài ở dạng *text* (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4. nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có *modem,* và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (*retrieve*) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.

● **Hoài Châu** (*London*): Cám ơn anh đã cho bài tiếng Anh và sẽ đặt mua dài hạn cho tổ chức "Cộng Đồng Tị Nạn Việt Nam Tại Vương Quốc Anh." Về việc đăng lại bài "Con Khỉ Của Anh Tư" của Kim Bồng, xin anh cứ tự nhiên, chỉ cần ghi xuất xứ thôi. Thân chào.

● **Nguyễn Thị Hồng Vân** (*Virginia*): Cám ơn bà đã gửi thư, cho biết ý kiến về tờ báo với lòng ưu ái, và hỏi về thể lệ gửi bài. Chúng tôi muốn trả lời bằng thư riêng, nhưng bà quên ghi địa chỉ, cả ngoài bì thư, nên xin trả lời ở đây. Bà cứ đề gửi cho tòa soạn Thế Kỷ 21, PO BOX 2054-H39, Westminster CA 92684. (Hộp thư cũ số 2228-260 đã nhường cho Hội VAALA, nhưng nếu thư về đây, tòa soạn vẫn nhận được, không có gì trở ngại.) Ngay khi nhận được bài, chúng tôi sẽ hồi âm bằng một phiếu ghi (memo) ngắn gọn, để bà yên tâm là thư đã tới nơi. Tòa soạn cần một thời gian, ít ra vài ngày, để đọc và sẽ thông báo bài đăng được hay không. Những bài biên khảo, truyện ngắn, v.v... đều có nhuận bút (từ $25.00) — để "làm duyên" thôi, chứ số tiền đó nói ra...mắc cỡ quá! Nếu tác giả không lấy nhuận bút, tòa soạn sẽ gửi tặng sách, báo hoặc băng nhạc. Các bài góp ý, thơ, chuyện vui, lượm lặt, v.v..., không có nhuận bút. Bài viết hoặc đánh máy trên MỘT mặt giấy. Nếu gửi bằng FAX, máy của tòa soạn (714-894-2752) mở 24/24. Nếu gửi đĩa điện toán, hoặc *modem,* xin xem nhắn tin chung ở trên. Trước khi gửi nên sao để lưu, vì tòa soạn sẽ KHÔNG trả lại bản thảo. Bài gửi cho nhiều báo xin nói rõ để tòa soạn tùy nghi xử trí. Mong sớm nhận được bài của bà. Trân trọng.

● **Mai Uyên** (*Tustin, CA*): Loạt bài về Đặng Thái Sơn nằm trong khuôn khổ của mục "Chuyện trò với..." đã hết. Bài "Nói chuyện với Đặng Thái Sơn về âm nhạc" là một bài khác, người ghi là Trung Chính, một giáo sư ở Montréal. Bài này chưa xong, vì, Trung Chính cho biết, ông bất ngờ phải dạy thêm nhiều giờ, nhưng "thế nào cũng có bài." Các bài thuộc mục "Chuyện trò với..." thường do tòa soạn chủ động phỏng vấn, nhưng cũng do gợi ý hoặc góp ý của văn hữu và bạn đọc. Nếu cô thích "chuyện trò với" — một người nào đó có thành tích đặc biệt, hoặc kinh nghiệm độc đáo, cần phổ biến cho đông đảo quần chúng biết — xin cô cứ đề nghị. Tòa soạn có thể: nhờ chính cô phỏng vấn; nhờ cô cho một số câu hỏi; cùng cô thực hiện trong một hoặc nhiều buổi gặp gỡ,... Chúc cô luôn vui và góp ý nhiều nhiều! Thân chào.@PARAFILTR ON =

● **Phạm Gia Hòa** (*Costa Mesa CA*): Đã được đọc bài, anh gửi cho TK21 mà TK21 không đăng, trên *VN Press* và *Người Dân Thầm Lặng* (tr.25, số 39). Qua điện thoại, TK21 đã trả lời anh rồi, là bài đó dài quá, đề cập một vấn đề đã nói qua nói lại tới ba kỳ báo, nên TK21 không đăng được. Nhuận sắc lại thì e rằng tác giả không hài lòng (vì chỉ có thể trích một hai đoạn ngắn thôi, với ý mới không liên quan gì đến đề tài cũ). TK21 đăng nhiều lời chê, chứ đâu chỉ đăng lời khen? Còn "báo phiệt," thì TK21 ra hàng tháng, cũng như NDTL thôi, lấy sức đâu mà "phiệt." Có điều người "thầm lặng" mà "to tiếng" đến thế cũng lạ, phải không anh Hòa?

* **BS Lê Văn Lân** (*New Jersey*): Anh Kiêm Thêm nhờ nhắn với BS lời xin lỗi có sự thiếu sót không đề tên BS Lê Văn Lân trong phần trích đăng bài viết của BS trong cuốn "Huế trong mỗi chúng ta," do nhà Đại Nam mới ấn hành. Lần tái bản kỳ tới sẽ xin sửa chữa.

DANH SÁCH BỔ SUNG --
các văn hữu ký tên vào "Thư ngỏ" đòi quyền trả lời trên các cơ quan truyền thông:

1. Phạm Nhân Trí
2. Lê Vũ
3. Thân Trọng Mẫn
4. Lữ Mộng Chi
5. Vũ Quỳnh NH
6. Nguyễn Quốc Cường
7. Phạm Ngọc Lân
8. Quản Mỹ Lan
9. Trần Mộng Tú

Như vậy, cộng với danh sách cũ 113 người, nay là 122 người.

Chúc Mừng Năm Mới

NHÀ XUẤT BẢN & PHÁT HÀNH
THẾ KỶ

Để đáp ứng nhu cầu "đọc," "nghe," và "xem" của bạn đọc và thân hữu của tạp chí *Thế Kỷ 21*, chúng tôi thực hiện một số dịch vụ về xuất bản và phát hành, với những đặc tính sau đây:

1. Chú trọng chuyển sách báo, băng nhạc, băng hình tới thẳng độc giả và thân hữu (do đó hạ giá thành, và người mua được hưởng giá hạ).

2. Tiến tới thành lập Hợp Tác Xã văn hóa phẩm để độc giả và thân hữu mua được sách, báo, băng với giá sỉ, gửi nhanh và đầy đủ.

3. Nhận phát hành các sách, báo, băng có giá trị nghệ thuật, do các cơ sở hoặc cá nhân sản xuất.

4. Nhận xuất bản sách (và nhiều loại ấn phẩm khác), bằng nhiều phương thức - tùy theo sở thích và điều kiện tài chánh của mỗi tác giả.

●

Từ nay đến hết năm 1993, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện và gửi tới các bạn một "thư mục" sơ khởi, các sách, báo, băng mà hiện *Thế Kỷ 21* đã có, hoặc đã được ủy thác phát hành.

Mặt khác, xin các bạn đón đọc, Thế Kỷ (nhà XB & PH) sẽ ra mắt các tác phẩm sau đây:

1. ĐẤU CỜ TƯỚNG, truyện vừa của Stefan Zweig, do Đỗ Quán Anh phóng tác (đã đăng trên tạp chí TK21).

2. THƠ BÙI GIÁNG, gồm khoảng 100 bài thơ mới nhất (1993) của nhà thơ được mệnh danh là "cuồng sĩ," hiện sống tại Saigon.

3. Tuyển tập TÙY BÚT của PHẠM XUÂN ĐÀI, với những bút ký đã viết hồi còn ở trong nước, và những bài mới viết gần đây ở hải ngoại.

4. NỬA ĐỜI CÒN LẠI, truyện dài của SƠN CA, một tác giả trong nước, một cựu đảng viên Cộng Sản.

5. Tuyển tập truyện ngắn THẾ KỶ 21: những truyện được chọn từ sáu năm báo *Thế Kỷ 21.*

Mọi thắc mắc, thư từ, liên lạc, xin gửi về

THẾ KỶ

Nhà xuất bản & Phát hành

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 USA

ĐT: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752

KHÚC QUANH CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM:

CHỦ NỢ GẶP CON NỢ TẠI PARIS

BỬU SAO

Trong các ngày 9 và 10 tháng Mười Một năm 1993 vừa qua, một hội nghị các quốc gia và các hiệp hội quốc tế tài trợ cho nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam (XHCNVN) được tổ chức tại trụ sở Ngân Hàng Thế Giới (NHTG) Paris.

Cuộc họp báo kết thúc, ông Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao XHCNVN cho biết rằng các nước bạn "đô no" (nguyên văn) (donors) gồm có 20 quốc gia và 16 tổ chức quốc tế, đã hứa giúp Việt Nam một khoản tiền là một tỉ tám trăm sáu mươi triệu trong năm tới. Những nước bạn "đô no" này bao gồm các quốc gia Âu Châu và Á Châu. Hoa Kỳ, tuy chưa thuộc thành phần "đô no" cũng có gởi quan sát viên đến tham dự.

Còn đại diện phía "đổ nợ" vì "đô đói" là XHCNVN thì có ông Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao và ông Khâm, chuyên viên kinh tế. Đại diện NHTG có ông Malako và bà Renaldi, thuộc ban tổ chức.

Vào đề, ông Vũ Khoan đề cao những "thành quả tốt" mà nhà cầm quyền Hà Nội đã thực hiện trong công cuộc đổi mới: trước tiên là mức lạm phát giảm từ 700% năm 1986 còn lại 18% năm 1992; thứ hai là việc áp dụng chính sách kinh tế nhiều thành phần đã giúp Việt Nam tự túc về lương thực đến mức được liệt vào hàng thứ ba nước xuất cảng gạo trên thế giới; thứ ba là đến nay đã có 600 dự án đầu tư được chấp nhận với tổng số vốn là sáu tỉ đô la.

Bàn về viễn tượng phát triển, ông Võ Văn Kiệt, trong bản "thông điệp" gởi đến hội nghị, ấn định chỉ tiêu đầu tư phải đạt trong kế hoạch là 40 tỉ đô la trong mười năm tới để có thể gấp đôi mức thu nhập quốc dân từ giờ đến năm 2000.

Ông Võ Văn Kiệt tuyên bố: "Chính phủ chúng tôi sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm phối hợp mọi kế hoạch sử dụng các khoản viện trợ quốc tế này, tuy rằng chính toàn dân Việt Nam sẽ phải gánh lấy mọi hậu quả của thất bại nếu những nguồn tài trợ không được sử dụng một cách có hiệu quả". Sau đây là nguyên văn Pháp ngữ lời tuyên bố có trách nhiệm của thủ tướng chính phủ nhà nước XHCNVN, để tránh mọi nghi ngờ xuyên tạc:

"Le gouvernement accepte la responsabilité de la coordination et de l'utilisation de l'aide extérieure, tout en ayant conscience que c'est le peuple Vietnamien lui-même qui devra supporter le coût d'un échec si ces ressources venaient à ne pas être utilisées efficacement".

Các ký giả cười với nhau khi nghe chính quyền Cộng sản một mặt sẵn sàng đón nhận mọi khoản viện trợ do ngoại quốc đưa đến cho họ, mặt khác lại từ khước mọi hậu quả về thất bại nếu những nguồn tài trợ này không được sử dụng đúng mức.

Tại sao lại đề cập đến thất bại sớm thế? Những sai biệt quá rõ rệt giữa thành quả mà ông Võ Văn Kiệt nêu ra trong bản thông điệp của ông với thực trạng kinh tế và xã hội tại Việt Nam đã khiến chính quyền cộng sản mất hết tự tín. Những thành công mà ông Võ Văn Kiệt đề cao tại cuộc họp báo này hoàn toàn trái ngược với các dữ kiện trong tài liệu của NHTG đã phân phát cùng lúc.

Ngân Hàng Thế Giới cho biết: Khác với hầu hết các quốc gia đang phát triển tại Á châu, vốn đầu tư bằng nguồn tiết kiệm cố hữu của Việt Nam ở mức dưới con số không. Nguồn vốn gần một tỉ đô la do Việt Kiều hải ngoại đóng góp không ít vào công cuộc đổi mới này. Dù vậy, thay vì sử dụng các khoản viện trợ này vào việc trùng tu hạ tầng cơ sở kinh tế, là điều kiện thiết cốt để phát triển, thì họ đã dồn hết vào việc nuôi dưỡng 12,000 xí nghiệp quốc doanh, để kết nạp 25% cán bộ và đảng viên không có một kinh nghiệm gì về quản trị xí nghiệp, do đó đã không mang lại thành quả tốt, lại còn thay nhau phá sản và vỡ nợ.

Người dân mất hết tin tưởng ở cuộc đổi mới nửa vời này nên đã đua nhau tích trữ những nguồn lợi sẵn có dưới hình thức vàng và ngoại tệ. Đồng Việt Nam (ĐVN) chỉ chiếm hai phần ba trong khối tiền tệ lưu hành qua trung gian Ngân Hàng Quốc Gia, M2. Song nếu kiểm soát được tổng khối tiền tệ lưu hành, M3, trong cuộc sinh hoạt kinh tế rừng rú thì ĐVN rất có thể chiếm tỉ lệ ngược. Đấy là tiền lưu hành để mua sắm những vật dụng cần thiết của người dân. Còn khối lượng tiền tệ dùng vào mọi dịch vụ kinh tế gây lợi nhuận đều lưu hành dưới hình thức đô la

hoặc cây, chỉ vàng hoàn toàn biệt lập với hệ thống ngân hàng nhà nước. Các xí nghiệp liên doanh đều đầu tư bằng ngoại tệ, như báo *Đoàn Kết* số 51 tháng Bảy năm 1993 đan cử thí dụ, vì không tin vào mãi lực của ĐVN. Do đó bảo rằng lạm phát đã được giảm từ 700% năm 1986 đến 18% năm 1992 không dựa vào một cơ sở chắc chắn và thiết thực nào cả. Giấy bạc lớn nhất được phát hành tại Việt Nam, với mệnh giá 50,000 ĐVN, chỉ tương đương với 5 Mỹ kim mà thôi; hàng tiêu thụ ít mà tiền tiêu thụ nhiều là dấu hiệu của lạm phát chứ hàng xa xỉ từ nước ngoài tuôn vào như thác đổ bằng mọi khe ngách, trong đó người dân không kiếm ra tiền để nuôi thân thì làm gì có lạm phát được?

Một phương sách chống lạm phát hữu hiệu hơn nữa là không cho lưu hành ngân phiếu trong dân gian. Do đó khối lượng bút tệ (non- cash currency) rất thấp so với các quốc gia đang phát triển khác trong vùng.

Ngược lại, đồng đô la và cây, chỉ vàng đã thay chân đóng một vai trò rất quan trọng trong cuộc sinh hoạt kinh tế ngoài lề. Sự kiện này khiến Việt Nam trở thành một xã hội "song hoạt" (société duale), gồm có một giai cấp thiểu số thống trị rất giàu có, chuyên làm ăn bằng uy lực của ngoại tệ. Giai cấp còn lại là người thường dân với lợi tức gia đình tương đương với 130 USD/năm đến 200 USD/năm.

Còn phương sách chống lạm phát hữu hiệu tuyệt đối đang được chính quyền cộng sản áp đặt tại Việt Nam là siết chặt thắt lưng của người dân trước các nhu cầu thường nhật, và khai thác tận cùng sức lực của họ trong các dịch vụ sản xuất, nắm gia tăng tổng sản lượng quốc gia trong tay giới hữu quyền. Tình trạng kinh tế rừng rú này không cho phép chúng ta áp dụng nghiêm chỉnh những ý niệm kinh tế thông thường để lý luận.

Một ký giả Nga hỏi ông Vũ Khoan về chủ nghĩa xã hội của chính phủ Việt Nam, ông Vũ Khoan trả lời: "Đây là một vấn đề rất lớn. Khẩu hiệu của chúng tôi là làm sao cho "nước giàu dân mạnh"". Ông Khâm, phụ tá kinh tế ngồi cạnh bên hích cùi chỏ nhắc thầm: "Ấy! dân giàu nước mạnh chứ". Và ông Vũ Khoan chữa: "Ừ, dân giàu nước mạnh, tôi nói: dân giàu nước mạnh". Câu nói "lắp suýt" cho thấy một sự thật: quả thật, nhà nước XHCNVN đã khai thác tận tình sức lực của người dân để mang lại sự giàu có cho giới cầm quyền bằng bạo lực. Việt Nam bỗng nhiên lên hàng thứ ba về xuất cảng gạo. Ông Vũ Khoan giải thích: "Là nước nông nghiệp thì nông dân chiếm tỉ lệ cao nhất. Do đó phần họ đóng góp vào "gidipi" rất lớn". Chữ tắt "gidipi" (GDP) ông Vũ Khoan dùng đây đã nói lên sự hiểu biết ưu việt của ông về khoa kinh tế. Song theo lẽ thường, nếu cái "gidipi" tăng lên thì mức lợi tức đầu người cũng phải nhếch lên chút đỉnh chứ!

Thử hỏi: Tại sao ở các vùng được xem là vựa lúa của Việt Nam như vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi mà số lượng sản xuất lương thực bình quân đầu người năm 1993 là 1,200 kg (Tuổi Trẻ 6/11/1993), thế mà tài liệu của NHTG ở trang 23, đã cho thấy rằng cùng với thời điểm này và cùng nơi ấy lợi tức của nhà nông vẫn ở mức 130 USD/năm, là mức thấp nhất của khu vực ĐNÁ. Giá gạo Việt Nam bán tại New York là 0.80 đô la mỗi ký. Với lợi tức bình quân mạt nhất là 10,000 đô la/năm, người Việt tị nạn ở đây đã hưởng một cuộc sống tạm gọi là sung mãn. Trong khi đó tại Saigon, gạo tài nguyên Cà Mau bán ra 3,000 ĐVN/ký, tương đương với 0.27 đô la. So với mãi lực của mỗi gia đình nông dân không quá 0.40 đô la/ngày thì mỗi gia đình bốn người chỉ có thể ăn không quá ký gạo rưỡi! Họ phải ăn độn thêm khoai sắn để sống qua ngày.

Theo tuần báo Kinh Tế Saigon (KTSG) số 123, ngày 12 tháng Năm 1993, tổng sản lượng nông nghiệp tại An Giang vào tháng Ba đã đạt được 750,000 tấn gạo. Song nhà nước đã xuất cảng 75% trong số đó để lấy "gidipi" cho nhà nước. Số 25% gạo còn lại là chén cơm ốm đói của nhà nông Việt Nam đấy! Quả thật, "phần nhà nông đóng góp vào 'gidipi' rất lớn" như ông Vũ Khoan nói, song phần họ đóng vào dạ dày họ thì chẳng thấm vào đâu cả.

Trả lời câu hỏi của một ký giả thuộc hãng thông tấn AFP về việc sử dụng số tiền viện trợ một tỷ tám trăm sáu mươi triệu, ông Vũ Khona đã lẫn lộn viện trợ và đầu tư. Ông nói: "Trong việc sử dụng viện trợ thì chúng tôi rất quan tâm về các vốn đầu tư nước ngoài. Cho đến nay chúng tôi đã cấp giấy phép cho khoảng gần 700 dự án đầu tư với tổng giá trị gần 7 tỉ đô la — Về tốc độ gia tăng mức đầu tư nước ngoài thường thường là năm sau tốt hơn năm trước. Thì tôi hy vọng rằng — v.v..."

Một ký giả Việt Nam đặt câu hỏi: "Chúng tôi muốn ông Malako, đại diện NHTG cho biết: Những yêu sách chính yếu của các nước viện trợ cho Việt Nam gồm có những gì, thuộc lĩnh vực nào?"

Ông Malako nhường câu trả lời cho ông Vũ Khoan. Và câu trả lời nguyên văn như sau:

"Thứ nhất, Việt Nam là phía nhận viện trợ, thì không thấy ai đặt điều kiện gì cả. Cái điều duy nhất mà các 'bạn đô no' nêu ra là làm sao cho các viện trợ đạt được hiệu quả. Chính điều đó làm cho chúng tôi rất hài lòng về sự hợp tác bình đẳng giữa chúng tôi và các nước 'bạn đô no' đó."

Liệu các "bạn đô no" trên thế giới họ dư tiền nên muốn đến giúp nhà nước XHCNVN nghèo đói để lập công trước Thượng Đế hay sao? Để đưa sự khôi hài của câu trả lời họ Vũ đến mức ưu việt, một ông ký giả Nga lại hỏi: "Thế các quốc gia tài trợ cho Việt Nam là những quốc gia giàu lắm chăng, thưa ông?"

Ông Vũ Khoan đáp: "Trong số các nước 'bạn đô no' thì có những nước lớn, cũng có những nước rất nhỏ. Có những nước giàu, nhưng mà cũng có những nước chưa giàu lắm. Nhưng mà chúng tôi đều kính trọng tất cả các nước ấy. Sự kính trọng của chúng tôi không lệ thuộc vào cái số tiền giúp đỡ. Riêng các nước Đông Nam Á, như Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia thì là những nước đang phát triển, chưa được kể là những nước 'đô no' với đầy đủ ý nghĩa của cái chữ đó. Song xuất phát từ cái lợi ích hợp tác của khu vực, thì những nước này cũng đã mang lại viện trợ, chủ yếu là viện trợ kỹ thuật, trong việc đào tạo cán bộ. Còn về nước Nga, đương nhiên chúng tôi đánh

giá cao cái sự giúp đỡ của dân tộc Nga trong suốt mấy chục năm ròng. Phải nói là cái sự giúp đỡ đó rất lớn. Nhưng mà hiện nay thì nước Nga cũng đang gặp khó khăn nên chúng tôi thông cảm..."

Ký giả đài RFI hỏi: "Thế thưa ông, Câu Lạc Bộ Paris khi nào họp, và họp ở đâu?"

Ông Vũ Khoan trả lời: "Khi nào hội đủ điều kiện tổ chức thì chúng tôi sẽ thông báo cho các vị rõ. Song đã gọi là Câu Lạc Bộ Paris, thì chắc sẽ họp tại Paris rồi!" Ông Vũ Khoan nói ra được câu này, lấy làm khoái trá nên ông nhắc lại trong giọng cười thuốc lào làm mọi người phải bật cười theo.

Một nữ ký giả của hãng thông tấn AFP có vẻ bực tức, nghiêm nghị đưa ông Vũ Khoan về thực tại: "Thưa ông, món nợ Việt Nam sẽ được Câu Lạc Bộ Paris giúp trả hộ là bao nhiêu và sẽ đặt những điều kiện thanh toán như thế nào?"

Ông Vũ Khoan trả lời: "Tôi không phải là nhà kinh tế, nhưng tôi có hỏi ông đồng nghiệp của tôi thì theo số nợ đưa ra tại Câu Lạc Bộ Paris, thì hơn năm trăm triệu đô la mà thôi. Còn bao giờ họp và ở đâu chúng tôi đang còn thu xếp. Nhưng Câu Lạc Bộ Paris thì chắc chắn là họp ở Paris rồi! Khi đó chúng tôi sẽ mời bà đến dự".

Ký giả đài BBC nhắc lại câu hỏi của cô ký giả AFP về điều kiện thanh toán số tiền viện trợ một tỉ sáu trăm tám mươi triệu, ông Vũ Khoan đáp: "Phần lớn là nợ dài hạn, tốp lâu (top low), nhưng mà cái khoản gờ reng (grant) còn lại, thì cũng đáng kể. Hiện nay tôi xin lỗi vì chưa phân tích ra được. Nhưng có thể nói là phần lớn với lãi suất thấp và thời hạn dài. Tôi xin nói thêm là cái khoản một tỉ tám đây chỉ là khoản tài trợ của năm 1993-1994 mà thôi, còn những năm kế tiếp thì chúng tôi hy vọng ở cái đà phát triển tốt đẹp giữa Việt Nam và cộng đồng thế giới để được viện trợ thêm nữa. Chúng tôi đặt chỉ tiêu là 40 tỉ đô la vay nước ngoài để gia tăng tổng sản lượng quốc gia gấp hai lần vào năm 2000."

Một ký giả báo Đài Loan hỏi ông Malako, đại diện NHTG về mối liên hệ giữa Ngân Hàng Thế Giới và Việt Nam. Ông Malako đáp:

"Việt Nam là thành viên của NHTG đã có một tư thế tốt, 'good standing', trong cộng đồng những thành viên. Với tư thế này chúng tôi đã thỏa mãn những yêu sách của chính phủ Việt Nam."

Ông Malako không muốn nói rõ về cái tư thế mà ông ấy gọi là "good standing" của Việt Nam tại NHTG là cái gì. Là nhà ngoại giao, ông Malako không thể làm gì hơn là cung cấp tài liệu để giới báo chí quốc tế có thể tự đánh giá lấy cái tư thế này của nhà nước XHCNVN.

Vậy khối tài liệu mà NHTG đưa ra đã đánh giá như thế nào về cái tư thế của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa? Đấy là vấn đề mối liên hệ giữa các chủ nợ quốc tế và con nợ Việt Nam.

Việt Nam còn nợ NHTG một trăm bốn chục triệu đô la. Theo nội quy của NHTG, nếu ngưng dịch vụ thanh toán nợ thì khả năng vay mượn cũng phải ngưng theo. Do đó trước khi muốn được hưởng cái tư thế và sự ưu đãi về vay mượn thì Việt Nam phải thỏa mãn hai điều kiện sau đây: thứ nhất, món nợ một trăm bốn chục triệu đô la này phải được thanh toán trước đã; thứ hai, muốn được vay tiếp thì Việt Nam phải có sự chấp thuận của Hoa Kỳ, là thành viên có đến 17.37% uy lực trên lá phiếu tại NHTG. Hơn nữa, theo điều IV, đoạn 2a tại nội quy Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (FMI) thì Hoa Kỳ có quyền kiểm soát việc sử dụng số ngoại tệ bằng đô la của Hoa Kỳ trong khối dự trữ ngoại tệ của NHTG. Về điều kiện này Chính phủ Hoa Kỳ đã khai thông cho Việt Nam trong tháng Mười vừa qua, sau khi được thỏa mãn một vài yêu sách.

Vấn đề còn lại là phải giải quyết món nợ 140 triệu đô la cho FMI. Nhưng trước đó nhà nước XHCNVN còn phải trả một khoản tiền lời hàng năm là 200 triệu đô la trên các món nợ khác. Đấy là chưa nói đến món nợ mười tỉ tiền Roubles TR (transferable ruble), phải thanh toán cho nước cộng hòa Nga. Số tiền này NHTG chưa tính được là bao nhiêu theo hối suất hiện giờ giữa đồng rouble TR và đồng đô la.

Về nghiệp vụ thanh toán tiền lời hàng năm trên số nợ quốc tế mà nhà nước XHCNVN phải trả thì đến nay tính ra cũng đã trên một tỉ đô la rồi. Tiền bán dầu thô hàng năm là 750 triệu đô la, cộng với tiền bán gạo ra ngoại quốc là 420 triệu đô la, tổng cộng là một tỉ mốt, vừa đủ trả tiền lời. Còn số nợ mười tỉ rub TR đối với nước bạn Nga Xô cũ, thì liệu rồi đây phải bán chủ quyền nhà nước Việt Nam cho Nga hay Mỹ để có thể thanh toán? Nếu không trả được ít nhất là tiền lời trên các món nợ quốc tế này thì không có nước nào dám đầu tư vào Việt Nam nữa!

Vấn đề được đặt ra trên thị trường quốc tế không phải là vấn

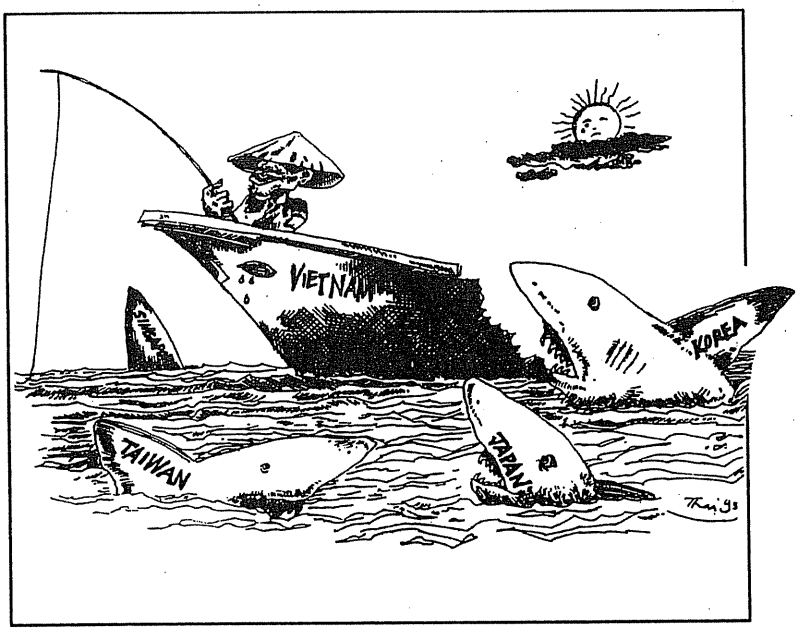

để giúp nước XHCNVN xóa đói giảm nghèo, mà chính là để giải quyết các vụ tranh chấp về giá cả hàng hóa giữa các quốc gia tân tiến. Việt Nam, với giá nhân công rẻ mạt, với các tay thợ khéo, với người làm công cần cù và kiên nhẫn, là một trong những giải đáp tốt cho vấn đề cạnh tranh giá cả giữa các nước kỹ nghệ lớn. Do đó mới phát sinh ra cái gọi là Câu Lạc Bộ Paris, *le Club de Paris*, danh xưng của những nước họp tại Paris năm 1956, để cùng đưa ra những điều kiện cho các quốc gia chậm tiến được vay tiền giúp họ gia tăng lợi nhuận. Giúp họ ở đây tức là giúp các nước giàu có với số tiền lời hàng năm mà các nước nghèo đói phải trả, đúng như câu tục ngữ người Âu thường nói: đức bác ái có tổ chức phải bắt đầu tự nơi mình vậy.

Tháng Chín năm 1988, Câu Lạc Bộ Paris đã nhóm họp, không phải nhất thiết tại Paris, mà tại Toronto, để đưa ra một số điều kiện, gọi là "*termes de Toronto.*" Những điều kiện đã hoạch định tại đây có thể tóm lược như sau: thứ nhất, để giúp các nước nghèo đói có thể vay tiền mà tránh họa phá sản có thể gây nguy hại cho các nước chủ nợ, thì tỉ lệ tiền lời được giảm đến mức tối thiểu; thứ hai, thời hạn thanh toán được nới rộng; thứ ba, các khoảng thời gian trì hoãn được kéo dài; thứ tư, tiền nợ được giảm bớt hoặc, có trường hợp, được tha hết.

Một lần nữa, mục đích của Câu Lạc Bộ Paris, cũng như của các cơ quan tài trợ quốc tế nói chung, không phải là để lập công trước thượng đế; các quỹ tiền tệ quốc tế được lập ra với những điều kiện ưu đãi chỉ là để các con nợ như nhà nước XHCNVN có thể tiếp tục trả tiền lời trên số nợ, và như thế, để có thể tiếp tục nợ thêm nữa, và tiền lời càng tích lũy bao nhiêu thì các chủ nợ của các nước nghèo đói càng sung mãn bấy nhiêu thôi. Tiền lời trên tổng số nợ tích lũy tại các nước "đô đói" là nguồn sống của các nước "đô no." Trong thập niên tám mươi, vì các nước nghèo phía Nam không trả được nợ cho các nước giàu phía Bắc nên thế giới đã suýt lâm vào một cơn khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Do đó nên mới có những hiệp hội quốc tế tài trợ các quốc gia nghèo đói.

Theo nhà kinh tế học Ricardo Petrella, vào năm 1992 số tiền lãi do các quốc gia con nợ nghèo đói miền Nam trả cho các quốc gia chủ nợ sung mãn qua trung gian của các Ngân hàng quốc tế, tăng lên đến 1703 tỉ đô la! Riêng xứ Brésil hiện tiền lời tích lũy phải thanh toán cho FMi đã đến 90 tỉ đô la rồi, gần bằng số nợ gốc. Vì không trả nổi nên đã phải nhượng cho FMI quyền can thiệp vào chính trị quốc nội của họ. Để Brésil có thể mượn FMI thêm hai tỉ đô la, ông Camdessus, giám đốc FMI, bắt tổng thống Collor sửa lại kế hoạch kinh tế đã được quốc hội Brésil chấp thuận, lại còn bắt luôn quốc hội nước này sửa lại hiến pháp để cho phù hợp với yêu sách của FMI. Đó là cái "tư thế" của Brésil thành viên của NHTG. Riêng có nước Ấn Độ đã hiên ngang từ khước một khoản tài trợ rất đáng kể do FMI đề nghị, với lý do là để bảo vệ cái tư cách của một quốc gia độc lập. Các nước thuộc vùng hạ Sahara, vì không noi gương Ấn Độ, đã lâm vào cảnh bị chi phối này. Riêng Somalia, vì đã trót đóng vai chúa chổm, nên đã chọn con đường vô chính phủ để chạy nợ. Còn các quốc gia đang phát triển tại Á Châu thì hầu hết đang trở thành những con bò vắt sữa của các cường quốc miền Bắc. Một số đáng kể tổng sản lượng quốc gia phải dùng vào dịch vụ trả nợ.

Trước sự kiện này và không thể làm gì hơn, tổng thống Francois Mitterrand đã phải nấc lên: Sự thật đau lòng thay! Chính những nước nghèo đã giúp đỡ chúng ta đấy! *Cruelle vérité, ce sont les pauvres qui nous aident!* (*Le Monde Diplomatique,* tháng Hai năm 1992).

Vậy để cho nhà nước XHCNVN có thể tiếp tục vay tiền NHTG, Câu Lạc Bộ Paris đã quyết định tạm thời trang trải hộ cho Việt Nam số tiền 140 triệu theo bản phân phối sau đây: Nhật Bản lãnh trả 50 triệu, Pháp 50 triệu, Úc 10 triệu. Ba chục triệu còn lại sẽ được phân phối giữa các nước muốn đầu tư vào Việt Nam.

Nhờ có thỏa hiệp này nhà nước XHCNVN mới có thể đệ đơn mượn thêm tiền NHTG từ tháng Mười vừa qua, để làm giàu thêm cho các nước đầu tư vào Việt Nam. Như thế thay vì chịu nợ NHTG thì nhà nước XHCNVN sẽ chịu nợ Câu Lạc Bộ Paris 140 triệu đô la. Cộng thêm 500 triệu trên kia, vị chi là 640 triệu nợ Câu Lạc Bộ Paris. Chưa hết! Phải cộng thêm vào đó một tỉ sáu trăm tám chục triệu vừa vay được cho niên khóa 1994, tức là hai tỉ ba trăm triệu.

Theo tài liệu của NHTG, trang V thì số tiền lời nhà nước XHCNVN phải trả hàng năm đến nay đã lên đến ba tỉ đô la rồi. Trang 15 lại nói thêm là cứ mỗi năm tiền lời tích lũy lại tăng vào khoảng 33%. Cơ quan này vẫn chưa tính vào đó món nợ đối với nước anh em Sô Viết Nga là mười tỉ rub TR. Họ cũng không đề cập đến số tiền 40 tỉ đô la mà nhà nước XHCNVN mong mượn ở các "Câu Lạc Bộ" quốc tế khác để gọi là tăng gấp đôi tổng sản lượng quốc gia vào năm 2000. Khả năng máy điện toán của chúng tôi thấp quá sợ không tính nổi số tiền lời tích lũy mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong mấy năm còn lại của thế kỷ 20 này.

Theo thông lệ, khả năng phát triển, tức là hiệu quả kinh tế của một nước, phải gia tăng theo tỉ lệ thuận với khả năng trữ dụng lợi tức của nước ấy. Tại trang 3 tài liệu NHTG cho biết: Một trong những điểm đặc thù của Việt Nam, khác với Trung Quốc và các nước Á Châu khác, là ở điểm khả năng trữ dụng tổng quát (*overall savings rate*) rất thấp, còn khối trữ tệ tại công quỹ (*public savings rate*) thì ở mức dưới con số không. Theo NHTG sở dĩ khối trữ dụng tổng quát thấp là vì các tư nhân cất giấu tiền dành dụm của mình dưới hình thức vàng và ngoại tệ. Rất ít tài khoản được đem ra đầu tư. Theo ông Nguyễn Xuân Oánh, vấn đề đặt ra cho Việt Nam là làm sao đào bới được các tĩn vại chứa mấy tấn vàng ở vườn sau của người dân để đem vào đầu tư kinh tế. Làm sao? Đấy là khía cạnh chính trị của vấn đề.

Làm sao? Đó cũng là câu hỏi mà các ký giả Việt Nam đặt ra dưới nhiều hình thức khác nhau.

Trước tiên, kinh tế thị trường đòi hỏi ở chính quyền rất nhiều điều kiện để có thể "thực hiện tốt" mọi dịch vụ. Điều kiện tiên

quyết là tự do cá nhân và sự tôn trọng nhân phẩm con người trong xã hội. Điều kiện này đã được tổng thống Francois Mitterrand nhắc nhở nhà nước XHCNVN trong cuộc thăm viếng hồi đầu năm nay.

Ký giả báo *Quê Mẹ* hỏi: "Thưa ông Vũ Khoan, tại sao nhà nước XHCNVN kiểm soát gắt gao việc cấp chiếu khán cho các quan sát viên nước ngoài vào Việt Nam? Và tại sao lại có các vụ bắt bớ các nhà tu ở Quảng Ngãi?"

Ông Vũ Khoan đáp, nguyên văn như sau: "Trước tiên tôi phải nói rằng là hơn ai hết, nhà nước Việt Nam hiểu rõ cái giá trị của con người. Chính vì điều đó mà nhân dân Việt Nam đã đổ máu suốt mấy chục năm qua để bảo vệ cuộc sống độc lập, tự do, và ít nhất là có quyền đến Paris để nói chuyện với bạn bè quốc tế, với tư cách là một cái, cái người hợp tác bình đẳng, chứ không phải là cái người nô lệ nữa. Điều thứ hai là cái quyền cao nhất của nhân dân Việt Nam, là có cơ hội để mà xây dựng đất nước. Nước Việt Nam vẫn tôn trọng cái quyền cao nhất của người khác. Còn ai mà chống lại cái sự yên ổn và cái sự xây dựng đó thì không có lợi cho tập thể. Điều thứ ba là cuộc đổi mới này nhằm tạo điều kiện cho nhân dân được tự do làm ăn. Sinh hoạt chính trị là nhằm tạo điều kiện cho người dân bình thường được tham gia vào các sinh hoạt chính trị. Điều thứ tư, là khái niệm về con người, thì toàn thể thế giới có khái niệm chung, nhưng mà việc vận dụng nó là phải tính đến cái đặc điểm của đất nước... Thí dụ như theo truyền thống phương đông thì người dân Việt Nam chỉ biết luôn luôn tôn trọng cái cộng đồng, cái tài sản chung, cái họ hàng: cái đó luôn luôn đề cao cái đó. Cái đó là tôn trọng con người. Thành ra nhân chị hỏi vấn đề này, tôi muốn nói đến quan niệm của chúng tôi là như vậy. Còn nhân việc cụ thể này, cụ thể khác, chị lại lẫn lộn giữa các vấn đề tôn trọng luật pháp và vấn đề quyền con người... Cái trường hợp xử lý những người vi phạm luật pháp không phải là vấn đề vi phạm con người."

Nước Việt Nam XHCN này có rất nhiều tự do. Song tất cả các tự do, từ tự do làm chính trị đến tự do làm kinh tế phải được tập trung vào trong tay một số người mà thôi, vì lý do an ninh cho tập thể và nhất là để bảo vệ chỗ đứng cho nhà cầm quyền. Do đó nhà nước có toàn quyền sử dụng người dân theo chính sách, và có toàn quyền đặt mình lên trên chính sách ấy. Đấy là điều kiện tiên quyết để chế độ này được tồn tại.

Việt Nam là một nước pháp quyền, và cũng là một nước pháp trị. Có quy luật rất nghiêm chỉnh để xử lý người dân, đấy là pháp quyền. Còn những quy luật này chỉ áp dụng cho người dân mà thôi, đấy là pháp trị. Một vài thí dụ cụ thể: Nhà nước ra lệnh cấm xuất khẩu một số quý sản có giá trị chiến lược, ngoại trừ những con tàu của chính phủ có mang ẩn số và đi theo lộ trình gọi là phi

HỌP BÁO GIỚI THIỆU BẢN PHÚC TRÌNH "ĐỂ TIẾN TỚI MỘT NỀN KINH TẾ TỰ DO Ở VIỆT NAM"

Chiều Thứ Hai 6-12 tại khách sạn Red Lion, thị xã Costa Mesa, đã có một buổi giới thiệu bản phúc trình "Để tiến tới một nền kinh tế tự do ở Việt Nam," do một số chuyên gia cộng tác với Viện Nghiên cứu vùng Thái Bình Dương soạn thảo.

Các ông Bùi Diễm, Tôn Thất Thiện và Nguyễn Xuân Nghĩa, thay mặt cho nhóm 21 chuyên gia làm công tác nghiên cứu, đã trình bày tóm lược về quá trình soạn thảo và nội dung của tài liệu này. Bản phúc trình là đúc kết của việc nghiên cứu tiến hành trên một năm qua với sự hợp tác của một số học giả chuyên gia Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu, Nhật Bản và Đài Loan cùng sự yểm trợ của tổ chức độc lập William H. Donner Foundation.

Toàn bộ kết quả nghiên cứu sẽ được phổ biến vào năm tới trong một tập tài liệu phân tích từng lãnh vực kinh tế và quốc tế của Việt Nam.

Mục tiêu của bản phúc trình là phân tách thực trạng kinh tế Việt Nam, phác họa một căn bản cho những cải tổ kinh tế và chính trị thực tế cần được tiến hành trong tương lai. Kết quả nghiên cứu khách quan được phổ biến đến mọi giới có quan tâm và tùy nghi sử dụng.

Ông Bùi Diễm, Điều hợp viên Viện Nghiên cứu vùng Thái Bình Dương, khẳng định quan điểm chung của nhóm nghiên cứu là không thể nào có cải tổ kinh tế nếu không có cải cách chính trị.

Giáo sư Tôn Thất Thiện nói rằng bản phúc trình chuyên môn này hoàn toàn không tránh né chính trị song việc soạn thảo không được đặt trong bối cảnh và mục tiêu chính trị. Ông cũng đề cao tinh thần hợp tác của những người cùng làm việc dù có thể đã có những bất đồng chính kiến hay đường lối trong quá khứ, và đơn cử trường hợp cá nhân ông đã cộng sự với ông Ngô Đình Diệm trong khi ông Bùi Diễm ở phía ông Phan Huy Quát.

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa giải thích tác động nhiều mặt của phúc trình này và bác bỏ quan niệm xem đây như một kế hoạch kinh tế nhằm thi hành ngay hiện tại hay ở giai đoạn hậu cộng sản, vì bản phúc trình này chỉ thuần túy là tài liệu do kết quả nghiên cứu của một nhóm thuộc nhiều thế hệ khác nhau, quan điểm khác nhau, lãnh vực chuyên môn khác nhau, nhưng có cùng chung một lý tưởng tự do dân chủ, cùng chia sẻ những ưu tư về tình trạng Việt Nam. □

phương mãi. Báo *KTSG*, số 138, ngày 25-8-1993, nêu trường hợp một nhân viên hải quan bị công an mật giết và vất xuống biển chỉ vì nhân viên này muốn áp dụng đúng luật lệ nhà nước đã ban hành. Gần đây, báo *Dân Việt* ngày 11/11/1993 cũng đề cập đến vụ 103 con cù lần thuộc loại các thú vật quý hiếm, trị giá 30,000 đô la, cũng đã được giới cầm quyền cho đưa ra ngoại quốc theo lộ trình phi thương mãi, song bị các nước bảo vệ súc vật gởi trả lại, chết gần hết ở dọc đường.

Qua hiện tượng suy sụp của chủ nghĩa cộng sản trên thế giới, các nhà kinh tế và xã hội học đã phân tích rất kỹ lưỡng một hiện tượng mới đáng e ngại trên chính trường quốc tế: sự phát triển từ các nước cựu cộng sản những tập đoàn mafia có quy mô, có tổ chức phát xuất từ các giới mà báo chí âu tây gọi là "nomenklaturistes." Những cựu nhân viên cao cấp thuộc giới lãnh đạo cũ, trong tay đã thu gọn được những nguồn lợi mà họ gom góp từ các hợp tác xã, từ các xí nghiệp quốc doanh dưới thời vàng son của chủ nghĩa, không giấy tờ, không đăng ký. Nay sang thời kỳ "đổi mới," gặp được cơ hội làm ăn tốt, đương nhiên họ trở thành tỉ phú, với tác phong của những cường hào ác bá của xã hội đông phương ở các thế kỷ trước.

Ở Trung Quốc hiện nay, số "tỉ phú đỏ" tính được vào khoảng 500 người, có nhà cửa sang trọng, có các đồng chí bồi bếp, đồng chí lái xe, v.v..., lại được sẵn các đồng chí phụ nữ để "có liên hệ đúng cự ly" khi cần đến. Khi những vị cường hào này có sẵn dưới tay một hệ thống cưỡng chế, cái gọi là hệ thống pháp luật nghiêm khắc, để áp đặt trên người khác, thì không có một uy lực ngoại bang nào, kể cả Liên Hiệp Quốc, có thể can thiệp vào đó vì nhân đạo hay vì một lý tưởng nào khác. Các tổ chức Mafia đỏ này, báo chí tây phương gọi là Triades, đã dần dần bủa lưới khắp Trung Đông, Á Châu, Nam Mỹ. Những vùng xám này đã lan tràn đến Việt Nam. Cái gọi là nghĩa vụ can thiệp, *devoir d'ingérence*, mà các nhà lãnh đạo Âu phương, kể cả Hoa Kỳ, đưa ra, chỉ là một phương sách để tự trấn an tinh thần họ mà thôi.

Nếu theo truyền thống phương đông, người Việt biết tôn trọng cộng đồng và tài sản xã hội, như ông Vũ Khoan nói, thì cũng trong xã hội phương đông này người ta cũng đã từng nghe các "cha mẹ dân" quát: "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi."

Để khỏi trở nên nạn nhân của tệ trạng xã hội này, một số không ít người dân Việt Nam đã cất giấu của riêng mình để chờ ngày đầu tư vào một thể chế đáng tin cậy hơn trong tương lai.

Bây giờ chúng ta có thể lượng được chiều sâu của lời tuyên bố có tính cách hăm dọa của ông Võ Văn Kiệt: "Chính phủ chúng tôi sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm phối hợp mọi kế hoạch sử dụng các khoản viện trợ quốc tế này, tuy rằng chính toàn dân Việt Nam sẽ phải gánh lấy mọi hậu quả của thất bại nếu những nguồn tài trợ này không được sử dụng một cách có hiệu quả."

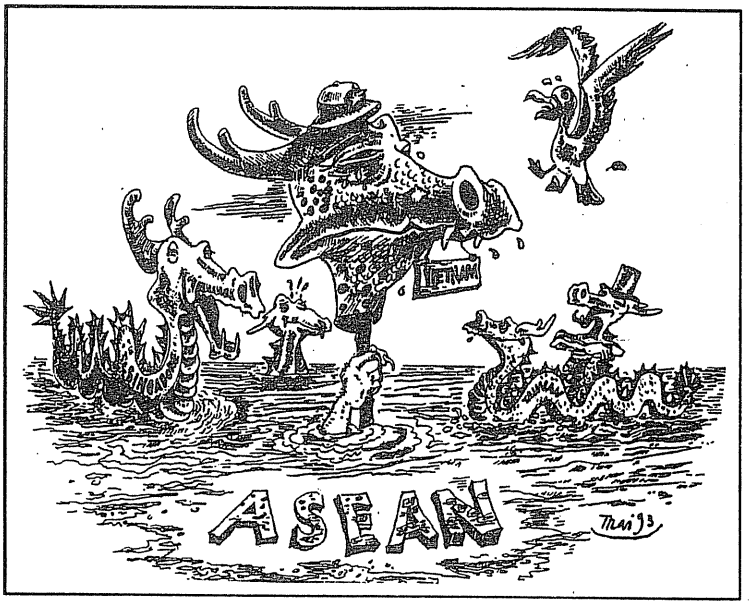

Vậy làm sao sử dụng nguồn tài trợ này một cách có hiệu quả?

Để trả lời ông Võ Văn Kiệt, và nhất là để khỏi phải gánh lấy mọi hậu quả của sự dốt nát rất ưu việt của nhà cầm quyền Việt Nam hiện giờ, 19 hội đoàn người Việt tị nạn tại Pháp đã phát lời tuyên bố của họ ngay lối vào của trụ sở NHTG vào giờ họp báo.

Chúng tôi xin tóm tắt bốn điểm của lời tuyên bố như sau:

Thứ nhất: Đảng cộng sản Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tình trạng đói khổ của nhân dân.

Thứ hai, trong bao lâu người Việt Nam không được hưởng mọi quyền tự do dân chủ thì các vốn đầu tư và các nguồn tài trợ sẽ không mang lại một thành quả hữu ích nào, chỉ làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng và hỗn độn hiện giờ mà thôi.

Thứ ba, người dân Việt Nam có quyền từ khước mọi trách nhiệm trên số tiền vay mượn đến nay đã tới hàng tỉ đô la mà nhà nước thối nát Hà Nội sẽ mang ra phung phí một cách oan uổng để nắm giữ vị thế của mình.

Thứ tư, những người đồng ký kêu gọi sự ủng hộ của những người yêu chuộng công bình và tự do vào công cuộc đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Chúng tôi xin dùng bản tuyên ngôn này để kết luận và góp lời yêu cầu mọi người Việt Nam, ở quốc nội cũng như ở ngoại quốc hưởng ứng bản tuyên ngôn này.■

Xin lưu ý:

1- Chúng tôi hiện còn giữ cuốn băng ghi âm cuộc họp báo nói trên. Để tiện phối kiểm phần đối thoại, chúng tôi sẵn sàng cống hiến các bạn qua tòa soạn *Thế Kỷ 21*. Chúng tôi chỉ lấy lại tiền băng cassette và cước phí mà thôi.

2- Danh xưng và địa chỉ của bản tuyên ngôn:

Comité pour la liberté religieuse et les droits de l'homme au Vietnam.

BP 203 75624 Cedex 13 Tel. (1) 49 73 09 42.

TRUNG QUỐC: ĐÔNG PHƯƠNG KHÔNG CÒN HỒNGNỮA

LÊ MẠNH HÙNG

Ông láng giềng khổng lồ phương Bắc nước Việt Nam ta, trong gần hết thế kỷ này, đã bị các nước phương Tây coi như là một ông khổng lồ bệnh hoạn. Bị xâu xé bởi các nước thực dân đế quốc, chìm đắm trong các cuộc cách mạng, đói kém, giam hãm trong chế độ độc tài Cộng Sản mà đỉnh cao là cuộc Cách Mạng Văn Hóa kéo dài đến gần mười năm, người ta không nghĩ rằng Trung quốc lại có ngày gượng dậy được. Nhưng nay mọi chuyện đã thay đổi.

Mốc chuyển biến là Đại Hội kỳ 3 của Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc khóa 11 vào tháng Chạp năm 1978, hai năm sau khi Mao Trạch Đông chết. Khóa họp này đã thông qua các đề nghị của Đặng Tiểu Bình mở cửa nền kinh tế, bãi bỏ chính sách kế hoạch hoá trung ương theo kiểu Staline cùng với chính sách tự cung tự cấp. Trong 14 năm qua, kể từ khi Trung Quốc bước vào con đường đổi mới, Tổng Sản Lượng Quốc Gia (GNP) đã tăng với tốc độ trung bình là 9% một năm. Đến năm 1994, nền kinh tế Trung Quốc đã tăng gấp bốn lần năm 1978, và nếu không có gì trở ngại, kinh tế Trung Quốc sẽ lớn gấp tám lần năm 1978 vào năm 2002. Như vậy là Trung Quốc đã đi ngang với bước tiến của Nhật Bản, Đài Loan và Đại Hàn trong phần tư thế kỷ tăng trưởng nhanh nhất của những nước này.

Những con số thống kê không cho thấy rõ một sự gia tăng mức sống đáng ngạc nhiên trong xã hội Trung Quốc. Khoảng 75% dân chúng Trung Quốc còn sống tại thôn quê. Những cải tổ đầu tiên của ông Đặng bắt đầu bằng cách thả nông dân ra khỏi sự kềm kẹp ngột ngạt của các nông xã tập thể. Điều này đã làm tăng sản xuất nông nghiệp lên một cách đáng ngạc nhiên. Trong ba năm, sản lượng ngũ cốc tăng một phần ba, bông vải tăng gấp ba lần, các hạt có dầu tăng gấp đôi, và quan trọng nhất là lợi tức của nông dân đã tăng gấp ba lần trong vòng tám năm.

Ngoài ảnh hưởng do số dân khổng lồ chiếm một phần tư tổng số dân chúng trên trái đất này, Trung Quốc còn có ảnh hưởng quan trọng đến hiện tình thế giới nhiều hơn là người ta tưởng. Ngay lúc này, kinh tế Trung Quốc có thể nói đã là nền kinh tế lớn thứ ba hay thứ tư trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và có lẽ là Đức, mặc dầu những con số thống kê chính thức không cho thấy chuyện đó. Tính theo tỉ giá đô la với nhân dân tệ hiện thời, Ngân Hàng Thế Giới cho biết tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Trung Quốc là 370 đô la một đầu người vào năm 1992, điều đó có nghĩa là tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc chỉ lên đến khoảng 440 tỉ đô la hay là một nền kinh tế nhỏ hơn kinh tế của Canada với một số dân chỉ có 27 triệu người và một nền kinh tế chỉ lớn gấp đôi nền kinh tế Thụy Sĩ. Điều này lại càng khó tin và ngay những cơ quan đưa ra những thống kê này như Ngân Hàng Thế Giới cũng thấy là không thể tin được. Năm 1976, Ngân Hàng cho biết tổng sản lượng quốc nội tính theo đầu người của Trung Quốc là 410 đô la. Thế mà sau 12 năm từ 1978 đến 1990, với tốc độ tăng trưởng trên 7,5%, tổng sản lượng của Trung Quốc lại thấp hơn 1976.

Lý do giải thích chuyện vô lý này là việc sụt giá của đồng nhân dân tệ. Đồng nhân dân tệ giảm tỉ giá từ 1,7 ăn một đô la xuống 5,5 trong thời gian đó đã làm tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc giảm quá mức mà tốc độ tăng trưởng có thể bù lại được. Thành ra cuối cùng, chính Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) cũng phải lưu ý đến sự vô lý này và thay vì chỉ dùng tỉ giá đô la chính thức mà còn dùng thêm tỉ giá theo sức mua (purchasing power parity) để tính mức độ quan trọng của nền kinh tế. Với cách tính mới này, IMF cho thấy tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc đã tăng lên gần gấp năm, khoảng 2000 tỉ đô la vào năm 1992 tức là đứng thứ ba sau Nhật Bản.

Một phép tính nữa của hai kinh tế gia tại trường đại học Autralian National University ở Canberra cho thấy nếu chỉ căn cứ riêng vào những sản lượng Trung Quốc sản xuất tính theo giá thị trường quốc tế như than, ngũ cốc, thịt, trứng, v.v..., thì chưa kể những gì khác, sản lượng quốc nội tính theo đầu người đã lên đến 370 đô la vào năm 1990 tức là vượt quá tổng sản lượng đầu người chính thức của Trung Quốc năm đó, mặc dầu số lượng những món hàng này chỉ là một phần nhỏ trong tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc.

Nếu chiều hướng phát triển này của Trung Quốc tiếp tục như trong vòng 14 năm qua thì đến năm 2020 Trung Quốc sẽ vượt lên hàng đầu thế giới và sẽ bằng khoảng 80% tổng sản lượng của 22 nước giàu có nhất thế giới trong khối OECD hiện nay vào lúc đó.

Nhưng liệu Trung Quốc có thể tiếp tục được như vậy hay không? Đó là vấn đề mà chúng ta thử tìm hiểu trong những phần sau.

1. Hai nhu cầu canh tân:

Trung Quốc chỉ có thể thành công nếu làm được hai cuộc cải tổ trong xấp xỉ cùng một khoảng thời gian. Cả hai cuộc cải tổ này đều khó khăn, nhưng cuộc thứ hai còn khó khăn hơn nhiều. Chưa nước nào có thể cùng một lúc mà vượt ra khỏi sự nghèo đói và chủ nghĩa cộng sản.

Trên phương diện kinh tế, ít nhất Trung Quốc đã có một tấm gương để theo qua những chính sách của các nước láng giềng Đông Á mà người Trung Hoa đã học hỏi rất cẩn thận. Căn bản của chính sách này là gì? Thứ nhất là cải cách ruộng đất, đất cho người cày giúp làm tăng vọt lợi tức tại thôn quê; chuyển nhượng các lợi nhuận và lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp; thứ ba là mức độ tiết kiệm cao tạo ra vốn đầu tư; thứ tư, thuế suất thấp, mức độ cạnh tranh cao và sau cùng là việc mở cửa đón nhận ảnh hưởng bên ngoài. Việc mở cửa này không phải chỉ bao gồm riêng đầu tư hay kỹ thuật mà còn có cả hàng hóa, dịch vụ, đưa đến kết quả là sản phẩm có tiêu chuẩn quốc tế tác động trực tiếp vào nền kinh tế nội địa. Cho đến nay, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã cố gắng đưa tất cả những yếu tố đó vào trong nền kinh tế của mình. Nguy cơ hiện nay là đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ lại làm tàn lụi tất cả những cái đó.

Vấn đề ở đây không phải là độc tài chính trị mà thôi. Các nhà lãnh đạo cộng sản, cả Việt Nam lẫn Trung Quốc, cũng vẫn thường rêu rao và đưa bằng chứng về Đài Loan và Đại Hàn đã là những nước độc tài mà vẫn phát triển được trong một thời gian kéo dài đến hai ba mươi năm. Nhưng điều họ quên là hai nước này, tuy độc tài nhưng không có một hệ thống chính trị được đặt trên một cơ sở đòi hỏi ngay đến những quyết định kinh tế nhỏ nhất cũng phải có bàn tay của đảng.

Cho đến nay mọi dấu hiệu cho thấy những giám đốc xí nghiệp của Trung Quốc, những đảng viên nắm quyền tại những xí nghiệp này, đều có những kiến thức về thương mại không kém gì những doanh nhân phương Tây. Nhưng bù lại các phương tiện kiểm soát chính trị của đảng vẫn còn nguyên, thành ra những nhược điểm cơ bản của hệ thống này: nạn tham nhũng, tình trạng can thiệp vào hoạt động của xí nghiệp vì lý do chính trị, và việc bóp méo những hoạt động của thị trường mỗi khi có khó khăn, đã gần như phổ biến, đến nỗi quá nhiều người tin rằng không thể cải tổ một nền kinh tế cộng sản một cách từ từ.

Những người bi quan này đã đưa ra tấm gương của Hung Gia Lợi và Nam Tư cũ, đã thực hiện như vậy trong hai thập niên 70 và 80, và đã đạt được những kết quả khả quan ban đầu để rồi cuối cùng trở lại toàn bộ như cũ. Tuy nhiên một số người khác thì lại cho là nếu cải tổ chính trị mau quá cũng sẽ đưa đến một tình trạng suy thoái như là nền kinh tế cũ vì đòi hỏi chính phủ phải đưa ra nhiều quyết định lớn trên những vấn đề lớn mà chính những người phải quyết định không biết gì mấy.

May mắn Trung Quốc là một nước lớn, thành ra có thể thử nghiệm, cho phép các vùng được dò dẫm với các mô hình của mình. Nếu thành công thì mở rộng thêm ra các vùng khác. Nếu thất bại thì bỏ.

2. Cải tổ kinh tế kiểu Trung Quốc:

Con đường tiệm tiến chính là con đường Đặng Tiểu Bình đã vạch ra và vì tính tiệm tiến thành

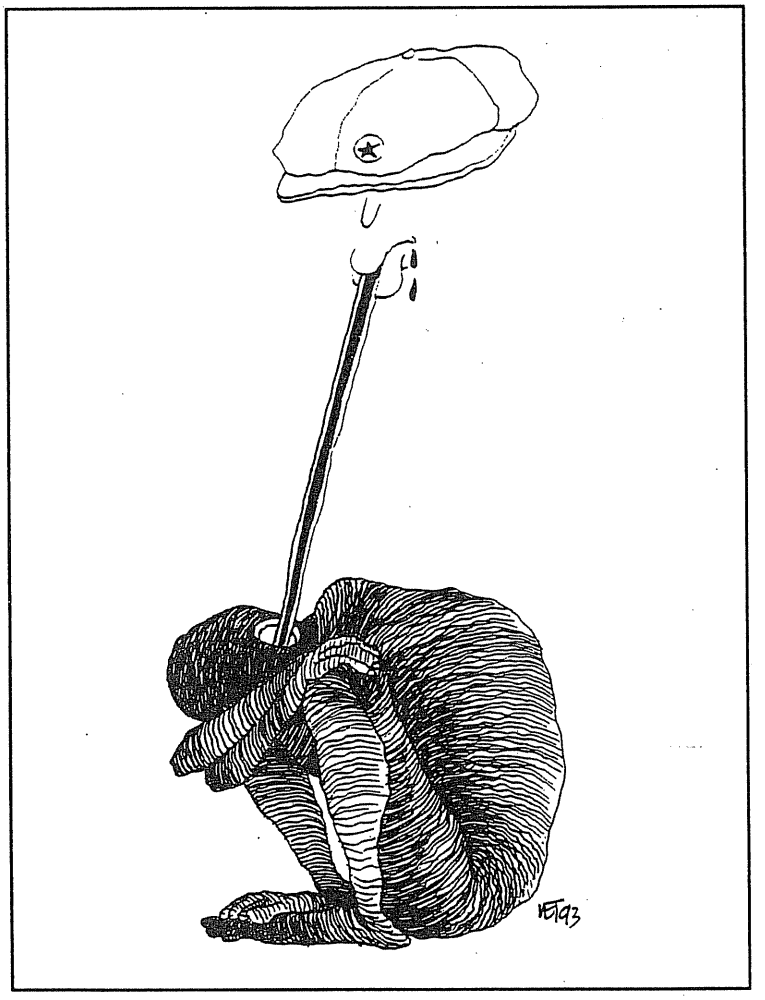

ra đầy mâu thuẫn cũng như căng thẳng nhất là trong vai trò của chính phủ.

2.1 Giai đoạn đầu do chính ông Đặng lãnh đạo chỉ đơn giản có hai việc. Thứ nhất tạo ra một nền kinh tế thị trường cho nông phẩm bằng cách bãi bỏ giá bán cưỡng bách đối với mọi nông phẩm ngoại trừ ngũ cốc, và thứ hai bằng cách hủy bỏ các công xã và hợp tác xã nông nghiệp để thay thế bằng những nông trại gia đình. Hai chính sách này đã thành công rực rỡ. Sản lượng tăng vọt lên và quan trọng hơn nữa, năng suất tăng vọt lên. Sản lượng tính theo đầu người trong nông nghiệp không tăng trong suốt thời gian từ 1950 cho đến 1978, trong khi đó dù rằng số người làm việc trực tiếp trong nông nghiệp sút giảm, sản lượng nông nghiệp đã tăng trung bình là 7% trong suốt thập niên 80. Điều này đã tạo nên cơ sở có thặng dư tiết kiệm trong khu vực nông thôn cần thiết để tài trợ việc công nghiệp hóa.

Lấy thặng dư giá trị từ nông nghiệp để công nghiệp hóa không phải là chuyện gì mới. Đó là chính sách mà Stalin và nhiều nước nghèo đói của châu Phi đã làm và đã thất bại. Cái hay của ông Đặng là không cưỡng bách lấy những thặng dư này bằng võ lực hay đìm giá mà bằng việc để cho nông dân trở nên giầu hơn thành ra ngoài vấn đề lợi ích kinh tế, ông Đặng cũng đã tạo cho mình một nhóm ủng hộ chiếm tới 3/4 dân số Trung Quốc.

Cùng lúc với thả tự do cho nông nghiệp là chính sách mở cửa bắt đầu bằng việc bãi bỏ độc quyền của một thiểu số cơ quan trung ương về ngoại thương. Bốn khu "kinh tế đặc biệt" cũng được thành lập, ba tại Quảng Đông sát với Hương Cảng và một tại Phúc Kiến đối diện với Đài Loan. Như vị trí của những khu này cho thấy, chúng được thành lập đầu tiên với mục tiêu là dụ dỗ các doanh nhân đồng hương từ Hương Cảng và Đài Loan. Chính sách mở cửa này đã biến đổi kinh tế Trung Quốc.

2.2 Cải tổ nông nghiệp, nếu chỉ dừng lại tại đó mà thôi, chắc chắn sẽ không đẩy Trung Quốc tiến mạnh như hiện nay. Để có thể chuyển tích lũy tạo ra từ nông nghiệp sang cho toàn ngành kinh tế, cần phải cải tổ thêm về công nghiệp. Và hai giai đoạn sau của công cuộc cải cách kinh tế của ông Đặng là về vấn đề công nghiệp. Hai giai đoạn sau này, một vào năm 1984 và một vào năm 1987 đã thực hiện được khá nhiều tuy rằng ngay bây giờ những khó khăn với lãnh vực quốc doanh vẫn còn chưa được giải quyết. Thực sự việc cải tổ công nghiệp này đã đi quá mức dự kiến và vượt ra ngoài tầm tay của các nhà lãnh đạo. Quan niệm đầu tiên là chỉ muốn cải tổ lại giá cả, trao cho thị trường vai trò định giá thay vì qua kế hoạch trung ương.

Tuy nhiên một trong những điều bất ngờ của việc mở cửa cũng như cải cách nông nghiệp là tạo ra một sự cạnh tranh mới. Cạnh tranh này bắt đầu từ nhiều nguồn, một là đầu tư ngoại quốc và hàng ngoại nhập, nhưng những yếu tố đóng vai trò mạnh hơn trong việc gây ra một môi trường có cạnh tranh lại khác:

Thứ nhất, sự tiếm quyền về kinh tế của các địa phương đối với trung ương, một hậu quả của những cuộc cạnh tranh quyền lực tại Trung Quốc kể từ sau khi Mao chết. Tất cả các tỉnh tại Trung Quốc đều ghen tị với sự thành công của Quảng Đông; các tỉnh này đều biết Quảng Đông có ưu điểm là nằm ngay cạnh Hương Cảng, nhưng bây giờ các lãnh đạo địa phương cũng nhận thức được là Hương Cảng chỉ đầu tư vào Quảng Đông vì chính sách thân tư bản và ít xí nghiệp quốc doanh của tỉnh này. Hậu quả là tất cả các tỉnh tại Trung Quốc đều thi đua tìm cách dụ dỗ đầu tư ngoại quốc, không những chỉ bằng những đặc quyền đặc lợi mà còn bằng các hình thức cải tổ khác nhau nhằm tạo ra một môi trường thuận tiện cho hoạt động kinh tế.

Điều thứ hai và có lẽ là yếu tố mạnh hơn cả là việc phát triển vượt bực của một hình thức tạm gọi là "công nghiệp nông thôn," thông thường do những nông dân, hoặc tập thể nông dân, tạo ra từ những nguồn lợi nhuận lấy được qua cải cách nông nghiệp. Đây là một điều đã gây ngạc nhiên không những cho thế giới bên ngoài mà còn cho ngay cả những người như ông Đặng Tiểu Bình nữa. Chính ông Đặng cũng phải thú nhận là ông không ngờ lại tạo ra một cuộc cách mạng kỹ nghệ tại nông thôn như vậy. Vì khi ông bãi bỏ các công xã ông chỉ hy vọng sẽ tăng được sản lượng nông nghiệp và lợi tức của nông dân mà thôi.

Năm 1978, chỉ có 1,5 triệu xí nghiệp không quốc doanh tại nông thôn sử dụng 28 triệu người. Đến năm 1991, số xí nghiệp nông thôn đã lên đến 19 triệu, sử dụng 96 triệu nhân công. Trong suốt thời gian đó, sản lượng của những xí nghiệp này đã tăng trung bình là 30%/năm và sản phẩm xuất cảng tăng 65%/năm. Năng suất tăng trung bình 15%/năm và đến năm 1992 các xí nghiệp nông thôn đã sử dụng 40% tổng số công nhân trong công nghiệp tại Trung Quốc, cung cấp 25% sản lượng và 25% xuất cảng. Nông thôn Trung Quốc đã biến đổi toàn diện. Trước khi cải cách kinh tế bắt đầu, nông nghiệp chiếm 70% tổng sản lượng tại nông thôn, nay nghề nông chỉ cung cấp 45% lợi tức và công nghiệp cũng xấp xỉ như vậy.

Tiến trình này đã tạo ra một nền kinh tế mỗi lúc một xa vời với mô hình xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu công nghiệp của Trung Quốc nay rất giống cơ cấu của các nước láng giềng châu Á, với sản lượng chính do một số khổng lồ những xí nghiệp nhỏ cung cấp. Và chiều hướng này ngày một gia tăng. Năm 1978, trước khi cuộc cải cách bắt đầu, khu vực quốc doanh cung cấp đến 78% sản lượng công nghiệp, nay chỉ còn trên một nửa, và dự trù sẽ chỉ còn 25% vào năm 2000.

Cải tổ kinh tế đã mang lại một bước tiến nhảy vọt cho Trung Quốc. Thay đổi quan trọng nhất là trong hiệu quả kinh tế. Theo quan điểm kinh tế, hiệu suất của một nền kinh tế được đo bằng số lượng tư bản và lao động cần thiết để tạo ra một sản lượng cho sẵn. Trong suốt thời gian trước cải tổ, hiệu suất này hầu như không tăng tại Trung Quốc. Sự phát triển nếu có chỉ nhờ vào gia tăng các nhập lượng tư bản và lao động chứ không do việc sử dụng những yếu tố này hữu hiệu. Nhưng bắt đầu từ 1978, hiệu suất này đã tăng vọt, và có lúc đã đạt đến 5%/năm cho các xí nghiệp tư. Những điều này cho thấy có một sự giảm thiểu

trong các hoạt động độc quyền lũng đoạn và là một bằng chứng của khả năng cạnh tranh gia tăng của Trung Quốc đối với thế giới.

Khi đưa ra chương trình cải tổ, ông Đặng Tiểu Bình tuyên bố mục tiêu của ông là xây dựng chủ nghĩa xã hội có đặc tính Trung Quốc. Nay, rõ ràng là điều ông Đặng thực hiện chính là chủ nghĩa tư bản với đặc tính Trung Quốc.

3. Vai trò của nhà nước:

Đại hội lần thứ 14 của đảng Cộng Sản Trung Quốc họp vào tháng Mười năm 1992 đã chính thức mở đầu đợt thứ tư của cuộc cải tổ kinh tế. Đợt cải tổ mới này sẽ phải giải quyết vấn đề căn bản quyết định Trung Quốc có thể tiếp tục tiến bước đến giai đoạn cất cánh hay là lại rơi vào tình trạng cũ. Vấn đề quan trọng nhất là tuy Trung Quốc đã thành công trong việc tạo ra một nền kinh tế thị trường ở cấp xí nghiệp, nhưng vẫn chưa giải quyết được vai trò kinh tế của nhà nước. Nghiêm trọng hơn nữa là Trung Quốc phải giải quyết vấn đề đó đúng vào lúc lạm phát bắt đầu bùng nổ.

Những vấn đề còn tồn tại quả thật là khó khăn. Dưới đây chỉ lược sơ một số vấn đề cần phải giải quyết, nếu Trung Quốc không muốn bị khựng lại.

3.1 Vấn đề phân hóa địa phương: Hiện nay tuy hàng hóa, sản phẩm có thể di chuyển khá tự do, nhưng con người vẫn chưa được tự do đi lại. Muốn đi từ tỉnh này sang tỉnh khác, phải được phép của công an địa phương nơi đi cũng như nơi đến. Ngay cả trong trường hợp hàng hóa thiết bị cũng vậy. Một hậu quả của địa phương hóa là mỗi địa phương nay tự thấy cần phải bảo vệ kinh tế của mình thành ra tệ nạn "ngăn sông cấm chợ." Nạn tham nhũng cũng đóng một vai trò quan trọng: hàng hóa chuyên chở từ nơi này sang nơi khác luôn luôn có nguy cơ gặp công an hay bộ đội đòi tiền mãi lộ mới cho đi, hoặc là phải chia chác một phần.

3.2 Hạ tầng cơ sở suy thoái: Với hầu hết mọi tài nguyên tập trung vào việc sản xuất kiếm lời, hạ tầng cơ sở đã bị bỏ quên, thiếu đầu tư. Trung Quốc chỉ đầu tư vào hệ thống chuyên chở, chẳng hạn, một tỉ lệ GDP bằng nửa của Đại Hàn hay Brasil. Hậu quả là chi phí chuyên chở đã tăng vọt lên. Ngoài ra vì chính phủ cố ý giữ giá năng lượng thấp, thành ra năng lượng sử dụng rất lãng phí, gây ra thiếu thốn. Hạ tầng cơ sở xã hội cũng bị bỏ quên. Trung Quốc có tỉ lệ sinh viên đại học thấp nhất thế giới.

3.3 Nạn quan liêu thư lại: Gánh nặng của nạn quan liêu thư lại không phải là nhỏ. Tại Trung Quốc cũng như tại Việt Nam, đây là một vấn đề nan giải. Trên một bình diện cao hơn, tính chất coi thường pháp luật của chính quyền đảng trị đã làm cho hệ thống hành chánh có tính cách tùy hứng, làm ảnh hưởng đến tính khả tín của các hợp đồng đã ký, cũng như tính an toàn trong tư hữu tài sản, mở đường cho những phung phí và nhũng lạm.

3.4 Thiếu hụt ngân sách: Một hậu quả trực tiếp của việc cải cách kinh tế là sự sút giảm thu ngân sách. Những số liệu đáng tin cậy do Ngân Hàng Thế Giới đưa ra cho thấy, thu ngân sách của chính phủ đã giảm từ 34% GNP vào năm 1978 xuống chỉ còn khoảng 20% vào năm 1992. Sự sút giảm này xuất hiện cả trong ngân sách trung ương lẫn ngân sách địa phương, nhưng tại trung ương nặng hơn.

Với cải tổ kinh tế, chính quyền trung ương đã mất đi nguồn thu quốc doanh từ các xí nghiệp quốc doanh. Nguồn thu chính hiện nay chỉ trông cậy vào một hệ thống thuế càng ngày càng không phù hợp với tình hình kinh tế mới. Ngoài ra, những nguồn thuế này lại không được thu trực tiếp từ trung ương mà qua địa phương. Thành ra mỗi năm vẫn phải có điều đình giữa trung ương và các địa phương về tỉ lệ thuế giao nộp khiến cho quyền hành của địa phương còn tăng thêm nữa. Nếu thu ngân sách không đủ để giữ mức thiếu hụt ngân sách vào khoảng 2% đến 3% GNP thì triển vọng phát triển mau lẹ của Trung Quốc có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.5 Hệ thống tài chánh và chính sách tiền tệ: Trung Quốc đã tiến một bước dài trong việc cải tổ so với trước. Các quyết định về tiết kiệm và đầu tư nay hầu hết do các cấp xí nghiệp hoặc cá nhân làm chứ không còn do lệnh của chính quyền nữa. Tài sản tư của dân chúng tính theo tỉ lệ GNP đã đạt được 51%, một mức tương đương với Nhật Bản vào năm 1954 (54%). Tuy nhiên các ngân hàng hầu hết vẫn còn cho vay theo chỉ thị của đảng và nhà nước hơn là căn cứ trên khả năng thương mại. Hậu quả, cũng như tại Việt Nam, là hầu hết các ngân hàng đều yếu kém.

Các biện pháp của ngân hàng trung ương để kiểm soát chính sách tiền tệ vẫn còn thô sơ. Tuy rằng ngân hàng nay có thể điều chỉnh lãi suất ngắn hạn cũng như tăng giảm dự trữ bắt buộc của ngân hàng thương mại, nhưng trên thực tế vẫn còn phải áp dụng những biện pháp về kiểm soát tiền tệ, tín dụng. Điều này đã khiến cho lâu lâu cũng lại có vấn đề thiếu hụt tiền mặt.

3.6 Lạm phát và suy thoái: Việc chuyển sang kinh tế thị trường đã khiến cho kinh tế Trung Quốc cũng chịu ảnh hưởng của những chu kỳ thương mại (business cycle). Lần chót điều này xảy ra là vào năm 1988 khi giá cả tăng vọt tại các thành thị khiến dân chúng đổ xô rút tiền khỏi ngân hàng và mua đồ tích trữ.

Chính sách khắc khổ đề ra vào cuối năm 1988 đã là nguyên nhân trực tiếp gây ra những vụ biến động kết thúc bằng vụ biểu tình và đàn áp tại Thiên An Môn. Nay một chu kỳ mới đã bắt đầu. Kể từ cuối năm 1992, giá cả đã tăng vọt lên tại các thành phố. Vừa qua, chính phủ Trung Quốc cũng đã phải công nhận có vấn đề lạm phát và đưa ra một số biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên những biện pháp này hãy còn quá yếu không đủ sức để làm nguội nền kinh tế nóng bỏng.

Trong trường hợp chính quyền phải đưa ra những biện pháp cứng rắn hơn, chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Điều nguy hiểm là lần này đã có vấn đề bất mãn trong giới nông dân vì các nông phẩm không theo kịp đà của các sản phẩm công nghiệp. Vừa qua chính quyền Trung Quốc đã phải nhượng bộ các nông gia bằng cách bảo đảm giá cả. Nếu áp dụng những biện pháp cứng rắn để làm nguội nền kinh tế, có nhiều triển vọng là sẽ có những biến động xã hội ở một mức độ có

thể còn lớn hơn là những vụ biến động năm 1989.

4. Đầu tư ngoại quốc và cải tổ kinh tế:

Có lẽ điều Trung Quốc giống các nước tại Á Châu nhất, và khác với các nước thuộc khối Liên Xô cũ nhất, là chính sách đối với đầu tư nước ngoài và ngoại thương. Cũng giống như những cải tổ khác, cải tổ về phương diện ngoại thương của Trung Quốc đã đưa lại những kết quả bất ngờ mà chính những người đưa ra chính sách không hề mơ tưởng đến. Năm 1978, kinh tế Trung Quốc còn là một trong những nền kinh tế cô lập nhất thế giới, với hầu hết xuất cảng là dầu hỏa. Ngoại thương và ngoại hối là độc quyền của chính quyền trung ương, dùng lợi nhuận thu được để yểm trợ cho chính sách thay thế nhập cảng của kế hoạch. Số đầu tư trực tiếp của nước ngoài chưa đầy 300 triệu đô la một năm.

Từ năm 1980 đến nay, số lượng xuất cảng của Trung Quốc đã tăng trung bình 12%/năm, và người ta dự trù ngoại thương Trung Quốc đến năm 1995 có thể đạt đến 300 tỉ đô la một năm. Xuất cảng tăng vọt lên gấp năm lần so với 1978 và 80% hàng xuất cảng nay là sản phẩm công nghiệp chế biến. Ngoại thương bây giờ không còn là độc quyền của một cơ quan nữa. Nay đã có đến 3700 công ty xuất nhập cảng rải rác khắp nơi trong nước. Các công ty này được giữ lại phần lớn ngoại tệ thu được và có thể bán những ngoại tệ đó ra thị trường tại những nơi gọi là trung tâm trao đổi. Năm 1991 đã có 29 tỉ đô la được mua đi bán lại tại những trung tâm này.

Đến năm 1992 đã có tất cả 20.000 dự án đầu tư ngoại quốc với tổng số đầu tư là 22 tỉ đô la. Riêng năm 1991 có 3,5 tỉ đô la đầu tư và trong chín tháng đầu của năm 1992, chính quyền Trung Quốc đã cấp giấy phép đầu tư cho 27.000 dự án với tổng số vốn đầu tư lên đến 30 tỉ đô la. Cố nhiên là, cũng như tại Việt Nam, hầu hết những dự án này chắc chỉ ở trên giấy tờ. Tuy nhiên điều đáng ngạc nhiên là trong chín tháng đầu của năm 1992, đã có 6,6 tỉ đô la thực sự đầu tư vào, một con số gần gấp đôi cả năm 1991. Theo dự phóng của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Trung Quốc thu hút đến 1/4 tổng số đầu tư ngoại quốc vào những nước đang phát triển tại Châu Á, và 15% tổng số đầu tư vào những nước đang phát triển trên toàn thế giới.

Tuy nhiên tương lai của đầu tư ngoại quốc vào Trung Quốc hãy còn có nhiều điểm đáng ngại. Có lẽ Trung Quốc là nước lớn độc nhất đã cố ý mở cửa, dùng đầu tư nước ngoài như một phương tiện phát triển, điều mà Nhật Bản cũng như Nam Triều Tiên không làm. Hiện nay các xí nghiệp liên doanh hoặc hoàn toàn của người nước ngoài đã chiếm 25% tổng số xuất cảng của Trung Quốc. Với chính sách mới mở cửa cho các xí nghiệp nước ngoài tham gia vào lãnh vực dịch vụ, có lẽ đây là một cơ hội lớn nữa cho các nhà đầu tư nước ngoài. Dịch vụ tại Trung Quốc mới chỉ chiếm 20% GNP, bằng nửa tỉ lệ của Ấn Độ hay Indonesia. Trung Quốc đã cấp giấy phép cho Yaohan, một công ty thương mại Nhật Bản mở một tiệm bách hóa lớn nhất Á Châu tại Thượng Hải. Ngoài ra công ty American International Group, một công ty bảo hiểm của Mỹ, cũng được phép mở chi nhánh tại Thượng Hải sau 43 năm vắng mặt. Với việc mở cửa lãnh vực dịch vụ cho đầu tư nước ngoài, giới lãnh đạo Trung Quốc hy vọng có thể hấp thụ những công nhân bị sa thải trong lãnh vực quốc doanh. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được những kết quả tốt, cần phải có một sự thay đổi lớn.

Thay đổi đó là gì? Người nói rõ nhất nhu cầu cần phải thay đổi có lẽ là ông Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng Singapore. Ông Lý nêu lên là cho đến nay đến 80% đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc là từ các Hoa kiều hải ngoại, Hương Cảng và Đài Loan. Lý do chính là những người này có những quan hệ và đường dây liên lạc với nội địa. Lý do nữa là họ cũng quen thuộc với cách làm ăn tùy tiện của Trung Quốc. Nhưng theo ông Lý, nếu Trung Quốc muốn thụ hưởng toàn diện kỹ thuật và phương thức quản lý

của phương Tây và Nhật Bản, thì Trung Quốc phải phát triển một chính thể pháp trị. Hiện nay cơ quan trọng tài kinh tế Trung Quốc không có quyền đối với tòa án trong nước vì tòa án không chịu quyết định chống lại phe bản xứ. Điều này không thể tiếp tục mãi nếu Trung Quốc hy vọng hấp dẫn được những gì hay nhất của thế giới. Và vấn đề sau cùng làm doanh nhân nước ngoài e ngại chính là trái bom nổ chậm: Đảng Cộng sản Trung Quốc.

5. Vấn đề đảng Cộng Sản Trung Quốc:

Điều bí hiểm và cũng là điều khiến người ta e ngại trong tương lai là làm sao một đảng như đảng Cộng Sản Trung Quốc với một ý thức hệ trái ngược hẳn với hệ thống kinh tế thị trường, lại có thể tạo ra được một cảnh tượng tiến bộ kinh tế kỳ diệu như vậy. Nếu đảng Cộng Sản tan vỡ thì liệu tiến bộ kinh tế có còn không?

Trở về đại hội lần thứ 14 đảng Cộng Sản Trung Quốc tại Bắc Kinh tháng Mười vừa qua, ngoài mặt mọi chuyện đều có vẻ tốt đẹp. Tổng bí thư đảng, ông Giang Trạch Dân, trong bài diễn văn hai tiếng đồng hồ quan trọng nhất đã xác nhận lại những gì mà trước đó chín tháng ông Đặng Tiểu Bình ,trong chuyến viếng thăm miền Nam Hoa, đưa ra. Khoảng một nửa số thành viên Ủy Ban Trung Ương Đảng bị thay thế bởi những thành phần trẻ hơn, chuyên môn hơn, và quan trọng hơn cả, đại diện cho quyền lợi của các địa phương hơn là trung ương.

Bộ Chính Trị cũng thay đổi, mặc dầu ở đây có sự cân nhắc để cân bằng ảnh hưởng giữa phái bảo thủ và phái cải cách. Tuy nhiên Ban Thường Vụ bộ Chính trị rõ ràng được đưa vào hướng cải cách. Hai nhân vật đồng minh của ông Trần Vân, lãnh tụ phái bảo thủ và là người độc nhất có ảnh hưởng trong đảng tương đương với ông Đặng Tiểu Bình, bị thay thế. Trong Ban Thường Vụ mới, nổi nhất là ông Châu Dong Cơ, cựu thị trưởng Thượng Hải, một đàn em thân tín của ông Đặng, và được giao quyền tối cao trên các vấn đề kinh tế. Những thay đổi trong hàng lãnh đạo này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến chính sách kinh tế, nhưng thay đổi chính nằm trong tương lai.

Chính trị ở cấp lãnh đạo trong đảng Cộng Sản Trung Quốc là một thứ chính trị tàn nhẫn và đầy âm mưu. Điều đó đúng cho nhiều nước, kể cả những nước gọi là dân chủ như Anh, Mỹ, nhưng tại Trung Quốc, chính trị này còn có tính cách cá nhân và bất chấp luật pháp, thành ra rất dễ gây xáo trộn, tuy rằng trái với Liên Xô, Trung Quốc không thường thanh toán những đối thủ thất bại. Ông Đặng Tiểu Bình, con người nhiều quyền lực nhất Trung Quốc, chỉ giữ hai chức vụ chính thức. Ông là chủ tịch danh dự Hiệp Hội Chơi Bài Bridge của Trung Quốc và chủ tịch danh dự Hội Tống Khánh Linh, một cơ quan từ thiện. Quyền lực tại Trung Quốc không nằm trong chức vụ hay cơ chế mà có tính cách cá nhân và dựa vào quan hệ.

Ông Đặng đạt được quyền lực cá nhân nhờ quá trình hoạt động suốt từ thời thập niên 1930 đến nay, vừa với tư cách Tư lệnh quân đội vừa với tư cách lãnh đạo đảng. Nhưng những người ông chọn để thừa kế không có được những liên hệ và ảnh hưởng cá nhân như ông thành ra khó có hy vọng những người này có thể còn bền vững sau khi ông Đặng chết. Ông Giang Trạch Dân không được quân đội kính trọng và bị giới chuyên viên coi thường. Ông Châu Dong Cơ thì có nhiều kẻ thù vì thái độ bộc trực của ông. Kinh nghiệm của quá khứ cho thấy các lãnh tụ thường khó chọn người thừa kế. Ông Hoa Quốc Phong, người được ông Mao đặc biệt lựa chọn để thay thế với câu nói "Có chú ta chết cũng an tâm," chỉ tại vị được có hai năm sau khi ông Mao chết năm 1976. Cái chết của ông Đặng chắc hẳn cũng sẽ đưa đến một cuộc tranh giành quyền lực cũng tàn nhẫn và rộng lớn như hồi năm 1976.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ tan rã. Trong suốt 44 năm đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền, trung bình đã có đến một nửa số thành viên ban Thường Vụ Bộ Chính Trị bị thanh trừng vì "lỗi lầm," và mỗi cuộc thanh trừng đều đến đột ngột như một tiếng sét: Việc loại bỏ bè lũ Tứ Nhân Bang sau khi Mao chết, việc hạ bệ Hoa Quốc Phong và gần đây việc thay thế Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương, đều là những chuyện đột ngột. Nhưng một khi cuộc thanh trừng xảy ra xong, mọi chuyện lại trở lại như cũ trong guồng máy đảng.

Lý do của chuyện này là vì đảng Cộng Sản đã len lỏi hầu như vào trong mọi khía cạnh của cuộc sống tại Trung Quốc. Các đảng bộ nắm quyền kiểm soát trong một hệ thống chằng chịt từ trung ương đến địa phương và các đảng viên được mua lòng trung thành bởi những quyền lợi. Đối với dân chúng, đảng không trông đợi ở lòng trung thành của họ. Đảng chỉ đòi hỏi ở họ sự tuân lệnh và dùng các hệ thống kiểm soát như kiểm soát nhân hộ khẩu, đăng ký di trú, v.v..., để giữ cho không có bạo loạn.

Điều này thật giống hệ thống các đảng Cộng Sản khác tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã bị sụp đổ trong mấy năm vừa qua, nhưng có mấy điều khác biệt quan trọng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Thứ nhất Trung Quốc hãy còn là một nước mà 3/4 dân chúng là nông dân. Cho đến nay đảng Cộng Sản tương đối hãy còn được lòng dân quê khá nhiều và đảng đến nay đã khá thành công trong việc đáp ứng nhu cầu của nông dân. Khác biệt thứ hai là không có một trung tâm quyền lực nào khác có thể thay thế. Liên Xô chỉ sụp đổ sau sáu năm Glasnost đã tạo ra một nền dân chủ thô sơ và sự hiện diện của Boris Yeltsin. Hiện nay chưa có dấu hiệu nào tỏ ra điều đó đã xuất hiện tại Trung Quốc. Một nhà báo đối lập ở Thượng Hải, bị bắt sau vụ Thiên An Môn, cũng phải nói: "Thay thế cho chế độ Cộng Sản tại Trung Quốc chỉ sợ không phải là một chế độ dân chủ. Nếu đảng Cộng Sản sụp đổ, tôi sợ kẻ nắm quyền sẽ là quân đội, công an, hoặc là tình trạng sứ quân."

6. Lịch sử không thể đảo ngược:

Có lẽ điều giúp đảng Cộng Sản Trung Quốc tồn tại thêm một thời gian nữa là hiện nay vấn đề độc nhất được, từ các lãnh tụ đến các đảng viên, quan tâm là làm

sao giữ được quyền lực. Vai trò ý thức hệ cộng sản đã không còn nữa. Người ta không còn nhắc đến những lý tưởng trong sạch và bình đẳng như hồi còn Mao hay thời Cách Mạng Văn Hóa. Phản ứng của ông Đặng Tiểu Bình và các lãnh tụ đảng đối với việc sụp đổ của Liên Xô là đẩy mạnh thêm cải cách kinh tế. Ông cho rằng điều duy nhất để đảng còn có lý do nắm quyền là tiến bộ kinh tế. Tuy nhiên, sớm hay muộn, đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng phải giải quyết một mâu thuẫn căn bản: Muốn thành công trong nhiệm vụ cải tổ này, đảng Cộng Sản phải không còn là đảng Cộng Sản. Liệu những người Cộng Sản Trung Quốc có đủ thực tế để chấp nhận điều đó hay không?

Những năm vừa qua, những kiểm soát chặt chẽ vào đời sống của nhân dân đã giảm bớt đi nhiều. Với điều kiện không dính líu vào vấn đề chính trị, người dân thành thị có thể có những tự do mà 15 năm trước họ không dám mơ tưởng tới. Công an và đảng bộ địa phương nay đã không soi mói vào đời tư của các gia đình. Người ta có thể tự do tiêu tiền theo ý thích. Người ta có thể thay đổi công việc hoặc đổi chỗ ở dễ dàng.

Nhưng mục tiêu tối hậu của việc cải tổ vẫn là một nền kinh tế hiện đại. Và một nền kinh tế hiện đại đòi hỏi một xã hội pháp trị trong đó con người có quyền tự do. Điều này trái ngược hẳn với một hệ thống kiểm soát chính trị về căn bản vẫn còn y nguyên của đảng Cộng Sản. Muốn tiến bộ thêm sẽ đến lúc đảng Cộng Sản phải lựa chọn giữa phát triển kinh tế và kiểm soát chính trị. Nhưng lúc nào phải lựa chọn, đó là vấn đề hiện nay chưa ai biết.

Một trong những đại công ty của Hương Cảng không đầu tư vào Trung Quốc trong suốt 13 năm đầu của cải cách kinh tế, bỗng nhiên năm 1993 đầu tư vào một dự án lớn. Lý do công ty này đưa ra là: "Sau khi nghiên cứu cẩn thận, chúng tôi đi đến kết luận là những cải tổ này đã thành phổ quát và không thể đảo ngược."

Tại sao lại không thể đảo ngược? Có lẽ câu trả lời hay nhất cũng lại là của ông Lý Quang Diệu: "Tôi nghĩ ông Đặng là một vĩ nhân. Ông biết ông phải làm

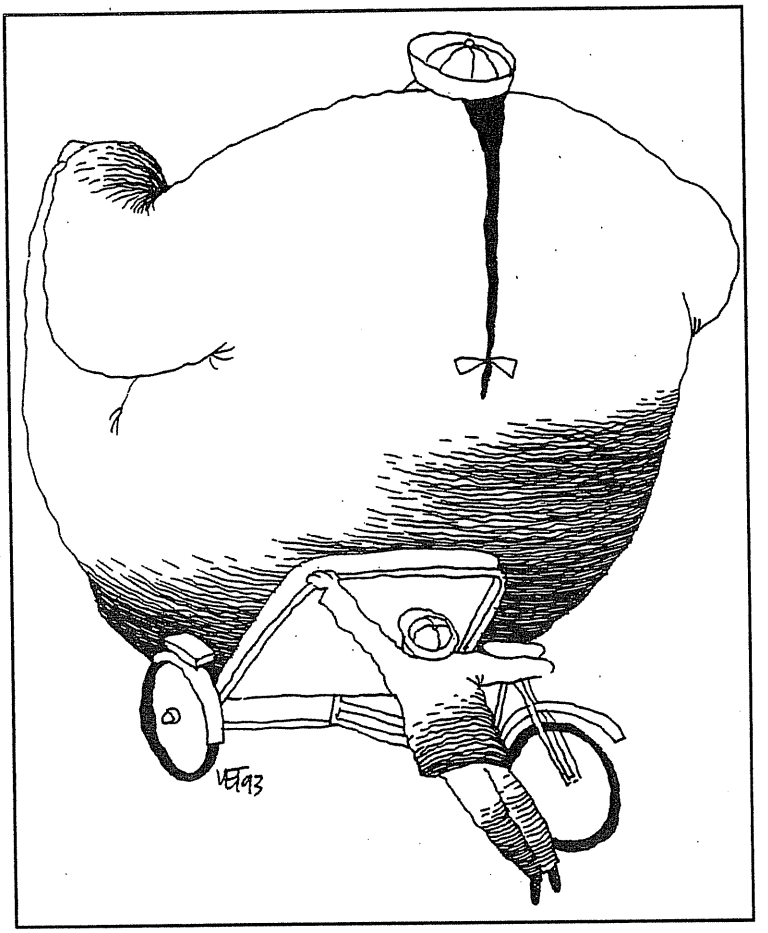

những gì. Ông cố ý mở cửa hệ thống, ông cố ý mở cửa Trung Quốc cho ảnh hưởng bên ngoài. Ông biết rằng mở ra thì không thể đóng lại được nữa. Người ta không thể đóng được đầu óc con người. Bây giờ không còn là vấn đề các lãnh tụ muốn gì nữa. Nếu các lãnh tụ không mang lại tiến bộ và phồn vinh để thay thế tình trạng nghèo đói và lạc hậu thì sẽ có một cuộc cách mạng thật sự tại Trung Quốc. Một cuộc cách mạng trong đó quân đội sẽ đổi bên và bắn vào những bộ trưởng của chính phủ. Đó cũng là một truyền thống của Trung Quốc. Dân chúng nay đã biết lỗi lầm chính nằm ngay trong hệ thống đảng. Họ đã nhìn thấy Đài Loan. Họ đã nhìn thấy những người Đài Loan trở về mang quà cáp cho bà con thân thích. Họ nhìn sang Hương Cảng. Nếu cũng những người Hoa tại Singapore và Đài Loan có thể đạt được tiến bộ mà ở Trung Quốc không làm được thì lỗi lầm chính là hệ thống Cộng sản ngu dốt mà Mao du nhập vào. Và họ nói cần phải vứt bỏ nó đi. Đòi hỏi phát triển thành ra không thể đảo ngược được. Nhưng chính họ và những lãnh tụ của họ cũng không muốn đảo ngược."

Hy vọng hiện nay là Trung Quốc sẽ thành công trong giai đoạn lựa chọn sắp tới giữa chế độ Cộng sản và tiến bộ kinh tế. Áp lực lựa chọn sẽ càng ngày càng tăng mạnh. Một tốc độ phát triển kinh tế 8%, 9%/năm có vẻ quá cao. Nhưng nếu Trung Quốc không đạt được tốc độ này, Trung Quốc không có một hy vọng nào hấp thụ được khoảng trên 180 triệu người nữa sẽ tham gia vào lực lượng lao động từ đây đến năm 2000. Điều may mắn là tại cấp dưới trong đảng người ta cảm thấy có một mong muốn canh tân mạnh mẽ. Đâu đâu, từ cấp ủy đảng đến giám đốc xí nghiệp, đến dân thường, đều chỉ quan tâm đến đầu tư, buôn bán, và cải cách kinh tế. Những điều e ngại của các lãnh đạo và những người nắm an ninh tại Bắc Kinh đã trở nên càng ngày càng xa vời tại phần còn lại của Trung Quốc.■

ĐẠI HỘI VĂN BÚT QUỐC TẾ KỲ THỨ 60

TỔ CHỨC TỪ NGÀY 6 - 12.9.1993 TẠI SANTIAGO DE COMPOSTELA / TÂY BAN NHA

TƯỜNG LAM

Ghi chú: Bài này chỉ ghi lại những chuyện bên lề, muốn biết thêm chi tiết xin đọc bài "Những Nẻo Đường Văn Chương" của T.s Bùi Hạnh Nghi

Máy bay cất cánh từ phi trường Frankfurt a.M trễ mất 45 phút, nhưng đáp xuống sân bay Santiago de Compostela thuộc tiểu bang Galicia / Tây Ban Nha lúc 17 giờ 55 phút đúng như giờ đã ấn định. Hai phần ba trên chuyến bay này là tham dự viên Đại Hội Văn Bút Quốc Tế. Ngoài phái đoàn Đức, nhận thấy có những Đại Biểu các nước sau đây: Nhật Bản - Đại Hàn - Đài Loan - Nga - Hung Gia Lợi (trong đó có Gyorgy Konrád đương kim Chủ Tịch Văn Bút Quốc Tế) - Nam Tư - Áo và Đức Quốc.

Vừa rời khỏi máy bay đã thấy ngay phái đoàn Văn Bút/Trung Tâm Galicia, Trung tâm nầy chịu trách nhiệm tổng quát về đại hội kỳ nầy - và ông Alexandre Blokh / Tổng Thư Ký VBQT đến tận phi trường đón tham dự viên. Mặc dầu chuyến bay kéo dài hơn bốn giờ nhưng hầu hết tham dự viên không ai cảm thấy mệt. Đại biểu Trung Tâm Văn Bút Đài Loan còn cho biết: từ Taiwan đến Frankfurt kéo dài mười sáu giờ bay, đến Frankfurt lại phải ngồi chờ thêm tám tiếng mới có chuyến bay sang Santiago de Cpmpostela. Thật là vất vả! Để bù đắp, Santiago de Compostela đã dành cho một buổi hoàng hôn thật tuyệt vời. Mặc dù cuối hè nhưng hai bên đường trải dài từ phi trường về trung tâm thành phố những luống rau xanh mướt, táo vẫn còn đỏ rực trên cành, gió hây hây thổi, xa xa những cánh đồng bắp phe phẩy dưới ánh chiều tà, phác họa trước mắt một bức tranh rất là ngoạn mục.

Santiago hay là San Tiago (San = Thánh - Tiago = Jakob) Compostela (Compos = cánh đồng - Stela = sao)

Jakob là một rong mười hai vị Thánh Tông Đồ bị chém tại thành Jerusalem vào năm 44, sau đó đã được đưa về chôn cất tại Iria-Flavia (tên gọi cũ của Santiago). Đầu thế kỷ thứ 9, Đức Giám Mục Teodomiro khám phá ra ngôi mộ thánh Jakob cho nên mới đổi tên thành phố này là Santiago. Từ đó Santiago trở thành một trong ba Thánh Địa: Jerusalem - Roma - và Santiago nơi hành hương của tín đồ Thiên Chúa Giáo. Vào buổi tối đoàn hành hương thắp nến đọc kinh dọc theo các nẻo đường dẫn đến công trường trước ngôi mộ thánh Jakob, trông xa như cánh đồng đầy sao cho nên mới gọi là Santiago de Compostela.

Vào thế kỷ thứ 10 vua Alphone thứ II và Alphone thứ III đã cho xây cất ngôi Thánh Đường trên ngôi mộ thánh Jakob và một số tu viện quanh đó. Trải qua bao cuộc chiến với Á Rập, ngôi Thánh đường đã bị tàn phá, mãi đến cuối thế kỷ thứ 11 vua Alphone VI mới cho xây cất Vương Cung Thánh Đường nguy nga lộng lẫy theo kiểu Gothique với ít nhiều dấu vết của kiến trúc Roman, còn tồn tại cho đến ngày nay. Đầu thế kỷ thứ 12 Đức Tổng Giám Mục Gelmirez đã vinh danh thành phố này với biệt hiệu: "Trung Tâm Tôn Giáo và Văn Hóa".

Santiago de Compostela còn là Thủ Đô của tiểu bang Galicia, tự trị, có ngôn ngữ riêng, có chính quyền độc lập, gồm có Thủ Hiến, Bộ Trưởng các ngành, không lệ thuộc Tây Ban Nha (ngoại trừ Tài Chánh, Ngoại Giao và Quốc Phòng).

Galicia nằm về phía Tây Bắc / Tây Ban Nha. Diện tích khoảng 30,000 cây số vuông. Dân số khoảng 3 triệu sống rải rác với nghề canh nông và chăn nuôi. Riêng thủ đô Santiago de Compostela gồm có 120,000 dân cư, trong số đó có đến 30,000 sinh viên, vì đại học Santiago de Compostela là một trong những trường đại học lớn nhất và quan trọng nhất của Tây Ban Nha. Ngoài canh nông và chăn nuôi Santiago de Compostela còn phát triển về kỹ nghệ, nhưng mối huê lợi mang lại nhiều nhất là du khách. Đặc biệt năm nay là Năm Thánh, thành phố này đón chào khoảng 6 triệu người đến hành hương Thánh Địa. Cứ đến năm nào lễ thánh Jakob 25.7 nhằm vào ngày Chủ Nhật thì chọn năm ấy làm Năm Thánh. Tính theo Dương Lịch thì cứ 6 năm, 5 năm, 6 năm, 11 năm có Năm Thánh một lần.

Các sinh hoạt của Đại Hội được tổ chức tại hai địa điểm:

- Thính Đường Đại Học
- Khách Sạn Reis Catolicos

hai địa điểm này cách xa nhau khoảng 3 km. Thêm vào đó các tham dự viên được chia ra ở bốn khách sạn xa nhau nên vấn đề di chuyển khá phức tạp, lãng phí thì

giờ, mặc dầu Ban Tổ Chức đã dự liệu đầy đủ xe Bus để đưa đón tham dự viên theo giờ ấn định. So với những lần đại hội trước đây được tổ chức trong các khách sạn lớn như Hilton, Park Hotel.v.v... trong đó có nhiều phòng họp lớn, nhỏ, trang bị đầy đủ máy móc cần thiết, tham dự viên lưu trú tại đó, có dịp gặp gỡ trao đổi với nhau những đề tài trong đại hội.

Năm nay có 69 Trung Tâm cử phái đoàn đến tham dự, gồm tất cả khoảng 300 tham dự viên.

Chủ đề của Đại Hội Văn Bút Quốc Tế kỳ thứ 60 là "NHỮNG NẺO ĐƯỜNG VĂN CHƯƠNG"

Chủ đề được chia ra thành 6 tiểu đề:

- Phụ Nữ và Văn Chương
- Văn Chương và Xã Hội
- Văn Chương và Dân Tộc
- Văn Chương và Truyền Thông
- Văn Chương Quốc Gia và Văn Chương Thế Giới.

Sáu tiểu đề vừa kể được dùng làm đề tài cho sáu buổi hội thảo bàn tròn cho tất cả tham dự viên và người ngoài hội viên muốn dựthính. Mỗi buổi hội thảo được mở đầu bằng các bài tham luận của sáu văn thi sĩ được chọn (đa số thuộc Trung Tâm Văm Bút Galicia) sau đó tham dự viên bình luận. Họ đóng góp rất tích cực, làm cho buổi hội thảo thêm phong phú và hào hứng. Tưởng cũng nên nói thêm: Trong suốt kỳ đại hội, ba ngôn ngữ được sử dụng là Anh, Pháp và tiếng Galicia (thổ ngữ riêng biệt của người Galicia); tất cả bài tham luận, lời phát biểu đều được chuyên viên trực tiếp chuyển ngữ.

Đại Hội được khai mạc rất long trọng dưới sự chủ tọa của Thủ Hiến Tiểu Bang Galicia và Bộ Trưởng Văn Hóa Giáo Dục cũng như Chủ Tịch - Phó Chủ Tịch - Tổng Thư Ký VBQT và Bà Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Galicia. Tiếp theo là buổi dạ tiệc do Trung Tâm Văn Bút Galicai và Bộ Văn Hóa Giáo Dục Tiểu Bang này khoản đãi.

Song song với các buổi họp của Ban Chấp Hành Văn Bút Quốc Tế và buổi họp của Đại Biểu các Trung Tâm, một sinh hoạt khác trong khuôn khổ đại hội là họp các Ủy Ban.

Văn Bút Quốc Tế có các Ủy Ban sau đây:

- Ủy Ban Văn Thi Sĩ Bị Cầm Tù
- Ủy Ban Phụ Nữ
- Ủy Ban Hòa Bình
- Ủy Ban Dịch Thuật và Bảo Vệ các ngôn ngữ thiểu số.

Phạm vi bài này không cho phép ghi lại tỉ mỉ về nội dung các buổi họp, chỉ xin nói qua vài chi tiết:

- Ủy Ban Văn Thi Sĩ Bị Cầm Tù - Đại diện của các Trung tâm trình danh sách các Văn Thi Sĩ Bị Cầm Tù và trình kiến nghị, kêu gọi mỗi Trung Tâm nhận đỡ đầu thêm một số Văn Thi Sĩ mà chưa có Trung Tâm nào nhận đỡ đầu và xin họ đấu tranh cho sớm được trả tự do, đồng thời giúp đỡ thuốc men và tài chánh.

Các Trung Tâm đã nhận đỡ đầu các Văn Thi Sĩ Bị Cầm Tù cho biết kết quả đấu tranh của họ trong năm qua. Đặc biệt Đại Biểu Trung Tâm Văn Bút Bỉ quốc / vùng nói tiếng Pháp cho biết: Văn Sĩ Nguyễn Khắc Chính qua sự đấu tranh của Trung Tâm Văn Bút Bỉ đã được trả tự do và rời khỏi Việt Nam vào tháng Tám vừa qua, nay đã sang Mỹ đoàn tụ với gia đình.

- Ủy Ban Dịch Thuật bàn về nhu cầu chuyển ngữ và khó khăn về tài chánh trong việc ấn loát và xuất bản. Để xúc tiến việc chuyển ngữ, đã đề ra phương thức bảo vệ và phát triển các ngôn ngữ thiểu số. Ủy Ban sẽ tổ chức một phiên họp bất thường tại Mallorca từ ngày 15 đến 18-12-1993 để vạch chương trình làm việc cụ thể.

- Ủy Ban Phụ Nữ bắt đầu hoạt động từ kỳ Đại Hội VBQT tại Wien, tháng 11 năm 1991; nhóm Nữ Văn Thi Sĩ đã ngồi lại với nhau, kêu gọi thực hiện chung một số công tác liên quan đến phụ nữ. Sau hai năm âm thầm làm việc, kỳ Đại Hội này đã cho ra mắt tờ Nội San đầu tiên, lấy tên: NETWORLK (Anh) LE RÉSEAU (Pháp) LA RED (Tây Ban Nha) tiếng nói của Nữ Văn Thi Sĩ/Thành viên của VBQT, mỗi bài được viết bằng 3 thứ tiếng: Anh, Pháp và Tây Ban Nha.

Tờ Nội San còn ghi: ngày mồng 8 tháng 3 hằng năm lâu nay đã được chọn làm ngày Phụ Nữ Quốc Tế, năm nay tại San Muguel / Mễ Tây Cơ nhóm Nữ Văn Thi Sĩ thuộc vùng này đã tổ chức một buổi sinh hoạt văn hóa lấy tên: "Sự Thầm Lặng của Phụ Nữ Châu Mỹ La Tinh", dịp này họ đã đọc một số tác phẩm Thơ, Văn của năm nữ sĩ Châu Mỹ La Tinh đang bị cầm tù, bị giết chết hoặc còn mất tích vì đã lên tiếng đấu tranh cho phụ nữ tại quốc gia của họ. Ngoài ra các Nữ Văn Thi Sĩ vùng này cũng đề ra phương pháp chống nạn mù chữ, đặc biệt cho nữ giới, đồng thời họ cũng hợp tác với các chính quyền Trung Mỹ thành lập một ủy ban đặc trách lo cho các bà góa tại Guatemala và con cái của họ, bất luận nạn nhân của phe nhóm nào. Cũng xin giải thích thêm, gần 20 năm nay nội chiến tại Guatemala đã giết chết bao nhiêu sanh mạng để lại hàng chục nghìn vợ góa con côi.

Đặc biệt năm nay vào dịp Hội Chợ Sách tại Frankfurt A.M. từ 6 - 10-10-1993 nhóm Nữ Văn Thi Sĩ sẽ có một quầy thông tin, để tạo môi trường gặp gỡ cho các Nữ

Văn Thi Sĩ trên thế giới và các nhà xuất bản đến tham dự hội chợ, họ sẽ mời một số nữ Văn Thi Sĩ danh tiếng đến quầy thông tin này nói chuyện.

Công tác đặc biệt nhất của Ủy Ban Phụ Nữ trong thời gian qua là đã thành công trong việc vận động với Unesco chịu mọi phí tổn xuất ngoại cho các nữ văn sĩ danh tiếng nhưng nghèo, để họ có cơ hội ra nước ngoài quảng bá tác phẩm của họ, đồng thời Ủy Ban Phụ Nữ cũng vận động với các Đại Học trên thế giới mời các Nữ Văn Thi Sĩ danh tiếng mà không có phương tiện tài chánh, đến giới thiệu tác phẩm của họ. Năm nay người đầu tiên được chọn là nữ sĩ Ama Ata aidoo người Ghana sẽ được mời đến Đại Học New York để giới thiệu văn chương Phi Châu. Năm 1994 nữ tiểu thuyết gia Dubravka Ugaresic người Croatia, không những nổi tiếng tại quê hương của Bà mà ngay tại Đức quốc cũng được ưa chuộng, sẽ được Đại Học Northwestern mời sang giới thiệu tác phẩm của Bà vào mùa Thu.

Ban Tổ Chức đã dành một ngày Hành Hương và Du Ngoạn cho tham dự viên. Trong chương trình này có một tiểu tiết đã gây ra ít nhiều thắc mắc. Có lẽ quá chủ quan nên Ban Tổ Chức đã cho rằng: một khi Đại Hội VBQT đã được tổ chức tại Thánh Địa Santiago thì việc Hành Hương tại Thánh Đường là chuyện đương nhiên, nhưng họ đã quên rằng trong số tham dự viên có khoảng 20% tín đồ Thiên Chúa Giáo còn mộ đạo, phần còn lại là Hồi Giáo, Anh Giáo, Tinh Lành, Phật Giáo hoặc Vô Thần. Một nữ thi sĩ Đại Biểu Trung Tâm Văn Bút Guinea đã nói với tôi: "Tôi theo Hồi Giáo, sao lại đưa tôi vào đây?" và bà ta đã dừng chân trước cửa nhà thờ; nhưng vài phút sau có thể vì tinh thần cởi mở thân hữu và cũng không muốn gây xáo trộn nên bà đã tiến vào và tham dự thánh lễ như mọi người.

Mở đầu nghi lễ Hành Hương, ông Chủ Tịch VBQT đọc bài chào mừng các Giáo Chức thuộc Vương Cung Thánh Đường bằng La ngữ và linh mục chủ tế đã đáp từ một cách trang trọng ngay trong thánh lễ và kết thúc bằng lời cầu chúc Đại Hội thành công.

Sau thánh lễ tại Vương Cung Thánh Đường các tham dự viên đến dự buổi tiếp tân do ông Thị Trưởng thành phố Santiago khoản đãi tại Tòa Đô Sãnh.

Chiều cùng ngày, các tham dự viên được thưởng thức một buổi du ngoạn trên tàu vùng biển d'-Arousa. Xe Bus vừa đến bến tàu đã thấy một đoàn nghệ sĩ với sắc phục địa phương chờ sẵn để trình diễn những màn vũ dân tộc rất là ngoạn mục.

Buổi du ngoạn được kết thúc bằng cuộc viếng thăm Viện Bảo Tàng của nữ thi sĩ Rosalio de Castro, một nhà thơ nổi tiếng của Galicia vào thế kỷ thứ 19. Bà là người có công nâng thổ ngữ Galicia lên hàng ngôn ngữ chính thức và tạo được một nền văn chương phong phú. Thơ của Bà không những được dân trong vùng ái mộ mà còn được sự chú ý của nhiều bình luận gia quốc tế và được chọn làm đề tài cho nhiều luận án tiến sĩ văn chương. Tại Viện Bảo Tàng (ngôi nhà của Bà) một Đại Biểu Trung Tâm Galicia đã đọc thơ của Bà cho mọi người nghe, và thay mặt mọi người, ông Chủ Tịch đã đặt vòng hoa lên Đài Tưởng Niệm để tỏ lòng ngưỡng mộ nhà thơ quá cố.

Trong số các sinh hoạt văn nghệ bên lề Đại Hội phải kể đến đêm trình diễn những màn vũ dân tộc Galicia do đoàn vũ chuyên nghiệp "Ballet Galego Rey De Viana". Đó là những vũ khúc được chế biến theo thể điệu Ballet, trình bày những nét sinh hoạt độc đáo của dân bản xứ. Nhạc dùng cho các điệu vũ cũng là những bản dân ca truyền thống, nhạc cụ chính là loại kèn bị của người Tô Cách Lan (Dudelsack).

Cao điểm nhất trong kỳ Đại Hội Văn Bút Quốc Tế kỳ thứ 60 là sự có mặt bất ngờ của Salman Rushdie (vì tác phẩm Satanic Verses của nhà văn này mà đã bị Iran lên án tử hình) trước ngày bế mạc Đại Hội. Ông đến trong chớp nhoáng, ngoài Ban Tổ Chức ra thì không ai được báo trước và để bảo đảm an ninh cho tánh mạng của ông cho nên cảnh sát quốc tế đã canh phòng cẩn mật, bên cạnh ông luôn luôn có đoàn cận vệ và cảnh sát chìm rải rác trong hội trường. Sáng hôm đó tham dự viên không khỏi ngạc nhiên khi bước vào Đại Thính Đường, hệ thống kiểm soát không khác gì tại phi trường, mọi người nhìn nhau ngỡ ngàng mà không ai biết nguyên nhân. Khoảng 11 giờ một đoàn xe rầm rộ có cảnh sát quốc tế tháp tùng đưa ông vào tận cửa Hội Trường. Tất cả đều ngạc nhiên và vui mừng chào đón ông với tràng pháo tay dòn dã. Salman Rushdie đã dành cho tham dự viên một buổi nói chuyện cởi mở, làm cho mọi người thêm cảm mến ông. Mỉa mai thay: Salman Rushdie nhờ hệ thống an ninh của cảnh sát quốc tế, cho đến nay vẫn bảo toàn được sanh mạng, còn một văn sĩ Ý Đại Lợi dịch sách ông bị bắn trọng thương và một văn sĩ Nhật Bản cũng dịch sách ông đã bị cắt đầu. Và hôm 11 tháng 10 một nhà xuất bản sách ông người Thụy Điển cũng đã bị bắn trọng thương trước tư gia tại Oslo! Thương thay cho những nhà văn và nhà xuất bản chỉ vì một tác phẩm văn chương mà đã trở thành nạn nhân của cuồng tín tôn giáo!

Bà Chủ Tịch TTVB Galicia, Trưởng Ban Tổ Chức kỳ Đại Hội này cho biết: Sự hiện diện của Salman Rushdie là do sáng kiến của ông Ronald Harwood, tân Chủ Tịch VBQT, ông này đã có công đấu tranh đòi chính quyền Iran rút lại án tử hình cho Salman Rushdie.

Sau sáu ngày ráo riết làm việc khiến đại biểu cũng như tham dự viên đều mệt mỏi, nhưng ai cũng hài lòng vì Đại Hội tiến triển tốt đẹp và mọi người được dịp tiếp xúc và trao đổi với các bạn văn từ nhiều nước. Đại Hội đã được kết thúc bằng buổi dạ tiệc do Thủ Hiến Tiểu Bang Galicia khoản đãi tại tư dinh. Khi trao lời chào tạm biệt, mọi người hẹn sẽ gặp lại vào tháng 11 năm 1994 tại Prag, thủ đô Tiệp Khắc, nơi sẽ tổ chức Đại Hội Văn Bút Quốc Tế kỳ thứ 61 với chủ đề:

"VĂN CHƯƠNG VÀ SỰ KHOAN DUNG" (Literature and Tolerance) ■

Đính chính:

TK21 số 56, trang 17, bài "Đại Hội Văn Bút Quốc Tế," xin sửa là "kỳ thứ 60" (không phải thứ 6). Trân trọng.

TRÍ THỨC, ÔNG Ở ĐÂU?

TRẦN CÔNG SUNG

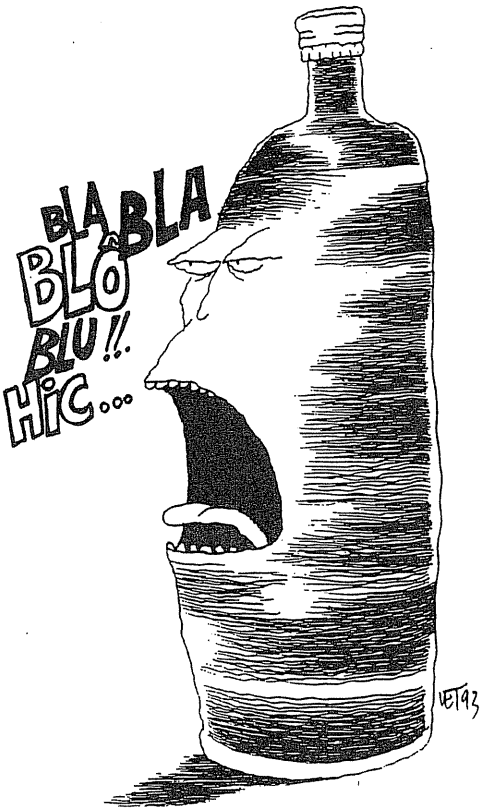

Trong một cuộc phỏng vấn ở Hà Nội, dành cho một tờ báo Đông Âu, giáo sư Phan Đình Diệu nhận xét: Ở Việt Nam không có trí thức. Lý do: chế độ Cộng Sản chỉ đào tạo những chuyên viên, những người thừa hành, không đào tạo những người biết suy nghĩ, nhận định, phán xét, phản kháng.

Quan niệm trí thức ông Diệu nêu ra là một quan niệm đặc biệt của Pháp, theo đó trí thức không phải chỉ là những người thông minh quán thế. Trí thức, theo nghĩa ông Diệu ám chỉ, không phải là chữ trí thức theo định nghĩa trong Từ Điển: những người có liên hệ xa gần đến trí tuệ (1).

Trí thức không phải là những ông đậu hết bằng cấp này đến bằng cấp khác. Đó chỉ là giới khoa bảng. Trí thức không phải là những nhà bác học suốt ngày loay hoay trong phòng thí nghiệm. Đó chỉ là những chuyên gia.

Trí thức Pháp là người kêu gào đòi trả độc lập cho Algérie, đòi chấm dứt chiến tranh Đông Dương, đòi trả tự do cho Nelson Mandela, đòi đối xử công bình với người ngoại quốc, đòi tự do phá thai v.v... Họ là lương tâm của xã hội Pháp, sẵn sàng lên tiếng, can thiệp. Họ tham gia tích cực để cải tiến đời sống chung quanh.

Người trí thức đầu tiên theo nghĩa đó là Emile Zola, người cuối cùng có lẽ là Sartre. Nói có lẽ, vì theo một nhận định chung ở Pháp, sau Sartre, giới trí thức phản kháng hầu như lặn mất tăm. Nhiều người đã gào lên: trí thức, ông ở đâu? Vậy không phải chỉ ở Việt Nam mới có ông Diệu băn khoăn, mà ngay cả ở Pháp, xứ mẹ đẻ của Nhân quyền, người ta cũng đang đặt câu hỏi: trí thức, các ông trốn ở đâu mà không thấy mặt mũi?

Dấu hiệu tiêu biểu nhất là ngày nay, ở Pháp, một đảng cực hữu, phản động, "Le Front National", với chủ trương cực đoan, chống người ngoại quốc, chống Do Thái, đi ngược lại nguyên tắc nhân bản cổ truyền của người Pháp, đã đạt tới 20% phiếu bầu trong mỗi cuộc bầu cử. Khi ảnh hưởng trí thức còn mạnh, người ta không tưởng tượng một người như Le Pen, Chủ tịch Front National, có thể lên TV, ngang nhiên kêu gào những biện pháp kỳ thị chủng tộc mà không e ngại gì.

Khi trí thức còn mạnh, có lẽ không ông bộ trưởng nội vụ nào dám có ý nghĩ đưa ra luật, cho phép Cảnh Sát được kiểm soát giấy tờ bất cứ công dân nào ở ngoài đường, không cần có sự đồng ý của tư pháp. Bộ trưởng nội vụ Charles Pasqua vừa làm, và luật đó được quốc hội thông qua dễ dàng, không thấy ai phản đối, hay chỉ phản đối qua loa, lấy lệ, cho vui ba ngày Tết.

Trí thức đã chết. Hay đang ngủ? Nói "có lẽ," bởi vì sự thực không đơn giản như vậy. Trí thức chưa chết. Họ chỉ biến dạng. Họ đã thay đổi. Như thế giới đã và đang thay đổi với một vận tốc làm chóng mặt.

"Il faut vivre indigné"

Người trí thức đầu tiên là Emile Zola với vụ án Dreyfus. Zola nói: "Il faut vivre indigné." Phải sống phẫn nộ. Phải biết nổi giận trước những sự bất công, áp bức. Nói theo kiểu Từ Hải: "Giữa đường thấy sự bất bằng mà tha."

Sự phẫn nộ của Zola nổ tung như một trái bom, nhân vụ án Dreyfus cuối thế kỷ 19. Đại úy Alfred Dreyfus bị xử án tù chung thân (1894) về tội làm gián điệp cho Đức. Bị xử không có bằng cớ, bị kết án oan, vì hai năm sau, người ta tìm ra thủ phạm đã thực sự trao tài liệu quốc phòng cho Đức là một sĩ quan khác, Esterhazy, nhưng Dreyfus vẫn bị đi tù. Dreyfus là người gốc Do Thái. Tư tưởng kỳ thị Do Thái vốn tiềm tàng trong lòng dân Pháp, cũng như tại hầu hết các nước Âu

Châu. Sự kỳ thị ấy âm ỷ trong thời bình, trở nên dữ dội trong thời chiến. Dreyfus là con dê tế thần. Zola bất bình, đứng ra can thiệp, vận động đòi xử lại vụ án Dreyfus. Bài báo "J'ACCUSE" (Tôi lên án) của Zola, đăng trên tờ L'AURORE, báo của Clémenceau, đầu năm 1898, làm chấn động dư luận. Vụ án Dreyfus trở thành một vấn đề quốc gia. Nước Pháp chia làm hai phe. Một phe đứng sau lưng Zola và những người thuộc phe xã hội, cấp tiến; một phe đứng sau giới bảo thủ, quốc gia cực đoan và quân phiệt. Ảnh hưởng của Zola mạnh đến nỗi mặc dù chính quyền tìm mọi cách che đậy, và giới quân phiệt tìm mọi cách để khỏi mất mặt, Dreyfus được đem ra xử lại, được phục hồi danh dự (1906).

Chiến thắng của Zola là chiến thắng đầu tiên của người trí thức và mở đầu cho truyền thống trí thức dấn thân ở Pháp.

Don Quichotte

Người trí thức cuối cùng là JEAN PAUL SARTRE. Hình ảnh người ta giữ lại của Sartre: Sartre đứng trên một thùng dầu cũ, trước cửa hãng RENAULT đả kích tư bản bóc lột, kêu gọi công nhân vô sản đứng dậy.

Sartre có mặt trong bất cứ một cuộc tranh đấu nào. Chống chiến tranh thực dân, chống chiến tranh Việt Nam, đòi bình đẳng cho phụ nữ... Tác giả "Les Mains Sales" chống lại tất cả những gì ông cho là bộ máy đàn áp của nhà nước, của thế lực tư bản, của thế lực tài phiệt. Sartre là một thứ Don Quichotte nổi giận, đánh nhau cả với cái cối xay gió. Nhiều khi ông vượt giới hạn, tới mức công khai ủng hộ cả nhóm Brigade Rouge, của Baader ở Đức, một nhóm cực tả không ngần ngại đặt chất nổ, bắt cóc, ám sát. Hăng say trong sứ mạng của mình, Sartre mắc nhiều sai lầm trong những nhận định của ông: tiếp tục ca tụng Mao và chế độ Nga Xô Viết khi Mao đàn áp thẳng tay, và sự tàn bạo ở Nga không còn xa lạ gì với những người biết quan sát tình hình.

Khi bị chỉ trích vì thái độ làm ngơ trước sự chà đạp nhân quyền trắng trợn ở Nga, Sartre trả lời, câu trả lời ngày nay cũng nổi tiếng như tên tuổi của tác giả: "Il ne faut pas désespérer Brillancourt." Không nên làm nản lòng Brillancourt. Boulogne Brillancourt, ở ngoại ô Paris, là trụ sở hãng Renault, nơi tiêu biểu cho cuộc tranh đấu của thợ thuyền. Không nên phát giác sự thực về những nhà tù ở Nga để khỏi làm nguội lạnh tinh thần tranh đấu của giai cấp vô sản. Hãy để cho vô sản tiếp tục mơ tưởng, như ông già Việt Nam ngồi đan rổ và "mơ ước Nga" trong thơ Tố Hữu.

Sau khi Sartre chết (1980), nhiều người, ngay cả những đệ tử của Sartre, không khỏi trách Sartre về thái độ đó.

Đây là lời kết án của một trong những lãnh tụ trí thức cực tả, OLIVIER ROLLIN (2): "Sartre s'est trompé. Contre Koestler. Contre Aron. Contre Camus. Contre Merleau-Ponty. Sartre a écrit des romans de professeur de philosophie. Sartre a manqué de courage. Sartre était un assis fassiné par la violence."

Kết án Sartre sai lầm, viết tiểu thuyết như ông thầy giáo, thiếu can đảm và bị mê hoặc bởi bạo lực: bản kiểm thảo đã đến chỗ cạn tầu, ráo máng.

Cả một trang sử đã lật qua. Sartre đã chết, Liên Bang Xô Viết đã tan rã. Boulogne Brillancourt đã đóng cửa. Và người ta sa thải hàng ngàn công nhân Renault mà không thấy ai kêu gào, phẫn nộ.

Từ Sartre đến Aron

Phải chăng sự phá sản của chủ nghĩa Cộng Sản đã đánh dấu sự suy yếu của trí thức? Phải nhìn nhận rằng đa số trí thức Pháp trước đây đều thiên tả.

Trước khi bức tường Bá Linh sụp, phải thiên tả mới được coi là trí thức đáng vị nể. Khi người ta nhắc đến Lévy Strauss chẳng hạn, người ta không bao giờ nói ông thuộc hữu phái. Người ta không để ý đến quan điểm chính trị của Lévy Strauss, người ta chỉ nhắc đến ông như một khuôn mặt quan trọng trong giới trí thức quốc tế, cha đẻ của cơ cấu luận, một trong những tư tưởng gia độc đáo nhất của thế kỷ này.

Bộ óc của Lévy Strauss đáng kính nhi viễn chi, nhưng chỉ có Sartre và những nhà trí thức khuynh tả mới có đủ sức hấp dẫn lôi cuốn.

Trước khi chế độ CS bị phá sản, đứng về phe tả là đứng về phe những người bị đàn áp, chống lại đế quốc, chống lại tư bản thối nát và các lực lượng phản động. Và từ đó, nắm độc quyền dư luận. Những nhà trí thức phe hữu không có chỗ đứng, không có cái hào quang của trí thức phe tả, đành khoanh tay, im lặng. Hay có nói cũng một cách rụt rè, e lệ.

Ở Pháp, hai nhà trí thức cận đại nổi tiếng nhất là Sartre và RAYMOND ARON. Sartre thuộc phe tả, Aron phe hữu.

Sartre đi từ lỗi lầm này đến lỗi lầm khác trong những nhận định của ông về chế độ Mao, chế độ Nga Xô Viết, về cục diện thế giới. Aron hầu như lúc nào cũng đưa ra những phân tích sâu sắc, cân nhắc, nhiều khi can đảm vì đi ngược lại trào lưu. Nhưng người được ca tụng bao giờ cũng là Sartre. Nhiều người đồng ý với Aron, nhưng vẫn cảm mến Sartre. Đầu óc theo Aron, nhưng trái tim rung động với Sartre.

Người ta có lòng ưu ái với một ông trí thức "indigné" hơn là một ông trí thức bình tĩnh, ngồi phân tách thời thế một cách lạnh lùng. Trong đám tang Sartre, được hỏi tại sao cảm mến Sartre, một sinh viên trả lời: "Il faisait rêver". Ông ta khiến người ta mơ mộng. Mơ một thế giới bình đẳng, nhân đạo, "một nơi ai cũng yêu nhau." Người ta không thể mơ tưởng với Aron.

Nếu hỏi giới bình dân, những người đi đường, chắc ai cũng nghe nói đến Sartre... Còn Aron? Chắc là một tên tiệm giầy hay một tiệm bán quần áo. Nhất là với cái tên gốc Do Thái...

Áo Cổ Mao và Rotary Club

Sự sụp đổ của chế độ CS là một trong những lý do khiến giới trí thức Pháp mất sinh khí. Trong những năm 60, 70 Mao là thần tượng của trí thức, một thứ "đỉnh cao trí tuệ loài người." Người ta hãnh diện tự nhận là "Maoiste." Sự thực về chế độ Mao đã khiến cả một thế hệ bị một thùng nước lạnh tạt vào mặt. Thất vọng, họ từ bỏ hàng ngũ trí thức thiên tả để gia nhập đời sống hàng ngày, làm ăn, sinh sống, chấp nhận một xã

hội mà họ đòi đập đổ những năm 60. Trong một cuốn sách (3), Guy Hocquenghem đã châm biếm cả một thế hệ trí thức cởi áo cổ Mao để gia nhập Rotary Club. Tác giả nhắc lại lời Marcel Jouhandeau nói với đám sinh viên biểu tình hồi tháng Năm 1968: "Đi về nhà đi. Trong mười năm nữa, các anh sẽ trở thành notaires hết" (Rentrez chez vous! Dans dix ans, vous serez tous notaires).

Mười năm xã hội chủ nghĩa

Miếng đòn thứ hai làm giới trí thức Pháp tẩu hỏa nhập ma là sự thất bại sau hơn mười năm xã hội chủ nghĩa ở Pháp.

Khi FRANCOIS MITTERRAND đắc cử Tổng Thống tháng 10-1981, giới trí thức phe tả tin tưởng một thời đại mới bắt đầu. Người ta đặt rất nhiều hy vọng vào Mitterrand và đảng xã hội. Tin và mong rằng nước Pháp sẽ chứng minh cho thế giới thấy rằng người ta có thể xây dựng một xã hội tốt, không tư bản không Cộng Sản. Một xã hội đặt nền móng trên tự do, dân chủ, trên tình huynh đệ, trên công bình xã hội.

Mười năm sau, người ta chua chát nhìn nhận rằng đảng Xã Hội đã thất bại trên hầu hết những vấn đề chính. Nạn thất nghiệp gia tăng. Giới trẻ không được chuẩn bị ở nhà trường, bị đẩy vào đời bơ vơ. Tham nhũng bành trướng. Thế lực tiền bạc vẫn đè nặng. Bất công xã hội càng ngày càng lớn. Đối ngoại, chính sách Pháp đối với những quốc gia nhược tiểu vẫn chỉ là chính sách mù quáng, ngắn hạn, bất chấp quyền lợi dân bản xứ. Nghĩa là chẳng thay đổi gì.

Không còn một mô hình chính trị nào để hướng tới, giới trí thức tự nhiên mất niềm tin, trở nên rụt rè.

Trên tờ Nouvel Observateur, Regis Debray viết: "Từ lâu nay, chúng ta vẫn hành động theo nguyên tắc FEUERBACH, theo đó trí thức không phải có mặt để giải thích cục diện thế giới, mà để thay đổi thế giới. Ngày nay, người ta tin ngược lại: ưu tư hàng đầu của trí thức là tìm cách giải thích. Nghĩa là làm việc để tìm hiểu." (4)

Không đập phá để thay đổi thế giới nữa, mà ngồi suy nghĩ để tìm hiểu. Câu của Regis Debray đáng được để ý. Nó tiêu biểu cho sự thay đổi lớn trong thái độ trí thức. Đáng lưu ý vì DEBRAY chính là lý thuyết gia của trí thức dấn thân những năm 70, tác giả cuốn "Révolution dans la révolution." Trung thành với lý thuyết của mình, Debray đã từng bỏ Paris, vào bưng ở Châu Mỹ La Tinh, kháng chiến bên cạnh Fidel Castro và Che Guevara.

Khi Mitterrand đắc cử, Debray trở thành cố vấn của tổng thống Pháp. Nhận thấy sự thất bại của đảng xã hội trong việc "thay đổi thế giới", Debray từ chức và bắt tay vào việc "suy nghĩ để tìm hiểu." Cuốn sách đầu tiên mở đầu cho sự suy nghĩ ấy chính là một cuốn sách bàn về quyền lực của trí thức: "Le Pouvoir Intellectuel" (1979).

Một nhà trí thức khác, PASCAL BRUCKNER lấy làm mừng rằng các nhà trí thức đã từ bỏ ngôn ngữ lãng mạn (discours lyriques) và vô trách nhiệm trước đây để suy nghĩ chín chắn hơn, và ngày nay không còn sự phân chia khuynh hữu hay khuynh tả trong giới trí thức. Người ta phát biểu, nhận định thời thế một cách khách quan hơn, căn cứ vào dữ kiện, chứ không tìm cách bóp méo sự thực theo chính kiến của mình nữa. Người ta đặt trọng sự lương thiện trí thức trước các chiêu bài.

Đó cũng là quan niệm của Milan Kundera, một nhà văn Tiệp rất có ảnh hưởng ở Pháp. Hãy đọc lời đối thoại của Kundera, trích từ tờ Libération:

"— Kundera, ông là người Cộng Sản?

— Không, tôi là nhà văn.

— Kundera, ông là người chống đối chế độ?

— Không, tôi là nhà văn.

— Kundera, ông thuộc phe tả hay phe hữu?

— Chẳng tả, chẳng hữu. Tôi là nhà văn."

Trí thức, như vậy, trở về với vai trò nhân chứng. Đóng vai nhân chứng, nói lên sự thực, đó là một sứ mạng không kém quan trọng của trí thức. Và không phải lúc nào cũng dễ dàng:

Người làm xiếc đi trên dây rất khó

Nhưng không khó bằng nhà văn

Đi suốt đời trên con đường chân thật

(Phùng Quán)

Trí thức phản kháng bằng hành động, cố nhiên cần nhiều can đảm. Emile Zola, sau bài báo "J'accuse" đã phải bỏ sang Anh lánh nạn vì bị đe dọa đến tánh mạng. Ngay cả cái chết của ông (Zola chết ngạt vì lò sưởi bị nghẹt) cho đến nay người ta vẫn không chắc là tai nạn. Những nhà trí thức Pháp đòi chấm dứt chiến tranh Algerie đã bị miệt thị, bị coi là tay sai của địch, bọn vác va-li cho địch (les porteurs de valises) và bị nhóm cực đoan khủng bố.

Trí thức trung thành với sự thực cũng không phải dễ. Ở một xứ độc tài, mất mạng là chuyện thường. Ở một xứ tự do, làm nhân chứng đòi hỏi một sự lương thiện trí thức tối đa. Trong cuốn phim Ý "Cadavres Exquis" một chính khách bị trách đã xuyên tạc sự thực, trả lời: điều đó không quan trọng gì, bởi vì "la vérité n'est pas toujours révolutionnaires." Không phải sự thực lúc nào cũng phù hợp với cách mạng.

Edgar MORIN, nhà xã hội học có uy tín của Pháp viết người ta "không hối tiếc gì phong trào trí thức dấn thân trước đây, vì sự thiếu chín chắn của hầu hết những cuộc dấn thân đó" khiến nhiều trí thức đi hết lỗi lầm này đến lỗi lầm khác. Đọc MORIN, người ta không khỏi nghĩ đến Sartre và những môn đệ áo cổ Mao của ông.

Không còn la ó, phản đối ầm ĩ nữa, các nhà trí thức chọn một trong hai con đường. Hoặc là ngồi suy nghĩ như Debray. Hoặc là xắn tay áo lên, hoạt động xã hội. Đó là trường hợp của Bernard KOUCHNER. Ông bác sĩ này là người sáng lập con tàu Ánh Sáng để vớt thuyền nhân Việt Nam. Ông cũng là người đã tổ chức để Sartre và Aron gặp nhau, cùng đến Dinh Tổng Thống Pháp (1980) yêu cầu giúp đỡ tích cực boat people Việt Nam. Kouchner cũng là người đưa ra thuyết "quyền được can thiệp," theo đó Liên Hiệp Quốc có quyền can thiệp vào những nơi nào nhân quyền bị chà đạp như ở Nam Tư hay Somalia.

Tại sao phải ngồi lại suy nghĩ? Bởi vì thế giới thay đổi nhanh quá. Đuổi theo không kịp, nói gì

đến tiên đoán. Trong một thời gian cực ngắn, những biến chuyển cực kỳ quan trọng xảy ra dồn dập khiến chóng mặt, ù tai: chiến tranh lạnh chấm dứt, chế độ Cộng Sản sụp đổ khắp nơi, Liên Bang Nga tan rã, tường Bá Linh bị đập tan, nội chiến ở Nam Tư và rối loạn khắp Đông Âu.

Trong nhiều bài báo gần đây, nhiều tác giả trách các nhà chính trị, các lãnh tụ không ai tiên liệu những biến chuyển đó, để phác họa một chính sách thích hợp với thời đại mới. Các chính sách ở Tây Phương ngày nay đều là vá víu, ngắn hạn, cho qua ngày.

Nhưng không phải chỉ có các chính trị gia mới bị thời cuộc qua mặt. Giới trí thức cũng ngọng như chính khách. Có ông trí thức nào, ông học giả nào đã tiên liệu những chuyện vật đổi sao dời tới tấp ấy?

Vì vậy, họ không còn hùng hổ, hăng hái như trước nữa. Người ta chỉ hăng say khi chắc 100 phần trăm là có lý, là cầm lẽ phải trong tay. Thời cuộc khiến nhà trí thức trở nên e dè. Họ tạm hoãn xuống đường, tạm hoãn gào thét, xin tạm nghỉ để suy nghĩ, để tìm hiểu, để cắt nghĩa và tìm đường đi.

"Ni Dieu, ni maître." Đó là một khẩu hiệu nhan nhản trên các đường phố sau biến động Tháng Năm 68 ở Pháp. Không Thượng Đế, không thần tượng. Đó chính là cảnh huống bây giờ. Thế giới đang ngất ngư như một con tàu điên, không biết phải đi về hướng nào.

Chế độ Cộng Sản đã hoàn toàn phá sản. Chế độ tư bản đã cho thấy giới hạn và mặt trái của nó. Người ta nhớ tới câu nói đùa của cựu Thủ tướng Đức Willy Brandt với một lãnh tụ Nga: "Trong chế độ tư bản, *người* bóc lột *người*. Trong chế độ CS thì ngược lại." (Dans les pays capitalistes, l'homme exploite l'homme. Dans les pays communistes, c'est l'inverse). Dưới chế độ nào, người cũng bóc lột người cả. Cuối thế kỷ 20 này, người ta chứng kiến tận mắt sự thất bại của các chủ nghĩa. Người ta không biết bám víu vào đâu. "La nature a horreur du vide." Thiên nhiên không chịu được sự trống rỗng. Những phong trào Hồi giáo quá khích nổi dậy khắp nơi, phải chăng là một trong những hình thức tìm tòi, cựa quậy của con người để lấp chỗ trống ấy.

Lấy cái gì để lấp, để thế giới khỏi rơi tõm vào cái hố trống rỗng. Đó là công việc của ai, nếu không phải là của trí thức?■

(1) Từ điển Larousse: "Intellectuel: personne qui s'occupe, par goût ou par profession, des choses de l'esprit".

(2) Đặc san "Le Débat": "Sartre, năm năm sau." Paris 1985.

(3) "Lettre Ouverte à Ceux qui sont passés du Col Mao au Rotary." Guy Hocquenghem. Ed. Albin Michel. 1986.

(4) "On a longtemps vécu sur le principe de Feuerbach selon lequel l'intellectuel n' était pas là pour interpréter le monde mais pour le changer. Disons qu'aujourd'hui, c'est l'inverse: nous en sommes à la priorité absolue donnée à l'interprétation. C'est à dire au travail".

Chúc Mừng Năm Mới

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

NGUYÊN LÝ BẤT ĐỊNH TRONG VŨ TRỤ

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Lỗ đen là một đề tài rộng lớn và vô cùng quan trọng vì nó liên quan đến môn vũ trụ học để tìm hiểu nguyên thủy của Trời Đất, ngọn nguồn của Thế gian, và nhất là nó đưa đến một nơi gần đến giới hạn giữa Vật lý (*Physics*) và Siêu hình học (*Metaphysics*). Rất gần thôi chớ chưa đến hẳn, vì phần đông thôi chớ không đến hẳn, bởi vì các nhà khoa học Vật lý Tây phương rất kỵ từ ngữ siêu hình học, lãnh vực lẫn lộn với mê tín dị đoan, nhưng lại hợp với nhiều khía cạnh của Triết lý Đông Phương.

Lỗ đen đưa đến những lý thuyết rất lạ như lỗ sâu (*Wormhole*) và vũ trụ con (*Baby universe*) hay hơn nữa, vũ trụ song hành (*Parallel Universe*) và đó là những vấn đề của không gian ảo và thời gian ảo (*Imaginary space and time*), nghĩa là không có cách nào nhìn thấy, sờ thấy hay đo được; cũng như ta đề cập đến thế giới vô hình. Liệu có cách nào chứng minh được hay không? Đó là việc mà nhiều nhà bác học, trong đó đứng hàng đầu là Stephen Hawking đang làm.

Lý thuyết trước, chứng minh sau rồi thử nghiệm. Đó là trình tự thông thường của khoa học Vật lý. Lý thuyết lỗ đen đã ra đời trước, nó đã được chứng minh bằng toán học và giờ đây nó đã được quan sát trên thực tế.

Stephen Hawking đã tiên đoán có thể quan sát được lỗ đen, vì chân trời biến cố của nó (xem bài trước) và vì lỗ đen có bức xạ (*radiation*). Để tìm hiểu vấn đề này, chúng ta đành phải đi sâu hơn nữa vào môn Vật lý Lượng tử với những nguyên lý hơi gây nhức đầu một chút. Chúng tôi phải xin bạn đọc thông cảm ở điểm này.

Nguyên lý bất định

Hai cột trụ căn bản của Vật lý Lượng tử là nguyên lý bất định (*Uncertainty Principle*) và hằng số *Planck*. Chúng ta hãy tạm gác sang một bên vụ hằng số rắc rối này vì nó liên quan đến toán học cao cấp, mà chỉ nói đến nguyên lý bất định có liên quan mật thiết đến các vấn đề của lỗ đen, nhất là sự hình thành của vũ trụ.

Nguyên lý bất định được nhà bác học Đức Werner Heisenberg tìm thấy vào khoảng thập niên 20 của thế kỷ này và nó đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng lý thuyết Lượng tử. Người ta còn gọi đó là nguyên lý Heinsenberg.

Thế nào là nguyên lý bất định?

Đó là một định luật chung của Thế gian, của vạn vật, của thiên nhiên, một "luật" ngầm của đấng Tạo Hóa tối cao, vô cùng quái dị, nhưng có thật. Tại sao thường ngày tôi không nghe nói đến "nguyên lý bất định" khi tôi đang sống trong thế gian này, mà chỉ thấy các nhà khoa học nói đến thôi?

Chúng ta cũng giống như những người đi trên một con thuyền ở mặt biển. Nhìn lên cao thấy Trời, thấy mây thì dễ nhìn, nhưng nhìn xuống dưới sâu trong lòng biển thì khó, nhất là cái biển đó hầu như một biển không đáy. Thí dụ ta có phép lạ lặn sâu xuống biển, ta sẽ thấy những vật vô cùng quái dị mà bình thường ở trên mặt biển không thấy.

Lặn xuống đáy biển tức là ta đi vào thế giới cực nhỏ, thế giới vi mô, thế giới của nguyên tử, hạt nhân và các vi hạt tạo thành nguyên tử, viên gạch xây thành các tòa lâu đài vật chất. Chính ở trong thế giới cực nhỏ này (thí dụ một mi-li-mét chia ra thành... một tỷ phần nhỏ) mà người ta mới gặp luật "nguyên lý bất định" của cụ Tạo.

Nguyên lý bất định tóm gọn trong một câu đơn giản nhất: Không thể nào biết rõ vị trí (*position*) và tốc độ (*velocity*) của một hạt cùng một lúc. Nếu nhìn rõ vị trí của nó thì tốc độ của nó mờ đi không đo được. Ngược lại nếu đo được tốc độ của nó, thì không thể nào nhìn rõ vị trí của nó. Tóm lại nguyên lý bất định xác quyết ở tầng sâu nhất của biển vật chất, nghĩa là ở nơi tận cùng của vật chất, ở vùng gọi là dưới nguyên tử (*Subatomic*), thế giới là một sự lờ mờ (*Fuzziness*).

Vật lý cổ điển mà ông tổ là Sir Newton và cả cụ Einstein nữa cho ta thấy các "luật" của thế giới bình thường, thế giới của chúng ta ngồi thuyền trên mặt biển. Ở đây thì mọi vật rất rõ rệt và mọi luật của thiên nhiên thật giản dị. Một chiếc xe hơi chạy trên đường lộ, ta có thể cùng một lúc biết cả hai: vị trí và tốc độ, có nghĩa là chỉ cần một máy đo thông thường chúng ta có thể biết cùng một lúc xe chạy nhanh bao nhiêu và vào giờ nào, phút nào, giây nào, vị trí của xe ở đâu trên đường lộ.

Thế nhưng quái ác thay ở nơi tận cùng của vật chất, chúng ta ở vào một trạng thái gọi là được cái nọ hỏng cái kia và nó như một cán cân, càng biết rõ cái này thì cái kia lại càng lờ mờ, và khi muốn biết cả hai thì cả hai cùng lờ mờ, nghĩa là nếu cái này ít lờ

mờ thì cái kia lại nhiều lờ mờ hơn.

Phải chăng vì khoa học chưa tiến bộ đến mức có thể làm được những máy thật vi diệu để có thể đo được cả hai thứ trong thế giới cực nhỏ? Câu hỏi này thường được nêu ra khi các sinh viên Vật lý bắt đầu đi vào môn Lượng tử.

Câu trả lời là không. Dù có máy chính xác đến đâu cũng không thể đo được, bởi vì chính tạo hóa đã định ra luật đó, không có cách nào thay đổi được. Trong một bài báo ngắn, chúng ta không thể viện dẫn tất cả những lý luận, những phương trình toán học phức tạp và những kết quả thử nghiệm rất tinh vi để chứng minh rằng đó là một luật thiên nhiên bất di dịch. Chỉ riêng nguyên lý bất định cũng đủ chiếm cả một cuốn sách rất... khó tiêu rồi.

Chúng ta chỉ cần biết đó là đúng sự thật, bằng cớ đơn giản nhất là nếu không đúng thì đã chẳng có môn Lượng tử và cũng chẳng có kỹ thuật điện tử ngày nay với những computer làm hàng tỷ phép tính trong một giây.

Nguyên lý bất định không phải chỉ liên quan đến sự lờ mờ của vị trí và tốc độ, mà còn liên quan đến thế giới năng lượng, vì theo phương trình trứ danh của Einstein E = MC2 thì năng lượng cũng là khối lượng và ngược lại khối lượng (*mass*) cũng là năng lượng (energy). Do đó nguyên lý bất định còn liên quan đến hai chữ nữa: đó là thời gian (*time*) và tần số (*frequency*). Tần số cũng là năng lượng. Cũng vẫn luật đó: được biết rõ cái nọ, thì không biết rõ cái kia. Và từ đó còn đưa đến một hệ quả quan trọng hơn nữa: trường hấp dẫn và mức độ đổi thay của trường.

Có khối lượng mới có trường hấp dẫn, bởi thế trường liên quan đến khối lượng tức năng lượng. Tần số cao hay thấp tức là năng lượng nhiều hay ít. Nhịp độ (*rate*) đổi thay liên quan đến thời gian, vì phải biết trong bao lâu nó đổi.

Chính ở điểm này mà Stephen Hawking đã đưa luật của cái thật nhỏ vào cái thật lớn, nghĩa là áp dụng luật nguyên lý bất định vào các hiện tượng trong vũ trụ.

Không thể có không gian rỗng không

Stephen Hawking khởi đầu lý luận của mình bằng con số không (*zero*). Theo nguyên lý bất định thì một trường (*field*) không thể nào đo được bằng con số zero, vì số "không" (0) chính là một sự đo lường rất chính xác của cả giá trị của trường và mức độ thay đổi của nó. Nguyên lý bất định của Tạo Hóa "cấm" đo trường chính xác. Mà trường (*field*) là cái gì vậy? Giản dị đó là không gian.

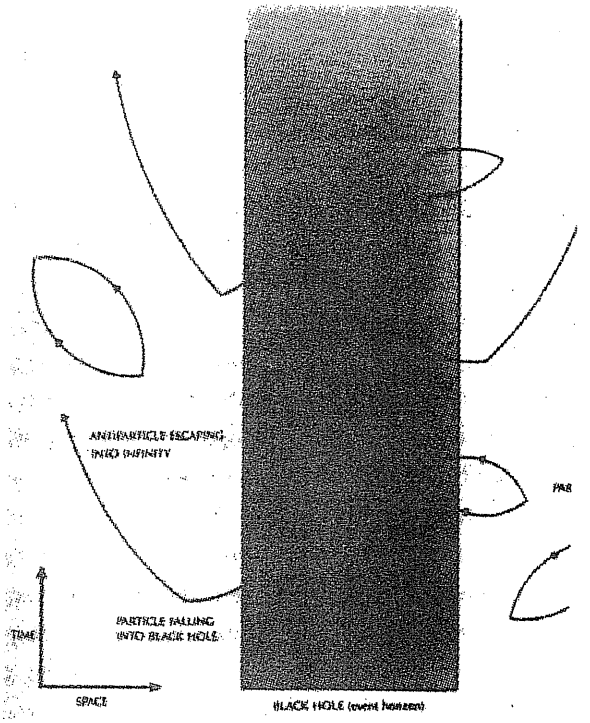

Xem chú thích cuối bài

Trường hấp dẫn của Trái Đất tức là không gian bao quanh Trái Đất. Bất cứ cái gì rơi vào "không gian" (trường) quanh Trái Đất cũng bị Trái Đất hút vào. Chúng ta đang ở trong "trường" hấp dẫn của Trái Đất, bởi vì chúng ta và mọi vật đều dính trên mặt đất. Một "trường" khác rất quen thuộc là "trường điện từ", đó là môi trường mà các sóng TV, radio truyền đi, đó cũng là trường mà qua đó ánh sáng từ muôn ngàn các ngôi sao ở xa thẳm đến mắt chúng ta.

"Trường" tóm lại là không gian trong vũ trụ. Và bây giờ Stephen Hawking quả quyết theo định lý bất định thì không thể có "0 trường", có nghĩa là không thể có không gian rỗng không.

Không gian không thể nào rỗng không. Vậy nó có cái gì? Nó có "trường", nó có năng lượng và giá trị của trường, của năng lượng trong không gian bao giờ cũng lờ mờ bất định, nghĩa là nó giao động (*fluctuation*), nó "nhấp nhảy" theo kiểu nói bình dân, nó không bao giờ ở đúng số "0", nó liên tục giao động khi thì ở trên số "0" một chút, khi thì nó ở dưới số "0" một chút.

Chính vì sự giao động liên tục, nhanh ghê gớm, nhanh gấp hàng triệu hàng tỷ lần hơn một cái chớp mắt mà có một hiện tượng quái dị xảy ra: liên tục và liên tục, mãi mãi không thôi, có những cặp hạt hiện ra rồi biến mất. Thí dụ như cặp hạt ánh sáng (*photon*) hay cặp hạt hấp lực (*gravition*). Tại sao lại có cặp, hai cái? Đó là vì — theo Hawking —, một hạt thuộc vật chất thường và một hạt thuộc... phản vật chất (*antimatter*). Hai hạt đó vừa sinh ra liền tách rời nhau ra ngay, và trong một thời gian rất ngắn, ngắn không thể tượng tượng nổi, hai hạt lại chập lại và... biến mất, bởi vì khi "vật chất" gặp "phản vật chất" là cả hai biến mất.

Cơ học lượng tử đã cho biết không gian mà chúng ta tưởng là rỗng không, lặng lẽ như tờ, hoặc im lìm như chết, thật ra là một không gian sinh động. Cả vũ trụ này đều nằm trong một trạng thái vô cùng sinh động, luôn luôn có sinh hóa, hóa sinh.

Ngày nay người ta đã biết có những cặp hạt như vậy, không phải là do lý luận suông hoặc do tưởng tượng. Có thể vì nó quá nhỏ

và sự giao động sinh hóa, hóa sinh quá mau nên không có thể nào có máy móc đo lường cho nổi. Nhưng người ta biết đó là những hạt có thật, hay gọi là gần như thật (*virtual*) thì đúng hơn. Bởi vì người ta đã đo được những ảnh hưởng của nó tác động lên các hạt có thật khác. Và bây giờ đến lỗ đen và chân trời biến cố của nó. Khi một cặp hạt biến hóa như vậy sinh ra ở gần chân trời biến cố của lỗ đen thì việc gì sẽ xảy ra. Trong chớp mắt, chưa kịp biến đi thì cả hai hạt đã bị hút vào lỗ đen.

Nhưng cũng có trường hợp dù họa hoằn, chỉ có một hạt vì quá gần nên bị kéo vào, còn hạt kia thoát ra ngoài. Trường hợp đó có nghĩa là hai hạt "gần như thật", bỗng nhiên biến thành một hạt "thật", và nó tồn tại, bởi lẽ không có cái "phản" để nó gặp và biến tiêu.

Chính đây là lý do tại sao lỗ đen có bức xạ. Khi một hạt ảo, hạt gần như thật biến thành hạt thật thì nó bức xạ (*radiation*) ở ngay bên ngoài chân trời biến cố của lỗ đen, thành ra với những dụng cụ tinh vi nhất, người ta đo được bức xạ của lỗ đen.

Vấn đề điều kiện biên

Vào khoảng năm 1956, nhà bác học Mỹ John Wheeler đưa ra ý niệm "lỗ sâu lượng tử" (*quantum wormholes*). Lỗ sâu đó nằm ở đâu vậy?

Nó nằm ở ngay trong lỗ đen, vì trên lý thuyết lỗ đen có chân trời biến cố (xem bài trước). Vật chất trong lỗ đen có thể thu nhỏ lại, như kiểu cây thiết bổng của Tề Thiên Đại Thánh, nhưng sức nặng (khối lượng) của nó vẫn như cũ, vì thế chân trời biến cố của khối đen vẫn không thay đổi: Nếu khối đen thu nhỏ mãi... từ ngôi sao khổng lồ co lại thành nắm tay, rồi co lại nữa thành một hòn bi... một nguyên tử, rồi nữa thì nó biến đi đâu.

Wheeler tính toán rằng lỗ đen bắt buộc phải có một đường... thông ra một vũ trụ khác, một thế giới khác, không phải cõi thế của chúng ta. Con đường thông ra đó giống như một cái lỗ, đúng hơn là một con đường mà con sâu đã đục ra trong một trái bom (táo) để nó đi.

Từ ý niệm đó, Stephen Hawking khai phá một lập luận mới, trùng hợp với ý niệm "lỗ đen nguyên thủy" của ông.

Lỗ đen nguyên thủy là lỗ đen của toàn vũ trụ, do vũ trụ sụp đổ, co lại mà thành. Chớ không phải là loại lỗ đen bình thường do các ngôi sao sụp đổ tạo thành.

Đây cũng là lập luận nằm trong một lý thuyết rất quan trọng về vũ trụ học của Stephen Hawking. Trong toán học bình thường, có một vấn đề quan trọng được gọi là "điều kiện biên" (*Boundary Condition*), đại khái nghĩa là muốn tính cái gì phải biết bắt đầu từ đâu, chấm dứt ở đâu, hoặc khởi thủy nó thế nào, thì về sau nó sẽ ra sao.

Trong vũ trụ học, vấn đề "điều kiện biên" cũng được đặt ra, trong không gian cũng như trong thời gian. Nghĩa là vũ trụ bắt đầu như thế nào, kết thúc ra sao, và nó rộng lớn đến bao nhiêu.

Câu trả lời rất đặc sắc của Stephen Hawking là vũ trụ vô biên (*no boundary*) và có hạn (*finite*). Đây là một sự mâu thuẫn mới nhìn có vẻ như khó hiểu.

Trong không gian, sự nghịch lý này cũng tạm dễ hiểu. Thí dụ như Trái Đất, nếu có một con kiến bò mãi quanh Địa Cầu mà không thấy biên giới chỗ tận cùng ở chỗ nào, nó sẽ nói là Thế giới địa cầu của nó vô biên. Nhưng thật ra Địa cầu có giới hạn, vì đó là một quả cầu tròn.

Nhưng còn thời gian, thế nào là vừa vô biên vừa có hạn? Không lẽ có thời gian đi theo chu kỳ, nghĩa là bắt buộc thời gian có lúc phải đi ngược chiều? Các lý thuyết gia giàu tưởng tượng nhất cũng đành lắc đầu. Không có lý nào cho rằng một người đã già, bắt đầu trẻ trở lại, thành trung niên, thanh niên, rồi con nít, và cuối cùng là sơ sinh rồi bào thai chui vào bụng mẹ? Trừ phi trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng.

Thời gian chỉ có một chiều, người ta đã xác định "mũi tên thời gian" (*Time Arrow*) có nghĩa là thời gian không thể đi giật lùi. Dù vũ trụ có sụp đổ, co lại thành lỗ đen, thời gian vẫn tiến mãi mãi không thôi.

Nhưng trong lỗ đen nguyên thủy — theo Stephen Hawking — thời gian cũng như không gian đều mất hết ý nghĩa và theo nguyên lý bất định, không gian và thời gian cũng không thể biến thành số "0". Vậy nó đi đâu?

Nó đi qua "lỗ sâu" của lỗ đen để biến sang một thế giới khác, ở đó không gian lại bắt đầu một chu kỳ mới, mở ra rồi lại sụp đổ, và thời gian vẫn tiếp tục theo mũi tên đi có một chiều.

Nhưng Stephen Hawking còn đi xa hơn nữa. Vũ trụ không phải chỉ có một lỗ đen nguyên thủy, và lỗ sâu cũng không phải chỉ có một, mà có rất nhiều lỗ sâu, nếu cứ xét theo nguyên lý bất định.

Rất nhiều vũ trụ con nít được nảy sinh và lớn mạnh. Vũ trụ của chúng ta không phải là duy nhất. Có hằng hà sa số vũ trụ ở những không gian và thời gian khác, và điểm đặc biệt theo nhất lý luận của Hawking, các vũ trụ khác nhau đó có thể nối tiếp với nhau qua các con đường "lỗ sâu".■

Lỗ đen bức xạ

Muốn hiểu hình này, chúng ta phải xác định: Chiều nằm là không gian (gồm cả x, y, z, nghĩa là chỉ một chiều nằm thôi cũng biểu tượng được ba chiều của không gian). Chiều cao là chiều của thời gian, nó chỉ có một hướng lên cao, nhưng cao ở đây không có nghĩa là chiều cao của không gian, không có nghĩa là một trong ba chiều rộng, cao, dài, (x, y, z) của không gian. Nó chỉ có nghĩa là thời gian chạy thẳng như mũi tên (arrow) chớ không chạy dật lùi.

Khung đen chính là "chân trời biến cố". Với thời gian trôi qua (càng ngày càng cao), cân trời biến cố không thay đổi, bởi thế đó là một khung đen kéo dài vô tận với thời gian.

Xung quanh "chân trời biến cố" kéo dài theo thời gian, có các vi hạt sinh hóa, hóa sinh. Đó là những đường cong có mũi tên. Có những hình bầu dục: đó là cặp "vật chất và phản vật chất" sinh ra rồi lại gặp nhau và biến tiêu. Có những hình bầu dục lao cả vào "chân trời biến cố".

Nhưng cũng có những hình tách rời: một mũi tên bị hút vào chân trời biến cố của lỗ đen, còn một văng ra ngoài, trở thành "hạt thật". Do đó lỗ đen bức xạ.■

THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

PHAN NHƯ HUYÊN

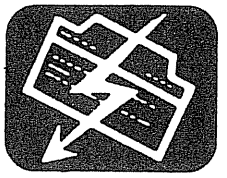

Câu chuyện dầu hỏa ở Việt Nam có lẽ bắt đầu từ 20 năm nay. Đầu năm 1973, Hội nghị Ba lê ký kết để chấm dứt chiến tranh Việt Nam và để Hoa Kỳ rút quân về nước. Mùa thu năm ấy, chiến tranh Trung Đông bùng nổ làm cho xăng nhớt khan hiếm và sau đó giá dầu vọt lên cao. Cùng lúc ấy, các công ty Shell và Mobil tìm thấy dầu trên thềm lục địa Việt Nam quanh đảo Côn Sơn, bây giờ là các mỏ Rồng và Đại Hùng. Sau đó, Trung Hoa chiếm các đảo Hoàng Sa và Tây Sa, tuyên bố chủ quyền trên toàn vùng biển Nam Hải. Và chiến tranh Việt Nam vội vã kết thúc. Các hãng dầu hỏa Hoa Kỳ phủi áo ra đi. Bây giờ thì ai cũng biết Việt Nam có dầu.

Các mỏ dầu có thể tìm thấy ở ngoài khơi suốt từ vịnh Bắc Việt cho đến vịnh Thái Lan. Nhưng nhiều nhất có lẽ ở vùng từ Phan Rang trở vào, và vùng nữa từ Đà Nẵng trở ra. Đó là những vùng biển cạn hơn 600 bộ. Vùng biển cạn trong Nam được chia ra làm 58 blocks từ 1 đến 58. Vùng biển cạn ngoài Bắc và vùng biển sâu ngoài khơi được chia ra làm 59 blocks từ 101 đến 159. Nhiều lô nằm trong vùng tranh chấp giữa Việt Nam và các nước láng giềng như Campuchia, Mã Lai, Indonesia và Trung Hoa. Có nhiều lô khác nằm dưới quyền kiểm soát của Trung Hoa và cũng đang được khai thác dưới quyền đặc nhượng của Trung Hoa.

Tóm lại, trữ lượng dầu hỏa của Việt Nam theo ước lượng chắc chắn là 350 triệu phuy tính đến cuối năm 1992 (World Oil, August 1993, p. 30) nhưng con số không chính thức, theo ông Hồ Sĩ Thuần chủ tịch công ty Petro Vietnam cho biết, có thể lên đến 4 tỉ phuy (Offshore/Oilman, April 1993, p. 27). Hiện nay, chỉ có mỏ Bạch Hổ là đang sản xuất với công suất lên đến 120 ngàn phuy một ngày. Nhìn chung, trữ lượng Bạch Hổ vào khoảng 500 triệu phuy, Rồng 300 triệu phuy, Đại Hùng 600 triệu phuy, Thanh Long 300 triệu phuy, một mỏ mới ở lô 4-2 700 triệu phuy, vân vân. Và trữ lượng khí đốt tính đến cuối năm 1992 là 255 tỉ cubic feet.

Production Sharing Contracts (PSC)

Sau khi viện trợ từ Liên bang Sô Viết bị cắt giảm, Việt Nam đã ký kết các khế ước nhượng quyền khai thác dầu khí cho nhiều công ty khác nhau. Từ năm 1988 đến tháng Tám năm 1991, Việt Nam đã ký 10 khế ước khai thác dầu hỏa với các công ty ngoại quốc. Và tính đến tháng Tám năm 1993, Việt Nam có đến 23 dự án dầu khí trên toàn quốc.

Các khế ước Việt Nam ký với các công ty dầu hỏa đều dựa theo kiểu mẫu PSC của Indonesia. Theo kiểu này, khế ước kéo dài không quá 25 năm, gồm hai giai đoạn: giai đoạn tìm kiếm và giai đoạn sản xuất; trong đó, giai đoạn tìm kiếm không quá 5 năm. Khế ước phải được phê chuẩn bởi Ủy ban Hợp tác và Đầu tư của Việt Nam (Vietnam's State Committee for Cooperation and Investment.) Mỗi công ty không được ký quá hai lô, mỗi lô có thể từ vài trăm cây số vuông cho đến 10 ngàn cây số vuông nếu ở vùng biển sâu. Tùy theo trường hợp, công ty phải chịu thuế huê hồng từ 6% đến 25% trên lượng dầu sản xuất được, và từ 0% đến 10% trên lượng khí đốt sản xuất. Giai đoạn tìm kiếm có thể chia ra làm hai hoặc ba thời kỳ. Mỗi thời kỳ công ty phải bỏ ra một số nhân lực và tài lực để hoàn tất một số công tác theo như đã ấn định. Trước khi đến giai đoạn sản xuất, Việt Nam được quyền hùn vốn lên đến 15 phần trăm.

Trong khi sản xuất, công ty được quyền bỏ riêng ra 35% đến 38% số lượng sản xuất được để trả vào số vốn đầu tư. Công ty có quyền nhập cảng dụng cụ từ bất cứ nước nào. Các dụng cụ như dàn khoan, vân vân, sẽ thuộc quyền sở hữu của Việt Nam sau khi đã trả hết vốn. Công ty có quyền bán dầu cho bất cứ nước nào. Số lượng khí đốt thặng dư, Việt Nam có quyền lấy đi và dùng vào các dự án khác. Tóm tắt, trên đây chỉ là một ít điều quan trọng trong khế ước. Kể ra, khế ước này cũng hợp lý cho cả đôi bên.

Năm 1992, Việt Nam xuất cảng 5 triệu rưỡi tấn dầu thô và nhập cảng để tiêu thụ ba triệu tấn dầu biến chế. Đến năm 2000, con

số xuất cảng có thể lên cao gấp năm lần.

Hiện nay, chính quyền đã chọn công ty Chinese Petroleum của Đài Loan và Total Petroleum của Pháp để thực hiện dự án xây cất xưởng lọc dầu đầu tiên, với kinh phí hơn một tỉ Mỹ kim, để biến chế khoảng 130 ngàn phuy dầu thô một ngày. Trong khi đó, công ty Sembawang Engineering đang tái thiết cơ sở chưng cất dầu (pre evaporation) ở Cát Lái từ 40 ngàn tấn lên đến 350 ngàn tấn một năm.

Song song với việc sản xuất dầu, Việt Nam sản xuất mỗi ngày 75 triệu cubic feet khí đốt ở mỏ dầu Bạch Hổ. Đa số hơi đốt này phải đốt bỏ, vì Việt Nam chưa có phương tiện để thu dụng. Bộ trưởng Kỹ nghệ Lê Văn Triết mới đây sang Canada để thảo luận về việc đấu thầu dự án hơi đốt ngoài khơi. Dự án lên đến khoảng 400 triệu Mỹ kim để dẫn hơi đốt ở mỏ Bạch Hổ về miền Nam Việt Nam. Hơi đốt này sẽ được dùng cho các nhà máy điện, các cơ xưởng kỹ nghệ, và máy sản xuất phân bón. Trong khi đó, công ty Wesfarmers của Úc đang xây cất một ống dẫn hơi đốt lỏng (Liquified Petroleum Gas) ở Nhà Bè để cung cấp cho thành phố Saigon. Ở ngoài Bắc, công ty Anzoil cũng dự tính cung cấp khoảng 3 triệu tư cubic feet hơi đốt một ngày từ công trường Tiền Hải cho Hà Nội.

Tóm lại, Việt Nam cần phải xây cất những xưởng lọc dầu, ống dẫn hơi đốt, và các nhà máy làm phân bón để cung cấp năng lượng cho các dự án phát triển khác như hóa học, điện tử, vân vân, đồng thời, còn tạo thêm công ăn việc làm cho giới thợ thuyền.

Trước đây, Vietsovpetro là công ty duy nhất khai thác và sản xuất dầu hỏa ở ngoài khơi Việt Nam. Vietsovpetro là công ty hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô, nhưng chỉ mới gần đây một người Việt Nam mới được cử làm tổng giám đốc. Công ty này đã tìm ra được mỏ dầu Bạch Hổ cách Vũng Tàu 65 dặm từ năm 1981 và đã sản xuất được dầu từ tháng Sáu năm 1986. Năm 1988, công ty lại tìm ra được mỏ Đại Hùng. Nhưng vì không đủ khả năng, nên công ty Vietsovpetro đã đồng ý rút lui. Sau khi Liên Xô sụp đổ, hình ảnh của Vietsovpetro càng ngày càng lu mờ, trong khi Petro Vietnam càng nổi bật.

Từ năm 1991, kỹ nghệ dầu khí ở Việt Nam đồng loạt bùng dậy. Kinh tế Việt Nam thay đổi theo lối thị trường và giảm dần tính cách trung ương kiểm soát. Nhiều cơ quan mới thành hình. Người ta nghe nói đến Petro Vietnam II, Petro Vietnam Exploration & Production, Petroleum Information Center, State Committee for Cooperation and Investment, và còn nữa. Do đó, các cơ cấu hành chánh, luật pháp, thuế má, vân vân, cũng sẽ thay đổi cho hợp với chiều hướng mới.

Từ thay đổi kinh tế đến thay đổi cách thức quản trị, người ta sẽ thấy phương pháp lựa chọn sẽ là phương pháp nào đem đến nhiều lợi ích nhất. Khi đấu thầu các dự án, hoặc ký kết các khế ước, Việt Nam thường đặt tiêu chuẩn như tay nghề cao, công nghệ bền vững, đôi bên cùng có lợi, tiềm năng lợi nhuận cao. Đó không phải là sản phẩm của vật chất. Đó không phải chỉ là sức lao động con người. Mà còn do năng lực sáng tạo của quần chúng. Sự thịnh vượng của quốc gia bây giờ và mai sau sẽ đặt nền tảng trên sức mạnh của toàn dân, cả lao động lẫn trí thức. Hay nói cách khác, đó là đặc điểm của kinh tế thị trường — không thể có trong chế độ kinh tế chỉ huy.

Mới đây, Tổng thống Clinton đã nới lỏng lệnh cấm vận giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, nhưng chưa hoàn toàn bỏ hẳn. Riêng trong lãnh vực dầu khí, lệnh cấm vận này thực sự là bất lợi cho cả đôi bên. Việt Nam đang cần những công ty có khả năng và kinh nghiệm để khai thác những mỏ dầu có thể rất lớn ở ngoài khơi biển Nam Hải. Ngược lại các công ty Hoa Kỳ cũng đang mong chờ cơ hội để đầu tư vào thị trường dầu khí Việt Nam.

Về phía Việt Nam, chính quyền VNCS thừa biết kỹ thuật hiện tại của Nga chưa đủ để đảm đương những dự án lớn. Các mỏ dầu ở Việt Nam được ví như những kho tàng quí giá và không thể để cho những tay mơ đến khai thác. Thứ nhất, nhiều công ty không có khả năng khai thác đúng mức. Sự tính toán sai lầm có thể đem đến những chi phí quá cao và lợi tức của đôi bên phải giảm sút. Thứ hai, kỹ thuật thấp kém của công ty không cho phép họ khai thác tận lực 100 phần trăm, mà chỉ lấy lên được, thí dụ, một nửa số dầu dự trữ, rồi bỏ cuộc. Đó là trường hợp của Liên Bang Sô Viết trước đây. Các giếng dầu phải khóa lại vì không có cách để hút dầu lên được nữa, hoặc quá tốn kém để bơm một lượng dầu quá thấp. Thứ ba là sự an toàn cho công nhân và sinh môi. Hoa Kỳ là một trong những quốc gia có chính sách bảo vệ sự an toàn cho cả công nhân và sinh môi. Nhân mạng con người luôn luôn được đề cao. Sau đó đến cây cỏ, thú vật, cá tôm, là những thứ nuôi dưỡng con người từ thế hệ này qua thế hệ kế tiếp.■

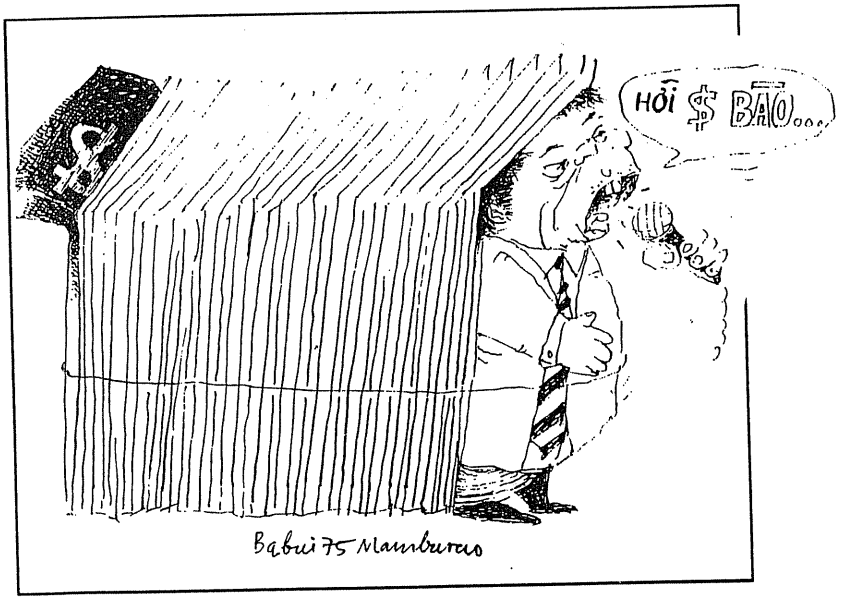

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN BIẾN TRONG GIỚI HỘI HỌA TRẺ TẠI VIỆT NAM

NHẤT UYÊN

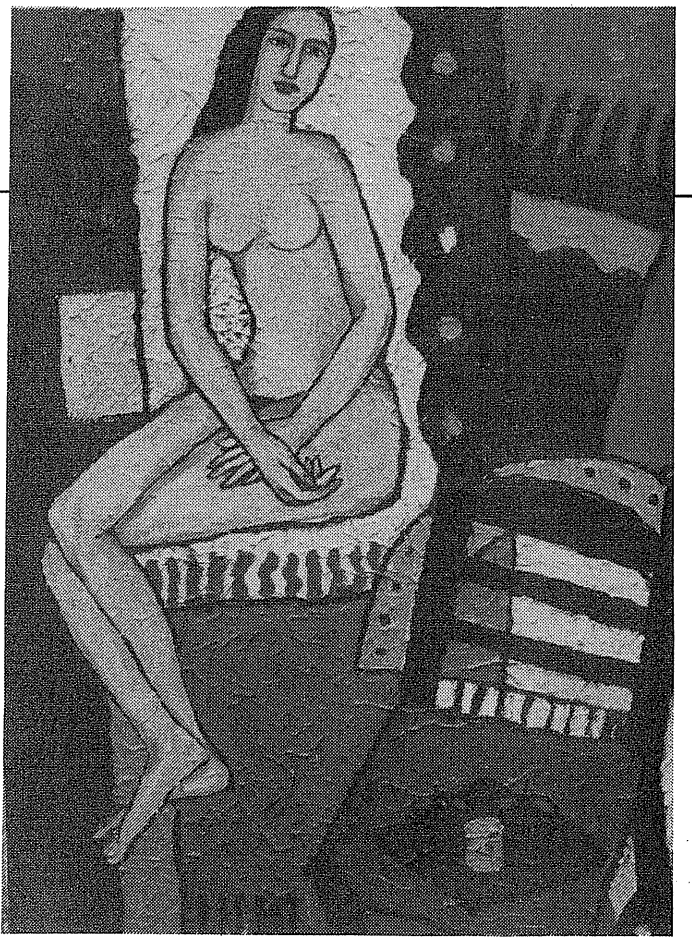

Lõa thể – SƠN LÂM

Những biến chuyển từ vài năm qua đã thay đổi hẳn bộ mặt nghệ thuật tạo hình tại Việt Nam. Từ những "cán bộ họa sĩ" vẽ theo đơn đặt hàng của Bộ Văn Hóa nhằm tuyên truyền hiện thực xã hội chủ nghĩa, vẽ ảnh lãnh tụ, vẽ Xô Viết Nghệ Tĩnh, công nông, bộ đội, du kích, tăng gia sản xuất, cảnh chiến đấu..., từ những lớp họa sĩ lão thành thời tiền chiến đã lần lượt qua đời Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Gia Trí... thế hệ họa sĩ tuổi 30, 40 tại Việt Nam hôm nay đang tạo những biến chuyển mạnh mẽ trong không khí của kinh tế thị trường.

Theo họa sĩ Nguyễn Hà Bắc, trong vòng ba năm qua có khoảng 300 phòng tranh tư nhân được mở ra tại Hà Nội, từ những căn nhà phố tư nhân, đến xưởng vẽ họa sĩ, các phòng tranh tư nhân được mở ra để đáp ứng nhu cầu mua tranh của du khách ngoại quốc, Tây phương, Việt Kiều, các nhà doanh thương vùng Đông Nam Á, Nhật Bản... Tranh các họa sĩ Việt Nam trong nước khá rẻ so với các đồng nghiệp vùng Đông Nam Á.

Đời sống dân chúng sung túc, nhu cầu trang trí tranh sơn dầu, sơn lụa, sơn mài ngày một phát triển.

Những tác phẩm có "tính đảng", có "hiện thực xã hội chủ nghĩa" nhường chỗ cho những "cây nấm độc sặc sỡ", "văn hóa đồi trụy", "khỏa thân" được thi đua sáng tác để... đầu độc tư bản ngoại quốc. Một công hai chuyện làm "đồi trụy" thêm xã hội tư bản và kiếm đô la xây dựng "xã hội chủ nghĩa".

Và giới họa sĩ Việt Nam, được lợi cả hai vừa vẽ được tất cả những gì mình muốn, mình thích, vừa có đô la cho đời sống thêm sung túc.

Lúc đầu thì các "cụ lớn" xem tranh hậm họe, cấm bức này, phê bức kia, sau thì chúng loạn quá, thây kệ mặc chúng vẽ gì thì vẽ, vẽ chẳng lật đổ được ai, công nông cán bộ làm gì có tiền mua tranh, bọn tư sản đã đồi trụy lỡ rồi, có đồi trụy thêm cũng chẳng sao.

Một số họa sĩ trẻ như Vũ Hòa, Sơn Lâm, Trọng Vũ, Nguyễn Hà Bắc, Sơn Trúc được gửi sang tu nghiệp tại Paris.

Hai cuộc triển lãm tháng 7, 8-1993 triển lãm tập thể, và tháng 9,

Thiếu nữ Việt Nam -- SƠN TRÚC

10-1993 của họa sĩ Sơn Trúc tại Nhà Văn Hóa Pháp-Việt, một cơ sở văn hóa mới thành lập tại 24 Rue des Ecoles, Quận 5 Paris ngay trung tâm khu La Tinh, cơ sở hội tư nhân sáng lập bởi một số trí thức Pháp-Việt được sự tài trợ của chính phủ Pháp, quy tụ 35 bức tranh trong đó có:

19 bức của các họa sĩ sáng tác tại Huế (Trường Mỹ Thuật Huế do họa sĩ Vĩnh Phối điều khiển):

Lê Hữu Nguyên, Trương Đình Quế, Trương Bé, Phạm Đại, Đặng Mậu Tựu, Tuyết Mai, Phan Hữu Lương, Phạm Quốc Hùng, Hồ Văn Tiên, Phan Thanh Bình, Lê Việt Thắng, Võ Văn Xuân, Hồ Văn Đoan, Nguyễn Đình Mão, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Duy Linh,

11 bức của nhóm họa sĩ Trường Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội đang tu nghiệp tại Paris: Vũ Hòa, Sơn Lâm, Trọng Vũ. Một bức của Phan Nguyên, họa sĩ Việt Kiều tại Paris và ba bức của họa sĩ Christian Doulet vẽ Rồng hôm qua và hôm nay, bến thuyền, Việt Nam thi ca.

Bức Đêm Huyền Diệu của Nguyễn Duy Linh (Huế) (128 x 193) vẽ hình ảnh lõa thể một thiếu nữ với "mái tóc huyền mơ, vú căn tròn, đôi tay và chân chuyển động trong không gian như tượng trăm mắt ngàn tay, màu xanh huyền hoặc đưa ta vào cõi mộng mơ liêu trai, bút pháp chắc, bố cục vững, ánh sáng màu sắc tuyệt diệu. Đêm Huyền Diệu ai nhìn cũng thích và mơ được treo trong phòng khách của mình.

Bức Giòng Sông Mơ của Trương Bé diễn tả một huyền thoại từ cõi mộng mơ nào đó một bầy tiên nữ xếp bỏ đôi cánh, trở thành người trần nô đùa tắm trên một giòng sông xanh. Một bầy tiên nữ, hay một bầy ngư nhân của thần thoại Đan Mạch.

Bức Tình Xa của Tuyết Mai, một thiếu nữ áo mỏng như sương ôm nón bài thơ, xa xa nhịp cầu Trường Tiền màu sắc lạ lùng xa vắng phảng phất như màu sắc của Đinh Cường, qua hai bức Tình Xa và Thiếu Nữ Trên Đồi Hoa ta thấy chị mang nhiều ảnh hưởng bút pháp của Đinh Cường, nét vẽ màu sắc chị sinh động không kém gì thế hệ đàn anh.

Bức Vinh Qui Bái Tổ của Phạm Hữu Lương với màu sắc xanh đỏ vàng, "sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên" với bút pháp hiện đại cho ta một cái nhìn rực rỡ về những hình ảnh xa xưa.

Nhóm họa sĩ trẻ Trường Mỹ Thuật Hà Nội đang tu nghiệp tại Paris đã không ngừng năng động sáng tạo, triển lãm từ nơi này đến nơi khác. Tiêu biểu cho thế hệ họa sĩ trẻ Hà Nội Sơn Lâm sinh năm 1961 tại Hải Phòng học hệ Trung Cấp Trường Mỹ Thuật Hà Nội (1977-1982), học Trường Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội (1985-1989). 1989-1992, thực tập tại Trường Mỹ Thuật Ứng Dụng và Nghề Nghiệp (Ecole Supérieur des Arts Appliqués et des Métiers Arts) Paris 15. Triển lãm tại Galerie Chaptal Strasbourg (1991), Chanbourcy (1990), Vietnam Reflet Bourse Commerce (1992) Salon Indépendant de Grand Palais năm 1991, 1992.

Tranh Sơn Lâm sử dụng màu sắc sống động tươi sáng của trường phái dã thú, kỹ thuật sử dụng giấy dó đắp nổi lên vải, tạo cho chị một đường lối đặc biệt, khuôn mặt các nhân vật dài ngây ngô gợi cho ta khuôn mặt trong tranh các danh họa phái dã thú thảo nào chị yêu thích tranh của Matisse, Modigliani, Gaugin, Fernand Léger.

Sơn Lâm, tưởng là một anh, hóa ra là chị. Bố mẹ mơ có con

trai, sinh chị là gái, bố mẹ vẫn không đổi lập trường vẫn cứ đặt tên chị là Sơn Lâm (núi rừng).

Chị sinh ra và trưởng thành trong XHCN, năm 1975 chị mới 14 tuổi, trường học, thầy giáo, đoàn, đảng, dạy chị hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhưng tranh chị chẳng có tí gì là hiện thực XHCN. Năm bức chị triển lãm, hai bức tranh lõa thể, một bức thiếu nữ bên song cửa với con mèo, và hai bức vẽ cảnh thiếu nữ đang cầu tình duyên bên tượng Phật Chùa Tây Phương, tượng Đức Bà Hoàng Hậu chùa Bút Tháp.

Bức "tự họa" (Autoportrait) chị tự vẽ mình đang cầm một điếu thuốc vấng trăng lưỡi liềm trên đầu một góc nhưng phía sau là một thiếu nữ trần truồng nhảy múa trong một không gian màu sắc tự do vô hạn.

Bức "Trinh nữ trên thảm" (La vierge au tapis) màu sắc sinh động với nét đẹp thân thể một thiếu nữ xuân thì được diễn tả ngây ngô như bút pháp Modigliani, những màu sắc sinh động của tấm thảm làm nổi bật tấm thân cô gái đang xuân.

Bức "Thiếu nữ bên song cửa" hai khung cửa phản ánh nhau chia đôi bức tranh, một khung là thiếu nữ, một khung là con mèo, thiếu nữ không cho ta những mơ mộng như thiếu nữ của Tô Ngọc Vân thời "Em là gái bên song cửa" của Lưu Trọng Lư, thiếu nữ của Sơn Lâm rất thực rất ngây ngô. Khung cửa bên cạnh một con mèo to lớn mặt mèo to hơn cả mặt nàng. Hỏi Sơn Lâm trong tranh dân gian Việt Nam xưa vẽ mặt các thần tướng, thành hoàng thường to hơn mặt quân lính hầu, nay Sơn Lâm vẽ mặt mèo to hơn cả mặt nàng thiếu nữ là ý nghĩa gì, Sơn Lâm cười duyên dáng "em thấy như thế", có lẽ Sơn Lâm không nói ra con "vật" vẫn còn lớn hơn cái "tâm" của nàng thiếu nữ.

Vũ Hòa một họa sĩ đầu đàn của nhóm "CRÉA" "Sáng Tạo" - nhóm gồm có Vũ Hòa, Sơn Lâm, Trọng Vũ, Phan Nguyên hiện đang ở Pháp và ở Hà Nội có Đào Minh Trí, Nguyễn Đức Hòa, Nguyễn Bình Minh, Văn Dương Thành, Nguyễn Hà Bắc. Vũ Hòa sinh năm 1955 tại Hà Nội học Trường Mỹ Thuật Hà Nội (trường năng khiếu) hệ sơ cấp năm 1967-1970. 1970-1975 học Trung Cấp Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Công tác xưởng phim hoạt hình, 1982-1986 học Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội. Anh sang Pháp năm 1990 theo lời mời nhà xuất bản Didier để minh họa sách.

Anh tham gia Triển Lãm Mỹ Thuật toàn quốc năm 1976, Chambourcy (1990), Bourse de la Commerce (1991), Triển Lãm Terre d'Avenir của CCFD Bourget (1992), Salon dela peinture la Rochelle (1992). Club des Voyageurs du Monde (1993). Anh là tác giả ba bức bích họa lớn trên vách chùa Trúc Lâm vùng Paris: Cảnh Phật sơ sinh, Phật thuyết pháp và Phật giác ngộ.

Vũ Hòa vẽ nhiều về đề tài đồng quê, đình chùa thắng cảnh và anh đang đi vào các sáng tạo trừu tượng siêu thực. Bức Vũ Điệu (Danse) diễn tả bằng những đường nét hiện đại một thiếu nữ đang múa, nét vẽ xa xôi mơ hồ ẩn hiện vài hình ảnh vũ công trên các bệ thờ chùa Phật Tích.

Bức Hỗn Mang (Chaos) anh đi tìm sự cân bằng sắp xếp hình thể trên một mặt phẳng những màu sắc xám nhạt đen như thuở vũ trụ, trái đất còn hỗn mang chưa có sự sống con người.

Bức Đồng Quê anh tả đời sống nông dân bằng phương pháp đồng hiện, bức tranh diễn tả trời mưa lẫn trời nắng, con trâu trên mái nhà, chú bé nơm cá bên bà mẹ đang vo gạo, mặt trời đen trắng như lưỡng nghi (Âm Dương) người đi che áo tơi đi dưới mưa bên kia là nắng.

Bức Nông Phu cảnh hai con gà đỏ mổ thóc trước sân nhà hai bên hai vợ chồng nông phu vác cuốc, sau nhà là vài nông dân đang cấy lúa và gánh mạ, những sắp xếp màu sắc hình ảnh không theo một trật tự hình thể thông thường cho ta một cái nhìn mới mẻ sống động về những hình ảnh bình dị đồng quê Việt Nam.

Phan Nguyên là một họa sĩ trẻ Việt Kiều tại Pháp dạy học và vẽ tranh, tác phẩm anh đã bắt đầu đi vào thị trường nghệ thuật tạo hình qua cuộc triển lãm đầu tiên năm 1992 tại Paris.

Cùng với Vũ Hòa, Sơn Lâm lập nhóm "Sáng Tạo" (CRÉA). Bức "Nhịp điệu tinh cầu" đưa ta về cõi "big bang" lúc khai sáng vũ trụ của nhà khoa học Trịnh Xuân Thuận. Màu sắc hài hòa, những ánh sáng kỳ lạ tuyệt vời bay từ thiên kỷ đến hành tinh chúng ta.

Sơn Trúc sở trường về sơn mài. Sinh năm 1944 tại Hải Phòng. Tốt nghiệp Trường Đại Học Mỹ Thuật Hà Nội năm 1974. Chị đã có nhiều tranh được tuyển vào các bảo tàng quốc gia và sưu tập cá nhân trong nước và nước ngoài. Đã tham gia nhiều cuộc triển lãm trong và ngoài nước. Đây là lần thứ hai chị triển lãm tại Paris.

Xem tranh chị ta chợt bắt gặp lại hình ảnh những cô gái Hà Nội 36 phố phường xa xưa thời tiền chiến của Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân... ta chợt bắt gặp lại những màu sắc quen thuộc của sơn ta miền Phú Thọ son, đen, cánh kiến, vàng nhủ...

Qua cơn bão lửa chiến tranh, qua thời hiện thực xã hội chủ nghĩa, sau khi họa sĩ Nguyễn Gia Trí từ trần... con đường sơn mài truyền thống bằng sơn ta Phú Thọ tưởng đã tuyệt tự, con đường sáng tạo của họa sĩ Nguyễn Gia Trí vào những năm 1930 tưởng không người tiếp nối. Xem tranh Sơn Trúc ta chợt mừng vui, con đường truyền thống Sơn mài đó đã có một tài năng vững vàng tiếp nối. Chị không những tiếp thu của người đi trước mà còn sáng tạo thể nghiệm những hình thể mới siêu thực trên sơn mài.

Cuộc triển lãm khai trương Trung tâm Văn Hóa Việt-Pháp Paris đã giới thiệu sơ khởi những chuyển biến của hội họa Việt Nam nhất là từ hai thủ đô văn hóa Huế và Hà Nội cho ta một cái nhìn sinh động về một nghệ thuật mới đang kết tụ, hình thành, hình thành từ những phương tiện vật chất thiếu thốn. Có một dạo ở Hà Nội tất cả tranh Các-Mác Lênin từ Liên Xô xuất cảng sang bán chạy như tôm tươi làm mậu dịch quốc doanh hoảng sợ điều tra ra thì chỉ vì tranh lãnh tụ bán rẻ hơn khung vải vì được trợ cấp để bù lỗ, các sinh viên Mỹ Thuật Hà Nội tranh nhau mua về lật lại mặt sau, bôi hết ảnh các lãnh tụ để vẽ tranh mới. Một câu chuyện cười ra nước mắt nhưng cũng là tiêu biểu cho một nền nghệ thuật mới đang hình thành từ mặt trái của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa. ■

CHUYỆN TRÒ VỚI PHAN NHẬT NAM:

GIỮA SỐNG VÀ CHẾT, GIỮA THIỆN VÀ ÁC

HOÀNG KHỞI PHONG ghi

Anh vẫn là Phan Nhật Nam của ba mươi năm trước, tất nhiên thời gian đã làm cho đôi mắt của anh không còn sáng rực như tuổi hai mươi khi anh vừa tốt nghiệp khóa 18 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Kể từ khi anh quỳ xuống ở Vũ Đình Trường như một Sinh Viên Sĩ Quan, để đứng dậy như một Tân Sĩ Quan cho tới hôm nay đã ba mươi năm qua đi. Anh đã phải đeo kính lão khi đọc thơ, dưới vành mắt kính đã có những nếp nhăn của ba chục năm đời sống, ba chục năm trôi qua những chiến trường, những địa danh như Đồng Xoài, Bình Giả, Huế Mậu Thân, những An Lộc, Quảng Trị, Charlie của mùa hè 72, những chuyến đi ngoài tư cách người lính còn mang sứ mạng của người cầm bút như chuyến đi Hà Nội trước khi hiệp định Paris được ký kết, những chuyến đi quan sát của Uỷ Ban Liên Hợp Bốn Bên, những chuyến đi trao đổi tù binh vào đầu năm 73 khi hòa bình giả hiệu đột nhiên rơi từ trời xuống.

Lần cuối cùng tôi gặp Phan Nhật Nam vào những ngày cuối mùa của trận chiến. Tôi vừa từ vùng II trở về sau một cuộc triệt thoái thiếu tổ chức từ Pleiku xuống tới Tuy Hòa, rồi từ đó lại ngược trở ra Quy Nhơn để rồi khi mở mắt ra lại chính là Phú Quốc, nơi tôi đã để lại một phần tuổi trẻ của tôi vào những năm 67 đến 69.

Giữa lúc tôi và binh sĩ trong đơn vị hối hả chạy về hướng Nam, thì Phan Nhật Nam đang quay cuồng trong nhiệm vụ của anh, một sĩ quan trong Uỷ Ban Liên Hợp Bốn Bên. Hai trong số bốn phe này không phải chỉ vi phạm ngưng bắn một cách lẻ tẻ như trong hai năm 73 và 74, mà là ngồi xổm lên cái giải Nobel hòa bình của hai ông Kissinger và Lê Đức Thọ. Tất nhiên trong bốn phe đó chỉ có phe của chúng ta, phe Việt Nam Cộng Hòa là không hề được sửa soạn một chút nào cho tình huống đó, trong khi đồng minh của chúng ta tất nhiên đã biết rõ, và biết rất sớm. Biết từ khi mới bước vào phòng hội mấy năm trước cái gì sẽ xảy đến trong vùng đất này. Những người lính trong hai phe còn lại thì khác, họ không một lúc nào ngơi nghĩ đến trận chiến cuối cùng. Những đơn vị của họ hăm hở tiến vào phương Nam, họ dốc toàn quân, toàn lực vào ván chót.

Trong những giờ phút cuối cùng đó, nói cho rõ hơn

Phan Nhật Nam trong thư viện Người Việt

trong 72 giờ cuối cùng đó Phan Nhật Nam đứng trong phi trường Tân Sơn Nhất, anh chứng kiến trong đau sót hơn sáu chục ngàn con người mà hành lý cả đời chỉ thu lại nhẹ tênh trong những chiếc vali nhỏ, tất nhiên trong những vali nhỏ này cũng không thiếu gì những vali đầy tiền, vàng và cả những hột xoàn. Anh phụ bế đưa những em bé lên trực thăng, quăng hộ các hành lý tương đối cồng kềnh cho những ông già bà cả. Cứ như thế anh chứng kiến sáu chục ngàn người đi trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, cũng có lúc trong đầu anh vẩn lên câu hỏi đi hay ở? Ở hay đi? Câu hỏi đó chỉ thỉnh thoảng gợn lên trong đầu anh nên vì thế mà khi phi trường bị pháo kích không còn sử dụng được thì anh đứng trơ vơ nơi phi trường. Anh lặng lẽ ra về, chờ đợi những điều anh muốn thấy và sẽ thấy.

Anh đã có thể ra đi một cách nhẹ tênh, như một cái tặc lưỡi, một cái nhún vai. Và như thế thì hôm nay anh cũng chẳng có gì để nói với những người bạn cũ và những người bạn mới. Những người bạn văn, bạn lính, bạn tù...

Mười tám năm sau gặp lại, tất nhiên phải già đi, bây giờ chúng tôi đã có thể là những ông già năm chục

tuổi. Phan Nhật Nam vẫn là Phan Nhật Nam ngày nào. Anh nói tới những đoạn trường anh qua với dáng khôi hài cố hữu của thời trai trẻ. Anh vẫn giữ được cái chất của một sĩ quan đại đội trưởng Nhẩy Dù, cho dù thể xác có cằn cỗi đi sau 14 năm trong tù mà trong đó có tới bẩy năm, tám tháng triền miên trong ngục tối. Nói theo danh từ của chính anh, anh dùng đã quen vì ngôn ngữ chính là một phần đời sống. Anh dùng chữ "kiên giam", giống như "Trại Kiên Giam" tên một hồi ký của nhà văn Nguyễn Chí Thiệp. Anh mở đầu cuộc nói chuyện với các bạn hữu qua lời tiết lộ trên quyển sách của bà Zisman Irina. Trong quyển bút ký mới xuất bản gần đây Irina cho biết Phan Nhật Nam sẽ không đi. Anh chọn sự ở lại.

Trước khoảng 20 người bạn vừa cũ và mới, Nam đã thẳng tay khước từ sự tình cờ trong đời sống, mặc dù anh tin vào số mạng, anh tin mãnh liệt vào Thượng Đế có thật, và Thượng Đế hằng sống với con người, ở trong mỗi con người chứ không phải "Thượng Đế đã chết trong thành phố" như nhà văn lớn của nước Ý Malaparte đã viết. Thượng Đế, theo anh không hiểu theo nghĩa tôn giáo, chắc chắn là có thật và chi phối hết thẩy mọi điều trên cõi đời này. Anh vẫn giữ được lối nói chuyện linh động, trong sáng, có phần hùng biện như trước kia trong tuổi thiếu niên của anh, vẫn tranh cãi với các bạn Bắc Kỳ cùng lớp như Nguyễn Bá Trạc, Bùi Ngọc Tô, Vũ Ngự Chiêu...

Anh nói:

...Thứ nhất là không có chuyện tình cờ...

...Tôi có thể nói lố quá, có thể nói không đầy đủ nhưng xin các bạn hiểu rằng tôi đã nói những câu thật nhất, bởi vì từ bé tới lớn tôi chỉ có được mỗi một tính tạm gọi là đức tính đó là nói thật. Tôi nhắc lại ở đây không có sự tình cờ, sau nhiều vấn đề xẩy ra, trải nhiều thời gian tôi chiêm nghiệm được một điều là đời sống là một cơ cấu bất biến, có tính luận lý, có tính tiến bộ và có tính xác định. Đời sống hoàn toàn không có sự tình cờ. Năm tôi mười bẩy, mười tám tuổi tôi đi lính và đồng thời viết quyển nhật ký đầu tiên của đời tôi. Tôi muốn chứng minh một điều là đời sống này hoàn toàn không có tính ngẫu nhiên, mà trái lại nó có tính xác định. Như các anh đã biết sau những năm tháng ở trong tù kiên giam, với sự vắng lặng tuyệt đối, tôi được bảo toàn nội lực và tôi khám phá ra rằng những điều mình tưởng là ngẫu nhiên và nhỏ nhặt kia thật ra nó đã nằm trong tính nhất quán của đời sống.

Tên tôi là Phan Nhật Nam, các bạn cứ đọc ngược lại thì là Phạm Nhân Nam nghĩa là một thằng tù có thân phận nan giải nhất, hay là Thân Phạm Nam một anh phạm có thân phận nan giải, thì từ đó tôi tìm ra tôi sinh ngày 9 tháng 9. Ngày 29 tháng 5 năm 1988, tôi ra khỏi hầm, ngày 29 tháng 1 năm 1991 tôi ra khỏi tù. Những con số này chứng tỏ rằng nó đã có sẵn, và sự kiện đó đã được thông tri. Không phải chỉ riêng tôi mà mọi con người đều được thông tri hết về những sự kiện liên hệ đến mình.

Cũng giống như cái vụ bà Irina này, tôi đâu có thấy bà ấy bao giờ. Tự nhiên tôi biết rằng người này có nhu cầu mua một cái lược. Chưa gặp bà ta tôi đã thấy trước cả mười mấy ngày. Tôi đi vượt biên ở Vũng Tầu, chuyến đi không thành công, ngang qua một cửa tiệm tôi ghé lại mua một cái lược, tôi đề chữ *To Irina*. Đó là một cái lược đồi mồi khá đẹp.

Tôi mở đầu cuộc nói chuyện có vẻ mông lung. Thật ra nó cũng giản dị thôi: *Tôi là một con người bình thường, nếu không muốn nói là tầm thường.* Nhưng tôi có được một điều may mắn, giống như cái may của anh Hư Trúc, khi ông chưởng môn của phái Tiêu Dao chết, muốn tìm người thừa kế, để truyền nội lực lại. Quay qua quay lại không có người nào đẹp trai đúng như tôn chỉ của phái Tiêu Dao, chỉ còn có anh Hư Trúc, mũi trâu xấu xí thì cũng đành phải truyền chức. Kẹt quá thì chấp kinh cũng phải tòng quyền chứ làm sao đây.

Tôi có cái may đó, tôi chỉ là người tầm thường và bình thường nhưng có được cái tính tốt, đó là lòng thiện và lòng thật. Thế thôi. Nhờ tính thiện và thật đó tôi lại được đặt trong hoàn cảnh đặc biệt của hai lần "kiên giam". Tổng số hai lần kiên giam này là bẩy năm tám tháng, ở trong một khung cảnh không có ánh sáng, không có khí trời. Toàn bộ sự sống chỉ còn trong một cái ô nhỏ bằng một khoảnh vuông vức mỗi chiều một gang tay. Trong hoàn cảnh đó tôi được đặt trong một điều kiện sống để không làm chuyện xấu, vì có muốn làm thì cũng cũng chẳng có ai để mà làm chuyện xấu này. Thứ hai là không nói chuyện xấu, vì nói với ai bây giờ. Và sau cùng là không nghĩ chuyện xấu.

Nói tóm lại cả chuyện xấu cũng như chuyện tốt dù có muốn cũng không làm được. Mọi năng lượng cần thiết cho cuộc sống nhờ đó mà được bảo tồn. Tất cả năng lượng đó được dồn lên đầu, nhờ đó tôi nhìn ra được một vài cái chìa khóa của sự sống.

Tôi tìm ra được những cái chìa khóa mà cả một bộ Kinh Dịch lớn lao kia chỉ được biểu thị bằng những cái vạch giản dị. Khi thì là những vạch liền, khi thì bị ngắt quãng ở giữa, khi thì hoán đổi những vị trí của những vạch dài ngắn này, cũng giống như toàn bộ cái máy computer của thời đại chúng ta chỉ là những con số 0 và số 1. Đời sống của tất cả chúng ta đây được biểu diễn bởi những con số, cũng như các chữ viết. Từ chữ A cho đến chữ Y chỉ là những cái vạch, từ số 1 cho đến số hàng triệu cũng như thế. Cuộc đời tôi cũng vậy, tôi tìm được những cái khóa của đời sống, một cách rất giản dị những cái khoá đó không ở đâu xa hết, nó nằm ngay trong những sự vật. Nói như vậy cũng vẫn có vẻ mông lung quá. Xin các bạn hỏi thẳng vào những câu hỏi cụ thể và tôi sẽ đi thẳng vào những câu hỏi cụ thể này.

Anh tin vào Thượng Đế?

Nói qua nói lại thì điều sau cùng mà đường như mọi con người đều băn khoăn thắc mắc đó là cái ông gọi là Thượng Đế. Đúng thế chỉ có cái ông Thượng Đế này và những sự khổ đau của con người là điều tôi muốn nói với các bạn. Ngoài ra chẳng còn vấn đề gì để tôi nói thêm và bớt nữa. Sự thật lớn nhất là CÁI CHẾT. Đã giáp mặt rồi thì không còn điều gì quản ngại nữa. Ở vào cái tuổi 50, kinh qua cũng lắm, từng trải đã nhiều thì điều cần nói sau cùng chính là SỰ CHẾT và ông THƯỢNG ĐẾ. Tôi xin nhân mạnh một điều là ông Thượng Đế mà tôi đề cập ở đây không có tính tôn giáo. Ông Thượng Đế này chẳng qua chỉ là một SỨC SỐNG mà bằng CON NGƯỜI, qua CON NGƯỜI và với CON NGƯỜI ông ta hiển hiện. Và sự hiển hiện của ông ta là điều có thật. Tôi xác định lại là tôi không

phải là tín đồ của một tôn giáo nào cả. Tôi xin xác tín THƯỢNG ĐẾ là một điều có thật.

Có thật như thế nào?

Có thật ở trong Kinh Thánh. Nếu tôi nhớ không sai thì Thượng Đế xuất hiện dưới hình thức của chim câu và lưỡi lửa. Ngày 16-4-1986. Tôi xin mở ngoặc đơn ở đây là không ai có quyền nói dối, vì không ai có khả năng nhớ tất cả những điều nói dối của mình. Nhất là tôi đang đề cập đến một đơn vị, một sức mạnh, dù tôi có khoa trương cách mấy mà thượng đế không có thật thì ông ta cũng không thể hiển hiện được, tôi đang ngồi ăn cơm ở trong hầm biệt giam, tôi thấy một cảm giác rất lạ, miếng cơm tôi ngậm ở trong miệng tôi cảm thấy là không có, người tôi như là đang đi mà thân xác vẫn còn ở lại, cái đầu nó cứ trôi đi. Tôi liếc thấy trên tường có một ngọn lửa mầu vàng giống như lửa ga vậy. Tôi đưa tay sờ vào ngọn lửa đó, ngọn lửa lan sang tay tôi, tôi xoa hai tay vào nhau thì ngọn lửa rơi xuống đất, chạy thành một vòng tròn bao quanh tôi. tôi không hiểu ý nghĩa. Ở trong trạng thái ngây ngất này, tôi cảm thấy tôi nhẹ tênh ra. Trưa hôm sau, 17-4-86, đúng giờ mở cửa như thường lệ, ông trung tá Hoàng Quân, Cục Phó Cục Trại Giam của Công An Hà Nội cùng hai sĩ quan mặc thường phục đi vào. Họ cho tôi một tiếng đồng hồ để sửa soạn rời trại. Sự kiện này tôi không thể láo được vì tôi có làm một bài thơ về việc này:

Thanh Minh Ra Hầm Về Thanh Hóa

Đất trời mang mang ánh sáng lạ
Về đâu, về đâu ta về đâu
Sừng sững vây quanh dẫy núi đá
Thương cha nơi xa nặng tuổi hạc
Thương mẹ âu lo xạm tóc bạc
Thương con đơn độc nơi quê người
Thương em yếu đuối với hà khắc
Thương ta, thương ta ôi vô chừng
Hơn mười năm trời chén cơm lưng
Sừng sững đêm vây bốn bức tường
Máu trong tim lạnh khô nhờn nhợt
Tây tiến người đi không mọc tóc
Tây tiến giờ này ta không khóc
Ta mất tuổi xuân khô giang hồ
Nghe nặng trong tim khối máu đọng
Tây tiến người đi trùng u phiền
Ta nặng khổ đau không lên tiếng
Ta đi cùng ai trên đường tù
Ta đi về đâu trên đất Việt.

Xin các bạn hiểu cho tôi không phải là thi sĩ, ở đây tôi dọa nhiều thi sĩ quá, chỉ vì:

Tôi là kẻ chỉ quen viết văn
Nhưng giấy bút đã bị người lấy mất
Đêm đen thăm thẳm lạnh căm
Làm thơ trên mười ngón tay tính nhẩm.

Trong hoàn cảnh cực kỳ đen tối, tôi tự cứu tôi bằng cách làm thơ, cho nên làm thi sĩ là một hồng ân lớn (Các vị nào là thi sĩ nên hãnh diện trong chức năng của mình). Trở lại vụ tôi ra khỏi hầm, tôi tưởng rằng người ta đưa tôi về Hà Nội để đưa về Nam, hoặc là đưa tôi ra Thanh Hóa cũng là đưa vào Nam. Tôi chỉ hy vọng như thế khi rời khỏi trại 5 Lam Sơn tức là trại Lý Bá Sơ ngày trước. Nào ngờ họ chẳng đưa tôi đi ngả hướng Đông cũng như ngả hướng Bắc mà là đi ra ngả phía Tây. Tây tiến, hóa ra họ chở tôi ra trại Thanh Cẩm, một trại sát biên giới Lào Việt. Trong hoàn cảnh đó tôi chỉ muốn chết. Chịu không nổi, dù sao thì cho dù là trại cũ có là trại Lý Bá Sơ đi chăng nữa, trong những năm 85, 86 này người ta không cùm tôi nữa. Mặc dù vẫn ở trong hầm tối, leo lét một chút ánh sáng nơi cái lỗ thông hơi bằng mấy bàn tay. Lên tới trại mới hai hàng cán bộ đứng chờ, lại vào hầm với đồ đạc một cùm, một cóng, một ca, một chăn, một chiếu, một áo... và một cái ống tre để đi tiêu, đi tiểu. Lúc đó tôi chỉ có ý định chết. Đầu tôi như muốn bốc khói, hai sợi dây thần kinh ngang thái dương nóng như bị ai đổ hắc ín lên đó. Tôi thấy mọi vật đỏ rực hết, đúng là lửa tam muội. Đỏ như lửa tứ bề, ong ở đâu không biết bay vào hàng trăm, hàng ngàn con. Ong bâu đầy tay tôi, tôi cứ đập, đánh, dẫm, đạp trong một lát xác ong chết đầy trên nền đất. Tại sao có hiện tượng lạ vậy?

Tôi xin trả lời ngay đó là nỗi khổ đau của con người, tạo nên những điện trường, tạo nên những xung lực rung động đến loài côn trùng kia bắt được. Hiện tượng này những ngày đầu năm 75 những ai ở vùng Phan Rang đã thấy, trước ngày Kontum và Pleiku mất, côn trùng đủ mọi loại, có những loài kỳ dị cả đời tôi chưa hề thấy, chúng tụ tập hàng triệu con bò lổm ngổm trên quốc lộ, dài hàng cây số. Đó là những dấu hiệu báo trước của sự chết, nỗi khổ đau, tính ác đã tạo nên những xung lực tác động lên những loài côn trùng đó. Tôi xin mở ngoặc đơn ở đây, để nhắc anh Nguyễn Tiến Việt bạn tù cùng trại với tôi và hiện đang ngồi trong phòng này là mỗi khi trời trở lạnh, quạ kêu thì y như rằng sẽ có con lợn bị giết. Quạ kêu thì có thể trật, nhưng có con chim ụt (còn gọi là con chim heo hay là chim lợn) mà đã kêu thì trong vòng hai mươi bốn giờ sau thế nào cũng có người chết. Chắc chắn như thế, bây giờ tôi cũng không còn mường tượng được con chim đó mặt mũi ra sao. Nhưng nó đã kêu là có người sắp chết. Như vậy chứng tỏ sự chết của một sinh vật nào đó, cho dù là con lợn hay là một con người đều đã được báo trước. Xung lực của sự chết đã có trước và con chim ụt kia đã bắt được tín hiệu của những xung lực này.

Cái xung lực của sự khổ đau đó vẫn trường tồn bất biến, cũng như sau này B52 dội cũng đúng ngay những đường cắt mà những trận chiến đẫm máu nhất của lịch sử như Chi Lăng, Lạng Sơn... Không trật một đường nào, không sai một nét nào. Chúng ta hãy nghĩ lại trận đánh Xương Giang năm 1427, trận đánh chấm dứt sự có mặt của quân Minh trên đất đai của chúng ta kéo dài trong ba ngày, với năm chục ngàn sinh mạng. Thời đó không phải là khẩu súng, bắn cái đùng một cái một con người nằm xuống. Thời đó là thời của gươm đao, giáo mác. Phải chém tới, chém lui, đâm qua, đâm lại bốn năm nhát mới chấm dứt được một con người. Khẩu súng bắn cái đùng thì tính ác không bao nhiêu. Nhưng chém bằng đao, đâm bằng giáo, con người oằn oại với máu đổ ra, phun phì phì và phải đau đớn tột cùng trước khi nhắm mắt thì tính ác phải là nhiều. Do

Tính từ đầu hàng bên trái: Nguyễn Mạnh Trinh, Cao Xuân Huy, Trương Anh Thụy, Thùy Hạnh, Nguyễn Tiến Việt, Hoàng Khởi Phong, Lê Đình Điểu.

đó trận chiến phải tàn khốc và xung lực ác phải vô cùng mạnh. Tới bây giờ nó vẫn chưa tan biến đi.

Tôi trở lại buổi chiều tôi thấy ong bay vào trong phòng biệt giam của tôi, nỗi khổ đau của tôi lớn quá. Tôi chỉ tìm cách chết thôi, tôi chỉ mong tìm được một cái gì đó cắt vào mạch máu cho xong. Đã chịu đựng năm sáu năm rồi, bây giờ lại cùm lại. Tuyệt không còn một chút hy vọng trở về Nam. Bầy ong đánh vật tôi như thế đến một lúc nào đó thì tôi đuối sức, và tôi quên mất ý định chết. Tôi nghe một tiếng nổ như là xé trời, và rồi một trận mưa lớn, một trận mưa mà tôi có cảm giác như tích tụ từ bao đời và ào xuống một lần. Tôi lấy cái gà mèn, thò tay ra ngoài cửa sổ hứng những giọt nước mưa. Lần đầu tiên sau sáu bẩy năm tôi được tắm.

Từ bầy ong qua đến trận mưa lòng tôi dịu lại, lúc đó trời đã ngả sang buổi chiều của miền núi, ánh sáng ít ỏi làm cho cảnh vật trở nên tù mù tăm tối, nó ảm đạm thê lương. Tôi thấy một khoảng sáng to tròn, sáng đến độ tôi liên tưởng tới những ngọn đèn pha của trại Phi Long Tân Sơn Nhất. Tôi nghĩ thầm trong bụng tại sao trong khoảng núi rừng thâm u như thế này mà lại có một nguồn điện sáng đến như thế. Cũng có thể là máy cày vì ở ngoài Bắc hay có cái màn tranh thủ làm đêm, nhưng cũng không phải vì máy cày thì phải di động. Đằng này khối sáng rực rỡ kia đứng yên ở một chỗ. Riết rồi tôi kệ nó, tôi đi ngủ chẳng thèm thắc mắc suy nghĩ gì nữa. Sáng hôm sau tôi nhìn lại chỗ đã phát ra ánh sáng tối hôm qua thì đó chỉ là một vách núi đá đứng sừng sững.

Sau những năm đi tù như thế, tôi được thả ra vào năm 1989 và tôi biết được đôi điều. Thí dụ tôi biết năm 1991 sẽ là những biến động rất lớn cho thế giới này mà chiến tranh vùng Vịnh là một. Điều này tôi nói trước cho anh Nguyễn Tiến Việt đang ngồi đây vào năm 89, sự sụp đổ của Liên Xô chẳng hạn. Khi tôi trả lời các bạn tôi thì không chỉ danh được đó là cái gì. Nhưng tôi biết chắc đó sẽ là một chuỗi những biến động không ngừng đang làm thay đổi thế giới này. Cũng giống như ông Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, ông giáo chủ Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, hai vị này có đề cập đến những con ngựa, con dê, trong những câu sấm truyền chẳng hạn như mã đề, dương cước... Năm ngựa nào và năm dê nào thì có thể các ông không đoan chắc được, nhưng liên quan đến năm ngọ và năm mùi thì điều đó không chạy vào đâu được.

Tất nhiên mỗi người có một đời sống riêng, và một sự thông tri riêng về cái chết của mình. Sự thông báo này là một sự thông báo chung nhất. Dường như những nhà văn hiểu theo một nghĩa nào đó là một nhà tiên tri, vô hình chung trong tác phẩm của ông ta đôi khi tò mò chúng ta có thể thấy được những tiên tri về cái chết của chính ông ta.

Tôi là một nhà văn, thế tất nhiên phải tiên tri, ít nhất cho chính bản thân tôi, tiên đoán về cái chết của chính bản thân mình, kế đó nếu có thể tôi tiên tri cho cộng đồng nhỏ bé của chúng ta. Còn tiên tri lớn lao hơn nữa cho nhân loại chẳng hạn thì tôi chưa dám nghĩ tới. Tôi nghĩ cái chết mới là vấn đề lớn nhất. Cái chết là một sự kết thúc không ai muốn nhưng vẫn phải có.

Những điều tôi biết được sau gần 14 năm tù, và ở tuổi 50 cũng chẳng nhiều nhặn gì. Khi ra khỏi tù tôi ẩn cư ở Lái Thiêu, trong một gian nhà nhỏ. Gian nhà này được dựng lên bởi tiền của nhiều người, trong đó có anh Đỗ Tăng Bí của Nhật Báo Người Việt này, đó là một mái nhà tranh bốn thước sáu thước. Tuy đời sống có khó khăn, song trong suốt đời tôi cho tới nay là chẵn năm mươi tuổi, tôi chưa bao giờ sống an nhiên tự tại như vậy.

Trở lại với câu hỏi của anh Hoàng Khởi Phong, câu hỏi mở đầu cho cuộc nói chuyện này. Đó là một câu hỏi khi tôi trả lời cho bà Iriana, cũng như cho nhiều bằng hữu khác là tôi không có ý định sang Mỹ. Tôi chỉ muốn sống cái phần đời ngắn ngủi còn lại nơi tôi đã dàn trải những ngày tháng đẹp nhất của đời tôi. Tôi không hệ lụy gì về vợ con, tôi không bận tâm đến của cải, tôi sống giản dị, ngày ngày nhìn những đám mây trời bay qua, tôi mắc võng nơi sân nhà, núp dưới bóng mát của những tàng cây măng cụt. Một tuần đôi lần những người bạn văn, những người đồng đội cũ tới thăm, nhiều khi chúng tôi nằm suốt buổi mà chẳng nói gì với nhau, chúng tôi trao đổi rất ít lời nhưng

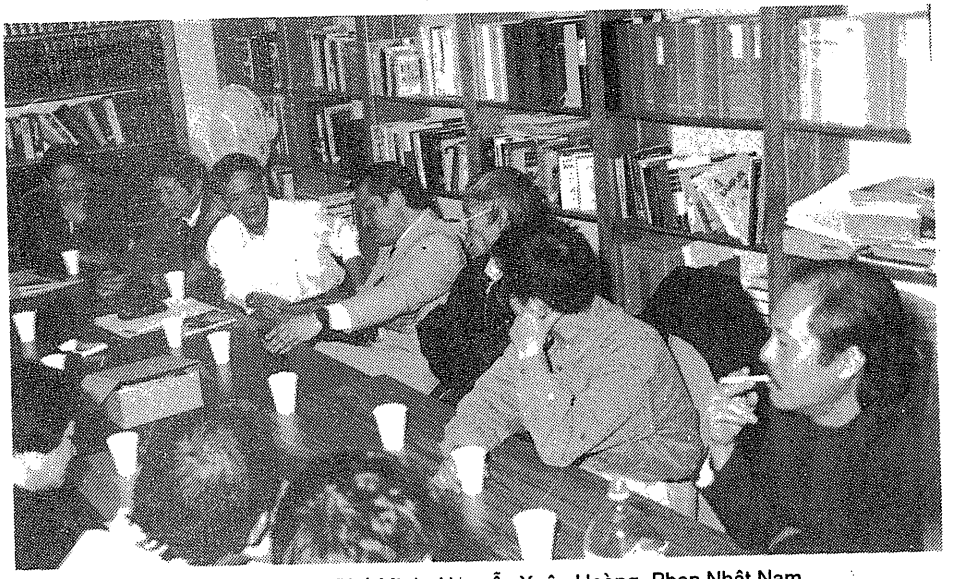

Tính từ đầu hàng bên trái: Phạm Phú Minh, Nguyễn Xuân Hoàng, Phan Nhật Nam, Nguyễn Đình Khánh, Hà Tường Cát, Trần Dạ Từ, Khánh Trường.

chúng tôi bắt được những rung động tâm hồn cùng tần số. Tôi đã tưởng rằng tôi soi đời tôi trong ánh trăng, trong gió chiều. Thậm chí đến độ những người láng giềng không hề biết tôi là ai, họ gọi tôi giản dị là cậu Út Lu vì trước cửa nhà tôi có vài chiếc lu lớn. Một tháng đôi lần tôi lên Sài Gòn chơi, thăm những người tôi quý mến. Sóng gió nổi lên chỉ vì tôi đến thăm anh Dương Cự, một người bạn vong niên.

Ngày mồng 8 tháng 6 năm 93, tôi nhận giấy mời lên "làm việc" tại phòng PA15, tức là phòng phản gián về văn hóa, đặc trách về các văn nghệ sĩ. Phòng này đặt tại Tổng Nha Cảnh Sát Đô Thành đường Trần Hưng Đạo cũ. Họ hỏi tôi có gặp Dương Phục không? Xin nói để quý anh biết là "người ta" biết rất rõ về những điều "người ta" muốn biết.

Tôi trả lời là có, nhưng tôi nói với họ là tôi không đi tìm Dương Phục, tôi chỉ đến thăm Dương Cự chẳng may vào đúng lúc Dương Phục ở Mỹ về thăm nhà. Họ hỏi tôi là sau đó đi đâu?

Tôi cho họ biết cả ba đi thăm họa sĩ Phạm Cung (Phạm Cung chứ không phải Trịnh Cung). Họ hỏi tiếp sau đó đi đâu nữa? Tôi trả lời họ là cả ba đi thăm Trần Mạnh Hảo, một nhà thơ của miền Bắc hiện đã vào ở hẳn trong Nam. Họ hỏi sau đó đi nữa? Tôi trả lời là không đi đâu nữa. Họ lại hỏi cả ba định đi ăn cơ mà? Tôi bật cười trả lời họ là tụi tôi chỉ định đi ăn thôi chứ thật sự chúng tôi không đi ăn. Họ lại hỏi tôi đã bán xe chưa? Tôi ngớ người ra vì tôi làm gì có xe để bán. Họ liền nhắc tôi là chiếc xe Honda của thằng cu Rét con Đằng Giao đưa cho tôi mượn. À thì ra thế, mình mới định đi ăn họ đã biết, chưa có ý định bán chiếc xe mượn của thằng cháu họ cũng đã gán cho là sẽ bán.

Từ đó tôi cứ bị gọi lên "làm việc" đều đều cho tới ngày 21-10 là lần chót vì họ quyết định cho tôi đi ra khỏi nước. Tôi làm đơn xin đi ngay lúc mới ra khỏi tù, nhưng những năm sau này quả tình tôi không có ý định đi nữa. Bởi vì tôi đang sống một đời sống êm ả, lại làm việc rất được. Trong vài năm ngắn ngủi từ 89 đến 93 tôi viết hết mực của 72 cây bút Bic, cụ thể hơn là tôi ghi lại những bài thơ tôi đã làm và nhớ nhẩm ở trong đầu trong khi không có giấy bút lúc ở tù, tổng cộng năm ngàn bài thơ. Có bài dài cả chục trang giấy, có bài chỉ bốn câu. Tôi viết đủ mọi thể loại, truyện dài truyện ngắn, tôi dịch cả thơ Đường, và cho các bạn biết tôi có ý định lập thuyết nữa.

Dịch thơ Đường thì quả tình là tôi rất liều lĩnh, tôi dịch câu thơ của Đỗ Phủ:

Bất tận trường giang cổn cổn lai

là:

Sông dài lớp lớp sóng trùng xô

giờ đây nghĩ lại tôi có cảm giác rất tự tin là Đỗ Phủ chưa chắc đã...ăn tôi. Tôi là một anh "Nhẩy Dù" ngang xương vào văn chương, thì còn sợ gì mà không "Nhẩy Dù" vào lãnh vực thi ca. Trong lãnh vực này đến như Hemingway cũng còn phải tởn, vì ông ta đã nói: *"Tôi không làm thi sĩ, tôi viết truyện dài vì viết truyện dài còn có truyện hay, truyện dở. Viết truyện ngắn thì bắt buộc phải hay còn làm thơ thì không được nhầm lẫn."* Tôi đang nhởn nhơ với đời sống còn lại, tôi đang đắm mình trong chữ nghĩa, trong thi ca của tôi mà cứ "làm việc" ngày này sang tháng nọ, bắt tôi phải nhớ tới cảm giác ghê rợn của gần mười bốn năm tù, của bẩy năm tám tháng "kiên giam" không ra hình dạng con người. Thôi thì đi phắt đi. Thử coi nước Mỹ làm gì được tôi?

... Tôi đi Mỹ nhẹ tênh xong điếu thuốc.
Tôi tới Mỹ cứ như hắt cặn nước...

Trên máy bay khi cánh cửa đóng lại, tôi cảm nhận được một điều :"Cái đất nước tôi bỏ lại đằng sau kia cũng chẳng còn gì để tôi phải nhung nhớ, tiếc thương. Tôi đắng cay nhận ra được một điều nữa là đất nước ruồng rẫy tôi, chứ tôi không phụ bạc đất nước. Tôi đã trải hết tuổi thanh xuân của tôi, đi đã tới tận cùng chiều dài, chiều rộng. Đã cống hiến cho đất nước nhiều điều tử tế, và cả những điều ngông cuồng vô hại của tuổi trẻ. Tôi nghĩ đến những người bạn đã nằm xuống. Tôi không hề ngoái cổ lại nhìn đất nước một lần...

Nếu đời sống ở nơi đây mang đến cho tôi những điều phiền toái, nặng nề, thì tôi cũng có cách tự giải

quyết. Tôi đã sống được trong những địa ngục thì xá gì một mảnh thiên đường không lành lặn này. Nếu không thể chịu nổi thì tôi tìm đường về lại mảnh vườn xưa của tôi, làm lại cậu Út Lu với những tàng cây măng cụt của tôi, với những đám mây trắng của tôi. Đó là nơi tôi đặt cho một cái tên rất thơ mộng là "*Bằng Hữu Mai Trang*". Ở nơi đó tôi có đủ võng nằm cho tất cả các bạn. Có điều liệu chúng ta có được một ngày về?

Trở lại với những lần phải vô cớ đáo tụng đình đó, có lần họ hỏi tôi là tôi nghĩ gì sau năm tháng "làm việc" với họ?

Tôi trả lời họ là tôi rất thích, ít nhất các ông biết rất rõ về tôi, tôi không thích các ông biết một cách mù mờ về tôi. Họ nói với tôi là họ biết rất rõ những điều gì họ cần biết, và vì vậy họ chẳng ngại gì tôi. Tôi nói với họ là tôi chỉ là một Đại Úy quèn, có đáng gì cho họ phải ngại. Đến như các cấp Tướng, các Tổng Bộ Trưởng họ còn thả đi hà rầm, thì tôi có nghĩa lý gì? Ở đây tôi đọc một bài thơ để các bạn hiểu thêm cảm giác của tôi lúc đó:

"Cám ơn đất trời cho tính xạo
Cười cợt bông lơn thích nói láo
Ông cứ nói đi tôi cứ nghe
Năm ba phút sau quên hết ráo"

Họ hỏi tôi sang Mỹ sẽ làm gì? Tôi trả lời họ là tôi sẽ viết. Họ hỏi tôi định viết gì? Tôi cho họ biết là tôi muốn viết về con người trong nỗi khổ đau của nó. Tất nhiên là tôi muốn nhấn mạnh đến những khổ đau ngoại hạng của người Việt Nam. Các ông cũng phải đồng ý với tôi là từ Bắc chí Nam không một gia đình Việt Nam nào mà không mắc phải ít nhất là một trong năm cái họa. Đôi khi chúng ta bắt gặp nhiều gia đình mang hai ba cái hoạ một lượt. Năm cái họa đó là: Mất của, mất tích, phân tán, ở tù và sau cùng là chết. Bẩy chục triệu con người Việt Nam không một ai là không mang một trong những khổ đau mà tôi vừa kể.

Họ không đồng ý với tôi. Họ cho là tôi nói vậy không có cơ sở. Vì nói đến người là phải có tính giai cấp. Tôi đồng ý với họ là con người có tính giai cấp thật, nhưng giai cấp không phải là một thực thể bất biến. Giai cấp biến đổi theo với xã hội, theo thời đại và theo lịch sử. Sự biến đổi này có từng giai đoạn dài hay ngắn. Chính các ông đã nói là bây giờ không còn giai cấp bần cố nông. Chính biện chứng của xã hội đã tạo nên những yếu tố hủy diệt các giai cấp, bây giờ ở Tây Âu cũng không còn giai cấp nông dân. Từ năm 1955 trở đi cho tới ngày nay, theo Alvin Tofler giai cấp công nhân (cổ xanh) mà các ông gọi là giai cấp trung tâm của thời đại này, cũng đã tụt xuống hàng thứ yếu mà nhường chỗ cho giai cấp chuyên viên bước lên. Do đó tính giai cấp có nhưng nó không phải trường tồn và bất biến. Ngay ở các nước tư bản bây giờ không phải cứ ai có tiền là chỉ huy, vị trí lãnh đạo các đại công ty bây giờ ở trong tay những người có học. Có học ngồi trước, có tiền ngồi đằng sau.

Vẫn chưa hết, họ đòi hỏi con người phải có tính dân tộc. Tôi trả lời họ cái đó thì bắt buộc, nếu không có tính dân tộc thì làm thế nào nước Việt của chúng ta đứng mãi được với khối người Trung Hoa khổng lồ phương Bắc, khối người Ấn cũng đâu có ít ỏi gì. Lại còn người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, thế rồi Pháp, và mới đây là Mỹ. Nếu không có tính dân tộc thì có lẽ bản đồ của nước Việt đã bị xóa đi trên thế giới này từ nhiều thế kỷ rồi. Tuy nhiên cũng vì tính dân tộc mà dân tộc Việt Nam phạm vào nhiều điều khủng khiếp. Bốn mươi sắc dân trên các vùng cao nguyên Trung Phần thử hỏi còn được bao nhiêu chủng tộc giữ gìn được bản sắc của mình. Nước Chiêm Thành đã có một thời cường thịnh, bây giờ chỉ còn dấu tích nơi những ngọn tháp thoi thóp trong nắng chiều, và hình như tộc Chàm chỉ còn không đầy một trăm ngàn người quanh quẩn nơi mấy tỉnh duyên hải Trung Việt. Nếu như thế kỷ trước người Pháp không xâm lăng nước ta thì tôi nghĩ rằng Trấn Tây Thành (Nam Vang) e rằng ngày nay thuộc vào địa giới nước ta, và Vạn Tượng chắc cũng chẳng may mắn hơn.

Mới đây nhất tình hình Nam Tư với những tính dân tộc đã làm cho Bosnia, Sarajevo... đang ngập trong máu. Phần tôi, tôi nghĩ cái tính dân tộc này vô cùng vô ích, tàn nhẫn. Tôi xin miễn nhiễm cái tính dân tộc này. Tóm lại các ông cho tôi đi thì tôi xin đi với "diện HO 22", nếu cần phải làm những thủ tục cam kết như tất cả mọi người thì tôi cũng xin chấp hành. Kỳ dư đi với những ân huệ đặc biệt thì tôi xin ở lại. Nói cho thật đúng thì trước khi thả cho đi, họ muốn hù mình một lần cho tởn.

Anh có định ngoan ngoãn không giở trò như họ muốn?

Tôi không làm những điều đó không phải vì tôi thiếu năng động, mà chỉ vì tôi thấy nó vô ích, tỉ như mình đánh vô một cái cửa đã mở. Những vấn đề lớn thường nằm ở đâu đâu, không phải nằm trong tay những người bình thường như tôi. Tôi cũng xin nói thêm một điều tôi nghĩ trong những năm tháng trong tù. Sở dĩ Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta thua là vì chúng ta không có lý thuyết, không có lãnh đạo và không có tổ chức. Bất cứ ai định làm chuyện lớn nên nghĩ đến những điều này. Riêng phần tôi thì tôi sẽ lập thuyết. Và cái thuyết đó tôi tạm gọi là **NHÂN LÝ.**

Tôi xin giải thích một chút về chữ Nhân Lý tôi đặt cho thuyết của tôi: Từ khi một phân tử vớ vẩn nào đó bay lượn trong trời đất, cho tới khi thành con người thì hàng trăm triệu năm đã qua đi, trải qua những dạng sinh vật đơn giản, tiến hóa cho tới khi thành con người đẹp đẽ, lộng lẫy như hiện nay thì chắc chắn không có sự ngẫu nhiên. Mà trái lại con người được hình thành do thiện ý của Thượng Đế. Sự tiến bộ từ những phôi sinh vật giản dị đến côn trùng, đến loài cá, đến sinh vật có vú...cho tới khi thành một con người toàn hảo thì chắc chắn rằng những con người đó đều có mang tính chất của Thượng Đế. Cũng vậy Thượng Đế chỉ hiện hữu được qua con người với con người và bằng con người. Thuyết của tôi di động trên một cái trục chung quanh con người nên tôi gọi nó là **NHÂN LÝ.**

Ở đây tôi xin mở một dấu ngoặc là tôi vừa đậu tú tài xong là tình nguyện đi lính, tôi không có thì giờ và cũng không đủ khả năng để nghĩ đến những điều cao siêu này. Tôi chỉ nghĩ đến nó như hồi đầu tôi nói là tôi không có cơ hội để làm chuyện xấu, nói chuyện xấu và nghĩ chuyện xấu. Tôi phải nghĩ để cứu bản thân tôi không chết lịm đi trong tăm tối. Tôi nghĩ rằng tính tiến hóa là tính có thật, tính biện chứng là tính có thật, tính

luân hồi là tính có thật. Tất cả những tính này ở trong một cơ cấu mà trung tâm của vấn đề là con người. Nếu tất cả những nền văn minh, những nền nghệ thuật, những chủ thuyết, những chế độ được xây dựng với cái gốc con người làm chuẩn thì đó là những lý thuyết tốt, những chế độ tốt, xã hội tốt, văn minh tốt, nghệ thuật tốt.

Tất nhiên đây mới chỉ là những ý nghĩ phác họa. Để đi đến được một lý thuyết tôi e rằng tôi sẽ bỏ cả phần đời còn lại của tôi cũng chưa chắc đã hoàn tất nổi. Nhưng cái gì cũng phải có lúc khởi đầu, nhiên hậu mới có hồi chung cuộc. Đằng nào thì tôi cũng đã "Nhẩy Dù" vào văn chương, vào thi ca. Nhân tiện cái dù của tôi chưa cụp, tôi cũng "Nhẩy Dù" vào khu rừng mới mẻ của những nhà lập thuyết này một lần cho biết. Nếu nó dở chẳng ra gì thì tôi làm trò cười cho người đời, bề gì nó cũng vô hại.

Tôi cũng xin nhắc lại tính ác, sẽ phát triển được nhiều hơn trong một cơ cấu xã hội xấu. Tôi bắt gặp những mẫu người ác đến độ kinh hoàng trong các tác phẩm của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp. Ông ta là một nhà văn lớn, đã bắt được đúng cái mạch sống của xã hội ngoài Bắc, xuyên qua những mẫu người có thật ngoài xã hội, ông ta đã dựng lên những nhân vật trong các tác phẩm của ông. Nguyễn Huy Thiệp có một dọng văn lạnh lùng đôi khi đến độ tàn nhẫn, nghĩ cho cùng thì bút pháp đó không thể có được nơi những cây bút của miền Nam. Bởi vì ở miền Nam xã hội của chúng ta hiền hòa hơn.

Phải tôi thỉnh thoảng có đi thăm Trần Mạnh Hảo. Mặc dù trong chiến tranh tôi là Đại Úy Nhẩy Dù của miền Nam, còn Hảo là một người lính đặc công của Bắc Việt, nhưng hình như chiến tranh đã tàn được mười mấy năm rồi. Bây giờ tôi là nhà văn, còn anh ta là một nhà thơ. Tôi cho là Hảo đã viết rất nhiều bài thơ hay, đó mới là điều đáng kể.

Cảm tưởng của tôi khi đặt chân đến Mỹ?

Cái này tôi diễn đạt bằng thi ca cho dễ. Tôi phải ăn hiếp ông Trần Dạ Từ một chút. Đây là một số bài thơ mới tinh hảo. Lúc này đây tôi mắc bệnh thơ:

Thơ Bệnh

Tôi đi Mỹ nhẹ tênh xong điếu thuốc
Tôi tới Mỹ cứ như hắt cặn nước
Mất gì đâu, nào được gì đâu?
Quê hương gầm gừ khinh miệt
Đất xa tròn chốn lưu đầy.

Nam Du California

Này đây bày trước mắt ta
Những triền núi lở dãi sa mặt dài
Khô khan xám trắng đất trời
Từ không trống trải nên thời nguy nga.
U.S.A vẫn là U.S.A
Trên đường hè phố Bolsa
Hiện thân vô tính dáng hoa bất nghì
Ngó chơi nào đã tính chi?
Theo cơn vô định sá gì sống thêm.

Kể Chuyện Ở Đất Mỹ

Ở đất Mỹ cái gì cũng ngăn nắp
Chỉ trong người loạn trận hỗn mang
Bị săn đuổi như tội nhân nguy cấp
Bị thúc hối từ nhiều tầng gay gắt
Lên tầu, bấm máy, gọi điện, lái xe
Dọc đường xe thẳm dọc đường
Người căng thẳng sợi vô thường mỏng teo
Xứ này thức gì cũng đủ
Dư thừa đến mức bất nhân
Bầy ra nhiều điều quái gở
Nhân tình định nghĩa khó phân
Người ta nhắm mắt không để ngủ
Tiếng cười lộ sắc phôi pha
Trên bàn thờ vắng Chúa
Cắm chặt mũi dao găm
Nước Mỹ quả tình rất dễ
Vui đùa tập luyện thể lực kỹ năng
Mối cái khó đều đơn sơ thuần nhất
Buổi sớm mai ai dấu được tiếng khóc thầm
Chạy đi đâu ghê thế,
Ngang dọc liếc qua vai
Lái như người ngủ say
Thất sắc đèn hiệu báo
Anh chạy đã bao lâu?
Anh lái được tới đâu?
Cuối cùng vòng hiu quạnh
Exit ra dòng sầu
Thế rồi Mỹ cũng thế thôi
Hình như đến buổi đất trời khô queo.

California tháng 12-1993

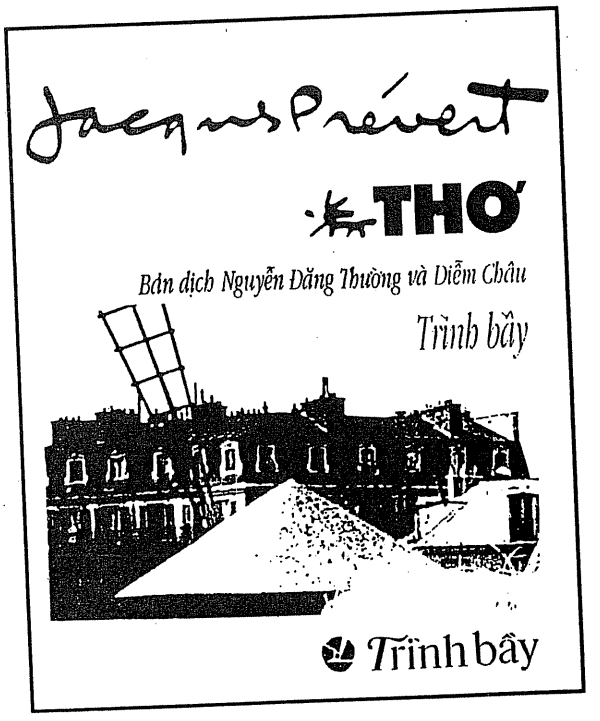

sách mới:

TỰ DO VÀ ĐẠO LÝ

HEGEL, LÃO TỬ VÀ TRIẾT HỌC PHÁP LÝ

nguyễn hữu liêm

***

Pháp Lý là gì? Trên căn bản thực tính nào nguyên tắc pháp lý khởi sinh? Sự liên hệ giữa pháp lý và pháp luật có nhất thiết là tích cực và hỗ tương? Từ pháp luật khả thể Tự Do bị giới hạn hay được phát huy? Yếu tố và điều kiện nào là cần thiết cho một thể chế dân chủ pháp trị? Đây là những câu hỏi mà luận đề triết học pháp lý và chính trị nầy muốn khai sáng.

TỰ DO VÀ ĐẠO LÝ kết hợp *logic* và tư tưởng từ cuốn *Pháp Triết* của Hegel với căn bản triết học từ cuốn *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử để phân luận về tinh hoa pháp lý và chính trị. Trên một góc độ suy luận, phiên giải và bình chú mới mẻ và khác biệt của Nguyễn Hữu Liêm đối với triết học Hegel, Lão Tử (và Phật Giáo), độc giả sẽ tìm hiểu tại sao từ những vấn đề trong đời sống cá thể chủ quan - từ năng lực tình cảm tôn giáo, lòng ái quốc - đến cơ cấu tập thể khách quan - từ hệ thống công quyền quốc gia, lên đến lịch sử thế giới - tất cả đều nằm trong một hệ thống *logic* Đạo Lý nhất quán. Đồng thời, đứng trên căn bản tư kiến về thời đại, tác giả cũng đưa ra những phê phán triết học về bản chất văn hóa và con người Á Đông để nhằm khai sáng thực tính của nhu cầu hiện tại cho Việt Nam.

Sách dày 700 trang, bao gồm 24 chương. Giá 18 US Dollars. Xin hỏi ở các hiệu sách hay liên lạc: Law Offices of Nguyễn Hữu Liêm, 1943 Tully Road, San Jose, California 95122.

Bác Sĩ TRƯƠNG MINH CƯỜNG, D.C.
THỦ TRỊ Y KHOA

NGUYÊN:

- *Y Sĩ Trưởng Bệnh viện Thủy Quân Lục Chiến*
- *Bác Sĩ Giải Phẫu Toàn Khoa Tổng Y Viện Cộng Hòa*
- *Bác Sĩ Trưởng Ngoại Khoa Bệnh viện Phước Kiến Saigon*
- *Tu nghiệp tại Boston, Massachusetts - USA năm 1970*

CHUYÊN TRỊ:

Chúc Mừng Năm Mới

- Các bệnh về xương khớp, phong thấp
- Đau nhức đầu, cổ, lưng, tứ chi
- Chấn thương do tai nạn xe cộ, té ngã
- Chấn thương do tai nạn nghề nghiệp, tai nạn thể thao

TRANG BỊ QUANG TUYẾN X (X-RAY), VÀ CÁC MÁY TRỊ LIỆU HIỆN ĐẠI

ĐỊA CHỈ: *9746 Westminster Ave., Suite D3, Garden Grove, CA 92644*

Tel: (714) 534-7048

NHẬN BẢO HIỂM & MEDICARE
CÓ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT CHO
BỆNH NHÂN TÀI CHÁNH EO HẸP

LÀM VIỆC MỖI NGÀY: 9 AM tới 6 PM
CHỦ NHẬT NGHỈ

TẬN TÂM - NHIỆT THÀNH - KẾT QUẢ TỐT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

Chúc Mừng Năm Mới

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

Chúc Mừng Năm Mới

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

9091 EDINGER AVE., SUITE A, WESTMINSTER, CA 92683 *(Góc đường Edinger và Magnolia)*

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

Chi Ngo, Tinh Rios, Anne Nguyen, Linh Nguyen, Tony Le, piano instructor and LAYCA director Robert Rios, Adrienne Le, Lan Tran, Janet Ton, Phuong Doan, Michael Newall.

VAALA presents "A Christmas Carol"

The Vietnamese American Arts & Letters Association (VAALA) presented Charles Dickens' "A Christmas Carol" to the community on Saturday, Dec. 18.

This unique version was performed by members of the Los Angeles Young Creative Artists, narrated by Barbara Gill and Tinh Rios. The music was composed by members of the group, who accompanied the performance. Before the performance, they presented a short piano recital of J.S. Bach's music.

The talented LAYCAs range in age from 5 to 14, and they are already seasoned composer-performers. They live in the San Gabriel Valley, Orange County and surrounding areas.

THE CHALLENGE OF TRANSLATING VIETNAMESE

By BRUCE WEIGL

This summer 1991 the Joiner Center's Annual Writers' Workshop expanded to include a workshop and class in translation. As part of the Center's initiative to translaté the work of Vietnamese writers, Mr. Do Quy Toan, a distinguished Vietnamese poet and scholar, was invited to co-direct the workshop with me. To say that the workshop was a success would be to understate what actually happened during our sessions.

Early on Toan had told me that ambiguity was a desirable condition of Vietnamese poetry, and that it was common and even encouraged that different readers would, by bringing their own experiences to bear upon their reading of the poems, offer sometimes radically different interpretations of the same poems. This became

clear as we attempted to translate our first poem. The poem's opening Vietnamese line, for example, "Cổ em là nơi chứa hạnh phúc," was translated in the following ways by three of our Vietnamese guests:

translator no. 1: Your neck is where happiness is stored

translator no. 2: Your neck is a vase containing love

translator no. 3: Your neck is a happy place

With Toan's guidance and after a great deal of debate, the class finally decided upon "Your neck is the reservoir of my happiness."

Once the Vietnamese could agree upon a literal translation, our work had only begun; often these literal translations made little sense in English. We had begun this project dedicated to the principle that we would stay as faithful as possible to the original Vietnamese but at the same time devote ourselves to creating poems which were successful versions in English. This was not easy and we all began to understand that not only were the critical differences in our languages conspring against our efforts — Vietnamese grammar, for example, is not nearly as rigorous or as consistent as English grammar, and often, seemingly simple phrases, depending on their context or to whom they were attributed in the poems, could be translated in wildly different ways — but also the fundamental differences in our cultures.

But remarkably, by confronting these differences together, as a class dedicated to making poetry we could all be proud of, poetry that could move people, we learned a great deal about ourselves and about each other, and through poetry we were all allowed insights into each other's worlds that might not otherwise have been possible. Although we translated more than a dozen poems, far too many to reproduce here, I am proud of the poem shown above, which I co-translated with Toan. The author is Thanh Tam Tuyen, who wrote this poem during his many years in a "re-education camp" in North Vietnam.

As I listened to Toan read the poem in Vietnamese and heard the lovely and subtle rises and falls of the words, I realized that the English version could never really approach the original. Yet still, even so far removed from its source, even in the hard, Anglo-Saxon beat of our accentual language, the poem seems to insist upon a kind of formal elegance, and the human spirit shines through the terror and the suffering, and what I finally learned is that in our hearts, where we curse and bless and love on a daily basis, we are not so different from each other.

NGÃ TRÊN NÚI VIỆT HỒNG Ở YÊN BÁY KHI ĐI VÁC NỨA

(FALLING DOWN THE MOUNTAIN WHILE CARRYING MY PACK)

Slowly I slide down, tumbling upside down into a ravine,
My entire body paralyzed with pain in an instant.
Rain falls steadily, slowly, the drops indifferent.
The day moves into the dead solitude of the deep forest.
My arms and legs spread out, I rest my head on my pack,
Look up at the twilight sky, listening to the rain fall faster.
It seems as if someone's body has rotted and decomposed,
The soul aimless, without hate or sadness.
The rain becomes a curtain, a closely knit white net.
Where is the hamlet at the foot of the mountain?
The cold and chilling wind shrouds the corpse.
Fainting in exhaustion, I forget my painful wounds.
I must immerse myself in the way of life of unspoken truth.
My eyes blur to receive the rain of a thousand autumns.
In the pitch dark I grope for the night's path.
Distant river, deep mountain, where is my home.

translated by Bruce **WEIGL & Đ.Q.T.**

(Bruce Weigl is an associate professor of English at Pennsylvania State University)

The William Joiner Center for the study of War and Social Consequences was founded in 1982 by the University of Massachusetts at Boston — Harbor Campus. The Co-directors of the Center, Kevin Bowner and David Hunt, insisted that the mission of the Center has always been that of promoting understanding and healing from the war.

The article by Bruce Weigl is published with the permission of the author.

FROM MADAM BUTTERFLY TO THE STATUE OF THE AWAITING WIFE IN NORTH VIETNAM: FEMININITY BETWEEN TWO WORLDS

By WENDY N. DUONG

Wendy N. Duong (formerly Duong Nhu-Nguyen) immigrated to America from her native Vietnam when she was sixteen years of age. For the past ten years, she has practiced law full-time and has only written in her spare time. In 1992, she became the first Vietnamese lawyer appointed to the American bench.

"I, the woman of the Orient,
stand between walls of confusion
looking for a way homeward...
I no longer wait for my husband
on top of a lonely mountain,
no longer cradle my child
It is now
that I must accept the inheritance
of the warrior's sword..."

PART ONE:

FROM MADAM BUTTERFLY...

I. The Image of A Butterfly

My great love in life is Puccini's Madam Butterfly. The music is gem-like, of course, but there is also the heart-breaking story of the Asian woman who died for a Western man — an unworthy man who married her in jest, only to leave her in her own hopeless illusion of his return.

But Puccini's vision of tragic femininity that symbolizes the East is not just a vision on stage. The Korean war, followed by the Vietnam war, produced the "outcast" Amerasians, stranded on the streets of their mother land. Nonetheless, Puccini's Butterfly, even when portrayed by a fat, old opera singer whose eyelids were painted white to create the illusion of slanting almonds, remains as the West's fascination with Asian femininity.

The image of a butterfly, however, in the literature and philosophies of the East, represents much more than the fragility and elegance of its women. The form of a butterfly is the noble Mandarin's communique with the metaphysical world — the connection between his "self" and a mystical universe. Chuang Tzu, an ancient Chinese philosopher and student of Lao Tzu, once dreamed of being transformed into a butterfly. He wrote his famous books on the cosmos as an exposition of this dream.

In Chuang Tzu's dream, the butterfly is the chosen form to connect man's physical world with the realm of illusion and spiritual fantasy, where all physical boundaries collapse, and the human psyche becomes free from itself. The butterfly thus has become the symbol of dreams, subconsciousness, creativity, and the mystery of night-time darkness enlightened only by the liberation of the self. It is only through this process of self-liberation that the human "self" merges and becomes one with the universe. This concept of merging with the universe is the foundation of both Buddhism and Taoism — the backbone of Eastern philosophies and cultures.

The butterfly, or the myth it symbolizes, also denotes the most primitive form of literary feminism in the East. Another ancient Chinese writer, Bo Tung Linh (1), wrote *Lieu Trai Chi Di* (2), a fantasia-erotica consisting of tales of snakes, foxes, raccoons or butterflies who transformed themselves into "women" in order to have out-of-wedlock relationships with respected men from all walks of life. These "women," exquisitely beautiful and intelligent, usually possessed black magic and adhered to a very pragmatic, yet coherent, code of ethics that did not conform to the then predominant Confucian values. Free to explore love and a new concept of familial structure, these "women" exerted their individuality and defined their own sense of righteousness and justice. Because they were not entirely human, they were not judged by conventional protocols and moral values.

Yet, in order to promote this new kind of women, Bo Tung Linh had to disguise his heroines as snakes, foxes, raccoons or butterflies, sometimes even as bees, birds and other insects. Bo Tung Linh's work remains as popular today as in its own time, not only in Chinese-speaking cultures but also in neighboring countries such as Vietnam. Its place in Asian literature, although controversial, is indeed undeniable.

II. The Butterfly Stereotype or Complex

The philosophical, spiritual, and feminist significance of the "Butterfly" image in Asian litera-

ture, however, is little-known in the West. Through the music of Puccini, the West is accustomed to equating the butterfly image with Asian femininity. I call that the "Butterfly Stereotype or Complex." This article is a global attempt to explore this stereotype, using examples from American contemporary literature and performing arts.

III. Asian Femininity in the Performing Arts

Take the silver screen as the first example. Traditionally, we have always seen Asian women as prostitutes, mistresses, or peasant girls. Five minutes on the screen and they are already made love to, raped, beaten or shot to death. If they are not raped or shot, then they are scheming, conniving, sinister "witches" who aim to kill, side up with the enemies, or grab the dollars!

In a recent film on the Vietnam war, *Casualties of War*, the image of the Vietnamese woman to Hollywood viewers was that of a feeble young girl, kidnapped, battered, abused, raped, beaten, stabbed, and then blown up by grenades. In one scene, Sean Penn lifted the young Vietnamese girl by the neck, the way one would lift a dead chicken. Regardless of the moral message of the film and its realism value, I am deeply concerned that this meek, pathetic "dead chicken" image would subconsciously shape the image of Vietnamese women in the mind of the American viewing public: a victim of war, helpless, even non-human, and lacking identity.

Decades ago, in America, Nancy Kwon started what seemed to be a promising film career with the title role in *The World of Suzie Wong*, next to William Holden. Wong was full of character and expression — a definite improvement from the standard cast of witches, prostitutes, peasant girls or laundromat workers, but after all, Wong still represented the West's fascination with Eastern femininity. Kwon appeared in a few more productions, but her career was also short-term. The last time the public saw her was in some Asian facial cream commercial. The 1980s has introduced to Hollywood China-born actress Joan Chen, but it is uncertain whether Chen can entirely escape the "Asian maiden" typecast. It would be interesting to see how her career will stack up against her American counterparts in the next decade.

In the theater and on stage, since Puccini, hardly has one ever seen an Asian female character. But the 1980s and 1990s, however, have marked two major productions that revitalize Puccini's image of Butterfly.

In the late 1980s, the Tony Award went to David Henry Hwang, a second-generation Chinese immigrant, who created a stage production out of the espionage scandal that shocked the diplomatic and international community of the decade. Calling his work M. Butterfly (instead of the former name Monsieur Butterfly), Hwang told the story of a French diplomat who fell in love with a Chinese opera actress, carried on a relationship with her for more than 10 years, only to discover that his Butterfly was in fact a man, a Chinese spy. The diplomat had loved, nourished, and perpetuated his own image of the perfect Asian woman, and had carried that illusion into reality.

Hwang's work is a complex thesis, raising perplexing questions about our contemporary life, love, hate, sex, politics, and the interplay between East and West, between men and women, between men and men! In raising these perplexing questions, Hwang recreated the Madam Butterfly syndrome — the stereotype about Asian women — only to challenge and denounce it.

Shortly after Hwang's success, the Madam Butterfly image was revisited again, this time by London's musical theater and Broadway. The producers and composers of the musical *Miss Saigon* never hide the fact that its storyline is a remake of Puccini's Madam Butterfly. The timing, place and characters have been changed. Butterfly is now a bar girl from Saigon. The famous suicidal scene now takes place somewhere near a tearoom in Bangkok. The departing Western lover is now a nicer guy, more sensitive perhaps, singing beautiful lyrics about his turmoil and confusion, caused by the senselessness of a war thrust upon his existence, and by his tender feelings for the helpless, innocent bar girl with whom he has fallen in love!

But, still, he breaks her heart, and in the end, she, too, dies her tragic death.

The racial dispute surrounding the casting of *Miss Saigon* has heightened its popularity. Whether a Filipino actress should be cast as a Vietnamese woman, and whether English Shakespearean actor Jonathan Pryce should be cast as an Amerasian male cause controversies in the Asian American artistic community. But they should not distract from the real issue — how this multi-million-dollar production portrays a culture, its history and people on stage.

Sure, the musical is a Western production for a Western public, but Vietnam and its people happen to be the storyline, and the theme of the production! The music is jazzy, with little Vietnamese folk influence. There is no credit line indicating whether any Vietnamese advisor was ever involved in the production. The few Vietnamese words tossed into the musical are pathetically mispronounced! The costumes do not accurately portray or match Vietnamese attire in the 1970s — the setting for the plot! The only value I found in the musical, other than my enjoyment of its jazzy music and spectacular "helicopter" scene, is the fact that Producer Cameroon McKintosh decided to show "real life" slides of the children of Vietnam as a prelude to his production. Perhaps the collection of millions of dollars out of the Vietnam theme has prompted *Miss Saigon* producers to throw in a little display of "social consciousness"!

Miss Saigon's commerical success lies in its romanticized image of an abandoned exotic bar girl who loves too much for too little, victimized by the Western male. Its credit lies further in the technically skilled staging of a panicked Saigon in its dying

days, signifying the Americans' seemingly remorseless exit. It is, in essence, just another version of the West's fantasy about the myth of the East and its popular manifestation — the binding, unselfish, devoted love and submissiveness associated with Asian femininity. *Miss Saigon* thus confirms the age-old stereotype about the East.

IV. Asian Femininity in Fiction

In the literature arena, the Asian female, on the other hand, more frequently has been put on a pedestal. But the pedestal itself is also stereotype. In *The Immigrant*, Howard Fast's epic novel of the 1950s, the protagonist — self made millionaire Daniel Lavette — employed a "chink" as his accountant, fell in love with the daughter, and left his beautiful, yet cold Knob Hill wife for the Chinese mistress. The Asian woman taught Lavette cultures and traditions, literatures and myths, and human integrity and decency in contrast with the aloofness and snobbishness exhibited by his spoiled, wealthy wife. Finally it was the Asian woman who welcomed the empty-handed Lavette when his shipping empire collapsed.

But Lavette's Chinese mistress was still very much the Madam Butterfly that the West has been accustomed to seeing, except that she was saved from the tragic death. In the beginning, Lavette himself could not decide whether she was attractive in his eyes. Giggling yet serious and intellectual, she was a flat-chested librarian, wearing plain clothes and knowing her place, although that sense of acceptance was always accompanied with great dignity and pride. She bore Lavette's son out of wedlock, enduring her own culture's rejection. She was the perfect Asian mistress, absorbing, supportive and wise beyond her years, a building block for the turmoiled, disoriented Lavette.

The Asian female appeared more complex in the work of Nobel-prize novelist Pearl S. Buck. Buck's Asian female protagonists often exuded intelligence, flexibility, depth, determination, devotion, complexity, and quite often a poetic sense of nostalgic self-reflection. Thanks to Madam Buck, who spent the majority of her life in the Orient as a missionary's daughter, the mysterious China unveiled itself before Western eyes, at a time when Mao Tse-Tung had just closed China's door to the West. But Madam Buck wrote of Asia, its men, women, and way of life from the perspective of an outsider, one who observed and then related. In the words of the cultural anthropologist, Madam Buck was a participant-observer, but not one who has had to live the experience as a born member of the tribe! The Asian females of Madam Buck were always in control. They asserted themselves in their own Asian way, on their own territory — a transient and changing East facing the foreign West and resisting its influence, while attempting to come to terms with the conflict of cultures. Buck wrote of Chinese and Indian women in China and in India. On their own territory, these Asian females were allowed to be Asian, and in their traditional way, they were masters of their own fate. And that context has set Buck's female characters away from contemporary Asian American women who must truly live a transient and dual role, away from their cultural nest.

Because Madam Buck's Asian females were portrayed on their own territory, they do not necessarily represent the syndrome that I now call "femininity between two worlds." Unlike Madam Buck's Asian females who, at best, were resisting an infiltrating West, the Asian woman in today's America often plays the infiltrating role. She must first break down the stereotype and prove herself to be different from the stereotype. She must then open a door, (or should I say crack a wall), to gain entry to a world that is not used to seeing the Asian face in any way other than stereotypically. Quite often, the stereotype is caused, not only by preconditioned thinking that evolves into conscious and subconscious social bias, but also by a complete lack of understanding, or an inability to look inside something that seems so incomprehensible. English novelist Graham Greene portrayed this aspect of the stereotype in his famous novel about Vietnam, *The Quiet American.* Critics have credited this novel as a prophetic prediction of the outcome of the American involvement in Vietnam two decades before the war was over.

Greene's political message was flavored by a love triangle between a Vietnamese mistress, a middle-aged Englished journalist, and a young American diplomat. Greene's description of the Vietnamese female — the central point of the love triangle — is what I call a "description based on non-description." The character and personality of the Vietnamese mistress were described entirely through the thoughts and dialogues of her two lovers. To introduce the character, Greene wrote in a cynical way, "Her name is Phuong, or Phoenix, but nowadays, nothing is too fabulous, and nothing rises from the ashes..." Phoenix's inner world was a mystery to her two lovers and, hence, to the readers. Her men projected themselves onto her, determining through their own lens of what they thought were her needs. She spoke very little. Her expressions included a few French words and phrases, "Comment," (How, What), "Enchante," (Delighted), "Je ne comprends pas," (I don't understand). Her activities included sitting at a milk bar, going to a French movie, looking at picture books of the English royal family, lighting an opium smoke for her English lover, and readily taking off her black silk trousers, many times even before she was asked. The manifestation of her thoughts consisted of typically a long and hard frown (especially after hearing the news that her American lover had been assassinated), and her tossing and turning at night as she woke up from bad dreams, quietly explaining to her lover, "Les Cauchemares," (nightmares). Her meager belongings consisted of a dozen of colorful scarfs to match her *ao dai* (3), a handful of panties, and perhaps a few French magazines. After the American diplomat died, Phoenix was back with her English lover, bringing

with her the scarfs and panties, which Greene described as her "dowry." Yet, the English journalist (Greene's alter-ego, perhaps) wrote in a letter to his English wife asking for a divorce, "To part from this woman [Phoenix] to me is the beginning of death." At some point in the novel, Greene suggested that the English journalist's love for Phoenix was just another form of his opium addiction, intensified by his loneliness and old, surrendering age.

The character of Phoenix paralleled the incomprehensible nature of the Vietnam war in the eyes of Western observers and participants. The inner world of Phoenix was as impenetrable as the dark tropical jungles of Vietnam to the American troops. Perhaps Greene purposefully portrayed the Vietnamese female as a metaphor for the mystery of the Machiavellian political structure of Vietnam, and an unexplainable war that exhausted and bewildered the American mind. But if this is how the West identifies the Vietnamese woman, I wonder whether she can ever have any identity independent from the notorious war that constituted an undeniable part of her heritage.

V. The Rare Success Story and the Changing Image

In individual cases, exceptional Asian women have overturned the stereotype.

In my early days as a journalism student, I used to admire newswoman Connie Chung during the early morning news. Chung has set her life as a model woman of the 1990s — a successful career in broadcast journalism (which, at one time, made her the main rival for Barbara Walters) a beautiful woman appropriately demeanored and conservatively dressed to fit the part; a commuting marriage to an equally successful man; and a belated decision to have children. Plus what seemed to be a very strong cultural identity — I read somewhere that during an interview in the earlier stage of her career, Chung once told reporters with a smile, "I am just a nice Chinese girl."

But there is only one Connie Chung in a million. Many other professinal women of Asian descent tread the same water for much less glory, and their pain and struggle go unnoticed. After all, they are the Asian heroines — born with the remarkable quality to smile at fate, die when called for by the Asian code of conduct, absorb pain, devote without qualification, and only tear in silence. Asians have typically been called the "silent minority," and being vocal is not a favorable cultural trait in the Asian tradition — We don't ever scream, demand or attack. The ambitions Asian woman traditionally must hide behind the curtain, behind a "puppet" man through whom she can legitimize her action. For example, the Manchu Empress of China, famous among Western diplomats for her feast of monkey brain, built her political career behind a series of puppet Emperors before she could legitimize her political presence.

Since the 1950s, decades went by without any major literary work that focused on the Asian woman. In the 1980s, however, the pain of the Asian American woman — the dilemma of living between two cultures, haunted by ghosts of the past while growing up American — began to be expressed. The decade produced two Asian female writers whose first books each immediately occupied the best-seller list. Authors Maxine Hong Kingston and Amy Tan are both Chinese second-generation immigrants. Depicting their relationship with mothers, aunts, cousins, and a whole generation of depressed, suppressed, nostalgic first-generation Asian immigrant women, these female writers projected their Asian American experience into the mainstream.

Perhaps the success of these writers had something to do with the fact that diversity has become increasingly "in vogue" in contemporary America. (For example, in 1990, Barbara Bush spoke of diversity during her controversially publicized keynote address at Wellesley College). Or, perhaps the success of Kingston and Tan in the mainstream had something to do with the fact that world trade in the Pacific rim has become more and more significant and, hence, there is a need to understand the Pacific child within the American home base. Perhaps their success illustrates that the Asian American community is gradually reversing its "silent minority" image. Or, perhaps Kingston and Tan succeeded simply because they expressed universal human heart — issues such as mother-daughter relationships, identity crisis, the past and the present and the human struggle in between, are of universal appeal.

Vietnamese Culture Series. No.1
LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:
Some Articles by Nguyễn Đình Hòa
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương
Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991
Table of Contents

Preface by Patricia Nguyễn thị Mỹ Hương (III-V)
1. Vietnamese Country Life (1-3)
2. The Garden of Confucianism: Beauty and Order, Peace and Harmony (4-8)
3. Vietnamese language and Literature (9-26)
4. Vietnamese Names and Titles (27-41)
5. Vietnamese Riddles (42-62)
6. Lexical and Syntactic Borrowing in Mordern Vietnamese (63-86)
7. Standardization and Purification: A Look at Language Planning in Vietnam (87-108)
8. Teaching English Prepositions to Speakers of Vietnamese (109-134)
9. Sources of the Vietnamese Tale Phan-Tran (135-142)
Postface (in Vietnamese) by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương (IX-XII) - Photographs

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:
Asia Books - 13455 Surrey Lane
Saratoga, Ca 95070.USA

But Kingston's and Tan's literary expressions of a painful experience do not substitute for a real systematic support network that is severely lacking for the average, run-of-the-mill Asian female professionals who are frequently forgotten in the American mainstream.

In the late 1980s, the *American Lawyer* and the *National Law Journal* published their surveys on the racial and ethnic makeup of major corporate law firms around the nation. The percentage of Asian female lawyers in these powerhouses was a saddening 0.1 percent. I would not be surprised if the percentage of Asian females in top management positions in Fortune 500 companies would be so small as though non-existent. Asian female faces perhaps are more frequently seen in various government entities, in middle-management, or in purely technical and scientific capacities within the private sector. (In the 1990s, the Bush Wendy Graham, and Undersecretary of Transportation Elaine Chao, who subsequently was named head of the Peace Corps). It would be interesting to wait and see whether Asian females would make it to the cast of the Clinton administration.

Asian women who are inspired to be successful professionally are forced to embark upon a lifestyle, philosophy, and behavior alien to their typically conservation ethnic culture. Often, these women are labeled as having outgrown their culture or having abondoned their roots. Once their goals are fulfilled, these women are generally admired by their ethnic community, but within that close-knit circle, they are also awed and become objects of intense curiosity and envy. Even when a support network is formed, issues discussed often center around the professional endeavors. Issues of cultural identity and the turmoil caused by conflicting cultural values, because of their personal and sensitive nature, are often ignored and overlooked.

PART TWO:

...TO THE STATUE OF THE AWAITING WOMAN IN NORTH VIETNAM...

Too young to have known North Vietnam in prewar time, I nonetheless have lived its scenic beauty by reading novels and listening to tales by my Vietnamese elders.

Among the more popular scenic attractions of North Vietnam is a rock that resembles the statue of a woman holding a baby. Standing on top of a mountain, the statue overlooks the bay area that connects the mountainous North Vietnam with the South China Sea. The rock has been there for hundreds, perhaps even thousands, of years.

There is a heart-breaking legend in Vietnamese folklore about the rock. I think this legend offers an interesting paradox to Puccini's Madam Butterfly.

In this legend, the female statue was formerly a young woman whose husband had left her to go to war. (The 4,000-year-old history of Vietnam is a history of continued warfare). Rearing their child, the woman waited for her husband to return from his exodus... until the wait seemed eternal and she could no longer bear the sorrow.

But she did not give up. So one day, she carried the child to the top of the mountain, where she could see the panorama of ships at sea and horses galloping through the forests. The woman stood there, holding her child, waiting for her warrior husband, looking at the sea and forests below so that she could spot him on the day the troops would return. She waited and waited and waited, enduring the wind, the rain, the cold and heat of seasons. She forgot all concepts of time or notions of her surroundings. Day after day, month after month, year after year, she stood there.

And eventually she turned into a stone, a rock, lonely yet persevering, on top of the mountain overlooking the immense sea and forests of North Vietnam. The Vietnamese gave the rock a name: "The Statue Of The Waiting Wife."

Like Puccini's Madam Butterfly, the female statue of North Vietnam was an awaiting wife, hanging her entire existence on one single hope for her husband's return. Her hope was, in essence, hopelessness! But the Awaiting Wife of Vietnam was free from the force of destruction. In fact, her empty wait caused her to crystalize into eternity. The crystallization signified a spirit so strong, an endurance so vital that the impermanent and perishable human flesh hardened into the more permanent formation of a rock, defying the passage of time and withstanding the test of the environment! The woman's longing was perpetuated and immortalized; so was her spirit!

Butterfly might have turned herself into a fantasy, a romanticized version of fatal femininity — Butterfly surrendered and took revenge against herself. Her suicide was an egotistical way to cope and to express her yearning for nobility perfection, to capture the fantasy of love and make it forever hers. But in the Awaiting Wife of Vietnam, there was no such surrender, nor the notion of egotistical fantasy. Instead, in the Awaiting Wife of Vietnam, there was eternal will.

There may be endless ways to distinguish Butterfly from the Awaiting Wife of Vietnam. For example, while Butterfly was the brutal victim of betrayal, the Awaiting Wife of Vietnam was not. The analogy between Butterfly and the Awaiting Wife of Vietnam can also invoke many arguments, based on comparisions and exploration of the Japanese culture vis-a-vis the Vietnamese culture. But that is not the focus here. My purpose is not to compare the Vietnamese culture with the age-old Japanese culture and way of life, where suicide carries certain cultural significance and is a noble act. I am borrowing the image of Puccini's Butterfly, simply to raise this

question — Are we, the Asian American women of the 1990s, still carrying within our mind and heart a little Butterfly, because the image of a Butterfly has always been the way the world views us, and perhaps the way we view ourselves, ever since our cultures first opened their doors to the West?

By being Asian Americans, we become the bridge and catalyst between East and West. If there is one American value that the rest of the world should desire and envy, it is the value of free choice. In her newly invented world where East and West must meet, it is Butterfly who must rewrite her image, her ending, and her fate. Her world is no longer a half-moon window overlooking the Pacific Ocean, where she sat demurely, waiting for a ship that would never come... (Or when it did come, it signaled her death!) Butterfly can no longer serve as a fantasy in a world of protocols, traditions, and biases too rigid and ingrained to be broken — a world where her worth was measured by the sacrifices she made for principles not created by her, or for her.

Of necessity, that world must change because the Butterfly, if that's what she is, must learn to fly instead of waiting demurely to become victimized by the desolation of her wait. My nieces and cousins in California are growing up in a world so far different from what faced their mothers decades ago. They will take up their own professional and personal endeavors, perhaps struggling in the clash of cultures in an imperfect world, for the same sense of identity that I have sought after. And, if I must give them some advice, I will simply say this:

As a first-generation Vietnamese American woman in a non-Asian world, if I must discover that the paternal world surrounding me has defined me as an ill-fated butterfly, I shall not fold up to fulfill the curse of tragic femininity and to perfect the fantasy I have been made out to be. If I must struggle to be anything but a butterfly and to take on tasks that seem hopeless, I shall look to the strength and perseverance of the Statue of the Awaiting Wife of North Vietnam, and I must learn the following:

"AT TIMES, IMMORTALITY CAN ONLY RESULT WHEN THE HUMAN SPIRIT IS MEASURED AGAINST THE HOPELESSNESS OF ITS ENDEAVORS." ■

WENDY N. DUONG

Chúc Mừng Năm Mới

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA

2 WHEEL $25 MOST CARS

1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vô xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chất dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

- * Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- * Máy lạnh thổi không ra hơi
- * Hơi thổi ra không đúng chỗ
- * Hệ thống lạnh bị xì
- * Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- * Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

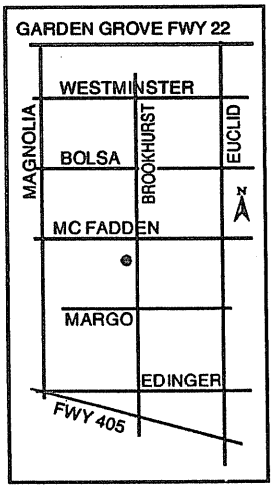

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Thuh Beauty Institute

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

Bolsa MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,

Westminster CA 92683

Chúc Mừng Năm Mới

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA, USA
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France
* Certified in Semi Permanent Make Up & Pigmentation, Biology Research, Paris, France
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Normolee Cosmetics, Beijing, China
* Gost Cosmetics, Copenhagen, Denmark
* Member of Aesthetiolans International Association
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA
* Surgical Head Nurse and Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, Viet Nam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, Viet Nam

- International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
- European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France
- Aesthetics World Expo 1991 & 1992 & 1993, CA, USA
- Aesthetics World Expo 1991&1992, 1993 Paris, France
- Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
- Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England
- International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece
- International Congress of Esthetics, 1993, Miami, Florida, USA.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU

Mắt, mũi, môi, càm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ, lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức chích Silicon. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Chuyên Môn:

* Facial
* Dưỡng da
* Trang điểm: Cô dâu, dạ hội
* Lột da mặt
* Xâm thẩm mỹ
* Xâm thẩm mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn
* Lớp dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

"Cung Chúc Tân Xuân"

BẰNG PHƯƠNG PÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG

Bác Sĩ BÙI ĐẮC LỘC, M.D.,

Chúc Mừng Năm Mới

Tel.: (714) 897-2623

- *American Board of Internal Medicine*
- *Member of American College of Physicians*
- *Tốt nghiệp hậu đại học Nội thương, San Francisco*
- *Nguyên BS Phó trưởng khoa chấn thương chỉnh hình B.V. Bình Dân, Saigon*
- *Cựu Nội trú các bệnh viện Saigon.*

PHÒNG BỊNH HƠN CHỮA BỊNH: Khám nghiệm định kỳ hàng năm, truy tầm ung thư, đo điện tâm đồ, huyết áp, đo chức năng Phổi, Gan, Thận, Cholesterol và đường trong máu. Hướng dẫn ngăn ngừa bệnh AIDS.

CHỮA TRỊ:

Trực tiếp săn sóc bịnh nhân khi nằm bệnh viện.
THẦN KINH: Nhức đầu, chóng mặt, động kinh, ngăn ngừa stroke.
TIM MẠCH: Cao máu, yếu tim, hồi hộp, tức ngực, khó thở, ngăn ngừa bịnh tim.
HÔ HẤP: Ho, suyễn, khó thở, sưng phổi, lao phổi.
TIÊU HÓA: Đau, loét bao tử, ói mữa, ăn không tiêu, đầy hơi, đau, viêm gan, tiêu ra máu.
BỊNH VỀ MÁU: Dư máu, thiếu máu, loãng máu, ung thư máu.
BỊNH NỘI TIẾT và BIẾN DƯỠNG: Đái đường, sụt ký, lên ký, bịnh về bướu cổ.
THẬN: Sạn thận, nhiễm trùng, đường tiểu, hoa liễu, tiểu ra máu.
DỊ ỨNG: Sổ mũi, viêm mũi, nổi mề đay, ngứa, các bịnh ngoài da.
ĐẶC BIỆT: Các chứng bịnh về phong thấp, đau nhức lưng, tứ chi, trật xương, bong gân, các bịnh về khớp, chấn thương.
TIỂU GIẢI PHẪU: Nốt ruồi, bướu, sửa các sẹo lồi, vết cắt đứt da, mụt cóc.
CHÂM CỨU theo hẹn.

GIỜ LÀM VIỆC:
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:30 AM 0 6:00 PM
THỨ BẢY: 9:30 AM - 2:00 PM

NHẬN MEDICARE, MEDICAL, BẢO HIỂM.
ƯU TIÊN CHO KHÁCH CÓ HẸN TRƯỚC.

Bác Sĩ LÊ NGỌC BÍCH, M.D.

Tốt nghiệp chuyên môn sản phụ khoa tại Hoa Kỳ

Tel: (714) 890-9283

Chúc Mừng Năm Mới

- *Sinh viên du học tốt nghiệp trường Đại Học Y Khoa tại SF, School of Medicine, University of California, San Francisco.*
- *Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại New York Albany Medical Center, New York*
- *Nguyên giảng huấn viên khu sản phụ khoa Albany Medical Center, New York.*
- *Cựu Thường Trú các bệnh viện Columbia Hospital For Women tại Washington D.C., Providence Hospital tại Washington D.C.*
- *Hội viên Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ và tiểu bang California.*

CHUYÊN TRỊ

- *Thăm thai, đích thân đỡ đẻ.*
- *Bệnh hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn (nối lại ống dẫn trứng). Truy tầm Ung thư Tử cung và Ngực.*
- *Giải phẫu bệnh Tử cung, Bướu, Sa tử cung.*
- *Kinh nguyệt bất thường, đau bụng lúc có kinh.*
- *Bệnh huyết trắng.*
- *Ngừa thai, cột ống dẫn trứng.*
- *Giải phẫu bằng tia Laser.*
- *Giải phẫu âm đạo nhỏ lại theo ý muốn.*

PHÒNG MẠCH
2740 S. Bristol St.,
Suite 204
Santa Ana, CA 92704
(714) 549-4294

MỞ CỬA:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10 AM - 12 PM, 2 PM - 5 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 2 PM.

"KẺ SỸ BẮC HÀ" THỜI NAY

NGUYÊN VŨ
(Berlin)

Coi vung hơn trời...

Có lần, một người bạn từ trong nước qua Đức than thở: *"Cậu biết gì về kẻ sỹ Bắc Hà thời nay"?* Rồi anh đọc mấy câu ca dao mới đang truyền tụng ở vỉa hè Hà Nội:

Ngày xưa quân tử ngạo đời
Làm thân kẻ sỹ coi trời bằng vung
Ngày nay cả nước anh hùng
Làm thân kẻ sỹ coi vung hơn trời

Rồi anh đi buôn lậu.

Nhờ quả đất tròn, ít lâu sau tôi gặp lại một văn nghệ sỹ lớp đàn anh trên một chuyến tàu nhanh chạy trong thành phố Berlin. Anh vốn là người diễn viên đóng phim. Lần đầu tiên quen nhau là do tôi tìm đến nhà anh ở quận Ba Đình hỏi mua đèn chụp hình cho cơ quan. Hồi đó trông anh thật lịch lãm và nghệ sỹ. Nhưng chao ôi, giờ đây gặp lại, buồn biết mấy: bao nhiêu nét dọc ngang, khắc khổ của cuộc đời hằn sâu trên mặt anh.

Hôm đó, khi tàu dừng lại ở ga Alexanderplat để đón khách, một người đàn ông Việt Nam tuổi trung niên xách một cái cặp da đen đến cười làm quen: *"Giờ này mà cậu còn đọc tạp chí Cộng sản cơ à?"*. Thấy anh niềm nở, tôi cũng cười rồi buột miệng: *"Thì cũng phải đọc CS để chống CS chứ!"*. Nghe thế, tự nhiên nét mặt anh bỗng chùng hẳn xuống. Thế rồi tôi vụt nhớ ra anh. Nhưng anh thì quên hẳn tôi. Anh tâm sự: *"Bọn mình biết hết chứ. Chế độ hiện nay ở nhà nó là cái gì như cậu nói cũng đúng thôi. Nhưng mình không thích chính trị. Vợ con mình đang cần tồn tại. Chuyến này sang Đức mình làm đại diện cho một công ty để đi chào hàng"*. Tôi tỏ ra nghi ngờ khả năng thành công của anh vì hàng Việt Nam vốn có tật xấu là làm mẫu thì đẹp còn làm thật lại dối trá, sao có thể cạnh tranh với hàng vừa đẹp, vừa rẻ lại phong phú của Trung Hoa và Thái Lan. Khi tôi hỏi anh định đi đâu, có đến khu chung cư A. của người Việt thì đi cùng cho vui, anh vội lắc đầu. Chia tay anh tôi chuyển sang đi tàu điện cho tiện. Nhưng khi đến khu chung cư nói trên, tôi đã thấy bóng anh thất thểu và mất hút ở cửa ra vào. Cũng may là anh không nhìn thấy tôi...

Câu chuyện chưa dừng ở đó. Ít lâu sau, qua một tiệm sách Việt Nam bên phía Tây thành phố, tôi lại gặp anh. Lần này anh xuất hiện với tư cách người nghệ sỹ đi bán phim Video do anh làm đạo diễn và diễn viên chính. Hình như thấy tôi, anh có vẻ lúng túng. Vì đâu có ngờ rằng cả người đưa anh đi lẫn ông chủ sách đều là chỗ quen biết của tôi.

Nhưng câu chuyện dù có lắt léo thế nào rồi cũng phải đến hồi kết thúc. Đó là vào một buổi sáng trời nhiều mây, tôi thấy anh vừa đứng bán thuốc lá lậu vừa ghi chép một ý tưởng chuyện phim nào đó. Nhưng trông khắc khổ, tội nghiệp và gượng ép làm sao. Không được như nhân vật của Nguyễn Tuân, đến cả người lái đò hay gã đao phủ cũng có chất nghệ sỹ khi hành nghề quen thuộc của mình, anh - một dạng văn nghệ sỹ cố tỏ ra bất cần đời (như cái máu giang hồ phiêu bạt của hạng người này), mà chẳng có được một chút nghệ sỹ nào khi làm cái nghề bị người Đức khinh rẻ đó. Hay mặc dù biết làm thế thì tủi nhục lắm, nhưng anh vẫn phải cố để có tiền trang trải nợ nần cho chuyến "vượt biên"?

Không muốn gặp anh trong cảnh ngượng ngùng như tôi vẫn hay xấu hổ thay cho nhiều đồng bào làm ăn phi pháp ở xứ người, tôi chỉ nhìn anh từ xa như một người xa lạ.

Bỗng nhiên một ngày kia, tôi không còn thấy anh hành nghề ở đó nữa...

Và lương thiện trí thức

Còn một dạng văn nghệ sỹ Bắc Hà được ăn học hay lao động và ít nhiều cũng đã tạm an cư ở xứ người, thì tỏ ra cao đạo hơn.

Một họa sĩ thời thượng chuyên vẽ tranh siêu thực vẫn ngạo nghễ tuyên ngôn: *chính trị là trò bẩn thỉu, ta không dây vào*, để rồi lừa gạt cả người mua quen để kiếm lời khi có cơ hội mua đi bán lại. Có chàng thì đại ngôn: *Trong bầu trời thi ca Việt Nam hiện đại, sau Hàn Mặc Tử là ta!* Chàng thì: *Chính trị không phải là sở trường của tôi*, nhưng nếu phải về nước thì lại hét toáng lên: *Chúng nó sẽ giết mình vì những bài viết đăng trên các báo chống cộng khét tiếng ở Hải Ngoại* (mặc dù anh vẫn thỉnh thoảng ra sách ở Việt Nam!).

Nhưng nếu những típ người vừa kể trên (*) mà ta vẫn thường gặp ở các nước Đông Âu có một cái gì đó đáng buồn, đáng thương hơn đáng giận thì trường hợp Trần Văn Tuấn người đang tham gia viết báo chống Cộng — vốn là nhà văn quân đội, hội viên của Hội nhà Văn Việt Nam (CS) đã ra khỏi hội — lại làm đau lòng nhiều người Việt khác, trong đó có tôi.

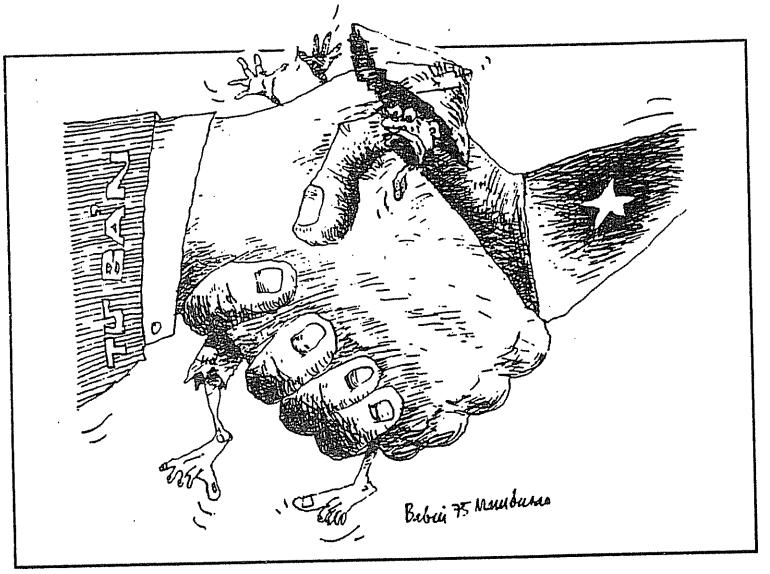

Khi được báo Cánh Én phỏng vấn một cách trang trọng và sau đó còn được đăng lại nguyên văn ở Thế Kỷ 21 / 6-1993 (một tờ báo lớn có uy tín tại Hoa Kỳ) không biết anh có kịp ngẫm lại những gì đã nói. Nhưng ngay sau khi vừa khẳng định rằng "*Tôi chỉ có một chỗ để đi về: Việt Nam*" anh đã dõng dạc tuyên bố: "*Xin lỗi: Tôi ngồi trong toa-lét cũng có thể viết văn, làm thơ được, chứ không cần phải "ngồi" trong hội nhà văn*" (Hội Nhà Văn Việt Nam — CS) anh đã vô tình biểu lộ một cái gì đó thiếu trung thực với chính mình.

Hóa ra trước đây, anh, một cựu đảng viên ngồi trong HNVVN là để... bài tiết ra thơ, văn? Thế mà khi được hỏi về giai đoạn đó, anh trả lời: "*Chỉ tiếc chứ không xấu hổ.*" Lẽ ra anh phải nói ngược lại: Chỉ xấu hổ, chứ không tiếc! Tại sao? Bởi vì với tấm thẻ đỏ đảng viên CS, nhờ quen biết, có hậu thuẫn chú bác (cỡ cây đa cây đề) trong hội nhà văn gì đó, anh mới vinh dự được trở thành Hội viên. Nhờ đó anh mới có đất để viết, đăng bài, và mới thành danh, thành nhân được. Thử hỏi, ngoài chỗ "ngồi" đó ra anh biết ngồi ở đâu để thành nhà văn lúc bấy giờ? Còn chuyện ngồi ở toa-lét Đông Âu ngày hôm nay để... ra thơ văn lại là chuyện khác, chuyện rất riêng tư nhằm thỏa mãn một trong tứ khoái của đời con người ta. (Và phải chăng đây cũng là một thứ văn chương chống CS của anh sao?). Mà tại sao anh lại đem so sánh hai cái chuyện "ngồi" như thế cơ chứ! May mà được ngồi ở toa-lét sạch sẽ tại Đông Âu, chứ nếu còn phải ngồi trong toa-lét công cộng ở trong nước, vừa bài tiết vừa bịt mũi, thì có lẽ anh cũng không thể "*viết văn làm thơ được*" đâu.

Đành rằng HNVVN trong nước là con đẻ của ĐCSVN, muốn hay không cũng phải phục vụ chế độ đang cầm quyền sinh sát. Nhưng không có nghĩa bản thân cái hội đó là bẩn thỉu như cái "*toa-lét*", không có lý do để tồn tại. Vì thử hỏi, dưới một chế độ độc tài đảng trị như vậy, cái HNVVN (một loại tổ chức có tính chất nghề nghiệp không thể không có của những người cầm bút ở bất kể chế độ nào) làm sao thoát khỏi bàn tay của ĐCS được? Những nhà văn có lương tâm, có thực tài vẫn phải coi đấy là mảnh đất cắm dùi, rồi luồn lách để mà sống, mà viết, gửi gắm bao nỗi niềm riêng tư, uẩn ức của kiếp người. Không thế thì làm sao có những nhà văn phản tỉnh với dòng văn chương phản kháng ngày hôm nay.

Khi tình nguyện đi ra nước ngoài lao động để kiếm sống và tìm kiếm tư liệu viết văn (như là một "đặc ân" của chế độ?) không lẽ anh không còn một bạn văn nào khả kính có thực tài ở trong HNVVN? Lẽ nào anh có thể nhẫn tâm "ngồi" lên đầu, tất cả như vậy? Anh muốn chối bỏ quá khứ một cách sạch sẽ, coi như không dính dáng một chút gì với cái HNV mà ngày nay anh coi là cái *toa-lét?*

Nhưng sự đời càng chối bỏ quá khứ thì quá khứ càng đè nặng lên anh. Và anh càng cố vùng thoát lại càng bị nó ràng buộc hơn bao giờ hết. Anh thừa hiểu qui luật phủ định của phủ định rồi mà. Hay anh muốn bắt chước (theo cái mốt thời thượng và cấp tiến) các nhà văn ăn khách và nổi tiếng đương thời như Dương Thu Hương (bị khai trừ) và Nguyễn Mạnh Tuấn (xin ra khỏi hội nhà văn) vì những va chạm gay gắt, vì cái HNV không còn đủ sức chứa cái tầm cỡ đầy gai góc của họ nữa?

Nhưng thưa anh, họ làm thế được và được ca ngợi là dũng cảm dám chấp nhận luật chơi ở ngay trong nước vì họ có cái thế và cái tình của văn tài và lương tâm nghề nghiệp.

Có thể cái ngày trở về như anh đã khẳng định, HNVVN con đẻ của ĐCS ngày nay không còn, nhưng liệu đồng nghiệp trước kia còn chấp nhận anh nữa hay không? Tại sao anh lại tự chặt đi cây cầu của lối về trên tư cách của một nhà văn.

E rằng, cái lối phủ nhận tất cả quá khứ hòng chứng tỏ mình trong sạch giữa bùn đen và chống cộng từ trong nôi, nhằm tạo điều kiện được văn nghệ sĩ hải ngoại chấp nhận? (cho dù chỉ để nhằm khẳng định một dòng văn học lưu vong chống cộng mới của các cây bút VN tại Đông Âu đi nữa!) chỉ gây nên ấn tượng xấu cho văn nghệ sĩ xuất thân từ miền Bắc XHCN: một lũ sống hai mặt, *qua sông đấm...* đò!

Đúng là ngày nay trong lớp người vẫn tự nhận là "kẻ sĩ Bắc hà" có quá nhiều *người hùng*, sẵn sàng *coi vung (*) hơn trời*" thật!

Berlin 8-1993

(*) Vì không muốn gây khó dễ trong việc "đi — về" Việt Nam của những người này, tác giả xin phép được miễn nêu tên cụ thể của họ.

(**) "Vung": vung nồi nấu ăn (xin hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng).■

Đón đọc số sau: "Rất nhiều nghĩ suy về một vài suy nghĩ của ông KB" do *Đỗ Quyên* viết, đưa ra một cái nhìn khác về nhà văn Trần Ngọc Tuấn.

TẠI SAO BẠN VIẾT VĂN?

Bàn Tròn Văn Học với đề tài "Tại sao anh / chị viết văn?" đã diễn ra vào chiều ngày 19-12-1993 tại trụ sở VAALA, đường Moran, Westminster. Các văn hữu và thân hữu sau đây đã tham dự cuộc thảo luận:

Tôn Thất Thiện, Nguyễn Xuân Hoàng, Tôn Thất Ngự, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Hoàng Nam, Bùi Bích Hà, Bích Huyền, Lê Cẩm Thạch, Tạ Văn Trung, Nguyên Phương, Quỳnh Giao, Nguyễn Xuân Nghĩa, Vĩnh Huyên, Hoàng Duy Từ, Kim Xuyên, Lại Hữu Đức, Hà Tường Cát, Trần Văn Kha, Lê Thiện Tùng, Nguyễn Mạnh Trinh, Vũ Quý Hạo Nhiên, Y Sa, Nguyễn Khắc Hoạch, Đào Trung Đạo, Trần Văn Nam, Mai Kim Ngọc, Phạm Xuân Đài, Lê Đình Điểu.

Số anh chị em đã gởi ý kiến đến góp với cuộc hội thảo, gồm có: Nguyễn Diên (San Jose), Võ Doãn Nhẫn ((San Diego), Trùng Dương (Stockton), Lê Văn Lân (New Jersey), Đỗ Kh. (Yorba Linda), Tạ Tỵ (Garden Grove), Bùi Bích Hà (Tustin), Nguyễn Đăng Thường (London), Lê Thụy Vi (Úc), Nguyễn Nguyên Thanh (Berlin), Thụy Khuê (Paris), Nguyệt Trì (San Jose) Trần Trung Ngọc (San Jose), Nhất Uyên (Paris), Bửu Sao (New York), Ngô Thanh Tùng (Alameda), một bạn văn ở Port Buillet, Lê Doãn Kim (Virginia).

Thế Kỷ 21 sẽ có bài tường thuật buổi hội thảo, đồng thời sẽ chọn đăng các ý kiến gởi về trong những số báo sắp tới.

Sau đây là một số trong các ý kiến chúng tôi vừa nhận được.

TRÙNG DƯƠNG *(Stockton)*

Vì mới nhận được thành ra tôi sẽ không xuống tham dự được "Hội Thảo Bàn Tròn". Rất tiếc. Sau đây là vài suy nghĩ con con của tôi, nhất là do chỗ tôi sắp sửa trở lại với sáng tác, về câu hỏi tại sao viết văn.

Trước hết, tôi viết vì có những điều muốn chia xẻ với người đọc những suy tư, hiểu biết, rung động.v.v...mà mình có được, đấy là viết lách nói chung. Còn tại sao sáng tác, thay vì là tường thuật hay biên khảo, là vì có những chuyện mà chỉ có tiểu thuyết mới đủ kích thước để chuyên chở chúng. Mặc dù sáng tác cũng đòi hỏi research, bố cục đâu đấy, và các nhân vật làm sao cho sống động, nhưng người viết không hoàn toàn lệ thuộc vào thực tế. Ngoài ra nếu khả năng cho phép, viết truyện cũng còn là một cách để sống thêm những cuộc sống khác, bởi vì đối với riêng tôi, một đời để sống chưa đủ, nếu để làm hết những điều mình muốn, thăm những nơi mình muốn thăm, gặp những người khác nhau.v.v...Cũng vậy là với việc đọc tiểu thuyết.

Về biên khảo, tôi nghĩ, cũng có nhiều điều để viết ghi lại cho đời sau muốn tìm hiểu, thế nhưng nó đòi hỏi tiền bạc để đi đây đi đó, phỏng vấn và tìm hiểu. Có lúc tôi đã muốn làm cái việc này, thế nhưng xin hoài không được fellowship để thực hiện. Một trong những điều mà tôi muốn nghiên cứu là ảnh hưởng của những quốc gia trên người Việt định cư tại đó, bởi vì hệ thống chính trị, xã hội, văn hóa và ngôn ngữ địa phương ảnh hưởng đến nếp sống, nếp suy tư, và cả ngôn ngữ Việt của người Việt định cư tại một nơi nào đó. Như tôi đã có dịp nhận xét về một cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Hoàng mà tôi nghĩ một người Việt sống ở một quốc gia khác, kể cả một tiểu bang khác trên đất Mỹ, cũng cần được giải thích về một số điểm.

TẠ TỴ *(Garden Grove)*

Câu hỏi đặt ra, thực nhẹ nhàng. Người được hỏi, có thể trả lời ngắn gọn mà cũng có thể suy luận dông dài với những nguyên cớ chính đáng, vì mỗi người cầm bút đều có lý do riêng, rất riêng rẽ để biện minh rằng: **Vì sao phải viết?**

Trường hợp của tôi thực đặc biệt. Trong các bộ môn Văn Học Nghệ Thuật, tôi yêu Âm Nhạc nhất. Tôi học vĩ cầm cùng thời gian học Mỹ Thuật lúc còn trẻ. Vì yêu vĩ cầm nên mới quen Đỗ Thế Phiệt (một kỳ tài về vĩ cầm). Nhưng sau những năm dài tập luyện, tự cảm thấy không có năng khiếu, nên bỏ ngang, chỉ giữ lại cây đàn làm kỷ niệm. Từ nửa thế kỷ nay, nghề chính của tôi là Hội

Họa chứ không phải Văn Chương. Không biết được Trời thương (hay ghét) mà bộ môn Nghệ Thuật nào tôi cũng thích. Có những bộ môn tôi đi tới cùng như Hội Họa, Văn Chương, Thi Ca, có những bộ môn nửa đường dang dở như Âm Nhạc, Kịch Nghệ!

Sau một thời gian dài vẽ tranh, dần dà tôi nhận ra, tranh không có khả năng nói dùm tôi những gì tôi suy nghĩ vì tiếng nói của Hội Họa mơ hồ quá, trừu tượng quá. Còn người thưởng ngoạn chỉ biết có Đẹp, Xấu, thích hay không, hoàn toàn không tìm thấy những gì ẩn nấp sau hình thể, màu sắc! Vì nhận ra sự thiếu xót đó, tôi nghĩ đến chuyện viết văn hoặc làm thơ. Nhưng khi thực hiện, tôi nhận ra, mỗi bộ môn Văn Học đều có những nhân tố nhất định và những hạn chế thuộc riêng nó. Thơ là thơ, văn là văn, chứ nó không thể thay thế cái nọ qua cái kia được. Tôi làm thơ từ lâu, nhưng không phổ biến qua báo chí. Vì làm thơ, tôi mới có dịp quen Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương thời Tiền Chiến.

Trong cuộc đời có nhiều biến cố, ở ngoài cũng như ở trong tâm hồn tác động vào tâm thức, thôi thúc mình phải dùng ngôn ngữ để nói lên nỗi ẩn ức, nếu không, làm sao giải tỏa, viết cũng là bày tỏ thái độ. Thế là tôi "viết", ngaòi chuyện vẽ và làm thơ. Tôi viết giữa những tiếng bom đạn trong thời Kháng Chiến, khi làm việc với tờ Cứu Quốc Thủ Đô do anh Khuất Duy Tiến đảm nhiệm. Bài viết đầu tiên của tôi được đăng tải trên tờ báo đó và được trả nhuận bút. Thoạt đầu, tôi tưởng chỉ viết cho khuây khỏe tâm sự bị ồn nén bởi cuộc sống, nhưng đến lúc trở về Thành (Hà-Nội) vào tháng 6-1950, gặp nhà văn Ngọc Giao, anh khuyến khích tôi đi hẳn vào con đường "văn nghiệp" như đi vào Hội Họa vậy, vì tôi có đưa cho anh đọc vài bài chưa đăng báo. Đúng vào dịp đó, anh Bùi Xuân Uyên chủ nhiệm Tạp chí Thế Kỷ mời tôi cộng tác. Nhóm Thế Kỷ gồm có các anh: Viên Phong, Triều Đẩu, Trúc Sĩ, nữ sĩ Tương Phố, Thụy An v.v... ngoài ra, còn có hai họa sĩ Bùi Xuân Phái, Phạm Khanh.

Thế là từ đó, một tay cầm bút sơn, một tay cầm bút sắt, vui buồn cùng ngày tháng trong vòng đai Hà Nội. Nhưng tuy vậy, tôi ít viết lắm. Tôi chỉ viết khi nào tâm hồn bị xáo trộn kịch liệt bởi một vị thần linh kỳ bí, nghĩa là tôi muốn đề cập đến một hay nhiều sự việc trong bối cảnh thực tại, do tôi cảm nhận, cần phải trình bày trên giấy trắng, mực đen. Như vậy có nghĩa, tôi viết để giải tỏa những gì làm cho suy nghĩ dầy vò. Có điều chắc chắn, muốn viết gì thì viết, bao giờ tôi cũng để người đọc tự tìm lấy cái "thiện căn" của chính mình, sau khi đọc. Những gì tôi đã viết ra sau 11 tác phẩm dày, mỏng, không bao giờ hàm ý khuyến cáo hoặc có tham vọng cải tạo xã hội bằng văn chương. Những cái đó nếu có, đều ở ngoài tôi!

Từ hơn 40 năm, viết, đối với tôi là cái "nghiệp" đích thực, do đó, tôi viết dù hay, hoặc dở, do sự phán xét của người đọc, tôi đều xin cảm ơn. Nó chính là máu, là xương tủy của tôi kết tụ. Viết cũng như Hội Họa, Thi Ca, cả ba, tôi tự nguyện gánh vác, như một tín đồ ngoan đạo gánh vác niềm Tin của mình đến trọn kiếp.

ĐỖ KH. *(Yorba Linda)*

Khác với làm thơ là một hành động có thể giới hạn được ở phạm vi (một, vài) cá nhân, viết văn là một hành động có tính cách xã hội.

Người ta có thể làm thơ để làm thơ, để ngâm nga một (hai) mình trong bồn tắm, để ngâm nga lúc uống trà nhìn trăng nhưng viết văn, tôi nghĩ, là phải để được đọc.

Chữ in, hình như được phát minh ra để đáp ứng cho nhu cầu này của văn xuôi. Để viết văn, tập vở học trò và giấy pơ luya thôi không đủ. Như ông nào đó nói, nếu cần, có thể dùng dao khắc thơ trên lá (trên thân cây, trên cát, trên tuyết, (trên thịt da rắn chắc hay mượt mà v.v... v.v...) nhưng viết văn, phải có báo có sách, có máy ấn loát, nhà in, cửa tiệm, hệ thống phát hành. Viết văn, phải có người (khác) đọc.

Ở hải ngoại, mươi hai mươi năm về trước, có được điều kiện này. Ngày đó (đã gần hai mươi năm rồi, chóng quá nhỉ?), có những người viết "già" (bốn - năm mươi tuổi) viết cho những người đọc "trẻ" (hai mươi - ba mươi). Suốt trong thời gian này, người ta không ngớt lo ngại rằng ở ngoài nước rồi sẽ không có được một hệ thống cầm bút mới để thay thế. Trái với dự đoán bi quan đó, điều này đã không xảy ra. Gần đây, ai cũng phải công nhận là đang có một đội ngũ đông đảo người viết mới. Những người viết "trẻ" của ngày nay chính là những người "đọc trẻ" của ngày trước. Nhưng điều mà không ai đoán đến, là hôm nay, đội ngũ đông đảo người viết "trẻ" (ba - bốn mươi) tràn đầy sinh khí này, viết chỉ cho một số người đọc ngày càng giới hạn và dĩ nhiên là ngày càng... "già" (năm - sáu mươi, và phải chăng, lại chính là những người viết "già" của ngày trước?). Tóm lại, từ tình trạng dăm người viết tương đối già viết cho mươi người đọc tương đối trẻ giờ đã đến tình trạng mươi người viết tương đối trẻ viết cho dăm người đọc tương đối già. Dăm người, thì cũng chẳng sao. Nhưng từ từ, lỡ còn có bốn, rồi ba, rồi hai... thì thế nào? (cũng đã may là cái gì cũng tương đối cả.)

Nhìn về trong nước, không có gì hồng hào hơn. Lượng sách in hiện nay, một hai ngàn cuốn cho cả bảy chục triệu người tàn nhẫn không kém cho những người viết cựa mình không nổi giữa cán bộ (vẫn còn đó) và con buôn (ngày càng tăng).

Người đọc, giờ này, cần thiết hơn là người viết.

Theo tôi, câu hỏi cần đặt phải là "Tại sao bạn đọc văn?" Nhưng hội thảo về vấn đề này chắc chẳng có ai tham dự.

Vậy thì, "Vâng, tại sao bạn viết văn?"

Cá nhân tôi, chỉ có thể trả lời tại sao tôi không viết (được).■

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

Tập san Thời Sự,
Khoa Học - Văn Nghệ

Tel: (714) 894-9021

GIÃ TỪ QUÁ KHỨ

CHU VIỆT

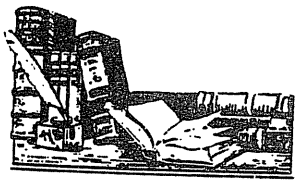

"Tiểu Thuyết Vô Đề", một truyện nói về chiến tranh với tâm cảm "xét lại" của nhà văn Dương Thu Hương, đã gây ra nghịch luận tại hải ngoại kể từ khi được xuất bản. Dư luận khen hay chê là chuyện thường tình. Điều nghịch luận là khen thì khen quá cỡ mà chê thì cũng chê hết lời. Một tác phẩm văn học được dư luận chú ý đến thế là điều đáng kể. Tuy nhiên, sự chú ý này dường như dựa trên xúc động nhiều hơn là lý trí. Phần lớn là những biểu lộ của xác tín, một trạng thái tâm lý đóng băng dựa trên ngộ nhận ở cả hai phía. Chính tác giả cũng đã đổ dầu vào lửa nghịch luận với những lời lẽ đầy xúc động của bản "Tự Bạch" để biện minh và bênh vực điều xác tín của mình.

Ngộ nhận về cuộc chiến tranh Việt Nam thì nhiều nhưng chủ yếu là về bản chất của nó. Mỗi bên đều có nhận thức riêng, và người trong cuộc ai cũng có lý của người đó. Đối với miền Bắc, trước là sự nổi dậy của nhân dân và sau là cuộc xâm lăng của đế quốc Mỹ: "chống Mỹ cứu nước" là nhiệm vụ tất yếu của người dân yêu nước, và Dương Thu Hương đã tham dự cuộc chiến với tâm cảm đó. Đối với miền Nam, đó là sự lấn chiếm của miền Bắc, trước là với những thành phần tập kết, sau là với quân đội chính quy: chống trả cũng là nhiệm vụ tất nhiên của người dân yêu nước mà thôi. Đó là tâm cảm của đa số người Việt sống ở hải ngoại. Một bức tường tâm lý đã được dựng lên sừng sững giữa hai miền kể từ đó. Nguyên nhân: bên nào cũng dành phần chính nghĩa về phía mình.

Với thời gian, dần dà một số người đã tỉnh táo nhận ra bản chất đích thực của cuộc chiến. Đó là một cuộc nồi da sáo thịt được sự yểm trợ của hai phe đối đầu trên thế giới vì có lợi cho chiến lược của họ. Nhìn ở khía cạnh này, nó cũng là một cuộc chiến tranh "ủy quyền" (proxy) giữa phe cộng sản và phe tư bản. Sự xét lại hay phản tỉnh về phía những người cộng sản cũng nhen nhúm từ đó, nhất là khi đối diện với thực tế: những tổn thất nhân mạng quá lớn lao, sự băng hoại cùng cực của xã hội, để đổi lấy một đời sống chẳng lấy gì là tốt đẹp cho những người còn sống. Nỗ lực vượt thoát ngõ bí kinh tế và xã hội qua chính sách "đổi mới" và "mở cửa" của chính quyền cộng sản cũng đã đem lại những cơ hội tham nhũng và chụp giật, khiến cho tiền của đổ dồn vào cả trong tay một thiểu số đảng viên cao cấp. Đa số cán bộ, những người lương thiện hay thiếu cơ may, đều sống lây lất để khi về hưu trở thành những "thiếu tá bán chè, đại tá sửa xe". Từ miền Nam trở về sau chiến thắng, Dương Thu Hương chỉ có "một con búp bê" là chiến lợi phẩm duy nhất làm quà cho con. Cuộc cách mạng mà bà vẫn tin tưởng đã đi đủ một vòng tròn để trở lại điểm khởi hành của nó. Làm sao mà người trí thức có lương tri lại không động lòng chua xót, đau khổ?

Chính nỗi đau khổ này và quyết tâm giã từ một quá khứ vinh quang giả trá mà quá đắt đã thúc đẩy bà viết "Tiểu Thuyết Vô Đề" như đã tâm sự qua lời "Tự Bạch".

Luận đề chính yếu của tác phẩm này là câu hỏi "kết quả có xứng đáng hay không với tất cả sự hy sinh mất mát đó?", chứ không hẳn là "đánh vào huyền thoại" như đã dẫn giải trong lời tựa. Tất cả câu chuyện chỉ là một tiếng thở dài não nuột của tác giả ngậm ngùi cho số phận tội nghiệp của những người lính chiến ở cả đôi bên. Hình tượng nổi bật trong truyện là hình tượng khải hoàn hay cái lý tưởng đã đưa người lính chiến vào chỗ chết. Ý tưởng "giải ảo" là sự suy diễn đến sau, cùng lắm là một hệ luận. Chỉ trong lời "Tự Bạch" — viết như một hậu ý — mới thấy Dương Thu Hương nhìn nhận "*sự thể đã không diễn ra như vậy*". Sự thật là trong khi viết, dù với tâm cảm xét lại, bà vẫn xác tín "*tôi lên đường chống Mỹ theo truyền thống của người Việt*". Thái độ của một người có tinh thần cởi mở như bà mà còn hạ bút viết được về đối phương như những "nô lệ" phục tòng "mẫu quốc Hoa Kỳ" đủ cho thấy bức tường tâm lý khó vượt qua như thế nào. Mặc dù sau đó, với bản năng của một người mẹ, bà đã chìa một bàn tay thông cảm nhưng rụt rè về phía những người thua trận. Chúng ta có thể có đôi điều không đồng ý với bà nhưng không thể nghi ngờ lòng chân thành của bà.

"Tiểu Thuyết Vô Đề" là câu chuyện tự thuật của một đại đội trưởng xung kích thuộc mặt trận B5 (Bình Trị Thiên) trên hành trình dòng dã đã mấy tháng trời từ núi rừng miền Trung về thăm quê vùng đồng bằng miền Bắc rồi lại trở ra căn cứ và kết thúc bằng một cuộc tiến quân xuống đồng bằng miền Nam trong chiến thắng. Diễn tiến của cốt chuyện, thật ra, không quan trọng. Nó chỉ là sợi dây đan kết những mảnh vụn của hiện thực và tâm linh thành một khối thống nhất để gói ghém tâm tư của tác giả. Chính những mảnh vụn đó, những suy tư, trăn trở của người lính có

lương tri đối diện với thực tại, những cảnh đời bi đát của mười năm chiến trận chen lẫn với những giấc mơ huyền ảo của thời hoa niên hay thơ ấu mới là cốt tủy của tác phẩm đặc biệt này.

Nhân vật chính, đại đội trưởng Quân, đã được khắc họa với những nét trung thực của một con người bình thường với tất cả những ưu, nhược điểm của nó. Anh là người chừng mực, giàu tình cảm và khao khát tình cảm. Đời anh là một chuỗi dài những mất mát. Cái chết quá sớm của người mẹ đã khiến anh mất đi một điểm tựa tinh thần cho cuộc đời anh sau này. Anh đã đau đớn vì cái chết uổng phí vì dư thừa của đứa em trai thông minh, giỏi toán. Anh oán hận ông bố, một cựu cán bộ kháng chiến, đã gián tiếp gây ra cái chết của người mẹ và đã nhẫn tâm hay ngu xuẩn xô đẩy em mình vào chỗ chết. Anh vẫn yêu thương người con gái đã vô tình phản bội anh và anh cũng đã hết lòng vì tình bạn. Trong chiến tranh, anh là một người chỉ huy gan dạ có nhiều chiến tích, nhưng với thuộc cấp anh cũng là con người mềm yếu, đôi khi đồng lõa với tội ác để che chở cho họ. Rốt cuộc anh đã mất người yêu. Nhưng mất mát lớn nhất của đời anh là anh đã không còn tin vào cái lý tưởng lúc ban đầu đã khiến anh hăng say nhập ngũ. Sau chiến thắng anh trở về thành con người chán nản, vật vờ, đơn độc, không một niềm tin, không cả hy vọng.

"*Tổ tiê.. .húng ta dũng cảm nhưng không có may mắn được lịch sử lựa chọn và trao gửi một trọng trách như chúng ta bây giờ... Chiến thắng của chúng ta không chỉ là chiến thắng của một dân tộc nhược tiểu với lũ đế quốc mà còn là chiến thắng của hệ tư tưởng Mác-xít...*" Mười năm trước anh đã choáng váng, mê mẩn vì những danh từ này. "*Nhưng rồi năm tháng qua trong bùn và máu, các danh từ ấy bị mài dũa, sờn mòn đi như đôi giày cũ của chú lính già...*" Giờ đây anh đã tỉnh táo: "*Tôi ngán những trò vinh thăng, phong thánh*". Và cảm nghĩ của anh về người sư đoàn phó đã giảng thuyết những lời lẽ cao đẹp ấy: "*Đ.mẹ thằng già, lại bắt đầu lên lớp*". Nhưng anh vẫn bắn giết kẻ thù không nương nay để rồi sau cùng lương tri chỉ gợn cấn, không phải bởi những tù binh "*tóc đen, da vàng, cùng nòi giống và máu huyết*" đã bị lính của anh nhẫn tâm tàn sát, mà vì cái chết tội nghiệp của chú lính thuộc hạ bị đồng đội bắn nhầm. Hình ảnh của một người cán bộ chỉ huy nơi anh khác hẳn với Lương, người bạn đồng hương đã biết "ngậm miệng" để thăng quan tiến chức, lại càng không phải là mẫu người anh hùng điển hình của xã hội chủ nghĩa. Có được bao nhiêu người như anh trong cái đoàn quân ca khúc khải hoàn ấy?

Văn chương của Dương Thu Hương giàu cảm tính và có sức gợi cảm mãnh liệt. Nó dễ dàng đi thẳng vào trái tim của người đọc. Bút pháp của bà linh hoạt, sống động sôi nổi hướng về những thái cực và mâu thuẫn, mộng ảo đối chọi với thực tế, cay độc đối chọi với thơ ngây, căm hận đối chọi với thương cảm, thêu dệt bởi những tình cảm trái ngược và những hình ảnh tương phản, bởi tư tưởng cực đoan công phá và bởi ngôn ngữ bộc trực thậm từ. Nối kết những đối cực đó là những mạch văn hoa mỹ, nhịp nhàng, và uyển chuyển. Cảm xúc gây cho người đọc cũng là những đối cực: hoặc yêu hoặc ghét, không có sự dửng dưng. Đó là một bút pháp có hiệu quả cao.

Điển hình của những thái cực là chân dung một vài nhân vật phụ mà tác giả đã phác họa với những nét cực đoan. Biền, người trai làng lực lưỡng với nhu cầu xác thịt phi thường mà sự dồn nén phải đi tìm giải toả ở chuồng bò. Đồng chí Viễng, nữ cán bộ binh trạm với hàm răng "*vổ đau vổ đớn*", xấu xí đến nỗi con đực cũng không thể tặc lưỡi "*nhắm mắt cho xong*". Người đảng viên cao cấp trên chuyến tàu với những lời lẽ và thái độ cao ngạo quá trớn đến mức thô bỉ. Để cân bằng, ở đầu kia cũng lại có những nhân vật được đẩy lên hàng thánh thiện. Như cô bé thiên thần đã cứu sống anh bộ đội, như bà mẹ chí tôn trong những giấc mơ, như người đàn bà góa xứ Quảng đã xẻ nhà, xẻ cửa, nhường cơm... Sự đối chọi của mâu thuẫn có thể tìm thấy ở những hình ảnh: cái đầu lâu ngậm bầu vú nõn nà của người mẹ, bàn tay con doộc với bàn tay đứa em sơ sinh, những con ong xây dựng biến thành những cỗ quan tài của sự hủy diệt... Tất cả đều có tác dụng gây cảm xúc mạnh như tác giả đã dụng ý.

Có những đoạn văn tuyệt vời cuốn hút người đọc như những cơn lốc xoáy. Nổi bật là đoạn tả Quân bị đàn em nhao nhao thúc ép phải ăn cháo thịt khỉ mà cái bàn tay nhỏ anh vừa nuốt đã gợi lại kỷ niệm êm đềm "*Ngày tôi năm tuổi, có một ngọn đồi xa thẳm...*". Bàn tay khỉ đó giống hệt bàn tay đứa em trai anh mới lọt lòng mẹ khi ấy. "*Tôi lại thấy buồn nôn. Tôi muốn móc cái bàn tay con doộc ra. Tôi rít mạnh hơi thuốc, tự nhủ: - chẳng có gì liên quan, chẳng có gì...Nhưng bàn chân nhỏ xíu của đứa em trai ngày sơ sinh vẫn quẫy đạp trước mắt tôi. Một áng mây trong suốt phập phồng giữa không gian. Tôi rít nốt hơi thuốc rồi ném mẩu chót xuống suối, cổ họng đắng ngắt. Có cái gì đó đã rớt lại phía bên kia...rớt lại phía bên kia đường chân trời...*"

Hay trong lần anh đến thăm Hoa, người yêu đã phản bội anh, trong túp lều cô độc, với tâm trạng giằng xé giữa thương cảm và tuyệt vọng. Kỷ niệm mối tình đầu thời hoa niên vẫn còn hừng hực đâu đây: "*Tim tôi đau nhói. Tôi ghì riết Hoa. Vừa thương vừa thèm muốn. Hoa nói: - Bao giờ... bao giờ mình cưới?... Tiếng cô rời rạc, hổn hển. Tôi xiết chặt hai vai cô: - Phải, mình sẽ cưới...*". Mười năm sau anh trở về, nhưng tất cả đã thay đổi. "*Tất cả, không thể quên đi được, không thể đánh mất, không thể thay đổi. Người ta không thể sửa chữa được quá khứ*". Và thực sự đã hết. Anh ra đi với tâm cảm bất lực, cô đơn. "*Tôi không thể làm gì hết... Tôi bỗng hoang vắng như một nhà ga bị loại bỏ... Tôi quay lưng bước khỏi lều. Cuộc chia tay không lời chào, không lời hẹn. Đêm tối thui. Lũ chó xóm Trại sủa ầm ĩ*".

Xen lẫn với những mạch văn tuyệt bút ấy là những mẩu đối thoại tự nhiên, chân phương mà ấm áp, chứa chất tình người. Như những lời trao đổi giữa Quân và người đàn bà xứ Quảng. Như buổi chuyện trò tâm sự với ông già Biên trong túp lều chăn vịt giữa đồng. Đối lại cũng có những đoạn văn có vẻ gượng ép, những mẩu đối thoại vô vị, những cảnh huống nhiều kịch tính được dựng lên hình như chỉ cốt để chuyển tải

một cái gì đó. Ví dụ như màn hài kịch "gờ-ra-tuýt" của hai diễn viên, người đảng viên cao cấp và người nhà báo, trên chuyến tàu đưa Quân trở về chiến trường; hay đoạn Quân "giận cá chém thớt" mà đùa cợt vô lối với người tù binh miền Nam; hay những trao đổi hình tượng tối nghĩa với bóng ma "*ông tổ bảy đời*". Và cũng còn có những mẩu triết lý vụn, dễ dãi đến mức nông cạn, ví dụ về danh từ, về quyền lực, về lý tưởng quốc gia... Đọc những đoạn này — may thay là rất ít — khó mà tránh khỏi cảm giác sượng sùng như khi phải coi những xen nhạt nhẽo của một phim loại B.

Thụy Khuê đã nói rất đúng trong lời tựa: "Nhà văn chỉ có phận sự ghi lại sự thật, không có phận sự chìu lòng ai". Thật ra, chẳng có mấy người trông đợi tác giả chìu lòng mình. Trái lại cái mà độc giả trông chờ chính là sự thật, cho dù là những "cái xốc" mà bà đã cảnh cáo, "như cái chết thảm khốc của sáu nữ thanh niên xung phong, thái độ sợ sệt quị lụy của tù binh VNCH" hay "hành động dã man của bộ đội Hùng". Cũng không chắc là có nhiều người chau mày khó chịu vì nếu đã là lính chiến thực sự thì phải ý thức được đó là điều có thể xảy ra ở cả hai phía. Tính chất phi-quy-ước của chiến tranh Việt Nam dường như đã đồng lõa để thả lỏng những thú tính man rợ nhất nơi một số người vốn đã là bất hảo để rồi, trong những hoàn cảnh cùng cực của sự chém giết, vì say máu hay sợ hãi, biến họ trong chốc lát trở thành dã thú. May mắn thay, tội ác cũng chỉ là hành vi không thể kiểm soát của một thiểu số nhỏ nhoi, bên này hay bên kia cũng vậy.

Vấn đề là mức độ khả tín của sự thật lồng trong khuôn khổ của một sáng tác hư cấu. Nếu tác giả không khéo, độ khả tín sẽ xuống thấp, và sự thật sẽ có vẻ hư cấu. Vú đàn bà bị xẻo, cái đó có thể tin được. Nhưng còn cửa mình? Làm sao mà xẻo được cửa mình của đàn bà để ném ra "*vung vãi khắp đám cỏ*"? Xẻo bằng gì, bằng Scapel của người y sĩ giẫu phẫu hay bằng dao găm, lưỡi lê của người lính chiến? Dương Thu Hương cũng đã đặt vào miệng người tù binh những lời như "*bẩm ông*" hay "*ngài trung tá*". Đó là ngôn từ thập niên 70 của người thanh niên 18 tuổi quê quán Gia Định, Saigon sao? Hay chỉ là sự nhái lại tiếng "Bắc Kỳ cổ" của thời "Số Đỏ"? Người đọc soi mói cũng có thể hồ nghi sự việc một đảng viên cao cấp, trước thời "mở cửa" cả thập niên, lại dám ngạo nghễ và công khai phỉ báng thánh tổ Các Mác như vậy. Thật ra đó chỉ là những chi tiết nhỏ không quan trọng, nhưng vì khó tin nên làm ta chau mày phì cười. Chỉ là những lỗi nhỏ, nhưng một con sâu cũng có khi làm rầu cả nồi canh.

Giá trị cụ thể của "Tiểu Thuyết Vô Đề" là gây được sự ý thức sâu đậm về bức tường tâm lý đã chia rẽ và còn đang chia rẽ dân tộc. Ở hai cực điểm là một phía những người lãnh đạo đảng cộng sản và quân đội nhân dân, và phía kia những người vẫn còn ôm hận thù bại trận chưa trả. Họ là những người vì lý do này nọ chưa giã từ được quá khứ. Đối với những người cộng sản, nhìn nhận sự giả trá của quá khứ có nghĩa nhìn nhận mình là kẻ có tội với nhân dân. Làm sao "người anh cả" Võ Nguyên Giáp có thể chối bỏ được sự nghiệp vinh quang của mình mà tỏ ra hối tiếc dù biết rằng vinh quang đó đã xây dựng bởi quá nhiều xương máu vô tội, bởi sự lừa dối? Đối với những người còn hận thù ở phía bại trận, quá khứ bây giờ là tất cả. Quá khứ đó có huy hoàng hay không lại là chuyện khác. Nhìn qua lăng kính kỷ niệm, quá khứ bao giờ cũng muôn phần đẹp đẽ. Đa số chỉ nhớ những chiến thắng oai hùng mà quên hẳn những lầm lỗi, những bê bối, những thối nát đã phần nào là nguyên nhân gây ra thất trận. Người lính VNCH cũng dũng cảm, cũng chiến đấu giỏi không kém gì đối thủ. Nhưng nói chung, họ là những người lính tốt bị chỉ huy bởi những người lãnh đạo tồi. Dứt bỏ được quá khứ đó là điều hiện nay chỉ có một số ít người cam đảm, có lương tri mới có thể làm được, ở cả hai phía.

Dương Thu Hương là một trong số những người can đảm ấy. Bà đã chìa ra một bàn tay thông cảm, nhưng chỉ là một bàn tay rụt rè, đơn độc. Sự thiếu vắng của bàn tay chính thức ở phía bên kia cũng là biểu hiện của ngộ nhận về chính nghĩa của cuộc chiến tranh mà họ độc quyền nắm giữ. Dưới con mắt tâm lý của họ, những người bại trận vẫn là những kẻ có tội đáng trừng phạt. Chúng ta, người Việt hải ngoại, không phải là đối thủ hay đối tượng chính của họ, vai trò chúng ta chỉ là vai trò phụ thuộc, không đáng kể. Người xăng xái trở về với thiện chí xây dựng được khen ngợi là "biết quay về với chính nghĩa". Vài cuộc tiếp xúc thăm dò với dăm ba chuyên viên ở đây chỉ có tính cách không chính thức. Ngay trong giới văn nghệ sĩ, những người tưởng rằng có tinh thần phóng khoáng và tiến bộ nhất, tâm lý "kẻ cả" vẫn ngự trị. Nhà thơ Phạm Tiến Duật, một cán bộ văn nghệ cao cấp, khi viếng thăm Mỹ "*muốn bắt đầu lại bằng sự thân thiện*" không phải với người Việt hải ngoại mà "*...với Mỹ*". Ông coi cuộc nội chiến trước đây chỉ là "*một trục trặc trong bộ máy kỹ thuật*". Nhạc sĩ Phạm Duy, người nhạc sĩ lớn nhất của chúng ta, chỉ được xem là "nhà văn hóa" và vẫn tiếp tục là một persona non grata, đến nỗi ông phải kêu lên thống thiết: "Biết làm sao bây giờ? Hở Trời? Hở Đất? Hở người Việt Nam?". Trời đất có lẽ đã thấu lòng ông, nhưng "người Việt Nam" thì chưa chắc đâu. Có lẽ chỉ có những thế hệ sau mới vượt qua được chướng ngại tâm lý ghê gớm này chăng? Còn như bây giờ, thiện chí từ phía hải ngoại, nếu có đưa ra, chỉ là thiện chí một chiều, một tiếng kêu vô vọng giữa sa mạc.

Cân nhắc cho công bằng, "Tiểu Thuyết Vô Đề" là một tác phẩm văn học có giá trị, khơi gợi được ý thức thông cảm của người đọc về một số vấn đề nhức nhối mà ảnh hưởng tâm lý vẫn còn đó. Vì vậy nó có tác dụng xoa dịu, làm cho vết thương đỡ đau khi chưa được hàn gắn. Nó cũng là những nhát búa tạ đầu tiên đập vào bức tường ngăn cách tâm lý của dân tộc. Đó là tác phẩm đáng đọc của những người cựu quân nhân, nhất là ở phía bên kia, vì trong đó họ có thể nhận diện được chính mình và biết đâu, sẽ chẳng hả lòng hả dạ vì đã có người dám nói ra thay mình? Điều thắc mắc lớn lao là không biết đã có bao nhiêu người trong nước có cơ may được đọc tác phẩm có ý nghĩa này? ■

"TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI"

NGUYỄN NGUYÊN THANH

Một lần nói chuyện với "người thơ" Đỗ Quý Toàn, tôi nửa đùa nửa thật: "*Đọc Văn anh thích và thơ hơn Thơ anh*". Với vẻ bình thản của nhà tu hành trên gương mặt một nhà giáo (tác giả đang là giáo sư Đại học ở Canada), anh trả lời thật nhẹ nhõm và tinh tế: "*Mỗi người có một cái cảm nhận thơ riêng*". Chẳng giận, anh còn tặng thêm một tập Tiệp ký: "**Tìm thơ trong tiếng nói**".

Từ bức tranh tinh tế của Đinh Cường đến tên tác phẩm, tác giả và nhà xuất bản, là một tổng thể hài hòa, trang nhã và rất thơ. Chỉ riêng điều đó thôi, tôi dám chắc các bìa sách loại này trong nước khó sánh kịp (cầm những cuốn sách văn nghệ trong nước, đa số về hình thức làm cho người đọc có mỹ cảm phải tủi hổ thay cho văn chương).

Điều cần ghi nhận tiếp theo của tập sách là cách viết của tác giả: "ghi chép nhanh trong lúc rảnh, không có mục đích nghiên cứu theo lối giáo khoa", khiến người đọc như lạc vào một khu rừng rất riêng nhiều hoa thơm cỏ lạ và cũng rất ít gai góc... Vốn là một tập hợp của các bài đã đăng riêng lẻ trên các tạp chí: Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Thời Tập, Văn Lang, Ngày Nay, Bách Việt, Nắng Mới... tôi có cảm giác hình như Tìm Thơ Trong Tiếng Nói thiếu một chút sự hòa hợp hữu cơ dễ làm người đọc nhàm chán do sự lặp lại rất vô tình ở đâu đó, trong khi từng bài một tách ra, đọc ở từng số báo thì khá lý thú.

Mặc dù đụng đến vấn đề từ ngàn đời nay người xưa đã nói đi, cân lại, câu chữ như rừng như biển rồi mà Đỗ Quý Toàn vẫn chọn được một lối đi riêng. Bởi vì như anh viết: "*Thơ cũng giống như hạnh phúc, nói khó lắm, nhưng không nói thì trong lòng nó vẫn tấm tức làm sao ấy*" (tr. 13). Tác giả đã thành công khi so sánh với các loại ngôn ngữ trên trái đất để phát hiện và tụng ca cái thần diệu của ngôn ngữ mẹ đẻ, cái nôi của thi ca: "*mỗi lớp học đánh vần ngày xưa là những ban hợp tấu 'Bài ca hạnh phúc'*". Trước những lời hay ý đẹp của tiền nhân về thơ, mà tác giả dẫn ra từ Thánh Thán, Paul Valery, đến Lê Quý Đôn, Bùi Giáng và rất hóm như Nguyễn Tuân: "*Định nghĩa về chất thơ cũng khó như định nghĩa cho chất uy-mua-humour*", tác giả

NGUYỄN VĂN CƯỜNG (Na Uy)

CHƯA TRỞ MÙA BÔNG TRẮNG

Anh vẫn mang bên lòng từng nỗi nhớ
Thủa chúng mình hôn lỡ một lần hôn
Nửa má em giấu trong chùm mận đỏ
Nửa em đồn vào chùm lá xanh um
Chỉ có môi em thơm mùi trái chín
Anh bắt mùi tưởng cắn trái trên cành
Nhâm vị ngọt anh lạc từng nhịp thở
Nghe râng râng như gió động lá cành
Anh không nhìn cũng đã thấy màu xanh
Khi hoa mận chưa trở mùa bông trắng.

TRĂNG VÀO HỒN EM

Nhớ hôm tôi hôn tóc nàng
Bỗng dưng có chiếc lá vàng cũng hôn
Ngỡ ngàng tôi rút cái hôn
Vô tình nghe một mảnh hồn vụt bay
Một hôm tôi biết tôi say
Bởi men vườn tỏa hương đầy vành trăng
Đêm chơi vơi giữa cung hằng
Nghe mưa xuân vỡ vành trăng thể nào?
Kể từ hôm ấy dạt dào
Mưa xuân vỡ mảnh trăng vào hồn em
Cũng đêm anh vén bức rèm
Một vành trăng nhỏ thòm thèm chực say!

không bị ngợp mà còn ung dung bình luận tiếp: "*Mà humour (umặc) thì Lâm Ngữ Đường thấy nó cũng giống như là gãi lưng. Mình không biết đích xác ngứa ở chỗ nào, gãi nhè nhẹ chỗ nào cũng thấy thú thú, gãi tới đâu sướng tới đó.*" (tr. 16) Từ đó, Đỗ Quý Toàn đã đưa ra một "*Tạm đề nghị*" khá "liều lĩnh" về Thơ. Anh viết: "*thơ là những câu nói làm cho chúng ta rung động, nghĩa là chúng ta thấy nổi lên những tình tự mà nếu bỏ lời nói đi chỉ còn giữ ý tưởng trong đó, tình tự không nổi lên mạnh mẽ như vậy.*" Theo tôi, điều này chỉ thật đúng với cái gọi là chất thơ trong văn xuôi. Còn với một bài thơ đúng nghĩa là thơ thì chưa đủ. Nếu cứ lý luận như vậy về bốn câu lục bát:

"Vui chân đến quán Chiêu Hiền
Phở ngon lại có chuối chiên đậm đà
Tình quê phảng phất hương trà
Ngước lên lại thấy nụ hoa mỉm cười,"

rồi coi đấy là bài thơ hay chỉ vì nó đã làm cho chị chủ quán có những rung động "phiêu phiêu" như một nhân vật khi đọc thư người tình trong tiểu thuyết Nhất Linh thì không ổn.

Tìm khuôn mẫu cho thơ quả thật khó khăn, nhưng ít nhất mỗi một dân tộc và thời đại đều có những tiêu chuẩn hóa nhất định về thơ. Nếu không, làm sao có thể lý giải được là có những bài thơ được đông đảo người làm thơ lẫn công chúng yêu thích. Một "bài thơ" mà chỉ có tác giả hay một người yêu thích thì chưa hẳn đã là thơ.

Người Việt Nam rất yêu thơ thích làm thơ, nhưng do trình độ văn hóa của đa số còn thấp, lại không ý thức được mức độ "tài năng" của mình nên nhiều người vẫn tự coi mình là thi sĩ lớn với những bài thơ như vè thuở dân ta còn thiếu chữ, và văn học dân gian với hình thức chính là truyền miệng chiếm ưu thế. Đặc biệt là các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam! (Nhiều lớp học trò dưới mái trường XHCN ở Việt Nam đã có cảm tưởng bị tra tấn trong giờ học thơ văn Hồ Chí Minh).

Tôi cũng không hoàn toàn đồng ý với tác giả khi cho rằng "*nếu chúng ta khó tính, bảo rằng mấy vần thơ học trò, mấy bài thơ các bô lão (...) không phải là thơ, tức là chúng ta phủ nhận luôn cả một đặc tính của người Việt, một dân tộc thi sĩ.*" (tr. 23) Tôi cho rằng quan điểm đó quá dễ dãi, đã xóa nhòa ranh giới giữa văn học thành văn (còn gọi là văn học bác học) và văn học truyền miệng (văn học dân gian). Bởi vì trong muôn vàn những câu nói có vần điệu ấy, có bài thực sự là thơ, có bài chỉ là vè nhưng lại là một nguyên liệu quý báu cho thơ. Không thể đồng nhất cái nôi thi ca với bản thân thi ca được. Nếu chúng ta không "khó tính", gạn đục khơi trong thì làm sao có nền thơ hay, có thi nhân cho dân tộc?

Cái độc đáo của "*Tìm thơ trong tiếng nói*" bắt đầu từ ngay tên gọi của tập sách. Đó là sự phát hiện của "*tiếng nói thơ*" trong ngôn ngữ Việt Nam cũng như lối nói đầy chất thơ của người Việt: "*Mình không bằng lòng với lối nói tầm thường nhạt nhẽo. Mình muốn đánh dấu mỗi cảm xúc, nhấn mạnh mỗi ý tưởng bằng những lời nói đẹp. Mình muốn tự mình tạo ra những lối nói đẹp đẽ. Chẳng dễ thương lắm sao.*" Đó cũng là lý do cắt nghĩa tại sao dân tộc mình lại yêu thơ và thích làm thơ đến thế.

Với cách viết giàu thi hứng và nhiều phát hiện như thế, tác giả đã bàn một cách hấp dẫn, dễ thương về những chữ "*Yêu,*" "*Tiếng nói thường ngày,*" "*Tiếng — nói — thông — tin,*" "*Làm thơ,*" "*Viết thơ,*" "*Gọi tên*" v.v... Những người yêu thơ, chí ít cũng nên đọc một lần "*Tìm thơ trong tiếng nói,*" nhưng nhớ hãy đọc thong thả để gặm nhấm từng hương vị rất riêng của mỗi bài. Cũng trong tập sách này, tác giả đã vượt lên mọi ranh giới, không phân biệt tác giả trong hay ngoài nước, Nam kỳ - Bắc kỳ, miễn là những tác phẩm của họ có tính nghệ thuật. Đó cũng là một thái độ đáng trân trọng của kẻ sĩ — sự lương thiện trí thức.

Lý luận về thơ đã khó, bình về bản thân của lý luận thơ càng không dễ dàng gì. Nhưng cố gắng tìm được một lối cảm chung trong muôn vàn cách hiểu và thưởng thức thơ, thiết nghĩ cũng là việc thiết thực nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong chiều hướng đó, "*Tìm thơ trong tiếng nói*" là một cuốn sách quý, mà mỗi trang viết đều bàng bạc chất thơ...■

Berlin 4-93

(*) Tiệp ký của Đỗ Quý Toàn, Thanh Văn xuất bản — California — USA, 1992

YOGA

cuả Trần văn Kha, tái bản lần 5
Đã Phát Hành

Một công trình nghiên cứu trên 40 năm của tác giả.

1) Làm thế nào để:
a) Giữ cho da mịn và trẻ đẹp
b) Chống lại bệnh đau tim, và ngất xỉu (stroke)
c) Phục hồi, nếu đã bị bệnh.

2) Những điều cần biết về :
a) Áp huyết cao
b) Tiểu đường
c) Sinh Tố và Khoáng Chất
d) Các cách thở, để sống khỏe, và sống lâu.

HÚY NHẬT

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Lữ thức giấc. Tiếng đập liên hồi từ một thanh sắt luôn gõ vào thùng thiếc của chiếc xe đi lấy rác ì ạch chạy ngoài đường đã dựng đầu Lữ dậy? Hay đứa nhỏ khát sữa nhà hàng xóm mãi gào thét bên bức tường ngăn mong manh? Lữ ngồi bần thần trên giường một hồi lâu, qua tấm màn mờ tối của cái mùng nhà binh, Lữ thấy mẹ đang chãi tóc thầm lặng trước gương. Bà bối nó thành một cục sau đầu rồi đi xuống bếp dúi những cây củi đỏ lửa xuống đống tro than. Điều đó có nghĩa là một bình nước trà sẽ được uống trong vài ba phút nữa. Hình ảnh thật quen thuộc, lập đi lập lại trong yên lặng. Như có trong một giấc mơ. Hoặc ngồi nhìn ngắm như thế này, Lữ có cảm tưởng mẹ anh là một bóng ma. Và cái bóng ma đi lướt thướt nhẹ nhàng ấy sẽ ra sao khi mai này Lữ không còn ở đây, như phút giây này ngồi ngó sững sờ, để cho nỗi buồn quen mặt lại hiện ra, chẳng giải thích, không lối thoát.

Tiếng khóc của đứa nhỏ đã lịm tắt. Nhiều lần Lữ nghĩ một ngày kia nó sẽ phải chết đi bởi chính tiếng khóc nghẹn ngào của nó hoặc không thì má nó đã dùng một phương pháp "giáo dục" khắc nghiệt nhất để mai sau là một cậu bé con có tim phổi thật lớn, cóc có sợ đứa nào. Nhiều lần Lữ ưa dùng một vật gì đó để ném lên tường nhưng kịp dằn lại được, anh sống trong một thời đại mà đi đâu người ta cũng giáo huấn câu làm chủ tập thể, mình vì mọi người và Lữ nghĩ cái hành động đó thật không cần thiết, chẳng đi tới đâu. Hãy tôn trọng tiếng khóc đau thương ấy, biết đâu nhờ nó, cái đồng hồ báo thức kia đã kéo Lữ ra khỏi những giấc mơ đa phần ác mộng.

Lữ vén mùng chui ra, uể oải như một con ma cà rồng đang khát máu vừa đẩy được cái nắp ván thiên. Anh không biết đã mấy giờ, trời nắng hay đổ mưa ở bên ngoài thì cũng mặc xác chúng nó. Lữ đến rửa mặt bên cái bồn tráng men tanh tưởi cả mùi rong rêu, trước mắt có treo tấm gương, nó hiện hữu ở đó đã rất lâu và tháng năm đã khiến cho nó từ chối cái bổn phận làm công việc phản chiếu. Cũng là một điều hay đối với Lữ, anh ngước nhìn và anh không thích thấy rõ mặt mình in trong đó. Nó loang lổ chợt vẹt, nó bị ám khói và nó hứng rỗ mặt những bọt kem đánh răng từ miệng bắn tới chất chồng từng ngày. Xong việc vệ sinh, Lữ thay quần áo rồi đến bên chiếc xe đạp đưa tay nắn bóp thử hai cái bánh xe. Anh ngồi xuống trên một chiếc ghế đẩu, nhìn con chuột ung dung đi từ bếp cho tới cái hang ổ đen đúa của lỗ thoát nước xuống đường mương bên ngoài. Mẹ anh đã xong xuôi những việc lặt vặt của đầu ngày, bà mang vào vai cái xách ny lông rồi ra mở cửa. Lữ dắt chiếc xe đạp ra khỏi nhà, anh nheo mắt giây lâu mới làm quen được với ánh sáng gắt gao đang có. Một lát nữa anh sẽ nhận được ít đồng quà sáng khi thả mẹ anh xuống trước cổng chợ hầu như lúc nào cũng xô bồ, cũng ồn ào cảnh tranh sống, không ngưng nghỉ những kẻ chen người lấn. Mẹ anh đã già và bà không hề thắc mắc tại sao mỗi buổi bà lại mang cái thân thể gầy yếu kia giao cho cái "guồng máy" hung hãn đó cuốn trôi đi mất tăm hơi. Thị tại môn tiền náo. Và Lữ loay hoay trong bất lực chẳng biết nghĩ ra câu thứ hai để nói lên cảnh sống mới, tình huống mới, con người mới. Những cái mới khó hiểu, mới đau lòng.

Hai mẹ con chia tay nhau. Không ai nói với ai tiếng nào cả. Quen thuộc quá hoặc mỏi mệt quá. Không lý bữa nào cũng lập lại: Sáu giờ nhớ tới đón tao. Điều này cũng là điểm khác lạ để còn phân biệt với cảnh những ông chạy xe thồ ưa ỉ ôi kèo nài, còn mấy mụ khách thì lật đật nhảy xuống xe, dứt khoát với số tiền đã đưa để ngoe nguẩy bỏ đi.

Lữ đã tốt nghiệp Đại học sư phạm hè vừa qua, anh có giấy bổ nhiệm làm giáo viên cấp hai ở ngoài Quảng Trị. Lương ghi trong giấy quyết định là năm mươi hai đồng một tháng. "Mày ra ngoài cạp đất ăn có đủ không? Ưa làm thầy giáo oai nghiêm lắm hả? Cứ ở đây tao nuôi. Lỡ dì Sáu ở trong đó có động tĩnh gì, mầy bỏ đi tao biết đường nào mà lần?" Lữ không có ý kiến nào cả. Anh gầm đầu xuống và anh lười suy nghĩ. Cái viễn ảnh làm một thằng thầy đứng trên bục mặt chai lì ra trong khi mồm miệng cứ lải nhải những điều trái khuấy làm anh sợ hãi. Và đằng khác một đứa đàn ông lưng dài vai rộng tối ngày nhàn cư đạp xe đi giữa một thành phố mộng du cũng là điểm ngược đời để làm ngứa mắt kẻ khác. Dì Sáu ở Saigon đang âm mưu vượt biển. "Cứ bình chân như vại ở ngoài đó, có nhúc nhích chút gì là tao hú ngay". Saigon, Huế là một khoảng cách không mấy gần. Cả tháng nay, tiếng hú ấy chưa kịp gửi về những vọng động và chính cái nguồi tin mãi đợi chờ thành sự thật kia đã biến Lữ thành một kẻ dật dờ. Dì Sáu như một cái phao chìm nổi lên xuống trong những giấc ngủ đầy sóng lớn trôi dạt ở đầu Lữ. Thức dậy xỏ chân vào đôi dép và Lữ đã thật sự có những bước đi của người say sóng, choáng váng với tháng ngày trì trệ tuần hoàn vơi đi. Anh thấy khổ sở, chẳng biết nên tin vào một điều gì để sống chờ.

Có lần, Lữ đã bỏ nguyên ngày đạp xe lên tận một ngọn núi trọc nằm ở ngoại ô thành phố. Anh mang theo một bó hương, khó khăn lắm mới đọc thấy tên NVX viết trên cái mộ bia đang bị cỏ dại chôn sâu. Lữ làm sạch mọi thứ cho căn nhà hắn trông khang trang đôi chút. Bao ny lông, giấy vụn, rác rưởi và một hai bãi phân bò đã đóng bánh. Hốt vất đi, Lữ đốt cháy bó hương và anh cầu xin đứa bạn đang nằm dưới kia những điều mà chính anh cũng tự ngờ vực.

Ừ, xin hãy giúp tao thoát khỏi đời sống này, sống chết là chuyện hậu tính, cho tao được nhìn thấy trùng khơi, cho tao làm một đứa tị nạn. Mày nhớ Hương chớ? Nghe đồn cô ta đã bị chìm tàu ở một chuyến vượt biển liều lĩnh và bất hạnh. Điều này cũng có thể tin được lắm, mẹ tao bảo dạo này ngoài chợ muốn mua một con cá lớn lớn cũng chẳng phải là chuyện dễ. Ở khu phố tao ở, một người bà con từ quê lên phụ việc cho cái gia đình nọ một hôm đi chợ về liền cuốn gói bỏ trốn đâu mất tiêu. Cô ta làm cá và phát hiện trong bụng nó có một chiếc nhẫn hai chỉ. Chuyện giản dị có thế thôi nhưng chẳng hiểu sao người ta đồn ùm lên. Thiên hạ không ghê tởm lợm giọng nó, ngược lại cái thứ sinh vật biết bơi và biết ăn thịt người kia bỗng chốc mắc mỏ như vàng. Hương đã chết, như vậy mày và tao đứng ở đây thấy lạc lõng, thừa thãi với ý nghĩ của một đứa sống thật vô tích sự.

NVX, bạn thân nhất của Lữ. Hương một thuở là tình nhân. Anh rụt rè ít nói thời còn đi học nên không có lắm bạn bè. Anh quê mùa và lạc hậu so với cái tuổi trẻ đầy sốc nổi nhiệt náo của những đứa đồng trang lứa. NVX chẳng biết làm gì để bị nghi ngờ là việt cộng nằm vùng, cảnh sát bắt nó về bót tra khảo đúng tháng trời. Khi thả về, nó câm lặng xuống tóc đi vào Đồng Đế; mấy tháng sau "diện" đồ lính về thăm lại đồn bót cũ và tấn cái ông nội chuyên đánh đập người thất thế. Oán thù nên buộc không nên cởi. Người bạn dân nọ quỳ dưới đất lạy nó với một khuôn mặt đầy máu. Đúng năm sau, NVX chết trận Khe Sanh. Xương thịt đựng vừa đủ trong cái nón sắt, tựa cái bào thai quái đản nằm trong bụng mẹ đã sáu bảy tháng. Mẹ Lữ moi bọc áo đưa năm ngàn biếu tới nhà thắp cho X một nén hương, đập đầu lạy X ba cái. Bà dạy cho Lữ biết cách thức cung kính đối với kẻ chết, dặn phải học thuộc lòng để mai sau hữu sự còn biết mà dùng tới. Mạ của X thì khóc gần mù đôi mắt trời cho. Bà ăn chay niệm Phật ròng rã hơn nửa đời người vẫn sinh thằng con chết thảm. Bà níu người Lữ: Tại sao vậy con? Tại sao? Lữ ôm lấy cái thân thể đang muốn ngã quỵ kia và anh cũng chẳng hiểu gì hơn bà. Chiến tranh, nó đứng sừng sững ra đó và những kẻ hiểu nó là những kẻ đã tắt tiếng nói. Giờ này thì tới lượt Hương. Chiến tranh đã hết nhưng nó đẻ ra thật nhiều cái khó hiểu hơn. Nhiều kẻ khiếm diện, nhiều người tắt tiếng nói và mọi thứ thảy đều tan hoang ra mà chẳng cần sử dụng tới súng đạn.

Lữ đạp xe rời khỏi chợ. Anh đi qua cầu. Mây trời đứng sững và dòng sông bên dưới lặng yên, thấy rõ những cụm rong không buồn trôi trên màu nước đục. Một vài địa chỉ của mấy quán cà phê hiện lướt trong đầu Lữ, nhưng thôi, nên tìm tới một địa điểm mới. Lữ chẳng có kinh nghiệm gì nhiều, tuy vậy cứ ngồi mãi ở những quán quen thuộc là điều cần tránh. Khi đã mỏi chân đạp, Lữ phát hiện là mình đã cho xe đi lên tuốt nhà ga. Anh tìm cái quán vắng, xa hẳn đám người lam lũ nằm ngồi hỗn độn trước quầy bán vé rồi dắt xe vào dựa sát bàn. Lữ gọi cà phê đen, mua một ổ bánh mì thịt từ chiếc xe đẩy tàn tật đứng chênh vênh trên bờ lề sứt mẻ xi măng. Cả hai thứ đều nhanh lẹ mang tới liền khi như sợ khách sẽ đổi ý. Cốc cà phê chua và khúc bánh mì cứng. Chẳng có gì phải phàn nàn. Ở nhà và miếng cơm nhai nhằm viên sỏi đến mẻ răng cũng vui vẻ kín đáo nhổ nó ra không cho mẹ mình bắt gặp. Trước khi vất đi, mở hé bàn tay nhìn vào xem thử đó có phải là hạt kim cương không. Cái khâu hai chỉ nằm trong bụng cá đã nuôi dưỡng phồn thịnh những giấc mơ, cấy nó vào trong đầu của mỗi người. Con người sao mà tham lam đến quá quắt? Đã ăn được những hạt châu ngọc của trời rồi mà còn đòi hỏi thêm những châu báu rơi rớt hiếm hoi khác.

Nhai trệu trạo ổ bánh mì, Lữ vừa theo dõi cảnh sinh hoạt chung quanh. Ở đâu cũng tựa nhau hết, người ta đã thành công trong việc đấu tranh xóa bỏ giai cấp, và có lẽ người ta đang bằng lòng để chứng kiến tất cả thứ sinh vật hai chân đều bần cùng hệt nhau, thế ngồi, cách ăn nói và cả cái động từ đi, đi như chạy để mánh mung khỏi trật vuột, để leo được lên tàu khỏi trễ chuyến và đạp lên thân thể kẻ khác mà sống còn. Nói vậy thôi, ở bên quán nước kia vẫn có đó cái hình ảnh quen thuộc, hai ba tên mặc áo xanh công nhân đường sắt đang ngồi chết cứng quanh bàn cà phê cúi mặt nhìn những giọt đắng đang ứa ra từ phin lọc nhớp nháp. Bọn họ dường như thích thụ hưởng sự trì trệ đó. Đừng hối thúc. Tuổi trẻ bây giờ thật kỳ lạ. Họ phung phí tháng ngày một

HUỲNH LIỄU NGẠN

EM ĐI ĐỂ GIÓ VÔ THƯỜNG BAY QUA

mòn đôi mắt của nhớ thương
em đi để gió vô thường bay qua
mười năm trăng lẻ bên nhà
bên ni mấy độ trăng già trăng non
thương đêm con nước hao mòn
thương em quên cả lối mòn qua sông
đến nay năm tháng mịt mùng
xa xôi chi nẻo cố cùng của nhau
người về chờ suốt đêm thâu
vẫn không thấy giọt mưa ngâu qua thềm
mòn đôi mắt của nỗi niềm
mấy năm cách biệt đã mềm tuổi tôi
và người rồi cũng pha phôi
và trăng nước cũng đơn côi một mình
người đi lẻ bóng xa hình
nhân gian chìm xuống với mình tôi đây
thương đêm một bóng hao gầy
thương tôi lạc mất tháng ngày cố hương

tháng 06 - 93

cách hào phóng. Là những ông già ngồi thu lu trong góc quán, không có gậy, chẳng có râu; tóc đang xanh và là những nhà hiền triết cộc cằn: ĐM. Đời là thế! Có kẻ thực tế hơn: Đâu cần, trung niên có. Đâu khó, không có thanh niên.

Ăn hết bánh mì, Lữ vo tờ giấy bọc ngoài định ném đi. Anh nhìn xuống bàn tay rít rát thấm ướt xì dầu để đọc ra được hàng chữ nhòe mực trên tờ giấy vàng úa. Trải nó ra lại, run tay vuốt thẳng nó trên bàn và Lữ như không tin ở mắt mình. Một cái tên họ quen thuộc hiện ra, lớp học, ngày tháng năm, đề bài: "Anh chị nghĩ gì về hình ảnh những người đàn bà Việt Nam có trong văn chương từ hậu bán thế kỷ 19 đến nay?" Trí nhớ Lữ tìm bới vết tích rất mau, những cánh quạt bắt trên trần quay chậm rãi, tiếng chim sẻ hót bên cửa sổ giảng đường, mái tóc Hương mềm mại đổ xuống ở bờ vai cách hai hàng ghế. Tai Lữ như nghe lại được tiếng ho khẽ của Hương, tiếng ve kêu ở một nơi xa gửi về cùng những hoa phượng đỏ màu đứng soi mình bên dòng sông thơm ngát không gian đầu Hạ.

Còn ít đồng, Lữ chạy tới chiếc xe già nua khập khiễng của người đàn bà bán bánh mì. Lữ ấp úng. "Một ổ bánh mì thịt nữa hả?" "Không. Chị cho xem xấp giấy để gói bánh mì một chút có được không?" Người đàn bà nhìn Lữ như nhìn một thằng công an hiền lành nhất bọn. "Cái gì?" Bà tỏ vẻ hằn học trong câu hỏi. Lữ hoa tay có nắm tờ giấy bạc. "Tôi muốn mua ít tờ giấy gói, đó là kỷ niệm..." Người bán hàng ngần ngại cúi xuống cái ngăn tủ bên dưới. "Còn có bấy nhiêu thôi... Làm gì mà khẩn trương thế chứ? Kỷ niệm? Cái gì là kỷ niệm? Ăn có no không chớ?" Lữ ôm cả chồng giấy để lật giở từng tờ, anh chỉ nhìn vào góc trái để mong tìm ra một vài cái tên thân yêu ngày cũ. "Này, không phải đó là truyền đơn phảnđộng chớ?" NTM Hương. Lòng Lữ bồi hồi. Anh rút tờ giấy ra. Tại sao không còn một ai khác? Và tại sao tình cờ lại là bài của Hương? Lữ đưa trả lại xấp giấy và đặt tờ bạc vào tay người bán bánh mì. "Chỉ là một bài thi của thời còn học sinh, chị hiểu không?" Người đàn bà nhìn Lữ khó hiểu. Mà cũng phải thôi, bà đã không biết thế nào là kỷ niệm. Đã đành nó chẳng thể ăn no được nhưng nó giúp cho người ta nhiều điều. Bà đâu có biết một ông cải tạo viên đang có ý định tự tử đã phải bỏ ý định đó khi đi phát cỏ khai quang tình cờ đọc được bức thư của vợ mình. Một góc nhỏ thì đúng hơn, nó đã biến thành một vật cho cán bộ dùng để chùi đít sau khi đại tiện và người chồng đã hay biết tin tức của vợ mình qua cái mùi phân hôi hám đến lợm giọng. Đừng nói đến chữ khốn nạn mà thừa thãi, hãy nhớ cho rằng đã có trường hợp người ta đọc thư tình vợ gửi trong một hoàn cảnh lạ kỳ nhất thế giới. Biết là vợ còn chung tình, lặn lội ngược xuôi để biết nơi mình đang bị tù tội, người chồng bỏ ngay cách tự mình giải phóng và tiếp tục trường kỳ sống trong địa ngục cách ngăn.

Lữ đọc lui đọc tới những hàng chữ mềm mại Hương viết. Bài làm có điểm cao và cô học sinh xuất sắc ngày cũ đã bị chìm đắm không tăm hơi ở một cuốn chẳng hề có mộ bia. Lữ ôm tờ giấy vở ấy vào lòng, đưa lên mũi hôn hít. Cái mùi giấy cũ nồng mùi ẩm mốc sao mà thơm đến choáng váng?

Nắng đổ xuống dữ dội ở sân ga, nhìn ra hoa cả mắt. Tiếng còi tàu hú lên trước khi băng mình đi xa làm Lữ buồn rầu. Anh thèm được khóc biết bao!

Dì Sáu giống mẹ Lữ ở dáng dấp, giống ở cách hà tiện lời nói và giống ở cái sinh hoạt hàng ngày. Mẹ Lữ lăn lộn suốt buổi ngoài chợ, mua đi bán lại những nhu yếu phẩm còn dì Sáu thì sáng đi tối về ở chợ trời lưu động mánh mung thuốc Tây. Giống thêm cái điểm đáng yêu ở người phụ nữ Việt Nam là trước khi dầm mưa dãi nắng không quên để lại cho ít tiền tiêu vặt và trời nhá nhem thì hiện về cáng đáng thêm cái nghề

nghiệp ghi trong sổ hộ khẩu: Nội trợ.

"Lần này chắc như bắp rồi. Hai ba hôm nữa thôi. Dì không đi được, bởi vậy hai anh em có sang được bên kia thì hãy nhớ thương yêu đoàn kết bảo bọc cho nhau. Thằng Tiến ngó lớn đầu vậy chớ nông nổi cạn xợt lắm, nó chỉ chủ trương ham vui nên Lữ phải thay mặt dì mà khuyên lơn dạy bảo nó dùm."

Tiến ngó lớn đầu thật. Nó chủ trương ham vui thật. Nhưng khuyên lơn dạy bảo nó thì dì đã nghĩ sai. Giữa hai đứa, chưa biết đứa nào đủ tư cách giáo dục cho đứa nào. Tiến nói câu đầu tiên khi gặp mặt Lữ: "Chà, dạo này coi bộ xác xơ dữ hén. Hay là nghe vượt biên nên phải đạo diễn thế cho dễ bề đi đứng?" Buổi tối cơm nước xong, nó xin tiền dì Sáu: "Đi, đi nhìn mặt Saigon lần cuối kẻo mai sau ngàn trùng xa cách." Dì Sáu tán đồng ngay và không quên dặn dò: "Có rảnh tụi bây tạt vô mấy chùa mà thành tâm xin xỏ cho thuận buồm xuôi gió." Tiến đưa cho Lữ mượn bộ đồ: "Người ở Huế vào trông thảm thương quá, không chừng ra đường họ ngỡ là bộ đội thêm xệ cả đám." Đi nhìn mặt thành phố về đêm thôi mà, hoặc bất quá tới trước sân chùa tham quan rồi về. Bày vẽ chi vậy không biết, ban đêm nhà ngói cũng như nhà tranh. Nghĩ vậy chứ Lữ cũng chìu lòng cái tính ham vui của Tiến. Dì Sáu nói cũng phải, cái tướng thằng này mai mốt tụi nó hốt đi nghĩa vụ thì chịu đời chi thấu!

Hai đứa đèo nhau trên chiếc Honda học hặc máy nổ. Xe chạy trên đường Duy Tân, thoáng một cái vòng xuống Hai Bà Trưng, thoắt một cái lộn vào những tên đường đã đổi. Tiến hát thì thầm lời nhạc chế diễu, "từ thành phố này người đã ra đi, đi đâu? Đi đâu?" Cảnh vật lạ lẫm mặt mày, trong bóng tối hai hàng cây sơn trắng thân ngó như dãy xương người đứng sắp hàng đón người vào một nơi chốn bất an.

"Bà già có cho ít nhiều trước khi phiêu lưu chớ?"

"Ừ. Bà cho chiếc nhẫn vàng một hai chỉ gì đó. Hỏi làm chi vậy?"

Tiến cười:

"Đừng khẩn trương. Hỏi thế thôi. Mà ở đây cơm nước đầy đủ thì đâu cần xài tới nó."

"Ừ. Đúng thế. Chỉ bán nó để đánh về nhà một bức điện tín nếu thoát được. Hoặc khi sa cơ thất thế thì vin nhờ vào nó mà lộn ngược về Huế lại."

Tiến không nói gì. Xe vào Phú Nhuận. Quanh co, lối đi mỗi lúc mỗi thu hẹp và có điều gì hơi bất thường, ẩn mặt ở đâu đó.

"Mình đi đâu đây?" Lữ hỏi.

"Trong này có ông thầy bói mù rất nổi tiếng. Ưa nghe ổng đoán dùm tới chuyện tương lai không?"

"Thôi khỏi."

"Đùa đó. Mê tín dị đoan tốn tiền vô ích. Mình vào cái quán bia ôm để xả xui thì hồng phúc đầy mình."

"Bia ôm? Nhớ dùm là trong người tôi..."

"Biết rồi. Chỉ có hai chỉ vàng thôi và tuyệt đối không đụng tới. Nhằm nhò chi ba cái lẻ tẻ, để Tiến này lo cho, từ a tới z."

"Không phải. Trong người tôi đang dùng một tờ giấy phép giả mạo."

"Ối, tưởng gì. Chỗ này an toàn mà, sau lưng có công an đỡ, rậm rật cả ngày."

Hãy vất bỏ cái nếp suy nghĩ ngày xưa đi. Hãy nên sống cho phù hợp với con người mới. Biết Hà Nội bây giờ ra sao không, ăn chơi còn qua mặt cái hòn ngọc viễn đông ngày mỗi lu câm này.

Tiến cất lời chào một ai đó đứng trước sân. Nó tắt máy, biểu Lữ xuống xe rồi dựng chân chống lên. Tiến đốt thắp một điếu: "Đừng ngại, không ưa đi xả xui thì cứ việc uống khan một cốc bia rồi về." Nó quàng vai Lữ như xô đẩy anh vào cái hình chữ nhật dựng đứng mờ tỏ ánh điện vàng. Nhạc hòa tấu, nhạc xanh, nhạc không lời, nhạc lành mạnh ùa tới vây bọc Lữ khi anh đi lọt hẳn người vào khung cửa. Tiến dắt anh vào sâu trên lối đi dễ đụng chạm chân người, đùi cẳng. Những tiếng cười cất lên sau tấm màn ny-lông treo rũ ngăn chia hộp vuông này với một cái hình khối chưa rõ mặt có ở đàng sau. Tiến lại hát: Vui một đêm nay, ngày mai lên đường... Ngồi xuống đây, cho khuất lấp.

Những đứa con gái nườm nượp vô ra ẩn hiện nơi cái màn ny-lông. Một đứa nhanh mắt xẹt tới sát bên người Tiến, ỏng ẹo trong câu hỏi thăm. Tiến gọi bia trong khi Lữ ngồi nhìn dáo dác. Khói thuốc đầy đặc, đèn mờ tối như ở vào một đêm bị cúp điện và người ta phải đốt lên hai ba cây đèn dầu vừa đủ nhìn mặt nhau để khỏi nhầm lẫn ai là dân thường ai là cán bộ. Ở bàn đối diện có người con gái ngồi quây lưng lại, mái tóc dài và chẳng rõ sao khi nhìn thấy rồi thì Lữ không buồn quan sát chi thêm.

"Có lạ đời và vui thú không? Huế làm gì có được cảnh này, đúng không?"

Tiến hỏi, đồng thời tu một hơi bia khá lâu.

"Cái xứ Huế ấy muốn đời bị chèn ép đủ điều thì làm sao mà khá được."

Tiến nói có hơi to. Và giọng điệu kỳ thị địa phương đó có khả năng lôi kéo mái tóc dài kia quay mặt lại. Một con ma hay là hai giọt nước? Lữ choáng váng, trống ngực nổi đình nổi đám. Hương. Không kềm hãm được, Lữ buột miệng gần như thét lên. Anh cố nén tiếng kêu trời ơi. Hương vụt đứng lên, đi như chạy lui sau tấm màn ngăn chia đầy bí mật. Tiến kéo tay Lữ lại. Hương, Hương.

Không biết đã bao lâu? Lữ chẳng biết mỏi mệt và trong anh còn thừa sự kiên nhẫn. Tiến đã "đi xả xui" như quyết tâm ban đầu của nó. Tiến đã không chịu được thái độ "cà chớn" của Lữ, đạp nổ máy chiếc xe và phóng người ra khỏi con hẻm đầy chật cả tiếng động. Nó vất lại cho Lữ gần cả bao thuốc đầy: "Đứng đó mà hút cho thêm phần lãng mạn." "Này, đừng nói gì với dì Sáu nghe, cứ dối gạt là tôi lại thăm người bạn cũ rồi về sau." "Bạn cũ? Hồi nãy trong câu chuyện phòng the, tui có hỏi thăm dùm anh rồi đó. Đúng là người Huế nhưng chẳng phải tên Hương. Cô đi khách lai rai và trình độ học vấn thì không có cao như anh nói đâu. Người giống người nghe dễ tin hơn là một con ma từng tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm hiện hồn về ngồi thu lu trong quán bia ôm." Lữ nắm chặt bao thuốc lá mà không nói gì. Giờ này bao thuốc lỏng lẻo chỉ còn vài điếu. Đêm xuống đầy, xóa đi dần những ồn ào có trước đó. Lữ sẽ chịu đựng được những tai nạn bất ngờ xảy đến với anh để đánh đổi lấy một sự thật: Hương còn sống, chính mắt anh nhìn thấy

chứ không phải tai nghe những tin đồn nhảm nhí chẳng rõ do ai dựng đứng lên.

Sau cùng thì người con gái có mái tóc dài xuất hiện. Cô ta cúi đầu đi khi ngang qua những vũng đèn sáng và có khi nhìn ngược xuôi như muốn tìm kiếm một chiếc xe ôm. Lữ hối hận là anh đã không mượn đỡ chiếc xe gắn máy của Tiến. Lữ ném điếu thuốc xuống đất và từ một bậc cấp trước căn nhà cửa đóng anh đứng lên bước lại gần kẻ đang đi ngược chiều kia.

"Hương. Nhận ra mình không? Lữ đây. Hãy để cho mình nói với Hương một vài lời."

Khoảng cách thu ngắn, gần gũi đến độ ngửi thấy mùi bia nồng toát ra từ miệng Hương và không chừng Hương sẽ nghe ra tiếng tim đập trong lồng ngực Lữ.

"Đừng tránh mặt. Ở Huế người ta đồn Hương bị đắm tàu. Mình đã từng buồn biết bao khi nghĩ là Hương đã chết. Mai này mình cũng vượt biển và mình muốn mang cái hình ảnh của Hương đêm nay sang tới bên kia bờ tự do."

Không có gì buộc Lữ phải kín miệng đề phòng. Anh nghĩ thành thật thì bao giờ cũng là đức tánh tốt. Và khi muốn người khác đối xử với mình tương xứng thì hãy nên cho đối tượng hiểu rõ lòng mình. Nhất là người đó lại là Hương đã bặt vô âm tín một thời. Hương của bài thi đạt điểm cao. Hương của một đêm khuya Lữ ngồi tưởng niệm và đốt cháy những hàng chữ ca tụng đủ điều về hình ảnh một người phụ nữ Việt có trong văn chương. Ở ngoài đời thì sao hả Hương? Cao cả tới độ văn chương không đủ sức với tới, hay thấp hèn tới độ những trang tiểu thuyết khi đọc tới phải đỏ mặt cho những chị em sẩy chân dưới đáy vực bùn lầy?

"Hương nói đi. Hương còn nhận ra Lữ không?"

"Nhận ra. Có điều chúng ta không nên nhìn thấy nhau trong hoàn cảnh như bây giờ."

"Tại sao Hương không viết về cho mình một lá thư?"

"Để làm gì? Cứ nghĩ là Hương đã chết mà được việc hơn."

"Hương mệt không? Chúng ta đi ra khỏi đây và tìm kiếm một hàng quán để ăn khuya."

"Mệt? Thể xác hay tinh thần? Lữ muốn biết về cái nào?"

"Đừng nói tới điều đó nữa. Tại thấy Hương có vẻ như vừa uống xong nhiều chai bia."

"Sao không đưa tay ra mà dìu Hương đi?"

Lữ khoát tay qua vai Hương.

"Đùa đấy. Đã quen rồi. Hương không mệt. Hãy thể hiện nếp sống văn minh đi."

"Là sao?"

"Cất cánh tay kia lại. Đi nghiêm chỉnh đàng hoàng. Hương thấy khó chịu khi được Lữ ôm trong tay."

Lữ nghe lời và anh đốt lửa điếu thuốc. Hương dành lấy, hút hơi sâu rồi cất giữ đám khói vào lồng ngực.

"Buồn cười không? Ngày xưa ở Huế thích đi bên nhau như thế này thì sợ thiên hạ dị nghị. Bây giờ giải phóng, xé rách được biết bao nhiêu là bể dâu, là hàng rào đố kỵ thì chúng ta đi sóng đôi và ở giữa lại có một hố sâu cách ngăn."

Hương nói cùng với những đám khói mỏng bay ra trên cửa miệng. Lữ nghe, nhìn, và buồn không tả được. Anh ngây dại với tất cả những dấu hỏi. Anh nhớ hình ảnh mạ thằng NVX vật vã: Tại sao? Tại sao?

"Số phận cả. Nếu chiếc tàu đến đúng hẹn, nếu đứa con nít đừng bất chợt khóc thét lên, nếu không có bọn người gọi là du kích, nếu trời đừng sinh ra cái thằng công an trưởng đồn..."

"Thôi, Hương à. Cố quên đi."

"Mà con người cũng thật yếu đuối. Việc gì phải đổ thừa cho số mạng. Đôi khi nghĩ lại, Hương thấy mình giận mình đến tím gan."

"Này Hương. Quán ăn bên kia đường bán những gì vậy? Vào đó ngồi có tiện cho Hương không?"

"Chẳng có gì trở ngại cả. Và nên nhớ là để Hương bao tối nay. Giữa hai đứa coi bộ Hương tư

DUY LAM

TIẾNG HÁT LOÀI CHIM LẠ

Thân tặng Phạm Duy và "Bầy chim bỏ xứ".

Trong những tháng ngày đầy u uất ấy
Tôi đã làm con chim nhỏ kêu thương
Đôi cánh mỏng chẳng thể bay nghìn dặm
Tấm lòng son làm khản tiếng véo von.
Làn mây trắng đọng trong lòng mắt đục
Đất bụi lầy vương quyện gót mỏi mòn.
Tôi cứ hót chuỗi âm thanh văng vẳng
Khẽ nhủ thầm đôi người khách bộ hành
Đang rong ruổi trên đường trường mải miết
Có lúc nào lòng sẽ tự hỏi lòng
Loài chim lạ sao tiếng kêu thảm thiết?
Nhắc nhở ai về kiếp sống mong manh?
U uẩn ấy gợi ai niềm tiếc nuối?
Quê hương ai mờ mịt chỗ chân mây?
Hay chim ấy với người cùng tâm sự
Chết lịm dần trong nỗi nhớ thiết tha
Trong bóng tối đời lưu vong biền biệt
Cỏ mồ ai rung động tiếng sơn ca.

bản hơn Lữ nhiều. Đồng ý không? Hay là nuốt không xuống vì thứ tiền bạc kia."

Lữ đưa tay bịt chặt vào miệng Hương. Anh dựt lại điếu thuốc. Cái đầu lọc dính son môi như một ngón tay bị chảy máu. Lữ nghĩ thầm, nếu chuyến đi bị đổ bể, anh sẽ làm một thằng đứng đường "đi khách" cho mấy con mẹ bộ đội, khi ấy bình đẳng giai cấp rồi Hương sẽ thôi nói tới những chuyện đau lòng kia ra.

Quán vắng người. Họ bán những con ốc, những con mực nướng và độc một cái nồi cháo gà đang tàn lụi tro than. Ngọn đèn vàng có sợi dây điện thòng xuống, đong đưa ở giữa quán. Ngọn đèn ấy làm cho mắt Lữ nhìn rõ khuôn mặt Hương, một khuôn mặt rám nắng và dấu vết hao mòn của một kẻ thiếu ngủ trầm trọng.

Hai người đều gọi cháo. Hương bảo đó là món ăn nhẹ bụng, thích hợp cho những tên lang thang trong đêm, về tới nhà mệt mỏi thì chỉ việc lăn ra ngủ yên ổn cho tới chiều hôm sau.

"Bao giờ thì Lữ đi?"

"Mai. Chậm lắm là mốt."

Hương rót nước trà ra hai ly nhỏ. Cô cầm ly lên môi tỏ vẻ chờ đợi.

"Uống đi, xin may mắn và thành công đến với Lữ."

Nước trà nguội ngắt, vị đắng chát. Lữ nhìn Hương và muốn hôn vào đôi môi đang nhạt phai son đỏ kia. Những chữ tại sao vẫn luôn sắp hàng chạy qua trí óc Lữ. Mỗi người một hoàn cảnh và hoàn cảnh kẻ này bó buộc chặt cứng không thể với tay đụng vào kẻ khác. Tất cả đều là một bọn thất thế, tật nguyền.

"Hương hiện đang ở với ai?"

"Một nhỏ bạn vừa trốn từ vùng kinh tế mới về."

"Xa đây lắm không?"

"Cũng không xa, có điều khá lắc léo, dễ nhầm lẫn nếu muốn vào."

"Ghi cho mình cái địa chỉ ấy đi. Được không?"

"Được. Với một điều kiện. Một lời hứa thì đúng hơn."

"Nói đi."

"Không được đến thăm. Chỉ dùng nó để gửi thư thôi."

"Xin hứa. Nói láo thì vượt biên không thành."

Hương ngoắc một ông già gầy như thanh củi đã chẻ làm tám, biểu lấy giấy viết tới. Lữ đùa:

"Bảo ông ấy có nhận bọc nhựa cái địa chỉ này thì làm luôn thể, tiền bạc tính sau."

Hương gấp tờ giấy lại. Nét chữ vẫn mềm mại như ngày nào. Cô vẽ ở ngoài vuông giấy hình một lá bài Xì Cơ, viết thêm chữ Good Luck bên dưới rồi nhét nó vào bọc áo Lữ. Anh nắm giây lâu bàn tay ấm nóng đó, ấp ủ trước ngực và ý thức mình sẽ đánh rơi một vật gì quý giá, vĩnh viễn mất đi khi lát nữa trên một con đường mà hai kẻ đành đi khác hướng nhau.

Tô cháo nhạt nhẽo, có hơi tanh. Gió ở đâu tràn về làm ngọn đèn đong đưa chao đảo trên đầu hai đứa. Gió lạnh và con đường thưa bóng người làm Lữ mường tượng ra cái đời sống co quắp mà Hương đang gánh chịu. Hương moi ở túi quần chật ra những tờ bạc nhăn nhúm. Lữ cũng thò tay vào lưng quần lần mò khó khăn một hồi.

"Đã nói là để Hương đãi mà. Buổi gặp gỡ này tẻ nhạt và nghèo nàn quá đi thôi!"

Lữ cúi gầm đầu mân mê chiếc nhẫn hộ thân. Mẹ anh cẩn thận quá đáng bằng cách quấn những vòng chỉ đen quanh thân nó hòng che dấu đi sự lộ liễu của thứ sắc màu chói chang của vàng.

"Cái gì vậy?"

"Một món quà. Một vật thể, để khi đeo nó thì Hương sẽ nhớ tới một người."

"Đừng làm thế. Đừng bắt Hương phải khó xử."

"Chẳng hề gì đâu. Mình sắp đi xa, mình sẽ tới một nơi mà giá trị của mấy thứ đồ vật này chẳng có nghĩa lý gì cả.

"Hương biết, nhưng Hương không nhận ở Lữ bất cứ một vật gì hết. Nó sẽ có ý nghĩa như một lòng đoái thương, một biểu lộ của sự thương hại. Lữ hiểu không? Trong thâm tâm, Hương vẫn quý mến Lữ và xem chừng Hương không còn đủ tư thế để giữ hoài hình ảnh đó."

Hương trả tiền hai tô cháo rồi bước ra khỏi quán như một quyết định dứt khoát. Lữ bước theo, anh với tay Hương níu lại để mong đút được chiếc nhẫn vào bất kỳ một ngón nào có trên đôi bàn tay Hương.

"Lữ, kỳ cục không? Hãy cất lại đi. Có muốn ngồi trên xích lô để đi với Hương một lần cuối không?"

Lữ không biết nói gì khi hai người đã ngồi ấm cúng trên lòng một chiếc xích lô đạp. Hương nói tên địa điểm muốn tới rồi cũng ngậm miệng lại sau đó.

"Hay là biểu ông ta chở Lữ về trước nhé? Nhà bà con Lữ nằm ở đâu?"

"Mình sẽ về nhà khi mà Hương đã nhận quà mình trao."

"Đừng trẻ con như thế. Ôm Hương đi, Hương lạnh."

Lữ nghe theo lời. Hầu như lúc nào ở gần Hương anh cũng không giữ được tự chủ. Kể cả cái tự chủ đừng để câu chuyện sớm tàn. Lữ giữ chặt đầu Hương và siết hôn một nụ dài lâu. Hương đẩy ra bằng tất cả sức mạnh mà cô có. Hương với tay vào thành ghế để rướn người lên:

"Bác dừng xe cho tụi này xuống ở đây đi."

Chiếc xích lô loạng quạng một lát thì tấp được vào bờ lề. Hương trả tiền cuốc xe ngắn với cái giá đã mặc cả ban đầu.

"Lữ về đi."

Người đạp xe tần ngần rồi trở ngược mũi xe lại khi nghe Lữ nói không.

"Đừng chướng. Ngoan cố như Lữ thì làm sao mà ở lại đây được. Đi là phải."

Hương quay bước. Con đường hun hút bóng tối, Lá cây lao xao ở trên cao và những sợi giây điện sà xuống thấp. Lữ lầm lũi đi theo sau lưng.

"Hay là như thế này nhé. Vào tới nhà Hương sẽ đi tắm rửa, Hương sẽ trần truồng để cho Lữ muốn làm gì thì làm, sau đó hẳn trả công cho Hương chiếc nhẫn kia. Đã được chưa?"

Lữ nghe ra giọng nói tức tưởi của Hương. Lòng anh sao mà quặn thắt. Anh đứng chôn chân nhìn cái lưng đen của Hương, mái tóc dài và những sợi mượt có gió đùa đang bỏ anh đi càng lúc càng xa. Hương bước vào hẻm, Lữ biết đó là một con đường không có lối thoát, đầy đặc bóng tối. Lữ cũng có một đường đi, nhưng ở anh còn rõ ràng một chọn lựa giữa sống chết. Một canh bạc may rủi. Lữ đưa tay lên ôm buồng ngực mình, ở túi bên trái vẫn còn đó mảnh giấy Hương trao. Con bài A cơ và trái tim Lữ đang hồi tàn hơi.■

LUẬN BÀN CHUYỆN NƯỚC

TRỊNH HẢO TÂM

Câu chuyện về nước mà tôi xin được kể hầu quý vị hôm nay không phải là chuyện bàn về hiện tình đất nước, chuyện chánh trị tranh đấu đòi hỏi tự do, dân chủ mà là chuyện về Nước, một chất lỏng rất cần thiết cho đời sống hàng ngày của chúng ta. Thật vậy chúng ta có thể nhịn đói một tuần mà vẫn sống nhăn, còn có thể hát karaoke được. Nhưng chúng ta chỉ nhịn khát một ngày thôi chắc là sẽ hốc hác, xụi lơ không còn cựa quậy gì được.

Nước tuy mềm nhưng sắt không thể chặt được nước, ngoại trừ khi nước đông đặc thành nước đá. Sắt tuy cứng nhưng nước có thể ăn mòn được sắt, làm cho sắt rỉ sét, nếu bị tiếp xúc lâu ngày sắt sẽ trở thành một đống bột vụn. Lửa tuy nóng nhưng không đốt cháy được nước. Nếu nung lâu, nước chỉ tạm thời bị bốc hơi bay lên và sẽ tích tụ thành nước trở lại. Khi nước bốc hơi sẽ tạo ra một áp suất và người ta đã dùng áp suất này như một sức kéo để rồi từ đó máy hơi nước được ra đời tiếp nối theo đó là các loại máy xăng, dầu diesel, đưa toàn thế giới vào cuộc cách mạng kỹ nghệ, cơ giới hóa nông nghiệp và các ngành sản xuất làm thay đổi đời sống nhân loại. Nước tuy mềm yếu, uyển chuyển nhưng người ta không thể nào ép nó được, ép đầu này nó sẽ bung ra ở ngỏ khác, có nghĩa là không giảm thể tích được, đó là đặc tính chung của mọi chất lỏng. Để rồi từ đặc tính này người ta đã khai sinh ra một môn khoa học có tên là Thủy lực học (**Hydrolics**) ứng dụng rất nhiều vào đời sống hàng ngày của chúng ta. Mỗi sáng theo dòng đời trôi nổi lái xe đi làm, tay lái nhẹ nhàng khiến cho ta đôi khi lái xe rất lả lướt, đó là nhờ có thủy lực, tay lái được sự hỗ trợ của thủy lực thì tiếng Mỹ gọi là "Power Steering" và tiếng Việt được gọi nôm na là "tay lái tự động". Khi gặp đèn đỏ hay kẹt xe, ta thắng lại, ta chỉ cần đạp nhẹ mà xe đứng lại ngay không chao đảo hay lê lết đó là nhờ thắng có thủy lực hay "Power Brake". Những cơ phận nào có "thủy lực" thì bao giờ cũng có nước mà nước ở đây được thay thế bằng dầu, cho nên đòi hỏi ta nên thăm chừng mực dầu cho đầy đủ. Nước còn được dùng để giải nhiệt cho động cơ xe hơi. Như chúng ta biết các bộ phận bằng kim loại trong máy xe như bít-tông và xy-lanh va chạm, ma sát với nhau hàng ngàn lần trong một phút nên chúng tạo ra một sức nóng cộng với sức nóng của xăng bị đốt cháy trong xy lanh nên máy xe trở nên rất nóng cần phải được giải nhiệt. Nước có đặc tính len lỏi được khắp mọi nơi và chuyển được sức nóng của máy vào thùng nước để nơi đây nước được gió làm nguội và nhờ đó máy xe được nguội phần nào. Không có nước máy xe sẽ bị "over heat" và xe sẽ bỏ chúng ta "dọc đường gió bụi".

Cổ nhân ta có câu "có nước là có cá". Từ thuở xa xưa cách nay hàng tỷ năm trái đất là một mẻ vụn được bắn tung ra khỏi mặt trời, xoay như một bông vụ và nguội dần. Lần lần lớp khí quyển bao bọc xung quanh trái đất được thành hình và trong đó có hai chất hydro và oxy. Hai chất này hợp thành nước (H_2O) và từ nước mới có những động vật hạ đẳng mà nhìn qua tưởng là rong biển, là thực vật nhưng lại biết cử động, biết bắt mồi. Lớp động vật hạ đẳng này biến thể thành tôm cá. Rồi cá mọc chân thành ếch nhái, thành loài bò sát. Loài bò sát một số biến thành loài chim, một số khác trở thành loài động vật có vú trong đó có khỉ. Theo lý thuyết của Charles Darwin (1809 - 1882) một nhà vạn vật người Anh nhưng sinh sống ở Úc, thì khỉ là thủy tổ của loài người. Do đó ta có thể đi đến kết luận loài người xuất thân từ nước hay nói cách khác nước cấu tạo nên loài người. Thật vậy cơ thể của chúng ta chứa đến 80% là nước và để giữ vững bách phân này mỗi ngày chúng ta phải uống vào ít nhất là một gallon nước, nếu ngày hè nóng nực hay làm việc ngoài trời đổ nhiều mồ hôi thì số lượng nước cần còn nhiều hơn nữa.

Từ khi nước được nhìn nhận là một thứ bất khả ly, không có không được cho đời sống loài người và những sinh vật khác thì việc cung cấp nước được đặt ưu tiên hàng đầu. Muốn đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế thì hạ tầng cơ sở của quốc gia phải vững vàng. Hạ tầng cơ sở gồm có hệ thống giao thông chuyển vận, tiện ích công cộng như điện, nước, hơi đốt, nhiên liệu, hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, điện thư (fax), truyền thanh, truyền hình), hệ thống y tế, an ninh và sau hết là hệ thống hành chính, luật lệ. Công tác cấp nước là một bộ phận quan trọng nằm trong hạ tầng cơ sở, thế mà mới đây các báo có đăng bức hình một "bà mẹ Hà Nội" ngồi dưới đất cầm ống ny-lon, kê miệng cố hút để hy vọng nước sẽ chảy ra. Việt Nam thuộc miền nhiệt đới mưa nhiều mà còn thiếu nước, trong khi vùng Nam California miền đất sa mạc một năm chỉ mưa được một vài trận mà hễ bất cứ lúc nào mở vòi nước ra và đều có nước chảy mạnh bất kể ở tầng lầu thứ mấy. Hai hình ảnh tương phản đó đã nói lên khả năng kỹ thuật và trình

độ quản lý. Thử tưởng tượng hơn 100 năm trước đây nếu Hoa Kỳ không chiếm miền đất Nam California thì cho tới ngày hôm này vùng đất này hãy còn hoang vu không một bóng người như vùng sa mạc trên đường đi Las Vegas.

Công tác cung cấp nước ngày nay không phải chỉ đơn giản là dẫn nước đến từng nhà người sử dụng mà phải đáp ứng đủ ba yếu tố: Một là số lượng nước phải đầy đủ cho nhu cầu, hai là áp suất nước chảy phải mạnh và ba là phẩm chất của nước phải tinh khiết. Nhu cầu tiêu thụ nước không phải lúc nào cũng như nhau. Khu dân cư ban ngày tiêu thụ rất ít nước nhưng buổi chiều và tối khi người ta tan sở trở về nhà tắm rửa, nấu nướng, giặt giũ thì nhu cầu dùng nước tăng cao gấp mấy lần buổi sáng. Khu kỹ nghệ thì trái lại ban ngày các nhà máy hoạt động sản xuất thì tiêu thụ nhiều nước nhưng đến đêm đóng cửa nghỉ việc thì không dùng nước nữa. Nước lấy từ đâu để cung cấp cho người tiêu thụ?

Tất cả đều nhờ vào nước mưa và nước mưa là do biển bốc hơi lên tạo thành mây. Nước mưa chảy trên mặt đất hay băng tuyết tan ra được chứa trong những hồ (Reservoir) thiên tạo thường ở trên núi. Rồi từ đó nước được đưa về thành phố ở vùng thấp hơn. Vùng Los Angeles và San Diego được cung cấp nước bởi ba đường ống dẫn nước: Một là đường California Aqueduct dẫn nước từ vùng San Francisco xuống vừa tưới cho vùng đồng bằng Trung Cali vừa cung cấp nước cho Los Angeles. Hai là đường Angeles Aqueduct dẫn nước do băng tuyết tạo ra từ dãy núi Sierra Navada có nhiều ngọn cao đến 14,495 feet như ngọn Mount Whitney, đây là đường cung cấp nước chính yếu cho Los Angeles nên người ta thường đo độ dày của tuyết ở đây để xem coi có đủ nước cung cấp cho miền Nam Cali hay không? Vì sợ không đủ nước ở những năm mà hai miền trên ít mưa nên người ta còn thiết lập thêm một đường thứ ba là Colorado River Aqueduct để dẫn nước từ dòng sông Colorado ở biên giới hai tiểu bang California và Arizona. Đường này bảo đảm quanh năm không bao giờ cạn vì sông

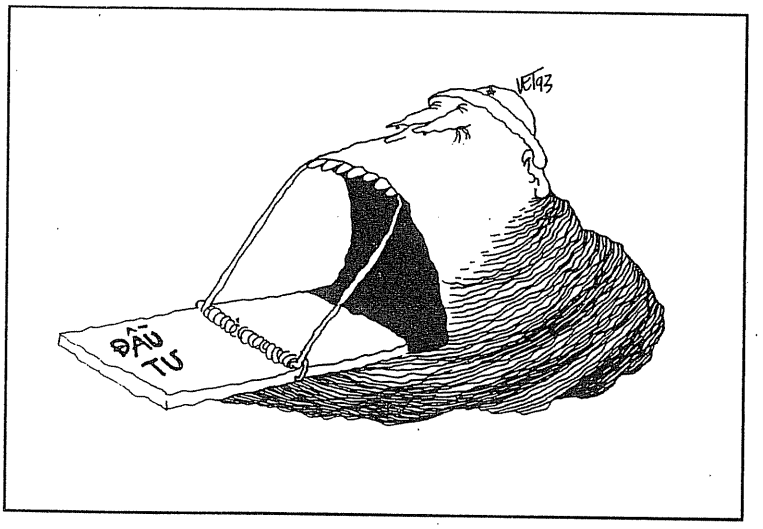

Colorado xuất phát từ dãy Rocky Mountains tận biên giới Canada lúc nào cũng có băng tuyết tan rã. Đề phòng trường hợp động đất mà cả ba đường ống kia bị bể, các thành phố thuộc vùng Los Angles còn đào những giếng ngay tại địa phương mình. Nước giếng thì khỏi phải mua lại từ ba vùng trên nhưng bơm lên cũng phải tốn nhiên liệu và phẩm chất không được tinh khiết và ngọt (softness) vì nằm lâu ngày trong lòng đất nhiễm mùi của các lớp đất và có khi còn nhiễm độc bởi các chất hóa học phế thải từ các nhà máy hay nước cống rãnh bị bể thấm trong lòng đất. Los Angeles cũng như toàn Hoa Kỳ nói chung là vùng đất mới các dự án phục vụ tiện ích công cộng đã được phác họa hơn 100 năm trước đây. Đất đã được quy hoạch chia lô, đường sá sẽ nằm ở đâu, các ống nước, ống cống, hơi đốt, điện, điện thoại, cable TV sẽ được chôn dưới mặt đường mà đường sá không thiếu thì các tiện ích công cộng cũng sẽ không thiếu.

Yếu tố thứ hai trong công tác cấp thủy là phải duy trì áp suất của nước lúc nào cũng đủ mạnh. Một buổi chiều bạn rửa xe hay tưới cây, mà mở vòi nước, nước chỉ chảy xiu xiu khiến cho công việc của bạn kéo dài rất lâu đó là vì nước không đủ áp suất. Nước chảy vì trọng lực nghĩa là từ chỗ cao xuống chỗ thấp. Nhưng trước khi nước được phân phối tới người tiêu thụ thì nước phải được bơm dưới áp suất khoảng từ 50 đến 120 P.S.I (Pound per Square Inch). Áp suất nước quá mạnh cũng không được vì sẽ phá hỏng những ống nước lâu năm hay làm bể các vòi tưới nước tự động làm bằng plastic. Vì chảy dưới một áp suất nên trong ống, nước chiếm đầy chỗ và không khí không được nằm trong ống nước. Có những đường ống vì phải theo thế đất mà đặt lên dốc khiến nước sủi tăm thì người ta phải gắn van để cho không khí thoát ra (Air Release Valve). Khi vòi nước nhà bạn run lên bần bật và nước chảy ra không đều là do không khí bị kẹt trong ống nước và cố tìm đường thoát ra ngoài.

Yếu tố thứ ba trong việc cung cấp nước là nước phải tinh khiết, sạch và không chứa những chất độc ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng. Muốn được như vậy thì nước phải được lọc và khử trùng bằng hóa chất. Chlorine từ trước tới nay vẫn được sử dụng để khử trùng trong nước nhưng Chlorine lại có mùi hăng hắc và làm nước có vị "cứng" (hardness). Có nhiều nhà máy lọc nước dùng Chloramines (hỗn hợp Chlorine và Ammonia) để sát trùng mạnh hơn nhưng chất này có thể làm chết các loại cá kiểng nuôi chơi làm cảnh. Muốn tránh cá chết ta phải để nước một thời gian độ một ngày trước khi bỏ cá vào.

Tại Hoa Kỳ nước được bảo đảm an toàn cho người sử dụng bằng một đạo luật áp dụng trên toàn quốc (Safe Drinking Water Act) và cơ quan liên bang EPA (U.S Environmental Protection Agency) có nhiệm vụ kiểm soát sự thi hành đạo luật này. Những cơ quan cung cấp nước hàng tháng phải thử nghiệm nước và hàng năm phải công bố danh sách

hóa chất chứa trong nước đến người tiêu thụ. Những cơ quan cung cấp nước nào vi phạm luật trên bất kể thuộc chính quyền tiểu bang, quận hạt hay thành phố đều bị phạt tiền. Do sự kiểm soát chặt chẽ như vậy nên chúng ta không cần phải lo ngại mỗi khi uống nước sống. Mùi vị và màu sắc của nước không phản ảnh được sự tinh khiết của nước. Nước được khử trùng bằng Chlorine uống thì an toàn nhưng mùi nặng và vị không được ngon ngọt. Nước mưa hứng giữa trời cũng chưa hẳn là tinh khiết vì có thể chứa ô nhiễm và phóng xạ từ các nhà máy theo khói bốc lên.

Nước lấy từ trên nguồn hay sau khi được bôm từ giếng lên đều phải qua nhà máy lọc và khử trùng trước khi được dẫn tới nhà dân chúng. Trên đoạn đường phân phối này nhiều khi ống dẫn nước quá lâu năm nên bên trong ống đóng rĩ sét hoặc rong rêu cũng khiến cho nước có mùi hôi và có màu sắc dơ bẩn. Mấy mươi năm trước đây nhiều ống nước được làm bằng hợp kim có pha chì hay những mối hàn chì, ngày nay việc dùng chì trong ống nước đã bị cấm vì sợ ngộ độc chì.

Sau khi nước được sử dụng thì người ta sẽ thải nước dơ đi đâu? Bây giờ chúng ta bước sang lãnh vực thoát nước. Khác với việc cung cấp nước và nước được bôm đến người sử dụng dưới áp suất, nước phế thải lại được thoát đi bằng trọng lực, nghĩa là chảy từ chỗ cao đến nơi thấp. Cũng như các ống khác, ống cống nước dơ được đặt dưới lòng đường vì đường lộ là đất của chính phủ nằm trong lộ giới công cộng (Public Right of Way), dễ dàng cho việc bảo trì, tu sửa. Nước dơ từ cầu tiêu, nhà tắm, bồn rửa mặt, máy giặt, máy rửa chén, máy xay thực phẩm từ nhà sẽ chảy ra ống cống thành phố nằm dưới lòng đường. Rồi từ đó sẽ theo độ dốc của ống để vào nhà máy lọc nước phế thải (Sewer treatment Plant). Tại đây các chất rắn (sludge) sẽ được lược để tách ra khỏi nước dơ và được phơi khô để làm phân bón hay đem đổ đi ngoài sa mạc. Nước dơ còn lại sẽ được khử trùng trước khi được đổ ra biển. Ngày nay người ta thiết kế ống đổ nước cống ra biển ở cách xa bờ hàng chục cây số để giữ cho các bãi biển khỏi bị vẩn đục vì những dòng nước dơ. Những cơ xưởng mà phế liệu có chứa những hóa chất độc hại không được thải vào ống cống thành phố mà phải chứa vào những thùng riêng được dán nhãn "Nguy Hiểm" và được liệng xuống những giếng sâu cả ngàn feet trong lòng đất và cách xa khu cư dân. Chôn mỗi thùng "toxis waste" như vậy có thể tốn vài trăm đô la Mỹ và tiền này người tiêu thụ phải trả. Mỗi lần thay nhớt xe, chúng ta phải trả thêm một số tiền vài đồng để họ "xử lý" nhớt cũ vì nhà sửa xe không thể đổ nhớt vào ống cống được. Nhớt đã dùng rồi, nước sơn còn dư hay những hóa chất dùng để chùi rửa xe cộ, nhà của chúng ta không được đổ xuống cống hay đổ ở sân sau nhà hoặc quăng vào thùng rác mà phải tìm nơi phế thải thích hợp. Thường thì mỗi thành phố có những nơi để chúng ta bỏ đi những thứ này. Tốn công một chút nhưng góp phần trong việc bảo vệ môi trường sinh sống và đỡ phải rủi ro lãnh giấy phạt hay hầu tòa.

Đối với nước mưa chảy trên mặt đất sẽ được dẫn vào những ống cống riêng rồi sẽ được đổ ra sông, ra biển mà không cần phải lọc lại. Có những thành phố cũ thuộc miền Đông Hoa Kỳ như thành phố Boston chẳng hạn, hệ thống cống vẫn là hỗn hợp giữa nước dơ và nước mưa. Vì không phân ra được nên tất cả đều phải chảy vào nhà máy lọc, lọc và khử trùng luôn cả nước mưa! Tốn tiền thêm nhưng đã lỡ như vậy rồi đành phải chịu!

Trở về với quê hương Việt Nam thân yêu của chúng ta, vấn đề thoát nước là một chuyện dài "buồn đau khóc hận", không có đoạn kết và được xem như vô phương giải quyết. Đối với miền đồng ruộng và rừng núi vì dân cư thưa thớt, đời sống gần gũi với thiên nhiên giống như tổ tiên ta đã sống hàng ngàn năm trước nên chưa có vấn đề gì. Nhưng với đà tăng gia dân số, mở cửa cho ngoại nhân vào một cách ồ ạt thì việc quy hoạch đất đai phải làm ngay từ bây giờ để tiến hành ngay việc giản dân và dời các khu kỹ nghệ về nông thôn. Đối với các thành phố vì dân chúng sống tập trung một nơi quá đông mà không được quy hoạch từ trước nên vấn đề tiện ích công cộng và vệ sinh trong đó có cấp và thoát nước được xem là những vấn nạn. Tại Sàigòn một thành phố không lớn lắm, đo từ phía Bắc là Gò Vấp xuống tới phía Nam là Nhà Bè là sáu dặm (mile). Từ phía Tây bao gồm quận Tân Bình, quận 11 cho đến phía Đông bao gồm khu Thủ Thiêm, Bình Thạnh cũng đo được sáu dặm. Như vậy trong một khu vực với diện tích là 36 dặm vuông (92 cây số), dân số hiện nay đã lên đến 5 triệu người, tức 138,888 người sống trong một dặm vuông hay 54,348 người trong một cây số vuông. Theo Phạm Oanh ở báo Tuổi Trẻ phát hành tại Sàigòn cho biết: "Hiện nay khối lượng nước dân thành phố cần tối thiểu 800,000 m3/ngày, nhưng công ty cấp nước thành phố chỉ đủ khả năng cung ứng 405,000 m3/ngày. Hệ thống dẫn nước của Sàigòn có tuổi đời vào khoảng 30 - 40 năm, không được tu sửa nên phần lớn bị hư hỏng. Tình trạng này khiến số lượng nước bị thất thoát lên đến 42%, đồng thời nước còn bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe của người dân lao động." Trừ đi 42% bị thất thoát (ở Hoa Kỳ số nước thất thoát trung bình là 5%) thì lượng nước còn lại là 234,900 m3 hay 234,900,000 lít cho 5 triệu người dùng thì mỗi người được 47 lít (tính tròn) mỗi ngày. Trong khi ở Hoa Kỳ mỗi ngày, mỗi người trong gia đình quý vị cũng đã xài từ 600 đến 700 lít. Xem lại hóa đơn nước hàng tháng quý vị sẽ biết được lượng nước mình đã dùng. Ở Hoa Kỳ cơ quan cung cấp nước thường dùng đơn vị là Cubic Foot (tương đương với 28 lít) để tính tiền nước. Vì thiếu nước nên người dân Sàigòn múc nước ở các sông rạch lên dùng; hoặc đào giếng hay mua nước từ những người hành nghề "đổi nước" chứa nước trong những thùng phuy chở bằng xe ba-gác "cải tiến". Những thứ nước này phẩm chất không được ai kiểm soát, không được khử trùng, bị ô nhiễm vì các chất độc hóa học ở những nhà máy làm phân bón, làm bột ngọt, mà kền thải vào ống cống và chảy ra các kinh rạch. Hoặc những nhà sàn ở dọc theo các bờ kinh rạch tắm rửa, phóng uế và đổ rác xuống kinh rạch.

Nước ít mà người dùng nhiều nên áp suất nước rất yếu, những tầng lầu thuộc các chung cư Thanh Đa, Bàn Cờ, Phạm Thế Hiển nước không thể lên tới được. Người cư ngụ phải sắp hàng chờ ở vòi nước công cộng và sau khi hứng được nước phải oằn vai gánh lên lầu! Một đồng hồ nước bên Mỹ chỉ xài cho một gia đình, còn ở Sàigòn thì nhiều nơi một đồng hồ nước được câu cho cả xóm. Cũng như điện, điện thoại muốn được gắn đồng hồ nước ở Việt Nam cũng không phải là chuyện giản đơn, chỉ cần nhấc điện thoại lên gọi như ở Mỹ mà phải "kinh qua" nhiều thủ tục rất là rắc rối. Chúng ta hãy nghe Phạm Oanh kể tiếp trên báo Tuổi Trẻ: "Anh Trực ở đường Võ Thành Trang phường 11, quận Tân Bình, bị trộm mất đồng hồ nước. Sau khi nộp phạt 200,000 đồng vì tội đã để mất đồng hồ, anh làm đơn xin gắn cái mới và được hướng dẫn như sau: Làm đơn chuyển nhượng chủ quyền đồng hồ nước từ người cha (đã mất) sang anh. Kế đến, dù có đủ hóa đơn tiền nước hàng tháng, anh vẫn phải đến xí nghiệp Phân Phối Nước xin xác nhận người-đã-qua-đời không nợ tiền nước. Sau một năm chờ xét duyệt, anh được cho lắp đồng hồ mới. Lúc ấy, chợt nghĩ ra chỗ lắp cũ không an toàn (có thể sẽ bị trộm tiếp), anh Trực xi dời vào trong nhà, và anh lại phải chạy chọt làm đơn, xin xác nhận và chờ đợi. Nhưng đơn anh bị bác với lý do: phải chờ gắn cái mới rồi mới xin dời chỗ! Chỉ một tuần sau khi được gắn cái mới, đồng hồ nước của anh lại bị mất trộm!"

Vì xin gắn đồng hồ nước quá khó khăn nên mới đưa đến nạn ăn cắp nước. Theo Nguyễn Việt Chiến viết trên tờ Thanh Niên số ngày 16-5-93 tại Hà Nội cho biết: "Tình trạng đục phá đường ống trái phép, gây rò rỉ làm nước bẩn trên phố xâm nhập vào đường ống cấp nước. Đặc biệt ở phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, trong số các vị tham gia đục phá có cả cán bộ, công an... Chả thế mà bà con khu phố tôi ở chứa nước trong các bể vại, chỉ ít ngày sau, giun sán mọc lòng thòng thấy ghê mắt!"

Hệ thống phân phối và thoát nước tại Saigon được người Pháp thiết lập từ đầu thế kỷ và nước được dẫn từ Sông Đồng Nai (Biên Hòa) về Saigon, được chứa trên những bồn chứa nước cao đặt rải rác khắp nơi trong đô thành như ở đường Duy Tân (gần công trường Con Rùa), Nguyễn Kim (Chợ Lớn, gần Sân Cộng Hòa) v.v... Vào đầu thập niên 1960, khi Hoa Kỳ giúp xây xa lộ Saigon-Biên Hòa, hệ thống dẫn nước từ Biên Hòa về đô thành được hiện đại hóa nhằm gia tăng khối lượng nước cung cấp. Nhà máy lọc nước Thủ Đức được xây dựng, một đường ống nước có đường kính 2 mét dài 20km được chôn dọc theo xa lộ để đưa nước từ nhà máy lọc Thủ Đức về Saigon. Dọc theo đường ống này có những tháp tròn bằng bê tông cốt sắt cao hơn 100 thước nhằm thông hơi cho đường ống. Tại Saigon những bồn chứa nước cũng bằng bê tông cốt sắt có trữ lượng hàng chục triệu gallons cũng được xây cất tại các đường Trịnh Minh Thế (Khánh Hội), Lê Đại Hành (gần trường đua ngựa Phú Thọ) và một bồn trong khu Đại Thế Giới cũ (Quận 5). Nhà cửa đô thành Saigon đa số thấp hơn các bồn nước này nên áp suất nước phân phối khá mạnh và nước từ Sông Đồng Nai bắt nguồn từ các suối trên cao nguyên Lâm Viên được dẫn về đồi dào không bao giờ thiếu và rất tinh khiết. Có vài biu-đinh cao thì họ dùng máy bơm, bơm nước lên hồ chứa đặt trên sân thượng để dùng cho cả biu-đinh. Từ 1975 cho đến bây giờ, đã 18 năm qua, hệ thống nước không được tu bổ mà lại còn bị phá hoại trong khi dân số đô thành gia tăng. Một vài khu phố vì thiếu nước dùng nên góp tiền lại đặt thêm ống nước, khiến các nơi khác nước lại bị bớt đi, rốt cuộc cả thành phố đều lâm vào cảnh nước chảy nhỏ giọt.

Về hệ thống thoát nước của thành phố Saigon thì còn bi thảm hơn nữa. Tất cả nước dơ từ các nhà và nước mưa trên mặt đường đều được chảy vào các ống cống đặt dọc theo các đường phố. Và tất cả cống rãnh đều cho chảy xuống sông Saigon và các kinh rạch. Như rạch Nhiêu Lộc thoát nước dơ cho vùng Hòa Hưng, Phú Nhuận, Đa Kao, Thị Nghè. Vùng Chợ Lớn gồm quận 5, 6 và 8 thì nước dơ được chảy ra Kinh Đôi. Quận nhì và khu chợ Cầu Muối thì ống cũng thoát ra Rạch Bến Nghé. Quận nhứt tức khu trung tâm thành phố thì chảy ra sông Saigon. Còn lại các vùng Tân Bình, Phú Thọ Hòa (quận 11), Trần Quốc Toản (quận 10) lại là vùng đa số là dân lao động vì ở xa kinh rạch nên nước dơ không lối thoát. Đến mùa mưa nước không chảy kịp, nước cống rãnh hòa lẫn với nước mưa ngập lụt cả một vùng. Những ai có đi qua đường Trần Quốc Toản, đường Lý Thái Tổ vào những ngày mưa thì chắc phải biết. Các cầu tiêu tại Saigon thì thông xuống hầm cầu tự hoại (Septic Tank) chứ không cho chảy xuống ống cống thành phố, lâu lâu phải mướn xe bồn đến hút rồi cũng lại đem đổ xuống sông. Tất cả nước cống đều được thải xuống sông mà không qua một nhà máy lọc nào. Các nhà máy thải chất độc hóa học cũng không có một luật lệ nào kiểm soát. Kinh rạch là đường thoát nước chính cho đô thành, thế mà cũng bị hàng ngàn căn nhà sàn lấn chiếm. Có những căn nhà sàn cất ngay trên miệng cống thoát nước ra kinh rạch và chủ nhà sợ nước cống chảy ra soi mòn đất sình dưới chân cột nên đã đổ đất lấp bít miệng cống! Vì đổ rác và phóng uế nên lòng kinh rạch ngày càng cạn dần, muốn dùng xáng để nạo vét thì vướng những nhà sàn, vét kinh thì một số lớn nhà sàn sẽ sập! Thật là một bài toán nan giải. Theo báo Tuổi Trẻ xuất bản tại Saigon ngày 24-4-93 thì hiện nay có khoảng 60,000 căn nhà ổ chuột trong phạm vi đô thành, trong đó có đến 18,000 căn nhà sàn cất dọc theo sông rạch!

Chuyện nước ở Việt Nam hãy còn dài nhưng không phải là không giải quyết được miễn có những con tim, những khối óc và những bàn tay. Con tim phải chân thành yêu nước chớ không phải vì đặc quyền, đặc lợi. Những khối óc phải được đãi ngộ xứng đáng chớ không phải bị kỳ thị, ngược đãi. Rồi từ đó mới có những bàn tay hợp tác, xây dựng thay vì bất mãn và phá hoại. Được như vậy thì con Rồng Á Châu thứ năm mới có cơ hội ngóc đầu dậy nổi.■

TRỊNH HẢO TÂM

(10/93)

Ở ĐỊA NGỤC MÀU TRỜI VẪN XANH

THANH NGUYỄN

1

Trong cái trại tù khổ sai ấy — hoặc nếu muốn gọi là "trại tập trung cải tạo" thì cũng vậy — đã có đến không biết bao nhiêu "lượt người" (xài đúng cách nói của Cộng Sản Việt Nam ở ngoài Bắc vào) từng hỏi thằng Hải "Đen" xem trong hai người, Bố với Mẹ nó, thì ai là dân Ấn Độ! Và mười lần như một thì nó vừa nhe hàm răng đều và trắng giữa cái gương mặt vuông vức của nó mà trả lời là: "Cả hai!" Vì cái sự trả lời cợt nhả kiểu ấy nên rốt cuộc chả ai biết được thêm chút tí gì nơi lai lịch đích xác của nó về mặt chủng tộc. Chỉ biết rằng về hình dạng thì nó cao cỡ một mét năm bảy, năm tám gì đấy; nặng khoảng năm mươi tám sáu mươi ký gì đấy; tóc quăn; da đen bóng như thể xác nhận rằng lớp thịt ở bên trong là thuần thịt nạc, gân guốc rắn chắc, ít mỡ. Gặp lúc nó chỉ mặc có mỗi cái quần "xà lỏn" nơi người thì trông toàn thân chắc nịch chẳng khác gì một đòn chả lụa tách khỏi vỏ lá chuối. (Cái thân xác khỏe mạnh, tràn trề sức sống đó sẽ là cái "nhân" dẫn đến những cái "quả" nơi từng bước định mệnh của nó trong thời gian ở chốn lao tù!). Còn về phần tội vạ theo như năm lần bảy lượt nó đã "tự khai báo" từ "Khám Lá" ở Bến Tre cho đến Trại Bến Tranh, rồi bây giờ là đến cái K.22 này, thì khi còn làm tài xế cho Công Ty Thủy Hải Sản ở Tỉnh — tức Bến Tre — , vì muốn sắm đồ cưới cho cô vợ trẻ đẹp làm nghề thợ may ở Thị Xã nên nó đã "lỡ biến chất" mà gỡ "con heo đầu" ở máy xe ra đem bán! Người đọc muốn tìm hiểu lai lịch kỹ thuật cơ khí của "con heo đầu" thì đừng có nhè mà đi giở sách tự điển kỹ thuật của Mỹ rồi tra chỗ mẫu tự "P" để tìm chữ "Oily Pig"! Không có đâu! Tất nhiên khi xe bị mất "con heo đầu" thì nó hô hoán lên là do bị "kẻ xấu" đánh cắp. Nhưng rốt cuộc thì vì nó đánh giá quá thấp khả năng của ngành "Công An Nhân Dân" nên nó mới vào khám.

Bến Tre có cái trại tù tập trung ghê rợn thuộc hàng thế giới cổ kim là cái K.20, tức Trại Châu Bình! Có người đi tù Cộng Sản sau năm 75 ở đấy, rồi quen mắt với một số mẫu tự Nga đọc được trong báo hay xem thấy trên "màn ảnh nhỏ" thì bèn đoán mò ra rằng ấy là Cộng Sản Việt Nam bắt chước cách người Nga họ viết chữ "camp" — đọc là "căng" theo cách phát âm của Pháp — thành ra là "Kamp," tức "Trại"! Trại thứ hai, "hiền lành" hơn, là Trại Bến Tranh. Trại thứ ba, "hiền lành" hơn một bực nữa là Trại Giồng Quít. Rồi rải rác đây đó là một số trại nhỏ khác. Muốn hiểu cho đúng nghĩa hai chữ "hiền lành" như vừa được sử dụng thì ví von như thế này là tốt nhất: chết do bị kẻ sát nhân đâm vào bụng rồi nó thò tay vào moi ruột gan tim phổi mình cho đến chết thì tạm coi như dữ dằn nhất; còn bị kẻ sát nhân đâm thẳng một cú vào tim cho chết thì tạm coi là "hiền lành" hơn, theo nghĩa tương đối!

Đến khi xảy ra biến cố chìm xuồng ngay trên con sông nằm ngờ ngờ bên bờ Thị Xã do cái vụ "ra đi bán chính thức" — một chuyến tàu chìm vì tàu thuộc loại tàu trên sông, được ngang xương biến cải thành tàu đi biển nhiều từng, rồi lại cố nhét cho thật đông người nên khi quá tải đã gieo chết chóc gần như sạch trơn — thì từ Tỉnh Ủy ra cho đến tận ngoài Trung Ương các đồng chí ta đều sợ có "dư luận không tốt" ngoài quần chúng, ngoài chốn năm Châu, dễ gây "bất lợi cho ta," và các đồng chí bèn chỉ thị cho Công An Bến Tre tìm phương án giải quyết vụ mấy trăm người vàng đã nộp, nhà đã giao, còn đang được

tập trung ở đâu đấy trên "đất Đồng Khởi," chưa lên tàu! Sau không biết bao nhiêu là ấm trà cũng như không biết bao nhiêu điếu thuốc "rê" cùng "Vàm Cỏ," các đồng chí lãnh đạo ở Công An Tỉnh nhà bèn tìm ra phương án! Và thế là từ Trại giam Bến Tranh một đoàn người kết hợp với quân số tù nhân từ các trại Châu Bình và Giồng Quít chuyển về bèn lũ lượt kéo nhau ra nhánh sông Hàm Luông bên bờ Trại để lên ghe đi về Xã Cả Cát nơi Huyện Thạnh Phú!

Đội ngũ được "biên chế" như sau: Tù nhân — gồm có tù hình sự, tù chính trị (tức là gồm luôn cả sĩ quan Quân Đội cũng như viên chức Hành Chánh của Việt Nam Cộng Hòa), tù vượt biên — được phân ra làm bảy Đội, mỗi Đội gồm 18 người kể cả Đội Trưởng lẫn Đội Phó. Hai tù nhân thuộc hàng thâm niên và được sự tin cậy của "Ban Lãnh Đạo Trại" được cử làm Đoàn Trưởng và Đoàn Phó. Sáu Công An coi tù được cắt ra để đi theo "Đoàn Công Tác." Công An Tỉnh cử một Thiếu Tá CAND 57 tuổi, bằng đường riêng, đến Cả Cát trước để xem địa thế dựng Trại. Trại Châu Bình cử một Thượng Úy CAND 43 tuổi, cũng bằng đường riêng, đến Cả Cát để đảm nhiệm chức năng cùng phần hành của Trại Phó. Sau này thì cái trại tù được dựng lên đó sẽ được người ta gọi nó bằng ba danh xưng khác nhau. Trong giấy tờ sổ sách của Công An Bến Tre thì nó sẽ có bí số là K.22. Người có thói tổng quát thì sẽ quen gọi nó là Trại Thạnh Phú — mượn tên Huyện mà gọi. Còn kẻ có thói cục bộ thì sẽ gọi nó là Trại Cả Cát, dựa vào cái tên Xã ở đấy. Ban Lãnh Đạo Trại, gồm hai con người như vừa được nói ở trên, sẽ chẳng nề hà gì về cách mọi người đặt tên cho Trại. Trại Trưởng và Trại Phó chỉ có mỗi một mối quan tâm duy nhất: làm sao cho đừng có đứa nào bỏ trốn, khiến cho hai đồng chí mất uy tín trong chức năng coi tù. Uy tín bị tì vết rồi thì khó mà định kỳ được thấy tên mình trong danh sách đề nghị "đề bạt" hay thăng thưởng!

2

Cả Cát nằm gần cửa biển. Từ đây ra đấy bằng các con lạch dẫn ra sông lớn rồi ra đến biển Đông thì chỉ mất giỏi lắm khoảng bốn mươi phút nếu gặp lúc thủy triều đang rút. Nước trên sông lạch khắp vùng đều đã là nước mặn. Và vì là vùng giáp biển, từ bao đời trước vốn dĩ là ngập nước, nay sông bồi đất lên thì xung quanh vẫn là sông lạch chằng chịt, nên chỗ nào có dân cư tụ tập thì thế đất tất nhiên phải có dáng dấp của những gò, những cồn, những cái mà dân địa phương gọi là "giồng," tức thế đất kiểu như cái lưng một con trâu lú lên khỏi mặt nước khi trâu trầm mình dưới vũng. Và cũng vì cận biển nên tốc độ thủy triều lên xuống cực kỳ "khẩn trương." Thoáng một cái đã thấy lòng lạch đang còn bùn lầy với đám "còng," đám "thòi lòi" di động kiếm ăn, loang loáng ánh nước, rồi ngập tràn bờ. Cũng lại thoáng một cái, lúc thủy triều rút, đã thấy lòng lạch chỉ còn đọng lại đây đó vài vũng nước. Dân cư sống tụ tập; làm lúa chỗ vùng đất thấp có "bờ bao" để ngăn nước mặn tràn vào; hoặc trồng đậu phọng, trồng dưa hấu cùng vài loại hoa màu ở các khoảng đất cao. Tất nhiên gần sông gần biển thì có nghề làm "đáy," chài lưới, v.v...

Dân địa phương sống đời lam lũ. Con gái dưới Thị Xã trắng trẻo hồng hào bao nhiêu thì phụ nữ ở đây, già trẻ bé lớn đều có màu da thừa hưởng di sản của nắng gió. Không một ai có được ánh mắt vui. Chả biết thời Việt Nam Cộng Hòa có ai vui hơn hay không; nhưng từ ngày Cách Mạng thắng lợi trên cả nước, đâu không biết chứ riêng ở đây thì gương mặt cùng ánh mắt của người dân không mấy vui.

Đoàn "Công Tác," gồm 128 tù nhân, sáu CAND và hai cán bộ CAND từ Trại Bến Tranh đi theo để bàn giao, lúc mới từ ghe máy đặt chân lên bờ Cả Cát thì đã làm gì có lán trại để nương náu! Phương thức "tạm ổn định bước ban đầu" thì cũng xưa như cái thời "đạo quân chân đất" của "Cụ Hồ": chia năm xẻ bảy ra mà "bố trí" vào nhà dân! Nhưng cũng từ đấy mà sự giao liên, kết hợp giữa Đội này với Đội nọ, giữa cai tù với tù nhân trở nên cực kỳ lỏng lẻo. Ngay đêm đầu tiên ở Đội 3 đã có hai đứa thuộc "diện" Hình Sự bỏ trốn! Sáng ra, kiểm điểm quân số, từ dưới báo cáo lên trên, thì Hai Thành Long — tức Thiếu Tá "Trại Trưởng" — được biết là thành phần nhân sự dưới trướng hụt đi mất hai mạng. Thiếu Tá bạnh hai bên quai hàm, chép chép miệng mà nhìn ra ngoài lùm cây bụi cỏ bên những bờ nước; nhìn ra đám "ô rô," "cốc kèn"; nhìn ra đám cây "bần" ngoi lên từ những mặt nước ở ngoài xa, cây "chà là" gai. Là dân địa phương từng theo Bác và Đảng từ thời Kháng Chiến Nam Bộ, Thiếu Tá dư biết rằng hai cái đứa Hình Sự bỏ trốn giữa chốn thiên nhiên với sông lạch chằng chịt còn hắc ám hơn cả cái "Bát Quái Trận" của thời Khổng Minh kia thì — dưới con mắt dù sao cũng cơ bản là chân chất hiền lành do gốc gác nông dân người Nam Bộ của riêng Ông — còn gian truân khổ ải gấp nghìn lần so với nếp sống của tù nhân do Ông cai quản dưới chính sách "khoan hồng độ lượng" của Đảng và Nhà Nước! (Hai đứa kia về đến Cái Mơn được ít ngày thì Ông Già Bà Già của chúng sợ liên lụy to với Nhà Nước, và có thể cũng vì cái bản chất khó trị của hai đứa chúng nó, nên đã đi cấp báo với Công An địa phương. Và Công An Tỉnh đã đặc biệt quan tâm đưa chúng lên ghe trở lại Cả Cát để cho mọi người đều thấy rõ ràng là một khi đã nằm trong tay Công An Nhân Dân thì ý đồ bỏ trốn chỉ là một thứ công dã tràng).

3

Thằng Hải Đen; "Đen" là bởi bên Đội 6 cũng có một đứa tên Hải nhưng lại "trắng" — tất nhiên là "trắng" một cách tương đối so với cái đen của thằng Hải Đen; tuy càng ra đến gần biển càng thấy xa và nhớ cô vợ trẻ đẹp chưa kịp cưới ở Thị Xã, nhưng trong mấy ngày đầu tiên ở chung với nhà dân tại Cả Cát thì nó không có ý định bỏ trốn. Có thể nó luận ra rằng nội cái vụ "con heo dầu" cũng đã khiến cho cuộc hôn nhân của nó nhiễu sự ra rồi; bây giờ lại còn rước thêm vào thân cái tội trốn trại thì rồi ra xem chừng cái "ngày về (cũng) xa lắm người ơi"! Nói như kiểu một bài hát "tiền chiến," tuy thằng Hải Đen nó biết đàn biết hát tân nhạc, nhưng không chuyên về

mấy bài có âm hưởng tiền chiến! Nó chỉ quen hát những bài của Cách Mạng kiểu như "Đôi bồ câu chung bay về hướng (nơi) Anh cùng Em theo nhau ra công trường," v.v...! Nhưng nội mấy ngày đầu tiên đó, hay đúng hơn là mấy đêm đầu tiên đó, nó đã buộc Thiếu Tá Hai Thành Long phải biết đến nó một cách bất đắc dĩ! Và sự biết đó mới khiến Thiếu Tá băn khoăn lo lắng vì mặt "ảnh hưởng chính trị" của sự việc; chứ còn cái vụ tù nhân bỏ trốn thì Thiếu Tá lại không mấy ngại! Bởi bỏ trốn thì cùng lắm là đuổi theo, bắn bỏ!

Đầu đuôi dường như cũng chỉ vì thằng Hải Đen nó hiểu nhầm mấy chữ "tình cá nước"! Thuở nay bộ máy tuyên truyền của "Cụ Hồ" chỉ nói đến "tình quân dân cá nước" một cách cụ thể, có xác định hai bên đối tượng một cách rõ ràng, chứ không hề nói một sự "cá nước" chung chung. Đảng và Nhà Nước chưa từng chủ trương vụ "tình tù nhân và nhân dân cá nước." Mà thằng Hải thì rõ ràng là tù hình sự. Ấy thế mà chỉ sau một đêm ở chung với gia đình anh Lợi, nó loay hoay đàn hát bài ma bài quỷ gì đấy, rồi ngỏ lời ong bướm thế nào mà nó đã chiếm lĩnh được trái tim trong lồng ngực căng đầy nhựa sống của cô con gái lớn nhà người ta! Thân thể thằng Hải Đen căng đầy sức sống bao nhiêu thì cơ thể của cô con gái hai mươi bốn tuổi tên là Thúy kia cũng chẳng khác gì một cái buồm căng gió giữa cơn bão nhưng thuyền lại vướng vào một cái cồn cát. Sức đẩy thì sẵn đấy, nhưng còn kẹt gia đình, kẹt chuyện sinh kế hàng ngày, kẹt chưa tìm ra người yêu cho vừa mắt. Mà đối với cô thì hẳn nhiên thằng Hải là dân Tỉnh Thành rõ ràng quá rồi! Lớn lên ở cái đất chỉ có sông lạch, có "còng," có "thòi lòi," rồi ô rô, cốc kèn, rừng mắm rừng chà là này thì cái ý niệm về "tội nhân hình sự" đối với cô nó không rạch ròi và cụ thể bằng cái bộ mặt dễ coi, giọng nói lả lơi vui vẻ, cùng thân thể khỏe mạnh rắn chắc của thằng Hải!

Bởi thế mà sáng ngày thứ tư sau đêm thứ ba cả đoàn "Công Tác" ngủ lại rải rác ở các nhà dân thì Thượng Úy CAND Tư Dũng đã chậm rãi nói bằng cái giọng thường xuyên nhừa nhựa như người ngái ngủ của anh ta với Hai Thành Long:

"Tụi nó vừa báo với tui là có đứa lộn xộn sao đó với con gái nhà quần chúng!"

Hai Thành Long đang ngồi chân chèo chân chống nơi cái ghế đẩu bên chiếc bàn gỗ nơi nhà Xã Trưởng, đang tà tà hút điếu thuốc rê bên ly trà sáng, bèn bật nhổm người, thả cái chân chống xuống nền đất, như giữ thêm thăng bằng để chắc chắn còn được nghe thêm phần chi tiết! Ông đảo mắt ngó quanh vào nhà trong, coi xem còn ai luẩn quất hay không. May mà Xã Trưởng thì cũng phải ra ruộng như ai, và vợ cùng mấy đứa con lớn của Xã Trưởng thì cũng phải đi ra ruộng như ai, chứ đâu còn phải cái thời địa chủ phong kiến khi mà Xã Trưởng cùng vợ con được ăn trắng mặc trơn. Ông dụi nhanh cho tắt mẩu thuốc nơi cái đĩa sành nhỏ mà gia chủ dùng làm đĩa gạt tàn; hất hàm nói với Tư Dũng:

"Nhỏ thôi mày! Hồi nào? Đứa nào? Nhà nào?"

"Nhà Anh Lợi có đứa con gái tên "Thí" (cứ theo chính tả mà nói thì đúng là Tư Dũng phát âm chữ Thúy ra là "Thí"!); đã hai bữa rày rồi!"

"Rần rần trong xóm rồi chứ gì?"

"Chưa! Dường như chủ nhà người ta cũng chưa hay biết gì!"

"Người ta chưa hay mà mày đã biết rồi!"

"À thì có đứa nằm chung với thằng Hải nó tò mò nó biết chuyện; nó học lại với mấy đứa bạn nó; đến hồi đến tai thằng Lục Bình Đoàn Trưởng thì nó báo tui biết!" (Đoàn Trưởng Lục Bình tên thật là Sáu Bình; nhưng có anh tù nhân đồng đội cắc cớ diễn giải rằng Sáu tức là "Lục" cho nên, vì cùng bị giam giữ ở vùng sông nước nên gọi luôn đương sự là "Lục Bình." Mọi người đều thấy có lý nên riết rồi thành tên chính thức của đương sự luôn!).

Hai Thành Long ngồi thẳng người, thẳng cổ, nhìn đăm đăm ra ngoài trời; đấy là cái lối của Ông ta khi có điều gì tập trung suy nghĩ. Được mấy giây, Ông xoay qua nhìn chằm chằm vào mặt Tư Dũng:

"Giờ mày tính sao?"

"Tui đâu biết! Anh Hai tính sao thì tính!"

Hai Thành Long bạnh hai bên quai hàm nơi gương mặt vuông vức của Ông; vẻ vừa bực vừa chán. Ông chỉ thị:

"Giờ mày làm vầy: mày gom cái đám nào ở mấy nhà quần chúng gần chỗ cái người chủ nhà gì đó, đưa tuốt ra ngoài hiện trường chỗ Giồng Cát trước. Hết ngày để tụi nó ở ngoài đó luôn; bề nào thì hôm nay cũng khởi sự khai hoang ngoài đó rồi. Mày có ý kiến gì không?"

Giọng Tư Dũng vẫn chậm rãi và nhừa nhựa:

"Tui thấy Anh Hai tính vậy cũng có lý!"

"Nhưng mày cũng phải lo mà bịt miệng đám tụi nó."

"Rồi! để tui tính!"

"Tính thì lẹ đi! Nói với tụi nó sáu giờ xuất phát!"

Tưởng gã "tính" thế nào, hóa ra mặt trời lên được ba con sào, giữa lúc một trăm mấy chục con người đang nai lưng ra vật lộn với đám lau sậy, ô rô, cốc kèn, dừa nước, chà là gai cùng đủ thứ thảo mộc hỗn tạp quái ác khác — bởi đụng đâu cũng thấy gai góc — thì Công An Mười Thanh tay cầm khẩu AK tay chận cái mũ lưỡi trai trên đầu cho gió ngoài đồng trống khỏi thổi bay, chạy hớt hơ hớt hải đến bên Hai Thành Long đang đứng dạng chân, chống nạnh quan sát, điều động và chỉ huy "ba quân" qua trung gian của Đoàn Trưởng Lục Bình.

"Chú Hai! Chú Hai!"

"Gì?"

"Anh Tư ảnh đang đòi bắn thằng Hải Đen!"

Hai Thành Long nghe đến đấy đã tá hỏa tam tinh! Gì chứ mới ra quân mà đã có đổ máu trong hàng ngũ phe ta thì còn rắc rối chán với cái đám giặc ô rô, cốc kèn và chà là gai kia! Ông ta ngoắt vội tay để cho Mười Thanh dẫn đường, và Ông tất tả rảo bước theo; khẩu súng ngắn nằm trong bao súng ngắn bật lên bật xuống ở bên hông, theo nhịp bước vội vã của người đeo súng. Đến gốc cây xoài bên bờ giếng thì cả hai thầy trò đều thấy Tư Dũng đang đứng xoạc chân ra đấy, tay trái chống nạnh, còn tay phải thì lăm lăm khẩu súng ngắn K54; toàn thân lắc lư y hệt như người đang chèo ghe, miệng nói câu đực câu cái, còn nòng súng thì nhắm chừng cũng không có đối tượng rõ rệt,

bởi khi thì nó chĩa lên ngọn cây xoài, lúc lại thấy hướng về phía thằng Hải Đen đang quỳ gối ở đấy, lúc lại thấy chĩa xuống đất, mà lại nhè bàn chân phải của Tư Dũng mà họng súng cứ lăm lăm. Cái mới là rầy rà! Hai Thành Long ít có tật chửi bậy; nhưng chẳng cần "đê em" "đê bê" gì thì Ông cũng biết là "thằng Tư" nó đang say! Quỷ thật! ông để nó lại dưới xã, tưởng nó đi dò la tin tức, làm công tác quần chúng gì đấy, hóa ra nó lại theo mấy tay bạn cũ ở địa phương mà nhậu nhẹt! Giờ thì đã say mút chỉ mà lết ra được đến đây. Nhưng say mà lại cầm súng thì rất phiền; phiền cho cả người ngoài lẫn chính người cầm súng. Hai Thành Long đứng lại thở một chặp, nói:

"Gì đó mày Tư?"

Tư Dũng ngoái đầu lại, nhận ra Thủ Trưởng của mình và nhoẻn miệng cười chất phác và trẻ thơ như chỉ khi say thì người CAND đó mới rũ được bao công lao vun xới bồi đắp của Đảng để trở về với gần đúng bản chất đích thực của mình:

"A, Anh Hai! Tui đang bắt nó làm kiểm điểm đây! Giờ tui tính cho nó tự đề ra phương hướng sửa chữa!"

"Kiểm điểm thì kêu nó vô nhà lấy viết viết đâu đó đàng hoàng, rồi đưa ra Tổ Đội sinh hoạt, tiếp thu phê bình; chứ còn mày tiến hành kiểm điểm theo giống gì vậy?"

Tư Dũng cầm khẩu K54 quơ một vòng xung quanh khiến Hai Thành Long phải thót bụng, khi thấy nòng súng chĩa về phía mình! Anh ta dường như quên khuấy cái thằng Hải mất nết đang quỳ gối ở kia. Nói với thủ trưởng mình:

"Nhà đâu mà vô Anh Hai? Bàn đâu mà viết? Mà cái thằng này thì nó ba trợn lắm (làm như thể Anh ta đã biết thằng Hải từ đời kiếp nào!); phải cỡ này cho nó tởn!"

Nói xong là Tư Dũng lại lắc lắc nòng súng về phía thằng Hải Đen khiến nó lại một phen lên ruột. Hai Thành Long bấy giờ mới thủng thỉnh bước lại đứng giữa tầm đạn; tức là đứng giữa tay sĩ quan thuộc hạ và tên tù nhân mất nết kia. Cái tư thế đó cũng có kết quả. Giờ thì Tư Dũng đã chĩa nòng súng xuống đất rồi. Mà chừng như khẩu súng cầm hoài riết rồi cũng thấy nặng nên đương sự bước đến gốc cây xoài, ngồi xuống tựa lưng vào đấy, để cho thủ trưởng của mình tiếp tục xử trí.

Và đến bấy giờ thì Hai Thành Long mới đúng là biết mặt biết tên thằng Hải Đen! Biết luôn cả tình tiết nội vụ sự việc trăng gió có liên quan đến nó, sau khi Ông đã đuổi khéo Tư Dũng với Mười Thanh ra chỗ hiện trường, nơi lửa khói đang tỏa lên mù trời khi đám tù nhân tiến hành hỏa thiêu đám rừng chà là! Vì thuộc loại cây có chất dầu nên khi bén lửa, dù đang xanh tươi đến mấy nó cũng cháy bùng lên một cách dữ dội. Một cái rừng chà là rộng chừng năm công đất mà bốc cháy thì chỉ trong khoảnh khắc là rụi. Vòm lá có chứa chất dầu của nó bốc cháy với một tiếng rít nghe ghê rợn chẳng khác gì tiếng phản lực cơ bên tai khi tăng tốc để cất cánh! Và chừng đó thì ôi thôi, không biết bao nhiêu giống sinh vật sinh sống trên khu đất quanh năm có nước lên nước xuống đó bắt đầu lếch thếch lê tấm thân te tua thương tích vì lửa khói, bò lổn nhổn ra tứ phía. Kỳ đà; chồn; cua biển; cua đinh; thôi thì: đủ thập loại chúng sinh!

Từ tù nhân cho đến Công An cai tù, ai nấy đều cật lực tranh thủ mà ra sức "cải thiện", đuổi bắt, thu gom chiến lợi phẩm!

Kể vòng vo như thế là để tránh vào thẳng đoạn chi tiết chẳng mấy lành mạnh có liên quan đến vụ trăng gió của thằng Hải Đen! Nó là dân thường, không mấy sành về cái khoản văn chương chữ nghĩa, nên khi nó kể cho Hai Thành Long nghe đầu đuôi sự việc thì nó chỉ nhắm "có sao nói vậy" để "Ổng" tin rằng có khai báo hết sức thành thật! Mà nó sống với chính quyền Cách Mạng đến đó thì cũng đã được bốn năm rồi; nên nhìn ngang rồi ngó ngửa thì nó biết rằng với Cách Mạng chỉ có thành thật khai báo về chuyện gì có dính líu đến chính trị, đến chống phá Cách Mạng thì mới dẫn đến chỗ chết thôi; chứ còn khai báo dù có thành thật đến mấy — về chứng hư tật xấu của mình thì vì Cách Mạng thường có nhãn quan duy vật về lịch sử và con người nên cách mạng thường có cái nhìn rất độ lượng và khách quan về mặt đó! Nó nhớ kỹ có đọc đâu đấy trên báo lời danh ngôn của Mác hay Lê Nin gì đấy mà theo nó thì: "Ngoại trừ cái bào thai nơi con người, chứ còn ngoài ra thì già trẻ bé lớn ai không tội này thì cũng tội nọ"! Bởi thế Hai Thành Long chỉ muốn biết một thì hóa ra nó lại buộc ông ta phải biết đến mười!

"Thưa chú Hai! Tụi con thương nhau thiệt! Thúy nó rất dễ thương. Mà cũng hổng phải tại con nữa! Con đang nằm ngủ thì nghe rột rẹt ở phía vách lá ngay nơi đầu chỗ con nằm. Tưởng chó gà gì sục sạo đêm hôm nhưng nghe một chập con sinh nghi. Trong nhà tắt đèn tối thui, con lẻn ra ngoài, bước ra phía sau vách giáp với chỗ con nằm thì thấy Thúy nó ngồi ở đó. Con bước tới ngồi kế bên thì nó lại bỏ chạy vô nhà. Con vô theo; trở về chỗ con nằm. Một hồi, *cái*, (ý muốn nói "rồi thì", chú thích của người viết) con "bắt" con tò mò! Con vô buồng nó, mở cửa mùng thò đầu vô thì nó chụp lấy đầu con, kéo xuống nói nhỏ vô tai con là "Coi chừng muỗi nó vô cha!" Cái rồi con leo vô giường nó; nó cứ ôm chầm lấy con rồi cứ mà ịn ịn vô người con...Riết rồi con cũng muốn khùng luôn! Con thò tay bóp vú nó, hổng thấy nó nói gì; con thò tay vô quần nó; nó hổng mặc xì líp hay gì ráo nên con đụng vô đó; cái rồi khi không nó bắt nó rên hừ hừ làm con tản thần con rút chạy về mùng con..."

Hai Thành Long khoát khoát tay...

"Thôi, thôi! (bấy) nhiêu đủ rồi mày! Giờ lo đi làm như người ta. Trưa nay tụi nó dựng xong cái nhà kho thì tối mày ngủ lại ngoài này coi kho."

"Trời! mình con hả chú Hai?"

"Với mấy đứa nữa!"

Số thằng Hải đen rõ ràng lận đận về đường tình! Vợ chưa kịp cưới thì nó đã ra đến đây. Duyên mới chưa kịp vui (tiếp) thì phải ba lô tay nải ra cái nhà kho ngoài đồng trống này. Ngó ngang ngó ngửa không thấy một cái cột dựng nhà nào, mà sao "chú Hai" lại nói đến cái "nhà kho" nào cà? Có điều là mọi việc đang còn chộn rộn quá mức nên nó chưa kịp có thời giờ để nhớ đến con Thúy!

4

Nói mẫu đất, nói công đất, nói héc ta mà xem chừng ít mấy ai biết đích thực xem nó rộng hẹp ra sao thì tốt hơn cả là nói cách này: Cứ hình dung một vùng đất rộng bằng hai mươi cái sân đá banh; chỗ cao chỗ thấp với ảnh hưởng của nước thủy triều tùy nơi. Chỗ cao là đất pha cát. chỗ thấp là đất bùn pha cát. Và chỗ cao chỗ thấp thì đâu đâu cũng là dừa nước, là đước, là cây bần, cây mắm, cây chà là gai, là gai góc chằng chịt. Muốn thi công xây nhà dựng cửa gì đấy bằng cơ giới thì dù có xe Bulldozer cũng chả làm ăn gì được ở cái loại thế đất như thế. Mà súc vật thì nhấm cũng không làm được nên trò nên trống gì ở nơi đó; cho dù là sức voi! Vậy thì Đảng và Nhà Nước Cộng Sản lại có biệt tài sử dụng con người một cách vô tội vạ để làm công việc đó. Công xá bỏ ra cho mọi con người như thế không có gì khác ơn là ngày hai bữa cơm với ít con tôm con cá do chính những người tù đó đánh bắt lấy.

Phương án thiết kế thi công, nguồn vật liệu xây dựng và cách sử dụng vật liệu được tiến hành như sau. Trước hết là khai hoang, dọn và đốt sạch trơn, chỉ để lại thân cây các loại, đem tập trung ở một nơi. Kế đấy chọn địa điểm dựng lán trại. Cắm bốn hàng cọc định hướng Đông Tây Nam Bắc gì đấy, kết hợp thành hình chữ nhật định ranh cho diện tích được chọn làm nền. Kế đấy cho tù nhân xẻ một cái hào vây quanh, rộng khoảng bốn thước, sâu cỡ nào là tùy theo khối lượng đất cần lấy lên để đắp cho được một cái nền bằng phẳng, cao cỡ một mét so với nước thủy triều lúc lên đến cao điểm. Giữa mặt bằng được bồi đắp lên để làm nền nhà và dài theo chiều dọc sẽ dựng một hàng cột chính với số thân cây đã "thu hoạch" được trong quá trình khai hoang. Xà nhà chính là những đòn tre già nối lại với nhau. Kèo nhà cũng bằng đòn tre, tiết diện nhỏ hơn. Các cột chính ở bốn đầu hồi, cũng như dọc theo hai bên hông nhà đều bằng cây. Ngoài ra thì các "đòn tay", các cột phụ dọc theo bốn vách đều bằng thân chà là. Rui mè bằng tre. Lá lợp nhà là lá dừa nước được bện lại thành từng tấm kích thước 1.20 m x 0,50 m. Vật liệu thuộc loại "chiến lược" cuối cùng là "tôn" để "xóc nóc", tức phủ một lớp dài theo nóc nhà để tránh chỗ dột chỗ dễ dột nhất.

Và đây là thể thức "hạch toán chi phí vật liệu cùng thi công công trình": Tiền nhân công là miễn phí, vì nhân công là tù khổ sai! Tre "mua" từ một cơ sở sản xuất cung ứng mây tre nào đấy có ăn cánh với phía người mua; thuê ghe máy kéo thành từng bè về đậu tuốt ngoài sông lớn. Từ trong "trại", tù nhân được đưa bằng ghe máy nhỏ ra tuốt ngoài ấy; ghe lớn nổ máy kéo bè tre tấp vào bờ sông lớn, và tù nhân lội xuống nước để cứ thế mà hè nhau kéo từng mảng bè tre theo lạch nhỏ về đến "Trại". Quanh co theo lòng lạch khoảng năm cây số. Chi phí cho một cây tre là 50 đồng chẳng hạn, thì bên mua lẫn bên bán đều toa rập với nhau nâng nó lên thành 70 đồng. Lá lợp nhà cũng "mua" của một hộ nông dân nào đấy có ăn cánh với người mua; một tấm trả cho "người bán" là một đồng chẳng hạn, thì bên mua "đề nghị" bên bán ký nhận 1.50. Tôn cũng như dây kẽm, đinh, cùng những món lặt vặt khác thì đã có cơ sở hậu cần Công An Tỉnh cung cấp.

"Hạch toán" "uyển chuyển" và "linh động" kiểu như thế nên Trại Trưởng Hai Thành Long một buổi chiều mới khệ nệ vác từ ghe máy lên bến đò Trại, sau chuyến công tác ở Tỉnh về, một cái va li loại Samsonite nội địa, trong đựng không biết cơ man nào là tiền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam! Chuyện tuyệt mật như thế thì người ngoài làm sao mà hay biết? Có! Thằng Hai Đen nó biết! Thì tất nhiên cũng phải tình cờ sao đó. Đầu đuôi thế này!

5

Đám tù nhân dựng xong một căn nhà tương đối khang trang để "Ban Lãnh Đạo Trại" gồm hai người ở — lợp tôn đàng hoàng — thì bèn dựng tiếp một gian nhà nhỏ khác, cũng lợp tôn để sáu Công an coi tù có chỗ nghỉ ngơi. Rồi kế đến là ba dãy lán trại dài lê thê để chứa một trăm hai mươi bảy tù nhân. Thằng Hải Đen, người tù thứ một trăm hai mươi tám trong cả đoàn, thì đã được biệt cư ra để vừa coi kho vừa lái cái ghe máy của trại. (Từ tài xế xe vận tải chuyển công tác sang nghề lái ghe máy thì cũng không đến nổi trật với ngành nghề chuyên môn cho lắm; Trại Trưởng Hai Thành Long đã quyết như vậy!) Và đến đây thì cả Đoàn đều yên trí là sẽ chuẩn bị lấy sức khai hoang để mà "làm lúa". Mục đích của Đoàn theo như "trên" chính thức công bố từ ngày xuất phát thì ra đến đây chẳng cốt để "làm lúa" là gì? Nhưng không phải vậy! Nói ngay thì cũng chả ai hơi đâu mà thắc mắc; bởi từ hồi nào đến giờ thì thông thường là từ Trung Ương xuống cho đến cấp lãnh đạo thấp nhất người ta vẫn có cái thói nói vậy chứ không phải vậy! Bởi thế mà khi "trên" chỉ thị cho dựng thêm hai mươi dãy nhà dài lê thê chẳng kém gì mỗi lán trại dành cho tù nhân thì ai nấy đều chắc mẩm là thế nào Công An Tỉnh cũng điều về đây hàng hà sa số tù nhân khác để tập trung làm lúa, làm giàu mạnh thêm cho nền nông nghiệp Tỉnh nhà!

Nhưng cũng lại không phải! Hai mươi dãy lán trại mới toanh vừa dựng xong chưa đầy nửa tuần trăng thì một buổi sáng đẹp trời, cha mẹ ơi! ghe bầu lớn theo con nước về đậu ngoài bờ lạch đâu mà lắm thế! từng đoàn người lũ lượt từ các ghe bước lên bờ: người già có, người trung niên có, người trẻ có, con nít có — khá nhiều con nít! — đầy đủ cả hai giới tính, hầu như 100% là người Việt gốc Hoa! A! Cái mới lạ! Nhưng chỉ "lạ" khoảng năm mười phút gì đó thôi; bởi tuy đã có lệnh cấm tiếp xúc nhưng rốt cuộc thì tù nhân vẫn bắt liên lạc bằng mồm được với đám khách lạ phương xa. Khách chẳng đâu xa lạ: đấy là đám người đã đóng góp hết vàng bạc, tiền của, nhà cửa cho Nhà Nước để ra đi "bán chính thức" nhưng rồi vì trục trặc kỹ thuật sao đó, giờ chưa đi được — sau cái vụ chìm xuồng ở Thị Xã — nên được trên "bố trí" cho đến tạm trú ở đây. Bởi hộ khẩu thường trú ở nguyên quán của từng người thì đã bị cắt từ khuya rồi! Đám tù nhân cứ thế mà trố mắt quan sát! Ôi cha! Sao mà cái đám con gái trên ghe máy bước lên bờ, quần Jean, áo "gió" này kia coi sao mà

đẹp mắt, coi sao mà hấp dẫn đến thế! Chỉ có chỗ hơi lạc điệu là các cô mới hôm nào trang phục để chuẩn bị bước lên bến cảng New York hay Long Beach, mà nay lại phải tạm bước lên bờ Cả Cát nên cũng khá trái duyên! Nhưng buồn đâu tạm để đấy, chiều đến nhằm con nước lớn các cô mặc đồ tắm kéo nhau ra sông tắm, lúc một trăm hai mươi lăm tù nhân còn lúi húi khai quang ở bờ rừng tuốt ngoài xa, thì thằng Hải Đen đang vô đầu mỡ gì đấy nơi cái đò máy của Trại là đứa duy nhất được chiêm ngưỡng dung nhan cùng thân thể trắng trẻo tươi mát của các cô.

Chiều hôm đó Hai Thành Long vừa đi công tác ở Tỉnh về nên thằng Hải Đen còn lo châm dầu lại cho máy, cũng như lo thu gom, dọn dẹp sàn đò. Xách cái "Samsonite" nội địa vừa bước lên nhà được đâu ít phút thì Hai Thành Long lại lật đật quay trở xuống, thúc thằng Hải cho ghe nổ máy để đi tiếp. Nó trố mắt chưa hiểu đầu đuôi ra sao thì "Chú Hai" của nó đã mau miệng giải thích:

"Lẹ mày! đám cưới con Út! bên nhà gái người ta đang chờ!"

Thằng Hải chợt hiểu ra! "Con Út" là cháu gọi "Chú Hai" của nó bằng Cậu ruột! Đò máy lại rẽ sóng trực chỉ hướng Đông Nam. Chú Hai của nó tế nhị và dân chủ lắm, nên đến chỗ tiệc cưới Chú không hề tiết lộ gì về lai lịch của nó. Chú giới thiệu nó với mọi người là "người nhà," rồi để bên nhà trai người ta sắp xếp cho nó ngồi chung với đám thực khách lạ hoắc. Nó ăn bữa ăn thiệt ngon; và uống một bữa rượu thiệt là đã; tuy Hai Thành Long — ngồi ở bàn bên với đám "trưởng thượng" trong bữa tiệc — thỉnh thoảng vẫn nghiêng đầu qua nhắc chừng: "Uống cầm chừng thôi nghe mày; để khuya còn về cho kịp con nước!" Đêm hôm đó, thằng Hải thấy Chú Hai của nó ăn nhậu coi bộ cũng nhiệt tình lắm. Tuy đến nửa chừng nó thấy Chú biến đâu mất. Đến lúc mò ra sân sau để đi đái thì nó thấy, trong bóng tối mập mờ có ánh đèn măng-xong từ nhà trong hắt ra, Chú Hai của nó đang chụm đầu với vài ba người nữa dưới gốc chùm ruột, đang thầm thì to nhỏ gì với nhau. Nó nghe lỏm một người nói: "Một con thì nhằm nhò gì?"; và liền đó là tiếng Chú Hai nó trả lời: "Thì cứ làm thử nghiệm đi rồi tính!" Nó độ chừng là chắc cũng chuyện làm ăn thường tình, không có gì ghê gớm, bởi mấy người đó thấy nó đi ngang mà cũng không để lộ cử chỉ gì chứng tỏ là họ cần phải cảnh giác!

Khuya về thì khó khăn lắm Chú Hai của thằng Hải mới bước được xuống đò máy. Chú xỉn quá chừng rồi! Thằng Hải phải nhớ mà xách theo cái vali Samsonite nội địa dùm cho Chú. Đã vậy Chú lại còn ca hát om xòm! Chú hát cái bài gì đấy mà có lẽ chỉ thế hệ của Chú mới biết chứ còn thế hệ thằng Hải thì còn khuya mới biết! Tiếng đò máy nổ "cạch cạch, cành cành," chen giữa tiếng hát: "Ta cùng nhau điii..., thăm nơi nghìn xưaaa..., oai linh đứng muôn đời giữa nơi sông cùng núi.i.i..." Có lẽ vì mấy câu hát đó mà xưa chú theo Việt Minh cũng nên! Đêm tối mênh mông như con nước; ngọn đèn pha từ đò máy chiếu chỉ đường cho con đò rẽ sóng coi mòi không nhằm nhò gì. Gió trên sông lớn thổi ù ù; tiếng đò máy tăng tốc kêu "cạch cạch, cành cành"; tiếng Chú Hai của thằng Hải mỗi lúc một rời rạc, mất khí thế; mà lại nhè đến cái đoạn rất cần khí thế: "Hoa Lư ơi! Muôn đời còn trong sương gió.o...!" Về đến bến đò Trại thì Chú Hai của thằng Hải cương quyết không chịu lên bờ! Nhà trên đã tắt đèn tối thui. Nó lắc lắc nơi vai Hai Thành Long. Nó cũng đã buồn ngủ quá trời rồi!

"Chú Hai! Tới nhà rồi!"

NHẤT UYÊN

HOÀNG HÔN BÊN GHỀNH BIỂN VẮNG

Sóng dâng ghềnh đá trao tình
bờm tung gió lộng, ngựa lồng bãi xa
ngất ngây chiều ửng nắng tà
hoàng hôn đỏ sắc mây pha rán hồng
rừng thu rạo rực mênh mông
nghiêng trao môi thắm thì thầm tiếng chim
hương say ngát thịt da mềm
bãi dài cồn rộng êm êm cỏ bồng
dạt dào sóng liệm bờ xanh
trời mây ửng chín giấc nồng hợp hoan
nắng hoàng hôn, nắng hoàng hôn
lẳng lơ mất biết, mê cuồng thịt xương
bên trời vách dựng chon von
cành dương lá ngọn cúi hôn lá vàng
sông xa rừng núi mơ màng
bên trời còn vọng vó ngàn dặm xa.

"Nhà tao đâu đây, mày!?"

"Khuya rồi Chú Hai; để con dắt Chú lên!"

"Tao không cần ai dìu dắt gì hết! Mày đi đâu đó đi; để tao đây!"

Nói xong, Chú Hai của nó bắt đầu một trận ngáy. Cái mới rầy rà! Mà nói ngay thì nó cũng đã xỉu xỉu, xỉn xỉn. Bởi thế mà nó mới dám to gan, khi định tâm nhìn kỹ lại cái "Samsonite," nó thò tay rờ rẫm, mở nhẹ mấy cái chốt, ngó vào bên trong. Khoang đò có ngọn đèn nhỏ lấy điện ở bình điện trên đò. Nó thấy đầy nhóc giấy bạc trong va-li! Nó nhẩm chừng cả "mấy chục triệu bạc"! Mà một Đồng hồi đó thì cũng còn to lắm! Một Đồng cũng được ly cà phê đen, dù là cà phê dỏm, với một điếu Vàm Cỏ! Và đến đó thì nó bắt đầu thấy nhờn nhợn. Hai giờ khuya; ngồi trong khoang đò với Thiếu Tá Công An Trưởng Trại; bên cạnh là cái va-li bạc. Lỡ Ông ấy trúng gió rồi chết luôn; có giao nộp lại va-li cho giới chức nào đấy thì khoan nói gì đến chuyện liên lụy giữa một mình nó với cái chết của Trại Trưởng, lỡ có ai cắc cớ hô hoán lên rằng nó giao nộp "không đủ tiền" thì tính sao đây? Nhưng cũng may! Được một khoảng một tiếng đồng hồ nó ngồi nửa tỉnh nửa mê trong khoang đò như thế — với gió từ đồng trống thổi ào ào nên cũng đỡ muỗi — thì Chú Hai của nó lại tỉnh. Chính Chú đánh thức nó dậy. Giờ thì Chú nó cực kỳ nghiêm trang và từ tốn. Chú lắc lắc vai nó, nói:

"Dậy mày Hải! Lên rồi về kho mà ngủ!"

Nó dụi mắt, lồm cồm bò dậy, theo Chú Hai của nó lên bờ. Cái vụ việc nhỏ nhặt chẳng đáng gì đó, coi vậy mà có ảnh hưởng không nhỏ đối với đoạn đời về sau của thằng Hải Đen ở Trại! Trong đầu Hai Thành Long thì thằng Hải Đen, dù có hư thân mất nết đến mấy về chuyện gái ghiếc này nọ, nhưng còn vẹ mặt kín mồm kín miệng, về mặt tín nhiệm thì quả là nó đáng được tín nhiệm. Không một tiếng nào lọt đến tai Hai Thành Long sau đêm hôm đó là Ông bị say xỉn dưới đò; và cũng không ai biết tí ti gì về sự tồn tại của cái va-li kia. Nói ngay thì Ông "quản lý" cái va-li bạc đó vào thời điểm đó; chứ còn số tiền đó được phân bổ, sử dụng vào những việc gì thì họa chăng chỉ có chính Ông ta mới biết.

7

Bảy ngày sau, một buổi xế trưa, một chuyến ghe máy chở đến bến đò Trại một khách bốn chân hai sừng! Một con trâu mà chỉ trừ đám tù nhân ở Tỉnh Thành bị bắt vì tội vượt biên họa chăng mới không biết, chứ còn bất kỳ một người nào có gốc gác ở quê cũng đều thấy hai năm rõ mười rằng đó là một con trâu vừa già nua vừa còm cõi. Một con trâu đực. Gầy đến độ mà đưa nó về thành thị, dắt nó vào lớp học — vào giờ vạn vật — để hướng dẫn thêm cho học sinh về khoản xương sẩu của trâu thì có khi lại hay! Dưới đề xuất thế nào mà trên duyệt cho mua con trâu ấy của một "nông dân" bên miệt quê của Trại Trưởng với cái giá là mười bảy ngàn đồng! Chiều đến thì con vật đã được cột ở một cái cọc nơi khoảng đất trống giữa căn nhà Trại Trưởng với căn nhà của đám Công An coi tù. "Chiều tà bảng lảng bóng hoàng hôn" rồi mà tám anh tù nhân mới đi khai hoang về, chưa kịp tắm rửa, chưa kịp cơm nước, đã được cắt ra cấp kỳ dựng ngay một cái chuồng cho trâu. Trại Trưởng lăm lăm đứng đấy coi tù làm. Một anh vui miệng hỏi Trại Trưởng:

"Trâu mua về để ăn Tết hả chú Hai?"

Hai Thành Long trợn mắt, la toáng:

"Trâu đưa về để có thêm sức cầy sức kéo nữa khi làm đất, chứ ăn cái gì mà ăn?"

Mọi người đều ngã ngửa ra! Aa! trâu về để thêm sức cày, sức kéo! Mấy anh làm chuồng vừa dựng cột, vừa dựng rào, vừa lợp tôn, vừa liếc chừng qua phía con vật xuống cấp, lo lắng mai rày nếu quả có đưa trâu ra ruộng thì e rằng bốn năm anh lại phải được cắt riêng ra để làm cái việc xưa nay chưa từng có trong nghề nông là người kéo trâu để trâu kéo cày!

Nhưng mối lo đó không kéo dài qua đến ngày thứ ba! Sáng tinh mơ hôm sau, lúc cả đoàn tù kéo nhau đi khai hoang tiếp, ngang qua chỗ chuồng trâu đã chiến thì trâu không ở trong chuồng mà đang nằm kềnh ra bãi cỏ cách chuồng trâu khoảng năm mét. Ba tay CA đang hì hục xúm nhau lại để vực trâu dậy. Thấy đoàn tù đi ngang thì họ vẫy vẫy kêu người đến phụ giúp. Mười người xúm lại. Đâu vẫn hoàn đấy! Trong đoàn có người nói: "Chắc nó bịnh!" anh khác hưởng ứng: "Dám lắm à! hôm qua nó đi ghe chắc say sóng hay trúng gió hỏng chừng!" Ông Tư Sắc, cựu Hội Đồng Xã thời Việt Nam Cộng Hòa, gốc nông dân bị bắt về tội "có tham gia tổ chức mưu lật đổ chính quyền địa phương", thủng thẳng nói: "Bịnh cái đách gì! (dân địa phương trong Nam không nói "cái đếch" kiểu như người Bắc!); già quá "đát" rồi; bộ đuôi mù gì sao mà không thấy?"

Chiều đến đoàn tù chưa về đến lán trại thì đã có "anh nuôi" từ trong chạy ra, tay cầm cuốn vở, tay cầm cái bút "bi", khoa chân múa tay rao: "Ai đăng ký mua thịt trâu? ai đăng ký mua thịt trâu?..." Thằng Hải Đen từ dưới ghe xách xoong lên lãnh xuất cơm chiều ở nhà bếp tập thể; vừa bước vào cửa bếp nó đã phải thắng gấp lại. Một cái đầu trâu to tướng không còn sừng và da đã bị lột, được dựng vững vàng trên mặt đất nơi nền nhà bếp. Không còn lớp da hay mí mắt hay lông nheo bao quanh, hai con mắt trâu chỉ còn gọn lòng trắng và lòng đen, nhìn thẳng tắp vào ngay mặt thằng Hải! Hay đúng hơn là cặp mắt của con trâu chết nó đang nhìn vào khoảng hư không, bởi mắt không còn "định" vào đâu nữa. Như thể một ánh mắt đang nhìn trân trối vào mặt một đấng tạo hóa siêu nhiên nào đấy mà ngơ ngác hỏi: "Cái kiếp của tớ vốn đã khốn cùng rồi, sao còn phải về làm cái giống gì nơi chốn này; nhỉ?"

Thịt trâu xả ra đem bán cho tù, tính sổ lại được tất cả ba ngàn bảy trăm đồng. Chưa hết! Thịt ế còn lại nhiều quá; cho dù Trại Trưởng đã nhận riêng gần một phần năm con trâu — những chỗ ngon lành nhứt — để biếu thân nhân trong Xã cũng như để mời bạn bè đến dự bữa nhậu đêm hôm đó. Bởi thế mà bao nhiêu thịt còn lại, Trại Trưởng lệnh cho nhà bếp của tù nấu tất tật để "bồi dưỡng" anh em suốt tuần lễ còn lại. Tất nhiên tiền thức ăn tính theo chỉ tiêu quy định cho mỗi đầu tù

nhân sẽ được khấu trừ cho đến hết thì thôi. Nói khác thì tức là "anh nuôi" của tù nhân sẽ phải hạch toán đủ số phí tổn ấy, và lãnh đạo trại chỉ cấp số sai biệt giữa tổng số tiền thức ăn trong tháng trừ đi tiền thịt trâu. Tóm lại thì đấy là một trong những con trâu già đắt giá nhất trong lịch sử của giống người!

8

Đêm hôm đó giữa lúc ghe đò nhộn nhịp ở bến đò Trại, thả xuống hết đám khách quen này đến đám khách quen khác của Hai Thành Long thì ở phía lán trại của đám tù đèn đuốc cũng được cơi bấc lên sáng trưng; và mọi người cũng được ăn nhậu thoải mái như ai; hay đúng hơn là hầu hết mọi người. Bởi trong đám có không ít người không quen ăn thịt trâu hay uống đế cho đến nơi đến chốn! Ấy là cái đám gồm một nhà Sư, ở với Cộng sản thấy thiếu thốn tiện nghi đủ thứ nên tìm đường vượt biên và bị bắt vì tội vượt biên; một Linh mục bị bắt vì — tin hay không là tùy! — nhà thờ của ông bị nhà nước ở huyện chủ trương đóng cửa, nên muốn có cớ để đóng cửa nhà thờ thì phải bắt ông trước! Ấy là cái đám gồm một kiến trúc sư, một nha sĩ, một cựu giáo sư piano trường Quốc Gia Âm Nhạc thời VNCH — cùng bị bắt khi tàu vượt biên bị bão thổi dạt vào bờ; và sáu sĩ quan Trung Úy Hải Quân VNCH đi "học tập cải tạo về" rồi do tình hình chiến sự ở biên giới Tây Nam nên lại được Đảng và Nhà Nước tập trung cho đi "học tập cải tạo tiếp"! Ấy là một cựu thiếu tá Quân Nhạc VNCH, sáu anh thanh niên đang tuổi sinh viên; cùng bị bắt về tội vượt biên khi tàu mắc cạn ngoài cồn cát ở cửa biển. Ấy là một cựu đại biểu Hội Đồng Tỉnh cũng như bốn viên chức hành chánh, một y tá quân y ở Thị Xã. Đều là người "cũ" cả! Và cạnh đấy là một người mà đặc biệt là dù có quen hay không quen nhậu thịt trâu với rượu đế cũng không dám tự cho phép mình nhào vào đám nhậu nào; một người từ đầu hôm cứ thế mà đi rảo từ đầu đến cuối lán trại để nhẩm điểm mặt quân số. Ấy là Đoàn Trưởng Lục Bình; cựu cán bộ Thông Tin Chiêu Hồi thời VNCH. Sáu CA coi tù đi theo đoàn thực tế là chỉ ngày ngày thay phiên vác súng ra hiện trường, kiếm một cái bụi cây rồi chui vào đấy ngủ gà ngủ gật; và chiều đến thì gom súng lại một nơi, kéo nhau xuống Xã đá banh để rồi sau đó đi tán gái hay đi nhậu nhẹt cho đến khuya. Coi tù thì đã có tù! Xểnh một anh tù thì người lãnh búa đầu tiên là Đoàn Trưởng; kế đến là Đoàn phó; rồi thứ ba nữa đến Đội Trưởng và Đội Phó.

Đêm hôm đó, thằng Hải Đen không tham gia đám nào. Nó không tham gia với đám đồng cảnh vì đàng nào, sinh hoạt riêng rẻ như nó bấy nay thì nó cũng ít có thân với ai; mà ai thì cũng lại e dè với nó; bởi nó ở gần với Trại Trưởng, Trại Phó; gần với đám Công An. Mà đối với đám khách khứa đang nhậu nhẹt, la lối om xòm ở lán trại của Trại Trưởng nơi có đèn măng xông sáng trưng, thì nó lại càng không có tư cách để tham gia! Nó có mục khác hợp với nhu cầu cũng như sở thích của nó hơn!

Hai chị em con nhỏ người Việt gốc Hoa mà chiều chiều nó được ngắm đùi, bụng, mông, ngực một cách rạo rực, háo hức ở trong lòng thì cái con chị cũng đã đầu mày cuối mắt với nó chán chê rồi; nhất là khi cô ả thấy cái thân hình cường tráng, khỏe mạnh và chắc nịch của nó khi nó chỉ vận có mỗi cái quần đùi, đứng loay hoay một hồi trên ghe thì rồi cũng nhảy xuống nước, vừa tắm vừa bắt chuyện với hai cô. Đêm hôm qua nó đã hẹn hò với cô ta ở bờ lạch. Cũng đã liều mạng ôm ấp, sờ soạng nắn nót rất tận tình, nhưng muỗi đói nhiều quá nên cũng cản trở không ít cho sự dục vọng của đôi bên. Vả lại con bé cũng ngại Ông già Bà già. Lấy cớ là đi toa lét; nhưng toa lét gì mà lâu dữ vậy? Đêm nay thì tình hình thuận lợi trăm bề! bởi Ông Bà già cô nàng hồi trưa xuống ghe về Thị Xã mấy ngày để "lấy đồ tiếp tế". Hồi chiều cùng hụp lặn ngoài lạch nó nghe cô nàng nói bâng quơ như thế là nó đã hiểu ý! Do đó mà chả cần hiệp đồng hay hội ý gì trước với nhau; đúng chín giờ rưỡi tối, giờ mà đám "ra đi bán chính thức" hụt bên kia mấy dãy trại còn đang châu đầu vào các đài bán dẫn để nghe tin đài BBC, VOA thì thằng Hải Đen, êm đềm như một giọt sương khuya, lẻn qua lán nơi chị em hai con bé người Việt gốc Hoa nọ tạm trú. Trong bóng tối, ở hai cái sạp đối diện với nhau vừa làm giường ngủ vừa làm nơi sinh hoạt nội bộ gia đình hàng ngày gồm bốn người, thằng Hải nó thấy căng hai cổ màn trắng xóa! Từ hồi đầu hôm, cô chị đã bàn với cô em là: "Mày qua nằm bên giường Ba Má để canh đồ phía giường bên đó!" Nghe có lý quá rồi còn gì! Nhưng cái "bên này" với "bên kia" thì chỉ có hai chị em nhà nó biết; chứ còn thằng Hải làm sao khi đột nhập vào đến đấy lại có thể biết chắc được rằng "bên nào" là "bên nào"? Nó quên, hay đúng hơn là nó không biết mấy chữ "tình chàng ý thiếp" trong vấn đề quan hệ nam nữ theo như cổ nhân đã truyền lại! Bởi nó đang tần ngần thì một cánh tay trắng trẻo từ bên trong một cổ màn bèn thòng ra, đung đưa. Nó vén màn, cố gắng hết sức để tấm thân lực lưỡng của nó không làm rung động cả cái sạp ghép bằng cây chà là mà bên trên gia chủ đã phải phủ cả ba bốn lớp chiếu cói cho đỡ cấn. Hai sự chờ đợi, phập phồng, hồi hộp, nao nức vì khao khát cùng nhập lại làm một. Bàn tay đôi bên cùng luồn vào da thịt dưới lớp áo quần của nhau; những bàn tay cùng bủa chạy trên khắp người nhau giữa tiếng thở được kiềm hãm; bởi chỉ cách đó một tấm phên mỏng mà thôi là "hộ" gia đình nhà kế bên. Cả hai đứa chẳng cần ai phải bảo ai, đều cũng phải giữ vững cho thân xác mình không theo bản năng mà quằn quại, vật vã theo sự thôi thúc sục sôi của dục vọng; khi mà cả hai cơ thể chỉ còn da với thịt gắn liền lại với nhau trong từng đợt co giựt.

Giữa lúc thằng Hải Đen đang mất hết mọi ý niệm về không gian và thời gian thì bên kia bờ hào ngập nước, phía dãy trại của đám tù nhân, có tiếng người chạy rần rật và tiếng hô hoán cực kỳ khẩn trương. Con bạn của nó hốt hoảng thì thầm bên tai nó:

"Chết cha! Gì vậy Anh?"

Nó kềm nhịp thở; lắng nghe tiếng người, tiếng chân chạy thình thịch phía mái ngoài, nói:

"Chắc có đứa đánh nhau!"

Ngay lúc ấy thì từ tuốt ngoài xa nữa có tiếng người la toáng:

LƯU HY LẠC

KỂ, QUA PVC

chạng vạng nước đọng vũng tình
đụng chân giường ướt vô hình vô chung
giũ chăn gối trôi nóc mùng
đợi em thề ván nằm cùng chiêm bao

ngọn vông cặm óc túa sao
đũa tâm thức gắp nhói đau bộn bề
chuyện mây gió kể não nề
trần thân đập miếng thói lề rữa da
gặp đôi người mớ như ma
chỗ hư không chỗ ở qua đời này.

"Thằng Hải đâu? Hải Đen đâu?"

Giờ thì đánh nhau hay không đánh nhau khoan vội biết; chỉ cần biết là có ai đang tìm nó; mà ai đó tìm nó thì chẳng ai khác hơn là Trại Trưởng, Trại Phó hay đám Công An coi tù. Nó mặc vội quần áo. Kẹt một cái là um xùm trời đất như vậy thì phía dãy trại của đám "bán chính thức" bên này chắc chắn phải có người ghé mắt nhìn ra để coi xem "bên cải tạo" đang có chuyện gì. Mà không chừng con em cô bạn nó cũng đã bừng tỉnh và ngồi trong màn ngó ra. Đành vậy chứ biết làm thế nào? Nó trườn mình từ sạp xuống đất, rồi ép mình sát đất mà bò ra mé ngoài, bò dọc theo vách dãy nhà một khoảng ước chừng hai ba căn gì đó, rồi bắt đầy chạy ra phía bãi đất phía sau khu "bán chính thức," bọc ngược trở ra phía cổng, rồi phóng ra bến đò Trại. Cũng may mà không có điện đóm gì nên bóng tối là đồng minh đắc lực nhất. Về đến bến đò thì thằng CA Mười Thanh và Bảy Kích đang cầm đèn pin hươi hươi khắp bốn phương tám hướng. Ánh đèn chiếu vào mặt thằng Hải Đen; Bảy Kích nói: "Cho chạy ghe liền!" Nó không cần thắc mắc gì thêm; nhảy lên ghe, cho nổ máy. Con nước đang lên. Thằng Hải ra cầm cần lái; thằng Mười Thanh cầm cây sào chống vào bờ lạch, đẩy đầu ghe ra giữa lạch. Đám mấy thằng Tư Lợi, Năm Sáng, Hai Thiệt, Bảnh Lùn, AK và M79 cầm tay, băng đạn đeo cùng mình, từ trên bờ theo nhau phóng xuống ghe. Mười Thanh cầm cái đèn pin khoát khoát luồng ánh sáng về hướng Đông Nam con lạch; chỉ có hướng đó để ghe xuất phát mỗi lần rời bến, bởi ngược lại chỉ có đi đến cuối con lạch dẫn vào Xã. Thằng Hải Đen cứ thế mà cho ghe bắt trớn. Nó theo dõi đám CA coi tù trao đổi một cách khẩn trương với nhau:

"Mấy đứa?"

"Hình như bốn!"

"Bao lâu rồi?"

"Hổng biết! Nhưng chắc cũng mới đây thôi; bởi thằng Mười Hải (Đoàn Phó của đám tù; chú thích người viết) nó phát hiện ra là nó chạy đi báo thằng Lục Bình, rồi tụi nó báo tao liền."

"Chú Hai với anh Tư hay biết gì chưa?"

"Tao báo anh Tư rồi!"

"Ê! cái gì cà!"

Cả năm cái đèn pin cùng quờ quạng rồi tụ về một hướng, nơi ánh sáng đầu tiên của thằng Bảy Kích phát hiện ra hai bóng người đang chạy lúp xúp giữa đám cỏ hoang cao ngập đầu gối người, phía một bên bờ lạch. Mười Thanh la: "Tắp vô bờ! tắp vô" Thằng Hải Đen nhả ga, tắp ghe vô bờ. Con nước đang cao nên ghe cũng cao ngang bờ đất, chứ còn gặp lúc nước xuống thì vô phương mà quan sát. Có cái lạ là hai bóng người kia đang chạy về hướng trại! Một thằng trong bọn Công an nói: "Sao tao thấy có hai thằng à!" Thằng khác: "Thì cứ nắm tụi nó xong rồi tính!" Đám CA phóng lên bờ; đuổi theo hai bóng người phía xa. Một thằng nổ một loạt AK lên trời. Hiệu nghiệm tức thời! Hai bóng người nọ dừng ngay lại; bốn cánh tay giơ cao lên trời kia khi ẩn khi hiện. Chỉ một thoáng, cả bọn đã tiến đến gần. Sáu tia đèn pin bấy giờ tập trung vào mặt hai đối tượng nọ. Thằng Mười Thanh quát: "Quỳ xuống!" Hai đối tượng kia riu ríu quỳ xuống. Tưởng ai! hóa ra thằng Tánh và thằng Nên, hai can phạm hình sự; còn tuổi thanh niên cả! Thằng Mười Thanh lấy cung tại chỗ:

"Mấy đứa kia đâu?"

"Dạ, em hổng biết, Anh Mười!" Thằng Nên run rẩy trả lời.

Mười Thanh, chân mang giầy vải màu vàng vàng của Công An, đá một đá ngang cần cổ thằng Nên, làm thằng nhỏ ngã chúi qua một bên.

"Hổng biết hả? Hai đứa bây đi chung với tụi nó, sao lại hổng biết?"

Thằng vừa bị đá vội vàng lồm cồm bò dậy; vẫn ở tư thế quỳ:

"Dạ, thiệt mà Anh Mười! Ra tới ngoài này, em đổi ý kiến, nói với mấy đứa để em lên bờ. Thằng Tánh nó cũng nhảy lên theo em luôn. Lớp vì bốn thằng nặng ghe nên hai đứa tụi nó cũng hổng có ý kiến gì."

"Vậy là bốn đứa hết thảy phải hông?"

"Dạ."

"Còn đứa nào nữa không?"

"Dạ, không đâu Anh Mười!"

"Mày chắc không?"

"Dạ, chắc mà Anh Mười!"

"Hai đứa tụi nó chèo đi ngả nào?"

"Dạ, hướng đó Anh Mười!" (thằng Nên đang tay chỉ hướng).

Mười Thanh day qua thằng Nam Sáng và thằng Bảnh Lùn, nói:

"Hai đứa ngồi đây canh chừng hai thằng này. Tụi tao đi lo hai thằng kia."

"Hổng đưa tụi nó về Trại hả?"

"Khoan chờ tụi tao kiếm được hai thằng kia rồi đưa về luôn!"

Thằng Hải Đen chờ một hồi trong bóng đêm; máy ghe vẫn để

nổ cành cành vì sợ tắt máy thì lát nữa e nó giở chứng không chịu nổ lại. Lúc bọn Công an trở lại thì chỉ còn bốn thằng. Chúng nhảy vội lên ghe. Mười Thanh khoát tay chỉ hướng để thằng Hải cho ghe chạy tiếp. Thằng CA dục:

"Ghe gì mà chậm rì vậy?

"Hết mức rồi đó anh Mười! (thằng Hải phân bua).

Đến đoạn con lạch bắt nhánh, tẻ ra hai hướng chéo nhau. Thằng Bảy Kích lầu bầu:

"Rồi! khổ đời rồi! đ.m, hướng nào đây?"

"Không lẽ tụi nó ra sông lớn?" thằng Nam Sáng đưa ý kiến.

"Hổng ra sông lớn làm sao đón ghe đi?" thằng Hai Thiệt góp ý.

Mười Thanh quyết:

"Tụi nó phải độ chừng là mình phát hiện và xách ghe đuổi theo; hướng này hổng đưa ra sông (nó dang tay ra chỉ) nhưng tụi nó tấp ghe vô đâu đó rồi băng đồng chạy ra sông lớn thì cũng vậy! Bắt qua ngã này, Hải!"

Thằng Hải bẻ cần lái, cho ghe chạy về hướng Nam. Mấy thằng CA trên ghe bắt đầu phân vân, nao núng; và càng như vậy thì chúng càng bực. Thằng Bảy Kích lầu bầu:

"Đ.m. thấy tụi nó là tao làm liền!"

Thằng Hai Thiệt trách;

"Mà sao hồi nãy hỏi cái thằng quỷ đó Anh Mười hổng hỏi coi tụi đó trù tính đi ngã nào, đến đâu trước?"

Mười Thanh:

"À đúng! Tao quên! Đ.m. ; mấy lít đế từ hồi hôm nó cũng làm mình hết còn sáng nước!"

9

Thằng Hải nhớ rõ như in cái câu nói đùa của thằng Mười Thanh; bởi sau này khi có dịp nhắc lại sự việc đêm hôm đó nó quả quyết rằng đồng ý là đêm hôm đó, trước đó thì tụi Công An coi tù đã nhậu nhẹt đã đời, nhưng đến khi xuống ghe thì tất cả bằng ấy thằng đều còn tỉnh táo. Cỡ tụi nó thì phải để nhậu đến hai ba giờ sáng may ra mới có thể nói chuyện say theo cái nghĩa không còn làm chủ được lý trí.

Ghe chạy vừa được một đoạn ngắn thôi thì đèn pha nơi ghe, rồi ánh đèn pin của thằng Hai Thiệt và thằng Tư Lợi cũng phát hiện ra chiếc xuồng ba lá trôi lờ đờ gần giữa lòng lạch. Bọn nó la lên. Thằng Hải Đen phải nhả vội ga, rồi lách ào qua một bên để ghe không đụng xuồng. Ghe tấp vào bờ. Bốn thằng CA cùng rời khỏi ghe. Thằng Mười Thanh nói với:

"Tao với Tư Lợi đi ngả này; mày (chỉ Bảy Kích) với thằng Hai Thiệt bọc qua ngả kia; mình cùng nhắm phía sông. Hẹn chừng nửa giờ, hổng phát hiện ra tụi nó thì về đây; chừng phát hiện thì nổ liền ba tiếng súng. Còn thằng Hải: mày lội ra kéo chiếc xuồng vô, cột theo ghe để lát kéo về."

"Nhứt trí!" thằng Bảy Kích nói, và tất cả bọn chúng cùng chạy băng qua cánh đồng bên bờ lạch.

Quá nửa tiếng rồi mà thằng Hải Đen vẫn chưa thấy đứa nào trở về. Đang lưỡng lự thì nó chợt nghe tiếng súng nổ từ xa. Nhưng lạ! không phải ba tiếng rời rạc và nối tiếp nhau như đã giao ước mà thoạt đầu là mấy loạt đạn liên tiếp; rồi kế đến — sau chừng mười phút không ít — là từng tiếng, từng tiếng một; đứt quãng; tất cả khoảng chừng mươi mười lăm tiếng. Nó nhìn về hướng có tiếng súng; không gần mà chắc chắn là cũng không đến nỗi xa lắm. Không lẽ hai thằng trốn trại kia cũng có súng, và khi bị phát hiện thì cũng nổ súng bắn lại? Vừa lúc đó thì thằng Hải Đen nghe tiếng chân người bước thình thịch từ phía xa, trên bờ hướng về phía nó. Hai bóng đen đến gần, im lặng chỉ thở hổn hển, không ai nói tiếng nào. Nó nhận ra Mười Thanh và Tư Lợi. Nó hỏi:

"Bộ anh Mười hổng nghe tiếng súng phía đằng kia hay sao?" (nó dang tay chỉ).

Mười Thanh lắc đầu, nói như muốn hụt hơi:

"Xa quá! để tụi nó dắt về đây; kiểu này chắc bắt được rồi!"

Hai thằng CA ngồi lại trên bờ lạch. Giờ thì cả ba đứa cùng sốt ruột. Muỗi thấy người tụ tập cũng tăng cường quân số để tấn công. Đồng hồ tay thằng Hải chỉ ngoài mười hai giờ đêm một chút. Khoảng hai mươi phút sau thì có tiếng người từ phía đồng trống bước đến gần bờ lạch. Tiếng thằng Bảy Kích hô:

"Có ai về chưa mày Hải?"

"Chi đó mày Bảy?" Mười Thanh đáp.

"Anh Mười lại đây tụi này trao đổi chút!"

Mười Thanh và Tư Lợi cùng đứng dậy, đi sâu vào bóng đêm, phía hai đứa kia đang chờ. Rồi bọn chúng kéo nhau ra xa hơn một chút nữa; chụm đầu nói rù rì gì đấy với nhau một chặp. Xong đâu đấy lại kéo nhau trở ra ghe; Mười Thanh nói với thằng Hải Đen: "Về trại mày Hải!" Thằng Hải cứ thế mà lẳng lặng cho ghe nổ máy; Mười Thanh chống sào chuyển hướng ghe. Trên đường về, ghe dừng lại để cho đám thằng Nam Sáng và Bảnh Lùn, đến giờ đó nóng ruột đã dắt thằng Tánh và thằng Nên ra ngồi chờ ở bờ lạch, cùng nhập bọn. Về đến bờ trại thì đèn đuốc phía trại tù đã tắt ngúm; còn đèn đuốc trên chỗ nhà Hai Thành Long vẫn sáng trưng, và tiếng cười tiếng nói vẫn râm ran y chang như hồi đầu hôm. Mười Thanh nói với thằng Hải Đen tắt máy ghe, chờ đó, khoan đi ngủ. Mà thằng Hải thì với hai biến cố cùng giật gân như nhau từ hồi đầu hôm đến giờ, thần kinh đã căng thẳng đến cực độ. Trong khoảnh khắc nó sực nhớ đến chuyện nó với con nhỏ hồi tối; và lòng nó lại thấy rạo rực, thèm muốn.

Nó gà gà đâu được chừng nửa tiếng dưới ghe thì có tiếng chân người rậm rịch trên bờ. Coi bộ đông dữ! Họ đến gần; thằng Hải thấy Trại Phó Tư Dũng cùng đi với mỗi thằng Bảy Kích trong đám CA ban nãy, còn bảy người nữa — kể cả Đoàn Trưởng Lục Bình — là tù nhân. Nó thấy họ vác theo hai cái đòn tay dài mỗi cái khoảng ba mét. Lại có thêm cả dây nhợ mang theo. Tự nhiên một luồng khí lạnh chạy dài từ ót thằng Hải Đen xuống đến mẩu xương cụt của nó. Nó linh cảm rằng đã có chuyện gì rất chẳng lành xảy ra cho hai tù nhân bỏ trốn hồi tối. Mọi người lục tục bước xuống ghe. Con nước đã bắt đầu đứng. Chỉ còn chẳng bao lâu nữa là thủy triều bắt đầu rút. Thằng Bảy Kích ra lệnh cho Hải Đen cho ghe nổ máy và ra lại "chỗ lúc nãy"! Trại Phó Tư Dũng yên lặng đứng khom người hút thuốc, một cẳng chống lên thành ghe, cùi chỏ tay mặt chống lên đầu gối bên mặt. Ghe chạy ra đến chỗ "lúc nãy" thì chỉ mỗi mình nó ở lại ghe, còn tất cả mọi người thì

HOÀNG XUÂN SƠN

TRÊN MÂY, BỤI VÀ RÁC

(hx cho xh)

Vẫn còn xe, ngựa đấy ư
chiều đi mê lạc bước mù trong sương
cỏ xưa trăm sợi buốt hồn
hình em dáng thạch cổ buồn như nhau
ta về bến đợi nghìn thâu
nhìn con trăng dãi một màu nguyên sơ
súng gươm hệ lụy bao giờ
buồn đất đá cũng bâng quơ thụ tình
mai rồi bụi rác phiêu linh
không can qua cũng hiện hình máu xương

theo thằng Bảy Kích đi xa về phía ngoài đồng có loang loáng đó đây ánh nước. Tự nhiên nó thấy buồn vô hạn! Những lúc như thế này nó mới thấy thấm thía về cái thân phận tù đày của mình. Thường thì các bạn tù của nó sinh hoạt theo nếp của họ; còn nó có nếp sinh hoạt của nó. Nhưng những lúc đụng chuyện như thế này thì nó sực nhận ra cái "chung" gắn liền số phận của nó với các bạn "đồng cảnh"!

Gần một tiếng đồng hồ sau, lúc con nước đã bắt đầu rút nhanh trong lòng lạch thì đoàn người khi nãy trở lại. Cảnh tượng diễn ra khiến thằng Hải Đen điếng người. Hai cặp tù nhân, mỗi cặp gánh trĩu trên vai cái đòn tay có cột toòng ten một cái xác người! Cổ chân và cổ tay nơi mỗi xác được cột túm lại với nhau để làm hai cái nạng. Đòn tay được xỏ qua hai cặp nạng đó để khiêng cái xác như khi thợ săn cho người khiêng xác thú rừng bị hạ. Thằng Hải không dám chần chừ gì nữa, vội vàng cho ghe nổ máy. Quýnh quáng một hồi nó mới khởi động được cái máy ghe. Từng ấy người trên ghe không ai nói một tiếng trên suốt đường về.

Về đến trại đám khách khứa trên nhà Trại Trưởng vẫn không cho thấy dấu hiệu gì là bữa nhậu sắp tàn. Giờ đó thì thằng Hải Đen lại thấy loáng thoáng bóng dáng của mấy chị phụ nữ. Tư Dũng nói rù rì cái gì đó với Đoàn Trưởng Lục Bình đâu một chặp, xong rồi anh trở vào chỗ đám tiệc. Hai con mắt thằng Hải Đen giờ này mở trừng trừng. Giá có cho nó uống nguyên một chai thuốc ngủ chắc nó cũng không cảm thấy buồn ngủ! Nó lần mò theo hai xác tù nhân được đồng cảnh gánh ra một bãi đất trống, gần một cái mương. Họ đặt hai cái xác trên đất; bắt đầu cởi dây nhợ ra. Đoàn Trưởng Lục Bình lật bật xách cái đèn bão cầm tay, đến đứng gần đấy để soi sáng cho mấy người kia tiến hành công việc tẩm liệm. Ở đấy chỉ có đám tù nhân; không một thằng công an nào. Thằng Hải Đen thấy hai ống "quyển" nơi mỗi xác đều bị đạn bắn gãy gập. Chưa lìa ra là bởi còn chút thịt và da giữ lại. Nơi ngực và lưng cái xác nào cũng máu me đầm đìa. Và sọ não của cái xác nào cũng vỡ ra tung tóe. Óc trào ra vừa trắng cái trắng của óc, vừa đỏ cái đỏ tươi của máu. Anh Tám Tươi vừa cùng mấy người nữa dùng nước từ dưới mương đo người khác truyền tay để rửa hai cái xác, vừa nước mắt nước mũi đầm đìa nói nhẹ nhàng:

"Chỗ tụi nó nằm, tui thấy đám cỏ bị chà rạp xuống mặt đất nguyên cả một khuỷnh lớn. Chắc trước khi chết tụi nó phải vật vã đau đớn lắm!

Không ai buồn nói gì thêm! Hai người nữa chờ cho hai cái xác được rửa xong thì mặc vào mỗi cái một bộ quần áo khô ráo của chính chủ nhân khi còn sống; những bộ quần áo mà họ lặng lẽ trở về trại để lục lấy ra, bởi khi đi thì hai kẻ đào thoát đó đã tránh đem theo đồ đạc, nói ngay thì cũng chả có cái quỷ gì — để khỏi bị lộ. Xong rồi thì họ cột mỗi cái xác vào một tấm nylon lớn màu xanh da trời, hai tấm nylon mà nửa chừng một thằng CA từ đâu trong nhà của nó đem ra lặng lẽ vứt đấy rồi bỏ đi vào. Xong đâu đấy thì người ta bèn cột túm hai đầu bao nylon ở mỗi cái xác bằng giây luộc; rồi lại cột chúng vào cũng cái đòn tay đã khiêng xác về, và khiêng ra tuốt ngoài cái giồng cát gần chỗ có cây me, chỗ có rải rác chừng một chục ngôi mộ hoang. Chôn cất hai đồng cảnh xong thì đám tù còn sống đó bèn ra bên bờ lạch tắm qua quít, bởi nước rút xuống đã lợm mùi bùn. Rồi họ lặng lẽ đi về trại. Đâu đấy vẳng đưa tiếng gà sang canh.

10

Mãi đến cả tháng sau, tin tức truyền miệng từ người này qua người khác mới len lỏi được qua ngần ấy sông lạch để về đến tai thân nhân của hai kẻ xấu số bị CA ở Trại Cả Cát hạ sát. Một buổi xế trưa, trong cái nắng dìu dịu của ngày Tết sắp đến, đám tù nhân thấy mấy người phụ nữ gầy guộc, mặc quần áo đen của nông dân, đầu chít khăn rằn — tức là đúng kiểu trang phục mà bộ máy tuyên truyền của Đảng và Nhà Nước thường đưa lên báo chí hay truyền hình, phim ảnh, để lấy làm "hình tượng" cho mẫu phụ nữ nông thôn "cần cù chất phác kiên cường" mà Đảng với Nhà Nước rất mực quý trọng thương yêu — kéo nhau đến vật vã khóc than bên hai ngôi mộ đã lơ thơ mấy ngọn cỏ xanh. Gió lộng đâu từ biển, từ sông lớn thổi qua những cánh đồng trống mênh mông, về đến Cả Cát và đưa đám tro bụi của vàng hương bay bổng lên cao.

Đám tù nhân khổ sai chuẩn bị "ăn" cái Tết của tù khổ sai. Đám ra-đi-bán-chính-thức-hụt cũng chuẩn bị hưởng cái Tết của sự ra đi bán chính thức hụt, với nhân số giảm đi hai người do chết vì bệnh sốt rét cấp tính.

Những ngày gần cữ cuối năm, thằng Hải Đen phải lái ghe đưa lãnh đạo trại đi công tác khá nhiều đợt. Một mình nó vừa lái ghe vừa coi kho nhắm chừng

không xuể nên Hai Thành Long đã chiếu cố cất nó khỏi việc coi kho, giao cho một tù nhân già đảm nhiệm. Nhờ đó mà những buổi chiều rảnh rỗi, không phải công tác thì nó lo chuyện tư tác! Nó hẹn với cô bạn người Việt gốc Hoa của nó ra những quãng đất hoang chờ nước thủy triều dâng lên để bắt "Vọp," tức là những loại sò hình thù như con hến nhưng to bằng cả nắm tay và đen thủi đen thui khi lớn hết cỡ. Thịt vọp dai hơn thịt hến một chút nhưng lại rất ngọt. Thủy triều hàng ngày rút uống thì vọp nằm vùi dưới đất bùn, dưới cát. Thủy triều bắt đầu lên, khi nước bắt đầu lan trên lớp đất bùn hay cát đã khô trong ngày thì vọp bắt đầu chuẩn bị mở nắp vỏ để đi kiếm ăn. Khi mặt nước đã dâng cao khoảng mười đến mười lăm phân, trên mặt nước phẳng lặng nếu có gợn nước từ dưới sủi sủi lên y hệt như người ta đun nước và nước bắt đầu gờn gợn sôi, thì đấy là dấu hiệu chứng tỏ rằng ngay bên dưới đang có con vọp mở vỏ. Chỉ việc thò tay xuống ngay đấy là lôi lên được một anh. Đám trẻ bên khu "bán chính thức" học được cái ngón ấy nên chiều chiều đều bủa đi bắt vọp. Đám tù nhân tất nhiên là cũng rất muốn, nhưng giờ đó đang còn tiếp tục làm công việc khổ sai trong ngày nên vô phương bắt vọp. Mãi đến tối mịt họ mới kéo nhau về trại thì nước đã lên cao quá cái cữ để có thể rình bắt vọp; mà cũng chả ai cho phép họ bủa ra đi lang thang khắp chốn để mà kiếm chác. Thằng Hải Đen tương đối thoải mái hơn về mặt giờ giấc. Bởi thế nó nộp cho Hai Thành Long một nửa — tức là khoảng mươi mười lăm con — để "giã" nướng mà nhậu với đế. Nó giữ lại một nửa để tối về đem xào lên, trộn thêm mắm muối bột ngọt và đổ chúng vào nấu với cháo. Món ăn sang nhất của nó trong tù là món đó, ngoài cái món cua biển hay cua lột mà chỉ hên lắm thì thỉnh thoảng mới có thời giờ đi bắt. Nhưng cái mục đích chính khi đi bắt vọp là cốt để được gặp người yêu của nó! Giờ thì hai đứa đã mặn nồng khăng khít với nhau lắm rồi. Hai bên đều cùng đã một ngón tay chỉ lên trời, một ngón tay chỉ xuống đất để cam kết với nhau rằng thế nào sau này cũng thành vợ thành chồng! Nhưng đời thằng Hải thì rồi ra về cái mặt tình duyên e rằng cũng còn gút mắt chán! Bởi nó vẫn tiếp tục thư đi từ về với cô vợ chưa cưới đầu tiên của nó ở Thị Xã. Con bé không biết có "kẹt" cái gì với nó hay chưa mà tuy trẻ đẹp và đang ở mãi tận Thị Xã văn minh kia nhưng dường như vẫn một lòng chờ đợi nó cho đến ngày mãn tù. Mà án của nó, kỳ lạ thay là cái "Pháp Chế Xã Hội Chủ Nghĩa," với vụ "con heo dầu" của nó thì chỉ có án "cho đi tập trung cải tạo để trở thành người tốt" chứ không định rõ thời gian! Một mặt khác thì nó vẫn tiếp tục "đi lại" với cái cô tên Thúy ở dưới Xã. Cô nàng là dân địa phương nên cô rất rành cái khoản chèo ghe. Bởi thế cô hò hẹn với nó trên đường thủy. Còn cái cô con gái người Việt gốc Hoa kia, vì từ bé đến lớn dù sao cũng ăn trắng mặc trơn nên không quen với cái màn ghe xuồng; bởi thế cô hẹn với người yêu của cô bằng đường bộ! Chỉ có điều là tham vàng bỏ ngãi, thằng Hải Đen coi bộ khăng khít với cô bé người Việt gốc Hoa trắng trẻo, tròn trịa kia hơn là so với cô nông dân dưới xã!

Chiều chiều, gần đến giờ tắt nắng, đám tù khổ sai làm xong "chỉ tiêu" công việc trong ngày, kéo nhau ra những khúc sông lạch gần hiện trường mà tắm rửa trước khi về trại thì thường vẫn thấy một cô thôn nữ có thân hình khỏe mạnh rắn chắc, chèo chiếc xuồng ba lá ngang qua mà con mắt cứ ngó chừng hết bờ đất hoang này đến lùm bụi khác ngoài cánh đồng. Cô biết là ghe thằng Hải Đen vẫn đậu yên đó ở bến đò trại, tức là nó vẫn không phải đi công tác. Cô cũng biết là nó được miễn tham gia thứ công việc khổ sai của đám đồng cảnh của nó. Nhưng còn giờ đó nó đang làm gì, với ai, ở đâu thì cô vẫn chưa biết! Trong đám tù khổ sai kia thì tất nhiên cũng có bọn trẻ thuộc đám hình sự chúng nó nhìn thấy cô thôn nữ và đem lòng ghen ghét với thằng Hải Đen không ít! Thấy cô thì mười lần như một, không đứa này thì thể nào cũng có đứa kia buông lời phân ưu theo cái kiểu: "Nó ham ăn hột vịt muối, nó theo người ta rồi em ơơi!" hoặc: "Về lo tiếp tục mần ăn rồi chờ Anh đây nè, em ơơi!"

Một buổi chiều giáp Tết như thế, cái cô con gái đang thì tên là Thúy kia còn mãi ngơ ngác chèo đò ngang con lạch có đám tù khổ sai đang hụp lặn, rửa mình rửa mẩy trước khi về trại, thì tay tù hình sự Hai Bi — tay có giọng ca Vọng cổ rất được anh em trong trại tán thưởng — đã tắm rửa xong và vấn thuốc rê, ngồi hút phì phèo bên bờ. Thấy cô chèo ghe ngang qua, Hai Bi ngẫu hứng thế nào, không nói tầm bậy tầm bạ gì nữa như mọi lần, mà lại cất cao giọng hò! Nó hò rằng:

"Hò.ơ.ờ.ơ.ớ.ơ.ờ.ơ.ơ...

"(Chớ) ai về Thạnh Phú (mà) Bến Treee...

"Hỏi thăm... (hỏi thăm chớ mà) cô Thúy...

Hò.ơ.ờ.ơ.ớ.ơ.ơ.ờ.ơ...

(Chớ) hỏi thăm (mà) cô Thúy (coi cái thằng Hải nó) chém "vè" (1) (nó chém đã) xong ơ.ờ.ớ chưaaa?

Cô thôn nữ cứ thế mà lẳng lặng chèo ghe đi. Chắc là cô buồn lắm! Tiếng hò của thằng Hai Bi theo ngọn gió chiều ngoài đồng trống lan tuốt qua tận mấy bờ lạch xa. Buổi chiều cuối năm có nắng hiền hòa và bầu trời xanh biếc. Không biết trong một cái bờ bụi nào đấy, thằng Hải Đen với cô bạn người Việt gốc Hoa của nó có nghe thấu hay không!

Ghi chú của người viết:

(1) Một đoàn người đi hành quân hay công tác tập thể với nhau mà một anh tìm cách để phú lỉnh thì bộ đội miền Bắc quen gọi là "tụt tạt"; tức là "tụt" dần trong hàng quân để gặp lúc thuận lợi là "tạt" qua một bờ bụi nào đấy để tìm đường trốn.

Còn đám tù khổ sai tre trẻ ở trong truyện thì gặp lúc đi lao động hàng ngày mà có đứa nào toan tính "tụt tạt", không để trốn chạy mà để đi mò cua bắt ốc, tìm cách "cải thiện" bữa ăn trong ngày, thì thế nào cũng có đứa cất tiếng mắng: "Bộ mày tính "chém vè" hay sao đó mày"? Thằng Hải Đen trong truyện, đang còn đi lại với cô thôn nữ tên Thúy kia mà lại bỏ bê người ta để theo cô gái người Việt gốc Hoa nọ, rồi có đứa nó gán cho cái tội là "chém vè" thì đúng quá rồi còn gì!

THANH NGUYỄN

Santa Cruz, tháng 7, 93

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

LÊ TAM CA

VĂN HỌC

Chiều Chủ Nhật 5 tháng Chạp 1993, tại Câu Lạc Bộ VAALA, một buổi **ra mắt sách** do nhiều hội Đoàn bảo trợ, có một đặc điểm là "ba hồi nhập một," tức là ra mắt ba cuốn sách một lần — của một nhà xuất bản, Tân Văn ở Tokyo, Nhật. Đó là:

1- Ngụ ngôn La Fontaine (2 tập I và II), do Đỗ Khắc Siêm dịch.

2- Tự điển giải nghĩa Điện toán, do Lê Thiệu Lương soạn, Đỗ Thông Minh hiệu đính.

3- Hồi Ký Một Đời Người, tập I, của Phạm Ngọc Lũy.

Ngụ ngôn La Fontaine đã từng được dịch ra văn vần Việt ngữ từ lâu, và đã đi vào sách giáo khoa tiểu học dùng cho nhiều thế hệ. Bản dịch mới (của Đỗ Khắc Siêm) là bản văn xuôi, có thêm phần tiếng Anh — phần văn vần do nhà nho Hà Khắc Nguyện biên soạn.

Tự điển Giải Nghĩa Điện Toán — 1200 thuật ngữ căn bản — có lẽ là cuốn tự điển đầu tiên thuộc loại này tại hải ngoại. Vừa có diễn giải, vừa có đối dịch, lại thêm phần đối chiếu bốn thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Việt, tự điển này quả là một công trình kỳ khu, một đóng góp lớn cho ngôn ngữ và khoa học.

Hồi Ký Một Đời Người, tập I, của Phạm Ngọc Lũy, ngoài phần văn bản, còn có nhiều hình ảnh có giá trị lịch sử rất lớn.

Buổi ra mắt sách, với hơn 200 người dự, hơn 10 diễn giả phát biểu, là một sinh hoạt ít có trong vùng.

Thứ Bảy 27 tháng Mười Một, Đại hội **Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ 4** đã được khai diễn với sự tham dự của một số đông người cầm bút từ các nơi đổ về San Jose.

Kết quả cuộc bầu này, liên danh ứng cử duy nhất của nhà thơ Viên Linh đã đắc cử với thành phần như sau: Chủ tịch, nhà thơ **Viên Linh**; Phó chủ tịch, nhà văn **Nguyễn Văn Sâm**, Tổng thư ký, nhạc sĩ **Nguyễn Hiền.**

Tối thứ Tư 15 tháng Chạp, tại thư viện báo *Người Việt*, nhà thơ **Trương Anh Thụy** đến từ Washington DC, đã nói chuyện thân mật với một nhóm nhà văn, nhà báo, về cuốn sách mới in của bà: tập I trong bộ trường thiên tiểu thuyết "Chuyển Mùa." Tập này mang tựa "Trạm Nghỉ Chân."

Bà Trương Anh Thụy

Đây là câu chuyện một mối tình nhẹ nhàng, thơ mộng trong bối cảnh của những năm thay đổi cục diện Đông-Tây. Nga, một "lưu học sinh" từ Hà Nội sang, gặp Tường, một sinh viên tị nạn nặng lòng với quê hương. Trong khi hai người vật lộn với những định kiến của mình cũng như của người thì chính là lúc tìm đến được với nhau, yêu nhau và hứa hẹn về một tương lai khá hơn cho quê hương, dân tộc.

Tuy phần lớn câu chuyện xảy ra ở Hoa Kỳ, tầm nhìn của các nhân vật trải dài sang đến Mạc Tư Khoa và về trong nước.

Nữ sĩ họ Trương cho biết, trước đây bà đã viết truyện ngắn (một số đã đăng trên báo *Văn*), nhưng đây là lần đầu bà viết truyện dài.

Theo nhận xét của các bạn văn có mặt trong buổi nói chuyện, Trương Anh Thụy đã "khéo" đưa một vấn đề gai góc rất thời sự, là sự hòa giải giữa những người Việt Nam, vào tiểu thuyết. Tác giả họ Trương không nghĩ rằng mình viết tiểu thuyết luận đề, nhưng sự xuất hiện của một cuốn "Trạm Nghỉ Chân" trong thời điểm này chắc hẳn không phải một chuyện tình cờ.

Trưa Chủ Nhật 19 tháng Chạp, buổi "ra mắt" tập **"Kỷ Yếu Khóa Hội Thảo 1993 Văn Học và Lịch Sử Việt Nam,"** tại Câu lạc bộ VAALA đã quy tụ đông đảo giới nhà văn và nhà giáo, cùng nhiều bạn trẻ trong vùng quận Cam.

Như TK21 số tháng trước đã thông báo, Khóa Hội Thảo 1993 đã kết thúc ngày 7 tháng Mười Một. Nhà giáo Phạm Phú Minh đã thu thập các bài thuyết giảng của các giảng viên, như Lưu Trung Khảo, Phạm Cao Dương, Phạm Quân Hồng, Cao Thanh Tùng, Vũ Ngọc Mai, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Đồng, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, v.v... in thành một tập sách nhỏ, vừa là món quà lưu niệm của "thầy, trò" trong khóa Hội Thảo, vừa là một tài liệu tham khảo hữu ích cho những người muốn tìm hiểu về văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Chiều Chủ Nhật 19 tháng Chạp, ngay sau buổi ra mắt sách của lớp Văn Sử, có cuộc hội thảo mang tên **"Bàn Tròn Văn Học,"**

do báo *Thế Kỷ 21* (báo nhà!) tổ chức, với đề tài "Tại sao anh/chị viết văn?"

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng giới thiệu việc hình thành, và chương trình "Bàn Tròn." Các nhà văn, nhà thơ, nhà bình luận như Mai Kim Ngọc, Quỳnh Giao, Hoàng Khởi Phong, Đào Trung Đạo,... đã góp tham luận. Tất cả 28 tham dự viên "ngồi" quanh bàn tròn (tưởng tượng) đều góp ý kiến của mình.

Nhà văn Phạm Xuân Đài tóm lược một số ý kiến của các bạn văn ở xa không về "ngồi" ở "Bàn Tròn" được, như Trùng Dương, Lê Văn Lân, Nguyễn Đăng Thường, Lê Thụy Vi, Đỗ Kh., Tạ Tỵ v.v...

(Xin đọc trên TK21 kể từ số này, những bài góp ý, dài có, ngắn có, nghiêm túc có, vui đùa có, và cả góp ý có vần nữa!)

BÁO CHÍ

Bước khởi đầu của việc cộng tác giữa trường Đại Học Truyền Thông và cộng đồng Việt Nam trong việc đào tạo người làm truyền thông trong khung cảnh hiện đại, đã được xây dựng qua buổi thuyết trình của Khoa Trưởng và các giáo sư trường Đại Học CSU Fullerton, khởi sự lúc 11 giờ sáng ngày Chủ Nhật 12 tháng Chạp, tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, đường Moran, thị xã Westminster.

Buổi thuyết trình do Nhật báo *Người Việt* phối hợp cùng Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ và trường Truyền Thông Đại Học Fullerton tổ chức.

Khoảng 80 thính giả gồm các đồng nghiệp trong ngành truyền thông Việt ngữ hải ngoại, các phụ huynh và sinh viên, cùng một số thân hữu. Diễn giả chính trong buổi nói chuyện là Tiến sĩ Elizabeth Walker Mechling, Khoa Trưởng Phân Khoa Truyền Thông thuộc Đại học CSU Fullerton.

Bà Mechling nguyên là Phụ Tá Viện Trưởng Trường Đại Học CSU Hayward đã tốt nghiệp ngành truyền thông tại Đại Học Đường Temple và đã dạy môn tu từ học và tiếp thị tại các đại học Hayward và Davis. Bà cũng là tác giả của nhiều cuốn sách viết về ngành truyền thông.

Hai ông bà G.S. Fellow thuyết trình về ngành Quảng cáo và Giao tế trong khoa Truyền thông.

Tiến sĩ Lester nói về "Nghệ thuật nhiếp ảnh trong sinh hoạt báo chí."

Bà Elizabeth W. Mechling

Tiến sĩ Rimmer nói chuyện về "Truyền thông bá âm" (Broacast Communications).

Tiến sĩ Terry Hynes, Trưởng Ban Truyền Thông Điện Tử Đại học CSU Fullerton nói về lý thuyết thông tin.

Ký giả Jeffrey Brody nói về truyền thông phản ảnh qua tài liệu bằng hình ảnh.

Đại học Fullerton và báo *Người Việt* còn có dự án mở những khóa hội học về kỹ thuật tòa soạn và các phương tiện điện tử phục vụ truyền thông đại chúng (như máy xếp chữ điện toán cá nhân, máy lưu trữ âm thanh và hình ảnh v.v...).

Nhật báo *Người Việt*, ngày 15 tháng Chạp đã tổ chức ăn mừng (trong nội bộ) *kỷ niệm 15 năm*. Tưởng cũng cần nhắc lại, tờ *Người Việt* khởi đầu là một tuần báo, do ký giả **Đỗ Ngọc Yến** chủ trương. Sau tờ báo phát triển, với số cộng tác viên nay lên đến 40 người, là một nhật báo ra bảy số một tuần, mỗi số 12,000 ấn bản, phổ biến khắp vùng quận Cam. Tuy báo có một phụ trang Anh ngữ vào mỗi thứ Năm, nhằm phục vụ lớp độc giả trẻ không thông thạo tiếng Việt, *Người Việt* vẫn là tờ báo có độc giả đông nhất ở tuổi 40 trở lên.

Nhằm vào lứa tuổi 18, 20, mới đây có tờ *Horizons*, do **Huy Cao** làm chủ bút, là một bán nguyệt san viết bằng tiếng Anh.

Huy Cao cũng nhìn nhận rằng lớp người trẻ hiện nay cũng rất mong mỏi biết về nền văn hóa và những tập quán tốt đẹp của người Việt Nam. Anh nói "Chúng tôi rất cần biết đến Việt Nam cùng những truyền thống tốt đẹp của gốc gác. Nó làm cho những sắc dân khác nhìn chúng tôi với con mắt kính trọng hơn."

Đại học UCI và Văn hóa Việt Nam: Giáo sư **Phạm Cao Dương** trên bục giảng của Đại Học UC Irvine, một đại học nổi tiếng và có khá nhiều sinh viên Việt Nam theo học. Việc giảng dạy về văn hóa Việt Nam đã phải trải qua thời kỳ tranh đấu khá gay go mới có được, mà có cũng chưa xuông sẻ. Giáo sư Dương là giáo sư Việt Nam duy nhất dạy các môn này tại đây. Cho đến nay các sinh viên xin theo học các lớp của giáo sư Phạm Cao Dương rất đông. Họ phải ghi vào danh sách chờ. Trong hình, Giáo sư Dương đang nói chuyện với các môn đệ của ông về những kinh nghiệm của người Việt Nam trong việc gìn giữ văn hóa của mình và hài hòa trong việc chấp nhận các nền văn hóa khác. Nhưng sao Đại học UCI vẫn bắt các sinh viên phải chờ đợi mà không mở thêm các lớp tương tự về văn hóa Việt Nam? Gần đây, các sinh viên đã biểu tình đòi nhà trường mở lớp dạy về Việt học, nhưng chưa có kết quả.

Trong khi đó, cộng đồng Việt ở quận Cam cũng ghi nhận thiện chí của đại học UCI qua hai việc: thứ nhất, b.. viện trưởng đại học UCI đi thăm Little Saigon, một cử chỉ kết thân, mở đầu cho một giai đoạn tìm hiểu và hợp tác mới. Thứ hai, thư viện đại học UCI gia tăng nỗ lực phát triển **Văn Khố Đông Dương** (Southeast Asian Archive), được thành lập từ 1987. Giáo sư Phạm Cao Dương đã được bầu làm chủ tịch Hội Đồng Tư Vấn, gồm 15 người (Việt, Lào, Khmer), để giúp Văn Khố phát triển. Hội Đồng Tư Vấn kêu gọi các đồng hương Việt Nam ở khắp nơi hãy gửi về cho Văn Khố mọi loại tài liệu liên quan tới đời sống người Việt ở xứ người, suốt từ 1975 đến nay.■

TỪ NAFTA ĐẾN GATT

VŨ ÁNH

Trong buổi lễ ký kết sắc lệnh ban hành Hiệp định Mậu Dịch Tự Do Bắc Mỹ, gọi tắt là NAFTA, Tổng Thống Clinton đã nhắc lại quan điểm của Hoa Kỳ: "Con đường duy nhất để một nước giàu có phát triển hơn nữa là thông qua sự xuất cảng," và "Hiệp định lịch sử về mậu dịch thế giới trong tầm tay. Các cường quốc thương mại cần nắm lấy cơ hội này và hoàn tất cuộc thương lượng để có một thỏa hiệp về Thuế Quan và Mậu Dịch mạnh mẽ."

Thắng lợi về một thỏa hiệp quan trọng như thế từng là mối quan tâm hàng đầu của Hoa Kỳ. Sau thời gian chấm dứt chiến tranh, Hoa Kỳ đã lao tới ngay một mục tiêu khác, lớn lao hơn và quan trọng hơn NAFTA nhiều. Viễn tượng của một trật tự kinh tế thế giới có vẻ gần gũi hơn và được Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton mô tả như "một bước tiến quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại".

Thoả Hiệp Chung Về Thuế quan và Mậu Dịch (gọi tắt là GATT:General Agreement on Tariffs and Trade) là một loạt những quy định liên quan đến trật tự trong bối cảnh mậu dịch quốc tế. Ý kiến này thật ra đã có từ năm 1948, nhưng các nước chưa bao giờ đạt tới được một thỏa thuận chung cả. Năm 1986, hơn 100 quốc gia liên quan đã khởi sự những nỗ lực mới để tiến tới một thỏa hiệp chung hay ít nhất cũng thoả thuận với nhau được về một số những nguyên tắc căn bản qui định một trật tự mới về nhập cảng và xuất cảng giữa các quốc gia.

Những cuộc thương lượng được gọi bằng tên của một quốc gia tại Trung Mỹ vì vòng đàm phán quyết liệt nhất khởi đi từ Montevideo, thủ đô của Uraguay. Đường lối bảo hộ mậu dịch bằng cách lập hàng rào thuế quan để ngăn chặn sự xâm nhập và cạnh tranh của hàng nước ngoài bây giờ trở thành một chánh sách lỗi thời và được mô tả như một biện pháp tự cô lập mình. Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ John Smith gọi sự cô lập đó là "hình thức phát triển trong chiếc quan tài" và là "nguyên nhân dẫn đến sự hỗn loạn và căng thẳng."

Tuy thế không ít những quốc gia trên thế giới ngày nay vẫn theo đuổi chính sách này một cách hăng hái. Họ cho rằng hàng rào thuế quan vẫn cần để bảo vệ sản xuất nông nghiệp và kỹ nghệ nội địa. Mexico đánh thuế tới 80% trên đồ phụ tùng xe hơi nhập cảng, vì cho rằng nếu không như vậy, các hãng xe ngoại quốc sẽ đè bẹp ngành kỹ nghệ xe hơi của mình và dân chúng mất công ăn việc làm. Nhật Bản và Nam Hàn đóng cửa thị trường lúa gạo để nông dân có thể sản xuất không bị ảnh hưởng bởi giá gạo nhập cảng thường hạ hơn giá gạo nội địa. Pháp lại áp dụng một biện pháp cạnh tranh bằng phương thức tài trợ cho các nông dân để gạo xuất cảng của Pháp vẫn bán với giá rẻ hơn.

Ngoài ra Âu châu còn cạnh tranh trong kỹ nghệ hàng không bằng cách trợ cấp cho các công ty sản xuất, để những máy bay của họ bán ra ngoài hạ hơn là giá máy bay của Hoa Kỳ. Chẳng hạn như hiện nay, giá một chiếc Airbus bán vào Hoa Kỳ chỉ bằng 2/3 giá một chiếc Boeing bán tại Đức.

Cả biện pháp tài trợ và biện pháp dùng hàng rào quan thuế đều chỉ đi vào con đường bế tắc và tạo ra những tranh chấp. Đã có lần, giới truyền thông Hoa Kỳ phải lên tiếng than phiền là nước Mỹ đã bị xâm lăng bởi những xe hơi Nhật Bản. Chính phủ Nhật Bản đã nhiều lần điều chỉnh thuế suất dành cho những chiếc xe bán vào Hoa Kỳ. Xe Nhật rẻ hơn, đẹp và tiết kiệm nhiên liệu hơn so với xe Mỹ. Chỉ riêng việc xuất nhập cảng xe hơi đã tạo ra tranh luận và gây căng thẳng trong mối liên hệ kinh tế giữa hai quốc gia suốt trong hơn ba thập niên.

Thế giới trải qua những cuộc chiến tranh nóng, rồi chiến tranh lạnh. Có lẽ trong tất cả các giai đoạn của cuộc chiến tranh này, các quốc gia giao thương không chú ý đến những điều không công bằng trong cách buôn bán với nhau. Nhưng trong thời kỳ hòa hoãn của giai đoạn sau khi Liên Xô sụp đổ, những xung đột đông tây về chính trị không còn là một bất quái trận đồ để che giấu những điều không sòng phẳng trong mậu dịch quốc tế nữa. Rõ ràng giải quyết được những xung đột mậu dịch, thế giới có thể bước vào một giai đoạn sống có trật tự hơn.

Nhưng liệu 116 quốc gia hội viên của GATT có thỏa thuận được với nhau về những nhượng bộ cần có để tiến tới được một số những thỏa thuận căn bản không? Thời hạn 15-12-1993 là cái mốc và trong vòng đàm phán Uraguay, nhiều quốc gia biểu lộ một thái độ tích cực. Tin tức tổng hợp từ Geneve cho biết Đại diện Thương Mại Hoa Kỳ, Mickey Kantor, đã mệt nhoài sau cuộc thảo luận kéo dài liên tiếp 23 tiếng đồng hồ với đại diện của Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu và

đại diện của các quốc gia khác bắt đầu vào ngày 6-12. Ông tuyên bố rằng những cuộc thương lượng khó khăn đã đi gần đến những thoả thuận toàn bộ. Có hai vấn đề mà Hoa Kỳ và Âu châu khó đạt những thoả thuận nhất. Đó là trợ cấp xuất cảng gạo và trợ cấp chế tạo máy bay. Hoa Kỳ giữ một thái độ tương đối ôn hoà khi Kantor đề nghị việc chấm dứt trợ cấp xuất cảng gạo được thực hiện từ từ để cho Âu châu có thể bán ra khoảng 8 triệu tấn gạo trong năm tới, đồng thời Hoa Kỳ có thể tiếp tục trợ cấp cho những nhà sản xuất gạo trong một thời hạn nhất định. Dường như đây chính là những điều kiện được diễn tả một cách tế nhị giữa đại diện Mỹ và các đại diện của cộng đồng kinh tế Âu châu. Riêng về cuộc thương lượng liên quan đến xuất cảng máy bay giữa Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu và Hoa Kỳ, các quan sát viên bên cạnh vòng đàm phán này nhìn nhận hy vọng rất mong manh cho đến khi khối Cộng Đồng Kinh Tế Âu châu có thể bán hết 200 chiếc Airbus cho các nước khách hàng.

Đại diện Nhật Bản nôn nóng hơn khi cho rằng Mỹ và Âu châu nên thoả thuận ngay vì Nhật Bản đã bỏ hàng rào quan thuế đối với xe hơi Mỹ mà chưa nhận được sự đáp ứng tương xứng, nhất là của Hoa Kỳ. Dĩ nhiên các nước bày tỏ sự thất vọng mạnh mẽ nhất vẫn là các quốc gia đang phát triển, nơi mà sự xuất cảng còn giới hạn. Đại diện của Nam Hàn, Hun Shin Haeng, tuyên bố: "Chúng tôi không thể chấp nhận cho nhập cảng gạo ít nhất là cho tới bây giờ." Hai nước chống lại việc nhập cảng gạo mạnh mẽ nhất là Nhật và Nam Hàn. Riêng Nhật đã chuẩn bị cho việc để gạo nước ngoài được bán vào Nhật.

Hiển nhiên trong tình hình hiện nay, những dàn xếp để có được một trật tự trong cạnh tranh trên thế giới là những nỗ lực không ngừng nghỉ. Cuộc chiến kinh tế là một cuộc chiến dễ gây những hỗn loạn nhất vì trước mắt không ai có thể nhìn thấy máu đổ, người chết. Trong trận chiến này, cảnh lấy thịt đè người là điều phổ biến hơn là chiến tranh súng đạn. Chẳng hạn như các nước phát triển gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản và Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu đã chiếm 65% tổng giá trị hàng hoá xuất cảng và 63% hàng nhập cảng trên thế giới. Các nước khác chiếm 35% trị giá hàng xuất cảng và 37% hàng nhập cảng. Những tỷ lệ này cho thấy, nếu các nước kỹ nghệ phát triển cứ dùng mãi hàng rào thuế quan như một biện pháp tự vệ, hàng hoá của họ sẽ chẳng bán được và dẫn tới sự bế tắc trong thị trường các nước đang phát triển.

Sau hơn một thập niên không tìm ra lối thoát, lần đầu tiên trong lịch sử GATT đã có những sự thay đổi, do những nỗ lực thương thuyết đều đặn và khuynh hướng mới trong việc chia sẻ chiếc bánh mì của toàn thế giới. Người ta chưa vội lạc quan như ông Mickey Kantor khi cho rằng tất cả hạng mục trong cuộc thương thuyết đã đi đến thoả thuận. Trong tám đề tài lớn được đem lên bàn họp như nông nghiệp, kỹ nghệ chế tạo máy bay, kỹ nghệ xe hơi, ngân hàng, dược phẩm, kỹ nghệ giải trí, nhiên liệu, các sản phẩm kỹ thuật cao...chưa một biện pháp nào đạt được những thoả thuận 100% so với đề nghị lúc ban đầu. Nhưng cũng chưa bao giờ trong lịch sử của Hiệp Định Mậu Dịch và Thuế quan có được những thỏa thuận căn bản cho thấy các nước ngày nay không còn coi trật tự kinh tế mới là một luận án chính trị học nữa.■

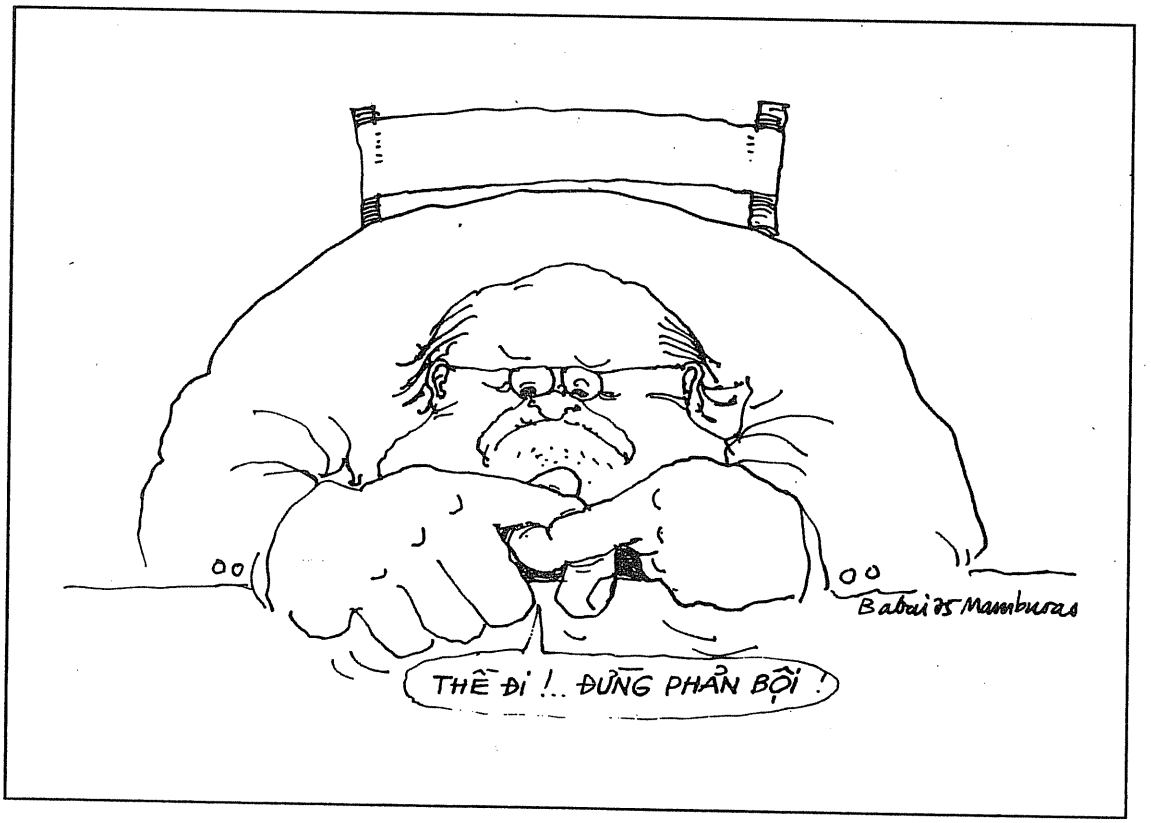

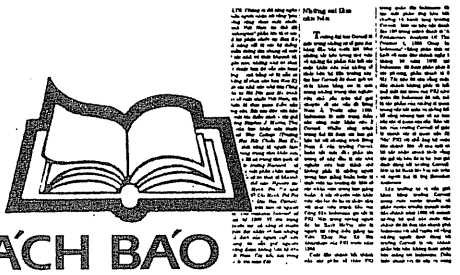

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

SÁCH

LỐI CŨ CHẲNG SAO QUÊN, tuyển tập Ký của BÍCH HUYỀN. Nhà xuất bản Le's Media 1993, dày 224 trang, giá 12 Mỹ Kim.

Bích Huyền là bút hiệu của Phạm Thị Nga, một cựu nữ sinh Trưng Vương, quả phụ cố trung tá Nguyễn Quang Hưng. Ông Hưng nguyên là Tham mưu trưởng trường Chiến Tranh Chính Trị Dalat, mất trong trại tù cải tạo ở Vĩnh Phú năm 1979. Bích Huyền trước 1975 dạy học ở Saigon, nay viết báo tại Nam California.

Phải có những dòng giới thiệu "thân thế" tác giả như trên mới hiểu được nội dung những bài Ký trong tuyển tập "Lối cũ..."

Với thể văn *Ký*, những câu chuyện được kể trong "Lối cũ..." là những chuyện thật, với nhân danh địa danh chính xác, nhưng có những tình tiết độc đáo, những yếu tố gây xúc động, khiến cho truyện kể có văn. Văn của Bích Huyền giản dị, trong sáng, đôi chỗ còn bóng dáng "học trò," nhưng toàn tập là một đóng góp cho văn học.

Đặc biệt, cuốn sách được rất nhiều nhà văn nhà báo ưu ái giới thiệu: Nguyễn Ngọc Ngạn viết tựa, Huy Phương, Bùi Bích Hà, Nguyễn Xuân Hoàng và 12 người khác viết bạt.

Liên lạc: LE'S MEDIA
13602 Ibbetson Ave., Bellflower, CA 90706 - 2518 USA * ĐT & Fax: (310) 925-7660

BỐN MƯƠI NĂM THƠ VIỆT NAM 1945-1985, của THI VŨ. Quê mẹ (Paris) xuất bản 1993. Dày 512 trang, không đề giá.

Theo "Lời Tựa," tác giả cho biết đây là tập Hai trong Bốn tập của bộ sách này. Với tiểu tựa sách là "Thi tưởng và thi tuyển," soạn giả Thi Vũ (cũng là một thi nhân) giới thiệu tiểu sử, nhận định về con người và tác phẩm của những nhà thơ Việt Nam, trải qua bốn thời kỳ văn học (1945-54; 54-63; 63-75 và 75-85). Sau mỗi bài nhận định là một số bài thơ (tiêu biểu?) của một tác giả.

Ảnh và thủ bút của các thi nhân là một phần tài liệu quý cho người nghiên cứu — và khách yêu thơ. Những phóng ảnh thư từ cho thấy giữa các nhà thơ được giới thiệu trong tuyển tập và soạn giả Thi Vũ có mối giao tình văn nghệ tốt đẹp.

Một cuốn sách đẹp — từ hình thức tới nội dung.

Liên lạc: Quê Mẹ
25 rue Jaffreux, 92230 Gennevilliers - FRANCE
ĐT (1) 47.93.10.81 * Fax (1) 47.91.41.38

THA HƯƠNG MƯỜI TÁM NĂM, SẦU CÓ AI?, tập thơ của DƯƠNG HUỆ ANH, Phương Đông xuất bản 1993. Sách dày 130 trang, giá 10 Mỹ Kim.

Với 48 bài thơ, thi tập này ví như một thiên bút ký bằng văn vần về đời sống một người Việt tị nạn tại Mỹ. Tác giả viết dễ dàng, nhiều câu trôi xuôi như văn nói thường ngày, và cách gieo vần, cấu tứ nặng tính chất thơ cổ điển.

Một nửa cuốn sách được dành cho những bài góp ý, hoặc tán tụng, của các văn nhân, thi sĩ, và cả các nhà hoạt động chính trị, thân hữu của tác giả.

Ở tuổi trên 60, tác giả tỏ ra sung mãn trong sáng tác, vì không kể hai cuốn sách đầu ông cho ra đời từ thập niên 50, chỉ từ 1991 đến nay, ông đã in bốn tập thơ! Và dự trù in tiếp... sáu cuốn (vừa thơ vừa biên khảo) nữa.

Liên lạc: Triều Đông
1923 Mt. Pleasant Rd., San Jose, CA 95148
(408) 223-1983

KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN, tập truyện của ĐỖ KH., Hồng Lĩnh xuất bản 1993, dày 164 trang, giá 10 Mỹ Kim. (*Thế Kỷ 21* đã giới thiệu hai bài *Tựa* và *Bạt* của tập này, trên số 54, tháng Mười 1993).

Với tám truyện ngắn viết rải rác từ nhiều năm trước, tập sách tương đối mỏng vẫn có một không khí riêng, rất "Đỗ Kh." — đúng như Nguyễn Xuân Hoàng nhận xét: "Đỗ Kh. góp thêm vào văn học Việt Nam một tiếng nói mới, một hơi thở mới, một loại nhân vật mới..."

Cái mới của Đỗ Kh. không những nằm trong cách viết, cách dùng chữ, mà còn ở những chi tiết rất thực phóng chiếu từ đời sống bản thân tác giả — một người đi nhiều, sống ở những vùng khí hậu khác nhau (khí hậu thiên nhiên cũng như khí hậu văn hóa), thực sự khai phóng trong tư tưởng — đến độ người đọc khó tính có thể coi Đỗ Kh. là người phóng túng hay khinh bạc. Chẳng thế, ông đã không kết thúc bài *Tựa* bằng một câu "xanh dờn": "*với lại, không có sách, lấy gì châm cứu?*"

Trước khi "châm cứu," chắc hẳn phải đọc xong đã!

Liên lạc: Hồng Lĩnh
9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 USA
ĐT (714) 531-7223 * Fax (714) 531-1107

VẺ VANG DÂN VIỆT, tuyển tập II, của soạn giả TRỌNG MINH, tủ sách VVDV xuất bản 1993, dày 700 trang (cả hai phần tiếng Việt và tiếng Anh), giá 32 Mỹ Kim.

Cuốn sách là một tập hợp những bài sưu tầm thành tích một số người Việt Nam ở hải ngoại "nổi bật" nhờ việc học hay việc làm của họ, trong nhiều lãnh vực khác nhau, ở nhiều nơi trên thế giới.

Theo nội dung một cuộc phỏng vấn của ban Việt Ngữ đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (23-2-1992), soạn giả Trọng Minh "không biết xếp cuốn sách (VVDV) vào loại nào," mặc dù nó có dáng dấp của một cuốn *Tiểu sử Nhân vật (Who's who)*. Ông dựa theo các bản tin báo chí nói về một cá nhân xuất sắc nào đó, tìm hiểu thêm về đời sống cá nhân, gia đình, học đường và xã hội, rồi viết thành một bài, hoặc in lại nguyên văn bài báo đó.

Với những bổ sung và tu chỉnh, VVDV từ cuốn I tới cuốn II đã có những cải tiến và trở thành một bộ sách tham khảo "nhân vật chí," trong một chừng mực nhất định, có ích cho những người nghiên cứu, nhất là những người làm báo.

Liên lạc: VŨ TRỌNG CHẤT
5101 Cambridge Ave., Westminster, CA 92683
(714) 531-4177

TUỔI THƠ NGÂY, tuyển tập ca khúc, và **NHÀ MA**, tuyển tập thơ, của PHẠM VĂN HẢI, tác giả xuất bản 1993 và 1992. Tập nhạc dày 36 trang (khổ lớn), giá 8 Mỹ Kim, tập thơ dày 132 trang, giá 10 Mỹ Kim.

Trùng tên với nhà văn, nhà ngữ học Phạm Văn Hải (bút hiệu Hải Vân), tác giả tập nhạc và tập thơ nói trên lại là một bác sĩ y khoa, tốt nghiệp tại Hà Nội (những năm 1950?) và đang hành nghề tại Nam California.

Tập nhạc, thực ra là 17 bài thơ của Phạm Văn Hải, được năm nhạc sĩ phổ nhạc (An Thuyên, Hoàng Vân, Nguyễn Ánh Chí, Phú Ân, và Y Vân Trần Tấn Hậu).

Bác sĩ họ Phạm coi "làm thuốc là một nghề, làm thơ là một cái nghiệp." Bằng vào số lượng sản phẩm văn chương nghệ thuật mà ông đã trình làng, coi bộ cái "nghiệp" của ông nặng hơn cái "nghề." Ông đã viết và in thành sách, thành băng cát-xét, băng từ hình (vidéo) và đĩa gọn (compact disc), những bài thơ, vở kịch thơ và tuồng vọng cổ.

Liên lạc: Phạm Văn Hải MD
1840 W. 17th St., Santa Ana, CA 92706

NHỮNG MẢNH ĐỜI CHẮP VÁ, tập truyện của SĨ LIÊM, Miệt Vườn xuất bản 1993. Sách dày 228 trang, giá 12 Mỹ Kim.

Qua chín truyện ngắn không mang một chủ đề chung, ngay đến không gian và thời gian cũng rải ra rất rộng, rất tản mạn, tác giả đã chọn đúng cái tựa cho cả tập "Những *mảnh* đời *chắp vá*." (*Chắp* vá, nói là sai chính tả cũng được, nói là phản ánh đúng cách phát âm của người miền Nam cũng được. Theo từ điển, phải viết là *chắp* vá).

Giống như phần lớn các nhà văn miền Nam, Sĩ Liêm viết văn như nói chuyện. Đặc điểm đó chính là cái "duyên" trong văn anh. Nhất là văn đối thoại — một loại khó viết, vì chỉ qua câu nói của nhân vật, người đọc thấy hiện ra cả tình, cả cảnh và cả những diễn biến của cốt truyện.

Trong điều kiện sống (tại Pháp) hiện tại, Sĩ Liêm viết để thỏa mãn một nhu cầu tâm lý, chứ không như thân phụ anh (nhà văn Sĩ Trung) đã lấy việc viết văn, viết báo làm nghề tay mặt. Nhưng anh cũng có khả năng theo gót được cha, nếu so sánh tỉ lệ thì giờ anh dành cho viết lách và số lượng truyện ngắn, truyện dài anh sản xuất được từ ít lâu nay. Năm 1992, anh đã in tập truyện "Tình Nghĩa Thầy Trò," và đang chuẩn bị cho nhiều tập thơ, tập truyện và truyện dài khác ra đời dưới dạng sách (vì thơ và truyện của anh đã xuất hiện rất nhiều trên các báo Việt ngữ hải ngoại).

Liên lạc: Miệt Vườn
P.O. Box 25321 - Winston-Salem NC 27114-5321

KIẾN THIẾT VIỆT NAM TƯƠNG LAI: KINH TẾ, CHÍNH TRỊ & GIÁO DỤC, của PHẠM VIẾT CHƯƠNG và NGUYỄN VIẾT HỒNG, nhà xuất bản Việt Phong 1993. Sách dày 280 trang, không đề giá.

Đây là tuyển tập một số bài viết của hai tác giả, về các nan đề lớn của người Việt nói chung (cả trong lẫn ngoài nước).

Sách không có phần giới thiệu tác giả, nhưng qua văn phong, bút pháp và phần "tài liệu tham khảo," người đọc có cảm tưởng đây là hai người trẻ, được đào tạo từ các trường đại học Hoa Kỳ, tha thiết tìm về nguồn (qua những sách tiếng Việt mà họ đọc), và nuôi chí xây dựng một đất nước Việt Nam hùng mạnh, phú cường.

Chỉ tiếc một điều, những câu, những chữ mà các tác giả thâu thái từ "thiên kinh vạn quyển" chưa qua hết quá trình chuyển hóa, nên nhiều chỗ trở nên khó hiểu đối với người đọc bình thường.

Hãy lấy một thí dụ, trích từ ngay câu mở đầu của "Thay Lời Phi Lộ": "Trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên 2000, các chu kỳ biện chứng dịch lý đồng chiều, hỗ tương và cộng hưởng nhưng khác chu kỳ và khởi điểm của sinh hoạt chính trị, kinh tế và giáo dục của những dân tộc trên thế giới nối tiếp nhau hoàn tất để bắt đầu những chu kỳ vận hành và thăng hoa kế tiếp của xã hội nhân quần." Trong số 68 chữ, đã có 43 từ Hán Việt, và chứa đựng một khẳng định gây ngỡ ngàng: Phải chăng chỉ kể từ "kỷ nguyên 2000, các chu kỳ (...)" mới "nối tiếp nhau hoàn tất để bắt đầu những chu kỳ vận hành và thăng hoa kế tiếp (...)"?

Liên lạc: Thiên Nga - 2929 A. Milam St.,
Houston, TX 77006 * (713) 520-8013

TRẠM NGHỈ CHÂN, truyện của TRƯƠNG ANH THỤY, nhà xuất bản Cành Nam 1993. Sách dày 200 trang, giá 10 Mỹ Kim.

TRẠM NGHỈ CHÂN là cuốn 1 trong bộ trường thiên CHUYỂN MÙA, mà tác giả "không biết sẽ gồm bao nhiêu cuốn." Vì ngay cuốn sách 200 trang này cũng phát xuất từ một truyện ngắn, "nhằm mô tả hoàn cảnh khác nhau của những mẫu người Việt điển hình sống tại hải ngoại (...)" — ngòi bút tự khai triển mạch truyện để trở thành truyện dài.

Tác giả Trương Anh Thụy là một nhà giáo, một nhà hoạt động xã hội (hiện là Chủ tịch Ủy ban Cứu người Vượt biển) và nhà hoạt động văn hóa (chủ trương nhà xuất bản Cành Nam, đã có tác phẩm xuất bản, như tập thơ *Của Mưa Giữ Nắng*, tập trường thi *Trường Ca Lời Mẹ Ru*, và đã từng giữ chức phó Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 1991-93).

Văn phong họ Trương hiện lên nét đôn hậu, nhân bản. Cốt truyện giản dị, không khúc mắc, éo le, nhưng vẫn cuốn hút người đọc. Đặc biệt, về đề tài, bà khai phá một hướng mới, rất gần với thời sự, và sẽ là xu hướng của đời sống người Việt ít ra là một vài thập niên trước mặt: cuộc tình của một "Việt Kiều" (người Việt tị nạn Cộng Sản) ở Mỹ, với một sinh viên Hà Nội du học Mỹ.

Nhiều vấn đề "gai góc" của cộng đồng được tác giả khéo léo lồng vào những tình huống tiểu thuyết, để lý giải và đưa ra những giải pháp đề nghị mà

"không hề có một tiếng súng nổ."

Liên lạc: Cành Nam
2607 Military Rd., Arlington, VA 22207
(703) 525-4538

TỪ KHÁM LỚN... TỚI CÔN ĐẢO, hồi ký của AN KHÊ. Làng Văn xuất bản 1993. Sách dày 224 trang, giá 11 Mỹ Kim.

Tiểu tựa của tập sách ghi: "Hồi ký lao tù của một chiến sĩ cách mạng quốc gia." Với tiểu tựa này, tác giả đã tóm tắt đầy đủ nội dung cuốn sách. Nhưng phải đọc, để thấy những hoạt cảnh bi đát của đời tù, để ôn lại một vài trang sử cận đại và hiện đại của đất nước, để chia sẻ niềm đau của một con người trong nỗi đau chung của con người, và để thưởng thức văn tài của một người viết văn, làm báo chuyên nghiệp (đã xuất bản trên 250 tác phẩm, theo lời giới thiệu của Mạc Kinh, nguyên chủ nhiệm, chủ bút báo *Dân Chúng* 1957-70).

Với lối văn kể chuyện rủ rỉ, rù rì, với cách viết và cách dùng chữ giản dị, dễ hiểu của một nhà báo lão luyện, An Khê cho chúng ta sống lại cùng với ông những giờ phút kinh hoàng, khủng khiếp trong các nhà tù thực dân, mà nỗi thống khổ gieo xuống đầu tù không chỉ từ bọn cai tù, mà còn ở bạn đồng tù, và thậm chí từ con kiến, con gián...

Nhưng, từ những đau đớn tột cùng của đời tù, qua lời kể đằm thắm của An Khê, người đọc vẫn bắt gặp những tia sáng của tình thương, của nghĩa cả, lóe lên — dù thoáng chốc, cũng gieo ấn tượng mạnh trong tâm người đọc, để thấy ý nghĩa của cuộc sống nẩy mầm giữa tro tàn của hủy hoại có hệ thống.

Liên lạc: Làng Văn
P.O. Box 218, Station "U" - Toronto
ONT M8Z 5P1 - Canada * (905) 607-8010

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ CỦA MỘT CÔNG DÂN, tuyển tập văn và thơ của HÀ SĨ PHU. Phụ bản *Tin Nhà*, nhà xuất bản Tin, Paris, 1993. Sách dày 60 trang (khổ lớn), giá 6 Mỹ Kim.

Hà Sĩ Phu, tên thật là Nguyễn Xuân Tụ, sinh năm 1940 tại Hà Bắc, phó tiến sĩ Sinh học, từng làm việc tại Viện Khoa học Việt Nam, hiện... làm bia thuê, nuôi nấm, và bán quán, để sinh nhai.

Tập sách mỏng nói trên gồm ba bài viết lớn và một số giới thiệu, chú thích, dẫn giải, kèm thêm một phụ lục những thơ và câu đối đầy ắp tư tưởng.

Là người làm công tác khoa học, Hà Sĩ Phu trình bày vấn đề trong các bài viết của ông thật rành mạch, hợp lý (chữ miền Bắc quen dùng; lôgich). Nhưng không khô khan — vì đề cập những điều rất thực, rất sát với đời sống mỗi người Việt Nam.

Sở dĩ gọi "ba bài viết lớn," vì những bài đó đã và đang gây tiếng vang lớn, rất lớn, cả ở trong lẫn ngoài nước. Điều trớ trêu là tiếng vang lớn, mà âm gốc để tạo ra tiếng vang đó lại ít được biết đến: những bài viết của ông không được xuất bản. Nếu có, cũng không đầy đủ. Người ta biết đến tên ông, và "nghe nói" đến những bài viết qua hàng... chục bài phê bình, đả kích đăng trên các báo (và sách nữa) ở trong nước.

Nhà xuất bản Tin ở Paris có công thu tập những bài đó, in thành tập sách, và đó là tập sách cần có, phải có, trong các tủ sách của mỗi gia đình người Việt còn ưu tư đến đất nước, dân tộc. Một đoạn giới thiệu cỏn con trên trang báo này không đủ nói hết những điều cần nói về Hà Sĩ Phu và những suy nghĩ của ông.

Liên lạc: (Ở Pháp) NXB Tin
54 Ave. Léon Blum, 92160 Antony
(Ở Mỹ) Thế Kỷ
P.O. Box 2054-H39 - Westminster, CA 92684

KỶ YẾU KHÓA HỘI THẢO 1993 VĂN HÓA VÀ LỊCH SỬ VIỆT NAM, do PHẠM PHÚ MINH chủ biên, VAALA xuất bản. Sách dày 80 trang, giá 5 Mỹ Kim.

Tập sách mỏng này gồm 11 bài, ghi chép theo lối tường thuật báo chí, những đề tài thảo luận trong khóa Hội Thảo về Văn học và lịch sử Việt Nam, tổ chức tại câu lạc bộ VAALA (tức trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), thị xã Westminster, California, từ 8-8 đến 7-11-1993.

Mười một đề tài, phần lớn là văn học, và hai bài về sử, một bài về hội họa và một bài về âm nhạc, đã được một số nhà văn, nhà báo và nhà giáo thuyết giảng — như Lưu Trung Khảo, Nguyễn Trung Quân, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Mộng Giác v.v...

Vì chỉ là những bài tường thuật nên tập sách không phải là một cuốn giáo khoa về văn sử, mà là một tài liệu giúp cho những người đã học qua sẽ nhớ thêm, và những người muốn tổ chức một khóa tương tự có thể rút kinh nghiệm.

Liên lạc: VAALA
14901 Moran St. Westminster, CA 92683
(714) 894-5630

BÁO

LÁ THƯ ĐÔNG ÂU, số 1/93, do Cơ Sở Liên Kết Người Việt Đông Âu xuất bản và phát hành.

Nhằm phổ biến ở trong nước (Việt Nam), *Lá Thư Đông Âu* in chữ rất nhỏ, trên khổ giấy nhỏ (nửa tờ giấy viết thư), trích thuật các bài báo đề cập các vấn đề và các giải pháp cho Việt Nam trên đường thực hiện tự do dân chủ.

Số 1/93 là số ra mắt của *LTĐÂ*, gồm 24 bài nghị luận, phê bình, tổng thuật, phỏng vấn, thư ngỏ, truyện ngắn, ký, thơ, tiểu phẩm... của nhiều tác giả Việt và quốc tế.

Báo không đề giá bán, nhưng nhận tiền hoặc tem giúp trang trải cước phí đóng gói gửi, mỗi số 3 Đức mã.

Liên lạ: Cơ Sở Liên Kết NV ĐÂ
Postfach 1241
91312 Hoechstadt/Aisch - Germany

ĐẶC SAN TRƯNG VƯƠNG — CHU VĂN AN 1994, do cựu học sinh các trường TV-CVA vùng Dallas FW thực hiện. Báo khổ magazine (8.5 x 11.5 ins), dày 120 trang, không đề giá bán.

Đặc san loại này (báo của các cựu học sinh trung học Việt Nam) thường có những "mẫu số chung" là: 1. dáng dấp học trò của hình thức và nội dung tờ báo; 2. một vùng đất đầy ắp hoài niệm của quá khứ;

3. những nét riêng tư mà "người ngoài" (học trường khác) không chia sẻ được.

Chúng ta đã được đọc "Nostalgie" (đặc san của cựu học sinh Marie Curie và Jean Jacques Rousseau), "Mê Linh," "Trưng Vương" (của CHS Trưng Vương), "Chu Văn An" (Bắc Cali, Nam Cali, Miền Đông HK, Paris, Canada..., của CHS Chu Văn An).

Đây là lần đầu tiên có sự "chung sức chung lòng" của hai nhóm TV và CVA (ở Dallas), với sự đóng góp bài vở của các cựu học sinh CVA và TV từ nhiều nơi. Một đặc điểm đáng chú ý của đặc san "đôi" này là một số trang dành cho "thế hệ thứ hai" (không phải của các CVA, TV nhỏ tuổi, mà là con của các cựu — đọc theo giọng miền Nam là "cụ" — học sinh CVA hoặc TV).

Tờ báo cũng đưa ra hai sáng kiến, với lời kêu gọi các CVA và TV bốn phương góp ý: 1. lập quỹ tái xây dựng hai trường trung học TV và CVA ở Việt Nam; 2. trao đổi để thiết lập một hệ thống thông tin điện tử, tiến tới sản xuất chung những tờ đặc san CVA, TV và các ấn phẩm khác.

Liên lạc: Lê Văn Ninh
3411 Shea CA - Arlington, TX 76014
(817) 784-9719

TIẾNG SÔNG HƯƠNG 1993, do Phương Anh Trang chủ biên, Dã Oanh thực hiện. Báo khổ magazine, dày hơn 140 trang, không đề giá bán.

Báo thuộc loại đặc san, mỗi năm ra một lần, tập hợp bài vở của những người sinh, sống ở Huế, hoặc các thân hữu. Ngoài những bài ký có tính ái hữu, hoài niệm, TSH có nhiều bài nghiên cứu công phu về cố đô Huế và triều Nguyễn.

Liên lạc: Tiếng Sông Hương
6730 Stitchter St., Dallas, TX 75230

SOUTHEAST ASIAN ARCHIVE NEWSLETTER, UCI, bộ 3, số 1, do Anne Frank chủ biên.

Bản tin bằng Anh ngữ, tuy mỏng và phổ biến giới hạn, nhưng rất cần thiết cho những ai muốn tìm tài liệu về người Việt định cư tại Mỹ.

SEA Archive (Văn Khố Đông Dương) là một cơ cấu nhỏ, rất nhỏ, thuộc thư viện trường đại học UC Irvine, miền Nam California. Hai giáo sư người Việt, trong số những người tham gia vận động thành lập Văn Khố, là GS Phạm Cao Dương (sử học), và BS Vũ Đình Minh (y khoa) đã góp nhiều công sức từ những ngày đầu, vào năm 1987.

Văn Khố lưu trữ mọi loại tài liệu (sách, báo, ảnh, phim, băng nhựa, v.v...) ghi dấu đời sống người Việt, Lào và Khmer, định cư trên đất Mỹ từ 1975.

Một Hội Đồng Cố Vấn, gồm hơn 10 người thuộc ba sắc tộc trên, với GS Phạm Cao Dương làm chủ tịch nhiệm kỳ 1993-94, đang làm việc để vận động các giới đồng hương gửi tài liệu về cho Văn Khố.

Liên lạc: Southeast Asian Archive
Room B65, UCI Library - P.O. Box 19557 -
Irvine, CA 92713 * (714) 856-4968 (Anne Frank)

Báo nhận được:

Trong tháng qua, TK 21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- Diễn Đàn, số 25, BP 50, 92340 Bourg-la-Reine, France.
- Người Dân, số 39, PO Box 2674, Costa Mesa CA 92628.
- Cánh Én, số 28, Lotharstr 2, 90431 Nurnberg, Germany.
- Sinh Hoạt Cộng Đồng, số 11/93, Carlos-Grethe Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- Văn Học, số 92, PO Box 1359 Garden Grove CA 92642-1359.
- Thế Giới Ngày Nay (Wichita), số 116, 410 W 21st St., Wichita KS 67203.
- Dân Chúa (Âu Châu), số 133, Pfizerstr 5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- Việt Luận, các số từ 842 đến 851. PO Box 99 Bankstown NSW 2200 Autralia.
- Dân Việt, các số 18, 19, 20. PO Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- Vietnam Press, số 6. PO Box 2454 - M8 Westminster CA 92683.
- Ngày Nay, số 288, 289, 3121 San Jacinto, Houston TX 77004.
- Hoa Sen, số 20. 12292 Magnolia St., Garden Grove CA 92641.
- Tia Sáng, số 22. Postfach 819, 12663 Berlin, Germany.

ĐẦU NON MÂY TRẮNG, băng thơ do Khánh Hà (không phải nữ ca sĩ Khánh Hà) thực hiện, cát-xét, không đề giá bán.

Với những bài thơ của Huệ Thu, Nguyên Sa, Vũ Hoàng Chương, Dương Huệ Anh, Vi Khuê, Việt Long, TTKH, Quang Dũng, Trần Vấn Lệ, Hoàng Anh Tuấn, Chu Toàn Chung, Huỳnh Tấn Thông, Hà Thượng Nhân và Yên Thao, qua các giọng ngâm của Khánh Hà, Đình Trung, Thanh Hương và Ngẫu Hồ, băng thơ là một món ăn tinh thần hợp khẩu vị của những người yêu thơ, thích lối ngâm thơ kiểu "Tao Đàn" ngày xưa.

Liên lạc: Khánh Hà
2008 Tobago Ave., San Jose, CA 95122
(408) 288-6648

BÈO GIẠT MÂY TRÔI, CD với tiếng hát NGUYỄN THÀNH VÂN, gồm sáu ca khúc Việt Nam (trong đó có hai bài dân ca), và bốn ca khúc Mỹ. Giá 12 Mỹ Kim.

Đây là CD thứ hai, sau "Tình Mong Manh," của ca sĩ trẻ Nguyễn Thành Vân. Tốt nghiệp về âm nhạc từ đại học Mỹ, là thành viên của ban Lạc Việt, từng góp tiếng trong nhiều buổi trình diễn nhạc thính phòng hoặc hợp xướng, Nguyễn Thành Vân thuộc loại ca sĩ hát "đúng tiêu chuẩn," nhưng không quá gò bó với những quy luật Tây phương. Anh rất thích hát dân ca Việt Nam, và hát rất "tới." Phần hòa âm trong CD "Bèo Giạt Mây Trôi" có nhiều nét mới, và lạ.

Liên lạc: Thế Kỷ
P.O. Box 2054-H39 - Westminster, CA 92684
(714) 894-9021

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: 714-531-7272

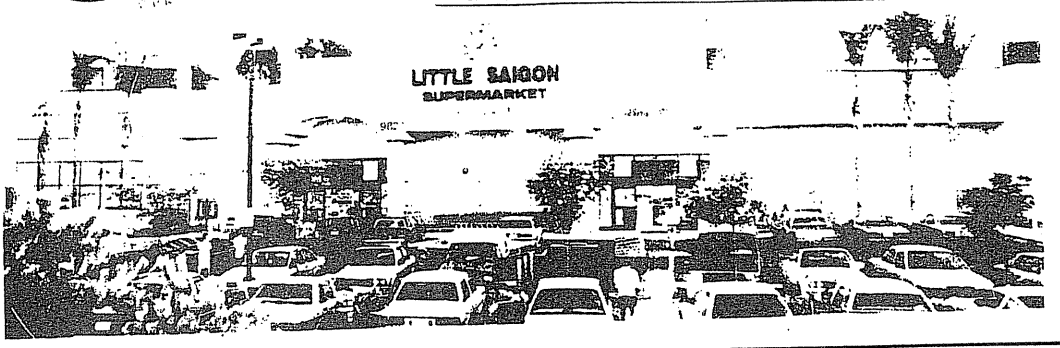

Chúc Mừng Năm Mới

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lotto LOTTO
DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- **Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.**
- **Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.**
- **Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.**
- **Kế hoạch hoá gia đình.**
- **Giải phẫu các bệnh phụ nữ.**
- **Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.**

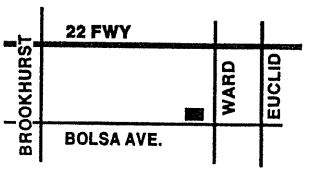

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

14901 MORAN ST. ◻ WESTMINSTER, CA 92683 ◻ TEL: (714) 894-5630 ◻ FAX: (714) 894-2752

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương, học thuật.
- Tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua văn học, nghệ thuật.
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hóa.
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ tự do, dân chủ.

Tham gia và ủng hộ
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

Giá: US $ 3.00